
Kinh Dược Sư

**Đường Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang
phụng chiếu phiên**

Thích Vĩnh Hoá dịch giảng

Báo Ân Tự
7509 Mooney Drive
Rosemead, CA 91770, USA.
Tel: (626) 280-2327
Fax: (626) 288-2182
Xuất bản lần thứ nhất
www.TinhDoDaiThua.org
www.BLI2PL.org

Contents Mục Lục

Tựa Phần	42
Chánh Phần	64
Phần Lưu thông.....	294

KINH DƯỢC SƯ

Đây là lần đầu tiên chúng tôi chọn Kinh Dược Sư để giảng dịch sang tiếng Việt. Tôi muốn dùng cơ hội này để chia sẻ thêm tư tưởng mới về pháp Dược Sư và gia tăng sự hiểu biết về các Pháp Đại Thừa. Tôi xin chân thành cảm tạ The Buddha Text Translation Society đã nhọc công dịch kinh sang tiếng Anh. Nhờ vậy, tôi đã có thể dùng được rất nhiều thuật ngữ mới làm tài liệu cho bài giảng này.

Độc giả chính của bản Kinh này là người thông thường. Nếu họ biết phát lòng tin và tu theo pháp môn này sẽ gặt hái được nhiều lợi ích. Nhưng pháp môn Dược Sư cũng có thể áp dụng cho bậc tu hành có trình độ cao. Nên chúng tôi cũng thêm nhiều khái niệm và từ ngữ khá chuyên môn. Vì vậy, càng đọc nhiều lần càng có cơ hội thấm nhuần triết lý thâm sâu của Kinh này.

Chúng ta rất may mắn được sống trong tình trạng “khi Đông gặp Tây”.

Tín ngưỡng Tây phương, như theo đạo Công Giáo hoặc đạo Hồi Giáo, chú trọng về tử sự “life after death” – những gì sẽ xảy ra sau khi chết, cuộc sống trong tương lai. Các tín ngưỡng Tây phương này chủ trương mong cầu được sinh vào cõi đáng Tạo hóa, tương tự như pháp môn vãng sanh của Phật giáo.

Ngược lại, những tôn giáo Đông phương, như Nho Giáo hoặc Đạo Giáo, chú trọng về cuộc sống hiện tại và khuyên nên sống cho có đạo đức. Ví dụ nhà Nho chủ trương: 1. Tu thân: tự cải thiện “improve oneself”, 2. Tề gia: làm tròn bổn phận với gia đình “rectify the family”, 3. Trị quốc: làm tròn

bổn phận với đất nước, và 4. Bình thiên hạ: công hiến cho thế giới.

Đức Phật Thích Ca đến cõi Ta Bà này để giúp chúng sinh giải quyết những vấn đề đời nay cũng như đời sau.

Ai muốn chuẩn bị cho đời sau thì có thể dùng pháp môn Tịnh độ.

Khi đắc Đạo, mỗi vị Phật tạo một loại Phật độ gọi là Tịnh độ để có thể tiếp nhận chúng sinh: giúp họ vãng sanh vào cõi Tịnh độ. Tịnh độ là một nơi rất lý tưởng cho chúng sinh. Nói một cách nôm na: sống ở cõi Tịnh độ sung sướng hơn cõi trời rất nhiều!

Một trong những đại Pháp mà Phật Thích Ca truyền là dựa vào nguyện lực của Đức Phật A Di Đà để vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc Tịnh độ của Ngài. Những người này có thật nhiều phước đức nên có thể sinh về cõi đó để hưởng lạc và tiếp tục tu hành.

Cõi Ta bà này là nơi bất tịnh và đầy bụi trần, dơ bẩn và cảm dỗ nên rất khó tu. Chúng sinh thường gặp muôn vạn sự khó khăn và phiền não. Ai ai cũng cần kiếm kế sinh nhai, khổ ngại trùng trùng. Nhưng ít ai tự hỏi là có đáng không? Người đời thường cam phận. Họ dày vò thể xác và tâm thần để đeo đuổi danh lợi và mong được hạnh phúc. Xét cho kỹ, qua kinh nghiệm của nhiều thế hệ loài người, đại đa số đều khám phá rằng cái mà họ tưởng là hạnh phúc đó thật sự là khổ nhiều vui ít.

KINH DƯỢC SƯ

Sự thật cõi Ta Bà này không đáng phải đắm mê. Ngay nếu sinh được lên cõi trời để hưởng lạc thì khi hết thiên phước cũng phải sẽ tiếp tục luân hồi. Ngược lại, nếu được vãng sanh thì sẽ thoát vòng luân hồi. Nhiều Phật tử hiểu được như thế nên phát tâm tu Pháp môn Tịnh độ để cầu vãng sanh. Được vãng sanh thì tức tức liễu sinh tử, đoạn phiền não và hưởng lạc.

Chúng ta chỉ cần trông đủ phước đức để được sanh vào cõi Tịnh độ. Đến đó tu hành chắc chắn sẽ đắc quả Phật trong một kiếp. Đây là một phương pháp để thoát vòng sanh tử luân hồi. Người bị luân quần trong sanh tử luân hồi, ba chìm bảy nổi hết kiếp này qua kiếp khác không được tự chủ – lúc thì được sanh vào cõi trời, lúc thì được làm người, xui xẻo thì bị đọa vào ác đạo (tam ác đồ: súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục). Sanh vào cõi trời thì thật sung sướng (hưởng phước trời) nhưng hết phước rồi cũng phải đọa. Làm người thì phải chịu cái khổ sanh lão bệnh tử. Dầu ở đâu, nếu tạo ác nghiệp thì sẽ bị đọa vào tam ác đồ. Kẻ bị đọa ác đạo phải chịu khổ sở triền miên, khó mong có ngày thoát.

Nhất là thời Mạt Pháp này, chúng sinh thiếu tự lực, nội tâm thì hay sợ sệt và lo âu, ngoại hạnh thì thiếu đạo đức và không biết trông phước, lại thích tạo nghiệp. Họ thiếu tự chủ: rất dễ bị ngoại cảnh cám dỗ và bạn xấu lôi cuốn. Lại thích ý lại vào người và thiếu khả năng tu luyện. Nên chư Phật Bồ Tát đều khuyên chúng ta nên cầu vãng sanh, nhất là về cõi Cực lạc của Ngài A Di Đà Phật.

Phật Thích Ca còn truyền bá pháp môn Dược Sư Phật. Người tu theo pháp môn này cũng sẽ được sanh về cõi Tịnh

độ của Dược Sư Lưu Ly Quang Phật hoặc A Di Đà Phật. Ưu điểm của pháp này ở chỗ có thể giúp chúng sinh giải quyết những khó khăn trong đời này.

Sau khi nghe tôi giảng về cái hay của việc vãng sanh về Cực Lạc quốc, rất nhiều người học trò tôi quyết tâm chuyên cần tu pháp môn Tịnh độ. Một số đến hỏi tôi tại sao lại đem giảng pháp Dược Sư. Tôi trả lời: từ bây giờ cho đến khi quý vị được vãng sanh, lỡ gặp nạn, lâm bệnh hoặc thiếu thốn thì sao? Pháp Dược Sư Phật có thể giúp chúng ta tiêu tai (nạn), tăng trưởng phước báu, chữa bệnh và diên thọ (kéo dài mạng sống).

Bên Trung Hoa, từ thời Đường (唐 AD 618-907) và Tống (北宋 AD 960-1127; 南宋 AD 1127-1276), hai pháp A Di Đà và Dược Sư rất thịnh hành và giúp vô lượng vô biên chúng sinh. Cho đến thời nay, Pháp A Di Đà còn rất thịnh hành. Ngược lại, pháp Ngài Dược Sư càng ngày càng ít người theo. Vì vậy chúng ta cần nên nghiên cứu và luyện pháp môn Dược Sư để khỏi bị thất truyền.

Từ khi phát tâm hồi phục lại pháp Dược Sư, chúng tôi đã gặp rất nhiều cảm ứng, nhất là về chuyện chữa bệnh với Pháp này.

Đạo Phật cho rằng bệnh tật phát sinh từ thân và tâm.

Thân bệnh có thể là do:

1. Bẩm sinh
2. Già cả
3. Mãn số.

Tâm bệnh phát sinh do:

1. Tham
2. Sân
3. Si.

Cách chữa bệnh tốt nhất là sửa thân và tâm cùng một lúc. Không thể chữa lành bệnh bằng cách “quick fix” qua loa sơ sài. Nếu không thì căn bệnh sẽ tái phát.

Chữa bệnh có thể dùng giải phẫu, thuốc men, châm cứu v.v... Nhưng đó chỉ là đối phó với triệu chứng (thân bệnh) mà chưa trị tận gốc. Muốn diệt trừ nguồn gốc của bệnh thì phải biết trị tâm bệnh.

Phổ Hiền Đại Bồ Tát có lần bảo Thiện Tài Đồng Tử lên núi hái tất cả dược thảo mang về. Thiện Tài trở về tay không. Bồ Tát hỏi tại sao. Thiện Tài đáp rằng có nhiều dược thảo quá. Cả núi đều là dược thảo. Làm sao đem về hết được? Phổ Hiền Bồ Tát bảo Thiện Tài trở lên núi hái những gì không phải là dược thảo (non-medicine). Lần này Thiện Tài cũng trở về tay không và bảo rằng các thứ không phải là dược cũng nhiều vô số không thể nào mang tất cả về được. Đây chứng minh rằng “vạn sự khởi từ tâm”. Dược thảo hay không tùy cách nhìn của mình.

Chữa bệnh có thể dùng hai loại dược: vật dược và pháp dược.

Vật dược là thuốc dược chế biến từ khoáng chất, thảo mộc, và sinh vật (nguyên liệu). Khi một liều thuốc dược chế biến

từ vật dược, người thầy thuốc cần phải ra toa (phương pháp). Theo toa có thể chế ra thành viên thuốc, thuốc nước v.v... làm tác nhân hóa học dùng điều trị bệnh chứng (thuốc).

Đại thừa có pháp dược để trị tâm bệnh. Nguyên liệu có thể tìm trong giáo lý (Tam tạng: Kinh, Luật và Luận). Phương pháp trị bệnh tùy loại Thừa (Vehicle) mà ra toa thuốc.

Thừa có thể được chia ra thành:

1. Năm loại: Nhân thừa, Thiên thừa, La Hán thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa;
2. Ba loại: La Hán thừa, Duyên Giác thừa, và Bồ Tát thừa;
3. Một loại: Phật Thừa.

Mỗi thừa có rất nhiều phương tiện để chữa bệnh. Pháp dược đặc biệt có Đà la ni “dharani”: thần chú. Đà la ni có nghĩa là phối hợp 總 và duy trì 持— phối hợp lại tất cả các pháp và duy trì nội dung sâu rộng. Ý nghĩa thứ hai của Đà la ni là che đậy 遮 và du trì 持— che lấp tất cả những căn bệnh hiểm ác và duy trì thiện pháp. Đà la ni là thần chú bí mật. Bí mật có liên quan đến ẩn, chú, và quán. Niệm thần chú nên bắt đúng ẩn và tư tưởng phải biết tập trung. Khi thân, khẩu, và tâm cùng hợp nhất trong lúc niệm thần chú tất sẽ có cảm ứng (đại diệu dụng 大妙用): được theo như ý nguyện, giải quyết sinh tử, tiêu tai hoạn nạn và tăng trưởng công đức.

Tiếp theo, chúng ta nên bàn về tên của kinh: **Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bản Nguyên Công Đức**.

Dược vừa giảng xong.

Kinh từ chữ Phạn nên có nhiều hàm nghĩa.

Kinh cũng có thể gọi là “quán 貫”: một chuỗi nối những giáo lý mà Đức Phật muốn dạy cho người nghe lúc Ngài thuyết Pháp.

Một ý nghĩa khác là “nhiếp 攝”: thu nhiếp những căn cơ đã chín.

Kinh cũng có nghĩa “thường 常”: không bao giờ thay đổi theo thời gian và không gian. Ngày xưa Đức Phật dạy giáo lý như vậy. Đức Phật ngày nay cũng giảng như vậy. Đức Phật tương lai cũng sẽ dạy như vậy. Nếu như chúng ta đi vào một cõi (thế giới) khác để học Đạo thì sẽ thấy giáo lý mỗi cõi đều giống nhau. Tại vì sao? Phật giáo là giáo lý về sự thật của Pháp Giới (vũ trụ). Chỉ có một sự thật nên không thay đổi.

Kinh cũng có nghĩa “Pháp 法”. Muốn luyện tập thành công thì phải áp dụng đúng phương pháp. Như người muốn luyện võ thì phải dụng công theo phương pháp nếu không ắt khó thành công.

Kinh còn có hàm ý “suối phun 湧泉”. Giáo lý Phật giáo

tuôn trào vô tận như nước suối phun.

Một nghĩa khác của kinh là “giây mực 繩墨”. Như người thợ mộc cần giấy mực để giữ cho thẳng hoặc tròn. Học kinh để biết phải trái và chánh tà, nếu không thì trật đường rầy mà không biết, lọt hố mà không hay.

Kinh cũng còn nghĩa “kính (con đường) 徑”: nên theo đường thì chóng đến mục đích (Niết Bàn).

Công đức là gì? “Công” là hạnh bên ngoài, như làm việc thiện, bố thí, lay Phật, in Kinh, khả năng chữa bệnh v.v... “Đức” là trạng thái trong nội tâm, cái đẹp và tốt ở trong mà không cần người khác thấy hoặc biết. Kẻ có công thì ai cũng thấy và biết được. Người có đức lại không muốn người khác biết. Bậc thánh nhân có “công thành đức viên” nên được thăng bằng. Có công mà không có đức thì khó đắc giải thoát: vì tâm còn tham cầu. Có đức mà không có công thì khó dạy chúng sinh: vì chúng sinh còn rất chấp tướng.

Sư nghĩa là thầy, là người có khả năng tùy thuận (accord) và hướng dẫn (guide). Ở đây, “sư” chỉ sự có kiến thức rộng về dược để có thể chữa bệnh cho người khác. Hoàng Đế Thần Nông 神農 của Trung Quốc nổi tiếng là thần y và được coi là vị tổ của Đông y. Ông ta tự ném thử cả trăm loại dược thảo để tìm hiệu đặc tính và phản ứng của chúng trước khi dùng làm thuốc. Nhờ vậy ông ta có kiến thức rộng lớn về dược thảo và đứng hàng đầu về dược sư trong nhân loại.

Trong vũ trụ này, Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật là sư phụ của cõi giới phàm thánh. Không có một loại bệnh nào mà Ngài không chữa được. Biết sư thì nên biết Phi Sư 非師. Phi Sư thường không biết mà khoác lác hoặc biết mà biết tầm bậy. Một loại phi sư rất tệ là tà sư: họ không tin vào luật nhân quả. Ai mà tin và theo họ chắc chắn sẽ mang họa đời nay và đọa đời sau.

Nguyện là động cơ rất quan trọng: có thể thúc đẩy chúng ta đến mục tiêu. Người thế gian gọi là chí 志. Có chí sẽ biết tận lực, không sờn lòng và không chịu bỏ cuộc. Bậc thánh nhân thì gọi là nguyện. Họ nguyện “thượng cầu Phật trí” (cầu phát huệ) để giúp người khác “hạ hoá mê tình” (giúp chúng sinh còn mê muội) chứ không phải để làm lợi ích cho cá nhân. Thánh nhân phát nguyện để tịnh tâm của họ.

Bốn nguyện chỉ về những nguyện Ngài Dược Sư Phật đã lập ra trong lúc tu Bồ tát hạnh. Ngài phát 12 Đại Nguyện (sẽ giảng sau) bao gồm tứ hoàng thề nguyện:

1. Chúng sinh vô biên thề nguyện độ (theo Khổ Đế)
2. Phiền não vô tận thề nguyện đoạn (theo Tập Đế)
3. Pháp môn vô lượng thề nguyện học (theo Đạo Đế)
4. Phật Đạo vô thượng thề nguyện chứng (theo Diệt Đế).

Tứ Diệu Đế gồm bốn loại:

1. Sinh/diệt 生,
2. Vô sinh 無生,

3. Vô lượng 無量,
4. Vô tác 無作.

Chư Phật dựa trên tính công đức 承性功德:

1. Bồn nguyện công đức
2. Vạn hạnh công đức.

Tại sao dựa vào tính công đức? Chư Phật phát khởi (lập nguyện) từ tính 依性而發 và dựa vào tính mà hành. Các vị Nhị Thừa và Bồ Tát trình độ còn thấp không thể nào thấu hiểu được cảnh giới này của chư Phật.

Lưu ly: một loại bảo trong suốt thanh tịnh và sáng cả trong lẫn ngoài; tượng trưng cho sự hiểu biết tất cả được thảo dùng trị bệnh. Đức Phật là đấng Đại Y Vương, tài chữa bệnh của Ngài vô song.

Quang: tượng trưng cho trí huệ chân chính, sự trong sạch hoàn hảo. Quang là ánh sáng chiếu sáng từ trong ra ngoài. Quang của Phật đặc biệt có thể biểu hiện được lý cầu Chơn Như.

- Ly Cầu: tức là xa lìa những cái nhớ bản. Nếu còn những cái nhớ bản thì không thể nào phát quang được.
- Chơn Như là Phật tính.

Như Lai: là một trong mười danh hiệu của đức Phật.

- “Như” biểu tượng cho pháp lý không biến đổi. Phật giáo dạy về sự thật. Sự thật bất biến: không thay đổi theo phong trào, khuynh hướng hoặc sở thích của

người nghe. Sự thật này không bị hạn chế bởi thời gian hoặc không gian.

- “Lai” là những hiện tượng của Chơn lý. Lai là ứng thân của Phật. Thuận theo Chơn lý, Dược Sư Phật biểu hiện thành Đạo. Phật Thích Ca tới đây truyền Pháp Dược Sư vì Phật biết chúng ta cần pháp này. Có pháp này thì tu dễ hơn.

Như Lai tượng trưng cho Pháp thân đức 法身德. Quang tượng trưng cho Bát Nhã đức 般若德. Dược tượng trưng cho Giải thoát đức 解脫德. Đó là bản về phương diện đức.

Theo phương diện đại, Như Lai cũng tượng trưng cho Đại thể 大體 (tất cả các pháp; Chân Như bình đẳng, không tăng không giảm). Quang tượng trưng đại tướng 大相 (đức Phật có đủ vô lượng các tính công đức 性功德). Dược tượng trưng cho đại dụng 大用 (có khả năng sinh tất cả thế gian và xuất thế thiện nhân quả).

Tam đức và tam đại tại trong nhất (một) tâm. Tam và nhất viên dung 圓融. Nên thật bất khả tư nghĩ!

10 lý do Phật truyền pháp môn Dược Sư:

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Ý niệm Phật 意念佛, hiện tại đương lai 現前當來 tất định kiến Phật 必定見佛”

THÍCH VĨNH HÓA dịch giảng

nghĩa là biết ý tưởng tới Phật thì đời nay cũng như đời sau nhất định sẽ thấy Phật. Vì vậy, nếu biết nhất tâm tụng hồng danh Ngài Dược Sư Phật, thì có thể nhập tri kiến của Ngài.

Hơn nữa có mười lý do đức Phật dạy pháp môn Dược Sư Phật:

- 1) Dạy về hồng danh, hạnh, nguyện và công đức của vị Phật này. Tất cả Phật đồng một thể, gồm có tam tâm: trực tâm, thâm tâm và đại bi tâm. Cái tướng của quý Ngài là hồng danh, hạnh, nguyện và đức. Từ vô lượng kiếp trước, các Ngài dựa hạnh trên bốn nguyện. Khi hạnh thành thực thì chứng Phật quả và đắc hồng danh. Đức Phật Thích Ca giảng kinh này để chúng sanh biết về Dược Sư Phật danh hiệu, hạnh, nguyện và đức, sanh lòng khâm phục, ao ước cũng được như Ngài và cầu vô thượng Bồ đề.
- 2) Làm lợi ích cho chúng sanh ở thời Tượng Pháp và Mạt Pháp. Dược Sư Phật có đủ loại pháp dược. Pháp môn Dược Sư có lợi như: a) kiến văn (thấy và nghe) tạo chủng tử giải thoát (nhờ nguyện lực của Ngài) b) khởi hạnh và chứng đắc: “hồng danh của ta chỉ qua nhĩ căn một lần, chúng bệnh sẽ tiêu trừ, thân tâm an lạc và rốt ráo thành Phật”.

Tượng pháp và Mạt Pháp là gì? Thời gian trong vòng 500 năm từ khi đức Phật nhập Niết Bàn là thời Chánh Pháp. Thời Chánh Pháp thịnh tu thiền định. Những người tu vào thời đó thành công rất lớn. Phần lớn đều chứng được tứ quả A La Hán trở lên.

Tu định lực cũng thịnh. Không có đủ định lực sẽ không phá nổi cái đang làm kẹt chúng ta. Người Thiện Trí Thức là người có thể dạy phương pháp tu định lực. Định lực rất quan trọng. Thiếu định lực không thể nào hiểu được pháp Đại Thừa.

Năm trăm năm tiếp theo là thời Tượng Pháp. Tượng Pháp là thời kỳ chúng sanh thích tu phước. Thời Chánh Pháp thì thích tu Định. Thời Tượng Pháp thì thích tu phước. Xây chùa cúng dường chư Tăng là một hình thức tu phước rất thịnh hành trong thời này.

10,000 năm tiếp theo gọi là thời kỳ Mạt Pháp. Lúc này không ai muốn tu nữa: đa số bị rất nhiều phiền não và chỉ thích đấu tranh nhau. Tuy vậy, chỉ cần một người thật sự tu chánh pháp là đủ rồi. Nếu có một người tu thiền định đắc quả A La Hán thì tức thời Mạt Pháp sẽ chuyển thành Chánh Pháp. Đây là việc mà Hòa Thượng Tuyên Hóa đã làm mấy chục năm nay. Ngài đem Phật Giáo Đại Thừa đến Mỹ Quốc. Ngài thu nhận đệ tử và huấn luyện cho họ tu. Nhiều vị đã chứng A La Hán và cao hơn. Từ năm 1960, Ngài Tuyên Hóa đã đem pháp Đại Thừa truyền cho rất nhiều đệ tử. Cho nên chúng ta đừng coi thường chuyện mình đang làm hiện nay. Chúng ta đang làm hưng thịnh lại Đại Pháp và Chánh Pháp.

- 3) Chuyển khổ nghiệp thành phước và lạc. Những chúng tử làm đọa tam ác thú sẽ gây ra vô lượng thống khổ. Dược sư pháp có khả năng diệt trừ những chúng tử khổ này. Hơn nữa, còn có thể tạo

phước nhân thiên. Đặc biệt là có thể giúp những kẻ phạm giới hồi phục thanh tịnh và tránh bị đọa.

Đức Phật biết chúng sanh rất thích làm bậy. Làm bậy tức là tạo nghiệp, chắc chắn sẽ lãnh quả khổ. Phạm phu không biết: khi tạo nghiệp là nhận hậu quả ngay lập tức, tội càng nặng càng khó tránh hậu quả khổ. Nên Đức Phật truyền pháp Dược Sư này để chuyển hướng, để đổi xấu thành tốt, xui thành hên, khổ thành lạc.

Những người thọ giới mà phạm giới thì sẽ bị đọa. Nếu biết nương tựa vào pháp môn Dược Sư hoặc các pháp môn sám hối khác thì ắt sẽ tìm lại được sự thanh tịnh. Làm sao mình biết có thanh tịnh? Có nhiều hiện tượng khác nhau để chứng minh. Chẳng hạn như thấy hoa nở, thấy cảnh giới lạ, thấy Phật hoặc Bồ Tát. Người thấy được những hiện tượng đó thì nghiệp chướng đã được tiêu tan.

Khi tu pháp môn này sẽ thấy có kết quả ngay lập tức. Làm sao biết được? Không cần phải biết, chỉ lo tu là được rồi. Đến lúc chúng tử thành thực thì tự nhiên sẽ hiểu. Nếu quý vị dám ngồi kiết già chịu trận, dù có đau chân cách mấy vẫn cứ ngồi thì mới có thể nhìn thấu được pháp này, bằng không thì không thể nào hiểu được. Người thầy chỉ đưa mình đến cửa thôi. Tự mình phải bước qua ngưỡng cửa thì mới biết được chân lý ở bên kia. Sự tuyệt vời bên kia ngưỡng cửa không có cách nào diễn tả được. Tự mình nhìn thấy mới hoàn toàn cảm nhận được. Tại

vì sao quý vị không thấy được sự nhiệm màu bên kia cửa? Không phải là tôi không muốn giúp. Tôi đã chỉ đường đi nhưng quý vị không chịu đi theo, không chịu nghe lời. Quý vị không chịu tự mình bước qua ngưỡng cửa đó thì Phật cũng không giúp quý vị được. Đã nói rồi; người thầy chỉ hướng dẫn đường đi đến cánh cửa thôi. Tự mình phải can đảm bước qua. Tự mình phải tu lấy. Thầy không thể tu dùm cho quý vị.

Hỏi: “Thưa thầy làm cách nào để tự chuyển khổ thành phước và lạc?”

Đáp: Có quá nhiều pháp môn nhưng không có thời giờ để giảng giải hết cho quý vị. Tôi xin cho một thí dụ. Tôi có một người đệ tử mà tôi cho biệt danh là “phiền não”; nói đúng hơn là “đại phiền não” hoặc “đầy phiền não”. Người này mỗi tuần gửi cho tôi hai ba cái email. “Thầy ơi con bị vấn đề này. Thầy ơi con bị vấn đề khác v.v...” Cuối cùng tôi không trả lời email nữa, chỉ cộc lốc trả lời: “có phiền não thì ráng chịu”. Không bao lâu sau, phiền não của cô ta tự nhiên biến mất hết. Đó là biết chuyển khổ thành phước qua cái nhẫn. Muốn giải quyết vấn đề thì cần phải uyển chuyển, biết kiên nhẫn chịu đựng thử thách và học cách lèo lái qua các trở ngại. Không thể giải quyết sớm hơn cũng không thể trễ hơn.

Có ba loại nhẫn:

1. Nhẫn bị chửi và hại. Bị người chỉ trích, chê bai hoặc hãm hại mà vẫn chịu đựng được và

- còn khuyên họ nên lợi tha.
2. Nhẫn khổ, lạnh, nóng, đói, khát v.v... mà không bỏ cuộc hoặc đổi hướng.
 3. Kiên nhẫn tu học giáo lý, quán các pháp và thâm nhập Chân Lý. Dùng hai pháp trước để đối với ngã chấp và pháp chấp.

Ví dụ thứ hai là câu chuyện xảy ra với Hoà Thượng Tuyên Hóa. Ngài có một người đệ tử tên là Hằng Thuận. Thầy Hằng Thuận là người Mỹ biết tiếng Hoa nên thường thông dịch cho Hoà Thượng Tuyên Hóa. Thầy Hằng Thuận lúc đó làm thị giả cho Hoà Thượng. Hồi đó, họ ở chùa Kim Sơn tại San Francisco. Trước đây, mỗi lần đến gần Hoà Thượng thì thầy Thuận cảm thấy khó chịu bất an và có cảm giác như thời gian rất dài. Một lần nọ, như thường lệ thầy Hằng Thuận bung mâm cơm trưa vào cho Hoà Thượng. Hoà Thượng lên tiếng hỏi “ai đó?” Thầy Hằng Thuận trả lời: “Con bung đồ ăn trưa cho Thầy dùng.” Sau khi đặt mâm cơm xuống, thầy Hằng Thuận xoay lưng đi ra. Thầy cứ tiếp tục mỗi ngày như vậy; đi vào phòng, đặt mâm cơm xuống, và bước ra. Hôm đó, thầy vừa bước ra thì Hoà Thượng Tuyên Hóa cầm mâm cơm quăng về phía thầy. Mâm cơm trúng vào cửa làm phát ra âm thanh thật lớn. Thức ăn văng tứ phía. Hoà Thượng hét lên một tiếng thật to làm thầy Hằng Thuận hết hồn cong giò chạy một mạch về phòng. Bình thường thầy đã sợ Hoà Thượng rồi. Lần này, Thầy ta về phòng đóng cửa lại, ngồi trong phòng, và bỏ luôn bữa ăn trưa hôm đó. Thầy sợ lộ mặt ra thì sẽ gặp Hoà

Thượng ở phòng ăn; sợ gặp nữa thì sẽ bị la nữa. Thầy trốn ở trong phòng thấy an toàn hơn. Không dám ra ngoài làm công phu chiều và công phu khuya cũng né luôn. Sau đó Hoà Thượng cho gọi Hằng Thuận... “Hằng Thuận đâu”? Thầy Hằng Thuận nghe tiếng gọi liên tục như vậy; sợ quá mới lên tiếng “Mô Phật, thưa Thầy con đây”. Hoà Thượng gọi thầy Hằng Thuận đến phòng. Thầy Hằng Thuận gom hết bao can đảm mới dám gõ cửa trước khi bước vào. Lúc đó Hoà Thượng từ tốn nhẹ nhàng hỏi thầy Hằng Thuận “Sao? Con sao rồi?” Thầy Hằng Thuận bật khóc, than van: “Con biết con sai. Xin Thầy tha thứ cho con!” Hoà Thượng bảo ”Không sao, đừng có lo, con biết tại sao buổi sáng thầy giận như vậy không? Đừng có lo, đừng có lo, bởi vì từ trước đến giờ có một con quỷ nhập trong người của con. Mỗi lần con đến gần thầy thì ánh sáng của thầy làm cho nó sợ. Vì vậy con mới nhút nhát sợ sệt khi gần thầy như vậy. Đó là bởi vì con quỷ đó quá sợ. Ngày hôm nay, thầy quăng mâm cơm nhịn không ăn trưa là để đuổi con quỷ đó đi ra khỏi người con. Thầy Hằng Thuận thốt lên “Đúng rồi, bỗng dưng tối hôm nay con không còn sợ Thầy như trước nữa.” Đó là pháp chuyển khổ thành lạc. Nó chỉ tích tắc trong một bữa ăn thôi.

Hỏi: Tại sao Ngài Tuyên Hoá đợi lâu đến như vậy mới chịu giúp cho đệ tử?

Đáp: Làm sao tôi hiểu được cách làm việc của bậc thánh nhân? Mỗi nhà thiện tri thức dùng một

phương tiện khác nhau để giúp đệ tử.

Phương tiện là phương pháp giúp người chuyển hóa tình trạng thành tốt đẹp hơn. Đổi bằng cách nào? Phương pháp đối trị từ Huệ mà thành. Huệ càng thâm sâu thì phương pháp giải quyết vấn đề càng nhiều. Người A La Hán có mười vạn phương pháp khác nhau. Hãy đoán thử xem Bồ Tát có bao nhiêu? Nếu quý vị không ngừng lại, không bỏ cuộc, cứ tiếp tục tu thì sẽ đắc được tám vạn bốn ngàn pháp môn khác nhau để giúp chuyển từ ác tà tới thiện và chánh. Pháp môn chính của ngoại đạo tà môn làm chúng ta mắc bẫy, mắc lưới. Tại sao nói tà đạo chuyên bẫy chúng sinh? Bởi vì họ không thể xả được, họ muốn chúng ta trở thành giống như họ, phục vụ cho họ. Đừng tưởng là tránh xa tà đạo là chuyện dễ dàng. Bởi vậy chúng ta cần phải thương xót cho những người đã bị mắc bẫy vì chính họ cũng không biết đang bị kẹt.

- 4) Cải tà/ác hướng chính/thiện. Chúng ta có thể dựa vào Dược sư Phật lực để thoát các lưới và bẫy của bọn thiên ma và ngoại đạo.

Hỏi: “Nhu thầy đã nói, chúng ta nên thương hại những người đang đi theo con đường tà đạo (người hỏi có người thân đang mê theo ngoại đạo). Vậy chúng ta có cách nào giúp họ không (người hỏi có người nhà bị tà đạo mê hoặc)?”

Đáp: “Tùy thuộc vào từng trường hợp. Mình phải tự

lo bản thân trước. Theo chủ trương tôi thì không nên giúp.

Như vậy có phải hơi thiếu từ bi hay không? Chẳng phải Phật giáo đề cao lòng từ bi sao? Những người đang đi theo con đường tà cảm thấy là họ đang sung sướng và đầy đủ. Chúng ta nên từ bi và để yên cho họ hưởng “phước”. Họ không cầu cứu và chẳng cần ai giúp. Tội tình gì mà chúng ta phải làm cho họ bị phiền phức và bực bội? Không ai kêu giúp mà tự động đi giúp tức là càng giúp càng sai. Khi nào người ta cầu cứu mà không cứu thì mới gọi là thiếu lòng từ bi.

Chuyên ác hướng thiện rất quan trọng vì đem lại phân biệt rõ ràng giữa Đại Thừa với Tiểu Thừa và ngoại đạo.

Pháp môn Tiểu Thừa đặc biệt là sẽ đưa người tu hành đến quả vị A La Hán đặng giải thoát và không còn bị kẹt vào phiền não chấp trước. Mức độ an lạc tăng cao tương đương với trình độ. Người phàm phu suốt đời mang gông cùm trên người để đi trên cuộc sống. Một khi đến được lãnh thổ của Sơ quả A La Hán thì sẽ nhẹ nhõm giống như vừa vứt xuống một mớ hành lý nặng nề. Nhị quả A La Hán có thể bỏ mớ lý lớn hơn và nặng hơn nữa nên họ càng sướng và càng lạc hơn. Đắc được quả vị Tứ quả A La Hán tức thời thấy được cái “không”. Trước đó cái “không” chỉ là sự tưởng tượng. Cảnh giới của bậc Tứ quả A La Hán rất là kỳ diệu, bất khả tư nghĩ,

khoái lạc không thể tưởng nên dễ bị kẹt trong cái sung sướng đó. Đến Sơ quả cũng giống như nấu cơm, muốn cơm chín thì phải đợi chờ đâu phải để gạo vô là thành cơm liền được. Cho nên Sơ quả A La Hán vẫn phải tiếp tục học để rồi từ từ phát triển khả năng. Hàng A La Hán vẫn cần được giúp. Nên các Bồ Tát phải giúp họ. Cái lạc và cái “không” của A La Hán còn rất nhỏ. Còn có những cái lạc khác lớn hơn và nhiều không thể tưởng tượng được, ngay A La Hán còn chưa thấy được.

- 5) Chuyển từ Tiểu Thừa/Quyền giáo hướng về Đại Thừa/Thật giáo. Tiểu Thừa chỉ là pháp phương tiện thôi, không phải là pháp rốt ráo như Đại thừa. Họ thường bị hãm kẹt trong “thiên không” và không dám “lợi bùn”: không màng trở lại thế gian để cứu độ chúng sinh.

Đại Thừa không từ bỏ ai hết, không từ bỏ những người thấp hèn, kém cỏi và cũng không từ bỏ những người ác trong xã hội. Như vậy Đại Thừa khác với Tiểu Thừa ở chỗ nào? Tu Tiểu Thừa mở được trí huệ xuất thế. Huệ đó rất eo hẹp, vì huệ này là tự giải thoát chứ không cứu được người khác. Vị A La Hán là tự giải thoát chứ không giúp được nhiều người khác. Họ không biết cách giúp người khác, vì pháp ấy chỉ có chừng đó thôi. Nhiều khi bậc A La Hán thấy người thân yêu khổ mà cũng đành chịu thôi vì không có pháp gì giúp họ cả. Đại Thừa mới có nhiều cách giúp hơn.

Lúc còn nhỏ tôi rất sợ rắn. Theo phản ứng tự nhiên, ai cũng coi việc giết rắn là tốt vì đó là giúp trừ cái nguy cho xã hội. Lúc nhỏ tôi còn ở Huế. Chung quanh sân nhà tôi có rất nhiều rắn. Ngày nọ, tôi thấy một anh thiếu niên đang giết một con rắn rất dài và rất to. Đó là con rắn độc vì nó có dấu khoanh tròn trên thân. Chàng thanh niên lấy chân đạp trên đầu con rắn và giết nó. Con rắn dẫy dựa rất đau đớn trước khi chết. Có rất nhiều người bao quanh, trầm trồ khen ngợi cậu thanh niên trẻ gan dạ đã giết chết con rắn độc. Người tu Đại Thừa thường không làm chuyện đó. Độc chúng cũng có quyền được sống. Chúng ta không có quyền giết hay diệt trừ kẻ khác. Người có huệ sẽ thấy con rắn độc có lý do để sống. Cũng như ma quỷ tới thăm, tại vì chúng ta mời nó tới, cho nên nó có quyền tới. Nếu có ma quỷ hay rắn độc đến, dùng cơ hội này để giúp nó. Có nhân duyên gặp nhau đâu phải là chuyện dễ. Nếu như mình kiếm cách giúp đỡ nó thì biết đâu có thể hóa giải oan trái từ nhiều kiếp trước?

- 6) Khởi nhân vị đắc Phật quả 起因位得佛果: bắt đầu cuộc hành trình Bồ Tát Đạo đến quả vị Phật. Pháp Dược Sư là pháp trồng nhân để trở thành Phật. Quá trình tu hành các vị Bồ Tát phải thông qua 54 quả vị mới thành Phật.

Pháp Dược Sư thể hiện bằng “tướng”. Cái tướng của Chư Phật thể hiện qua những từ ngữ, hạnh, nguyện, và công đức. Tu theo pháp dược sư sẽ thành Dược Sư Phật.

Hỏi: Khi tu thành Phật là Phật A Xúc Bệ hay là thành một vị Phật khác?

Đáp: Khi tu thành Phật sẽ có tam thân: pháp thân, hóa thân, và báo thân. Pháp thân là cùng với pháp thân của tất cả những vị Phật khác. Vì vậy khi thành Phật là thành cùng một pháp thân của những vị Phật khác. Tuy nhiên, Đức Phật Dược Sư là một hóa thân của pháp thân. Hóa thân của vị Phật này khác với hóa thân của các vị Phật khác. Do đó câu trả lời là khi tu sẽ thành một vị Phật khác. Thứ ba là báo thân tức là một thân khác. Chư Phật dùng báo thân để dạy các vị Bồ Tát, vì các vị Bồ Tát khó dạy lắm. Cũng như khi muốn dạy người, nhiều khi chúng ta phải hóa ra một người giàu, có tiền có bạc, có địa vị sang trọng. Lời nói của người có tiền có sức mạnh nhiều hơn, cho nên rất dễ dạy người khác, ai ai cũng tin theo. Có tiền mở cái chùa thiệt to thì tự động người ta đến. Ngược lại, dù có chùa bao to cũng chưa chắc gì Bồ Tát sẽ nể mặt tin lời. Cho nên muốn độ các Bồ Tát thì cần phải có báo thân. Báo thân tuyệt vời: có sức cuốn hút mãnh liệt. Các vị Bồ Tát nhìn là thấy mê liền. Vì vậy dùng báo thân mới dạy Bồ Tát được. Người thường như chúng ta do tham vật chất cho nên dễ bị dụ. Bồ Tát rất khó bị dụ cho nên Phật phải dùng đại thân thông để hóa ra báo thân. Không thể cảm lòng trước sắc đẹp của báo thân, Bồ Tát phải chịu khuất phục đi theo Phật. Thế mới nói Bồ Tát cũng có chỗ kẹt của Bồ Tát. Làm Phật cũng khổ thật vì phải tìm đủ muôn vạn phương

pháp để cứu độ từ chúng sanh cho đến Bồ Tát.

- 7) Trừ tam chướng ngại và tập khí. Không tu thì không sao cả. Một khi phát tâm tu hành thì bỗng nhiên chướng ngại nổi lên trùng trùng.

Tam chướng gồm nghiệp chướng 業障 (việc khó làm), báo chướng 報障 (trước thích cản trở người ta tu, nay phải trả lại quả báo đó) và phiền não chướng 煩惱障 (tự quyết định bỏ cuộc vì chịu đựng không nổi nữa). Tam chướng có thể cản trở việc hưởng khoái lạc trong cõi nhân thiên, và có thể thể hiện làm tập khí.

Tập khí là những tập tục thường tích tụ từ nhiều đời, như thói cờ bạc rượu chè. Ví dụ, nếu bị cản trở mà biết niệm Dược sư Phật thì sự khó khăn bỗng nhiên tiêu tan, nếu thường niệm Dược sư thần chú thì từ từ sẽ bớt nghiện rượu chè.

Nhìn hình tượng hoặc nghe danh hiệu của Dược Sư Như Lai cũng tạo được chủng tử để đắc giải thoát. Tiếp theo là tạo nhân duyên và yếu tố rồi bắt đầu thực hành. Thực hành từ từ thì sẽ tự động đạt được thực chứng. Dần dà sẽ có thể chuyển khổ nghiệp thành phước lạc.

Kẻ tạo nghiệp sẽ bị rơi vào tam ác đồ. Pháp Dược Sư sẽ diệt trừ nghịch cảnh và chủng tử gây ra khổ. Đây là cái khéo léo của Phật. Khi nói khổ thì không

ai tin là khô cả, chỉ nghĩ là mình sướng vì có nhà cao đất rộng, tiền bạc giàu có, vợ con đầy đủ, đâu có thiếu thốn gì mà gọi là khô? Quý vị có thật sự muốn sung sướng không? Nếu muốn thì nên đi tu. Đi tu có thể tạo nhân để được thăng lên trời còn sướng hơn nhiều. Các vinh hoa và phú quý ở thế gian không thể nào sánh bằng cái an lạc ở cõi trời. Không tin thì đi tu thử xem.

Người xuất gia không được ăn quá ngọ. Nhưng hiện nay, đa số người xuất gia đều ăn sau ngọ; có thể gọi là tập khí xấu. Nếu có nhân duyên gặp được nhà thiện tri thức khuyên bảo nên ăn trước ngọ thì nên nghe lời. Tập khí còn nguy hiểm hơn chướng ngại vì chướng ngại còn có tướng nên dễ nhận diện. Tập khí thì khó nhận diện có hại nên nó có thể kéo mình lọt đường rầy xe lửa một cách dễ dàng. Tập khí còn gọi là thói quen. Người bình thường thích lạc thú làm theo thói quen.

Làm sao phải biết chống lại tập khí? Thứ nhất phải hiểu và ý thức rằng tập khí đó không tốt. Một khi ý thức được rằng nó có hại mới hy vọng thay đổi được. Ví dụ như từ trước đến giờ bác sĩ gia đình khuyên nên ngủ từ 7-8 tiếng đồng hồ một ngày để giữ gìn sức khỏe. Đối với người tu hành thì lời khuyên đó là không đúng. Bởi vậy loại tập khí tham ngủ này rất là vi tế. Nó cứ khèo hoài. Nếu biết vững tâm chống lại thì không bao lâu nó sẽ biến mất.

Một ví dụ khác về tập khí là sự thành công. Thật ra,

cái mà quý vị cho là thành công chưa chắc là thành công. Cái mà người ta cho là thành công thường là sự háo thắng. Dùng danh từ thành công để miêu tả sự háo thắng, ngạo mạn của mình là một điều đáng sợ. Tâm háo thắng luôn muốn thắng người khác và không chịu thua hoặc nhường nhịn. Tâm ngạo mạn luôn tự cho mình hơn người khác. Người khôn ngoan nên biết sống dung hòa. Duy trì tâm háo thắng ngạo mạn chỉ là tự hại thôi.

Làm thế nào để giải tỏa phiền não? Người có phước càng nhiều thì phiền não càng ít. Hãy sử dụng phước đã tích tụ để tìm biện pháp thích đáng để tự giải quyết vấn đề.

Nếu như phiền não đó chuyển từ đời này qua đời khác thì sao?

Đức Phật có lần cùng với Ngài A Nan Đà đi ngang qua một hàng xá. Người bán đồ rất vui vẻ với nhiều người, mặc dầu họ không mua gì cả. Ngược lại, ông rất hần học cau có ngay đối với người đến mua hàng. Lấy làm lạ, Ngài A Nan Đà mới hỏi Đức Phật: “Tại sao khi có ít người mua mà ông ta lại lịch sự vui vẻ còn khi người đông mua nhiều thì ông lại cộc cằn cau có?” Đức Phật đáp: “Đời trước ông đó là một tội nhân. Trước khi bị chặt đầu, ông ta bị kéo ra trước công chúng để làm gương. Người mà ông hôm nay vui vẻ tiếp đón là những người đã từng thương cảm cho ông mang thân tội nhân trong tiền kiếp. Lúc đó, họ phát tâm thương hại cho người sắp

bị xử tử. Còn những người đã phỉ báng tội nhân lúc trước thì hôm nay ông chỉ miễn cưỡng tiếp đãi.”

Sự luyến ái giữa người đàn ông và người đàn bà có nguyên nhân từ kiếp trước. Ân ái kiếp này dẫn đến sự đòi hỏi ở kiếp sau. Làm sao bỏ được, phải không? Thiếu nợ còn biết bỏ trốn chứ ái ân lại thích truy cầu: đi tìm chủ nợ mà không biết!

Phiền não tích tụ từ nhiều kiếp thật là nợ. Muốn tránh thì cần tránh trồng nhân: đừng mượn, đừng tạo nghiệp.

8) Dạy tam quán.

i) Quán phương tiện: thông đạt được tự thể thật sự là Không nên có thể tiêu trừ nghiệp chướng (vừa nghiệp hữu vi hữu lậu cho đến cả nghiệp vô vi vô lậu).

ii) Quán vô lượng hạnh nguyện: phổ chiếu các hư tướng để phá tan báo chướng (của đoạn phần sinh tử cũng như biến dịch sinh tử).

Quán vô biên hạnh nguyện để ứng phó với từng cảnh giới khác nhau. Lập vô biên hạnh nguyện để giúp phổ chiếu những hư cảnh. Một khi thấy cảnh giới bên ngoài đều là hư ảo, đều là không, thì những báo chướng tức thời sẽ bị diệt. Tu theo Đại Thừa là tập quán xét bất cứ gì làm cũng chỉ là một phương tiện và cũng chỉ là không. Ngay cả lời tôi giảng

dạy hôm nay cũng nên xem là không.

- iii) Quán thâm thâm hạnh xứ 甚深行處觀 (quán trung đạo) mà tiêu trừ phiền não chướng: mê hoặc của thế gian và xuất thế gian (nội thế và ngoại thế; “hạnh xứ”). Vì tam quán được thực hiện do cùng một tâm, nên cả ba đều có thể đồng thời được đoạn cùng một lúc (“thâm thâm”).

Phiền não cần pháp Đại Thừa để diệt trừ vì nó có nhiều trình độ khác nhau. Năm nay quý vị nghe giảng pháp thấy có gì mới so với năm rồi không? Đại Thừa hay ở chỗ đó, khi nghe lần đầu hiểu một tí, nghe lần thứ nhì hiểu thêm một tí, nghe lần thứ ba hiểu thêm một tí nữa. Cứ mỗi lần nghe là mỗi lần hiểu thêm. Nó có nhiều tầng lớp khác nhau.

- 9) Khuyên niệm Phật để kiến tánh. Niệm Pháp thân Phật được gọi trong Kinh Quán là “thị tâm thị Phật 是心是佛 – tâm này là Phật”, tạo ra danh hiệu “Nhu Lai” ở trong bốn giác. Niệm ứng thân Phật được gọi trong Kinh Quán là “thị tâm tác Phật 是心作佛 – tâm này làm Phật”, tạo ra danh hiệu Ứng cúng ở trong thí giác. Niệm báo thân Phật, chúng ta đang tạo Chánh biến tri danh hiệu của Đại giác ngộ.

Niệm Phật tam muội còn được gọi là “kiến tính

thành Phật chân bí quyết 見性成佛真蜜訣”.

Hỏi: Khi niệm một danh hiệu Phật là niệm hết tất cả Phật, vậy hạnh nguyện của Phật khác nhau ở chỗ nào?

Đáp: Niệm một danh hiệu Phật là niệm hết tất cả Phật là vì đang niệm Pháp Thân Phật. Tất cả Phật đều có cùng một Pháp Thân. Mỗi Hoá Thân có hạnh nguyện khác và có cái dụng khác. Tịnh độ là pháp môn niệm danh hiệu chư Phật để mong được vãng sanh. Niệm danh hiệu A Di Đà Phật hay Dược Sư Phật có hiệu nghiệm khác nhau, tùy hoàn cảnh mà dùng. Nhưng lúc lâm chung tốt nhất nên niệm A Di Đà Phật. Niệm danh hiệu Dược Sư Như Lai thì có nhiều hữu ích trong lúc còn sống.

10) Khuyên vãng sanh về cõi Tịnh độ. Cõi Ta bà chúng ta thật ác, đầy khổ và rất ô ứ.

Đúng hay sai? Quý vị có tin không? Không tin thì đừng tắm gội nội trong ba ngày thử xem cơ thể có dơ bẩn hôi thúi không. Còn đau khổ thì sao? Ai nấy cũng phải bôn ba làm việc 5-6 ngày một tuần. Thế thì đời còn gì là vui vẻ nữa? Nhưng nếu không đi làm kiếm tiền thì được yên sao?

Ngược lại, Đông phương Lưu ly quang Tịnh độ của Dược Sư Phật thì thật thiện, đầy lạc và rất thanh tịnh. Không cần đi làm việc!

Cái đau khổ thì dễ rồi nhưng còn cái ác thì sao? Đòi người ai lại chưa từng chứng kiến qua cái ác báo, khổ sở, nhọc nhằn? Thế thì cuộc đời có gì là đáng sống và đáng luyến tiếc? Bởi vậy cho nên mình mới muốn vãng sanh. Vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc để hưởng lạc. Nơi đó toàn là lạc và không có khổ. Trở lại là chịu khổ còn vãng sinh mới thật sự là phước. Phước hay họa tự quý vị chọn lựa. Pháp môn Tịnh độ giúp chúng ta ý thức và giác ngộ được đâu là thật và đâu là giả. Về phương diện tu hành, lạc thú ở cõi Ta bà chỉ là tạm bợ thôi. Đất Tịnh độ mới thật sự là ngôi nhà hạnh phúc vĩnh cửu.

Cõi Ta bà này như khách sạn thôi, không nên ham lai vãng. Cõi Tịnh độ cũng như nhà chúng ta, nên mau trở về. Pháp môn Dược sư Phật rất thích hợp cho tất cả các căn cơ, không nên có hoài nghi.

Hoà Thượng Tuyên Hóa dạy thật là hay: “Những người trong gia đình thân thuộc bao gồm cha mẹ lẫn anh chị em là những người gần gũi mình nhất nhưng cũng như lũ khách qua đường dừng lại quán trọ tạm qua đêm. Sau khi nghỉ ngơi xong thì mọi người đều phải cất bước lên đường. Mỗi người phải đi một nẻo không hẹn ngày tái ngộ.”

Nếu vậy, thân tình chỉ là một chuyện một sáng một chiều mà thôi. Tại sao Đại Thừa lại đề cao hai chữ “hiếu thảo”? Chúng ta báo hiếu những ân huệ đã nhận được từ đấng sinh thành. Tuy chỉ hội họp trong một khoảng thời gian ngắn ngủi nhưng ân

nghĩa vẫn trường tồn. Đã nhận ơn của người thì phải báo ơn.

Hỏi: Trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái thì sao?

Đáp: Khi con trưởng thành, “đủ lông đủ cánh” thì tự do mà bay. Nhưng thường thì trong ánh mắt của cha mẹ, con cái lúc nào cũng vẫn hãy còn thơ.

Phật Thích Ca đem pháp môn Tịnh độ đến cõi Ta bà vì muốn đưa chúng sinh đến chỗ an toàn sau khi mạng chung. Vãng sanh là vấn đề sau này. Cuộc sống hiện tại có nhiều chuyện cần phải giải quyết. Pháp Dược Sư giúp mình giải quyết những vấn đề mình cần phải giải quyết trong cuộc đời này.

Đây là Đại Pháp nhưng tại sao ít người tu pháp này? Tại sao người đời nay chỉ thích niệm Bồ Tát Quan Âm hay Địa Tạng? Thứ nhất là vì nhiều người xuất gia như chúng tôi cũng không hiểu, nên cũng không thể nào giúp cho quý vị hiểu được. Thứ nhì là do tu không có hiệu quả: không hiểu nên không biết cách tu, không biết cách tu nên không có hiệu quả thành ra thường bỏ cuộc.

Có một thanh niên người Á châu độ mười tám tuổi, mới học xong trung học ở Mỹ. Dẫu chưa có việc làm, mà lại ở trong ngôi nhà riêng, có cô bồ người da trắng, lái chiếc xe Đức trị giá năm sáu mươi ngàn dollars. Hỏi tiền đâu ra? Có người nói cậu ta bán thuốc phiện. Sống vẻ vang, hãnh diện và sung túc. Cậu ta bỗng biệt tích cả tuần lễ. Sau cảnh sát tìm được xác cậu ta ở một nơi hẻo lánh và kết luận là có

về như bị xử tử. Đó là bất đắc kỳ tử, cái chết này có thể xảy đến bất cứ ai. Đừng nên nghĩ vì còn trẻ và có sự thành công mà lơ là chuyện vãng sanh.

Người xuất gia khi phạm giới có thể dùng Pháp này để lấy lại giới thể. Ít pháp nào làm được như vậy cả. Pháp này có giúp vãng sanh được không? Giúp bằng cách nào? Làm sao giúp bây giờ? Muốn được giúp thì trước khi chưa chết phải lo trước. Trước khi chết phải để di chúc. Những người không tin thì sao? Phải có ý muốn vãng sanh thì mới được. Người không tin nhưng chuyên làm việc thiện mặc dầu không được vãng sanh nhưng cũng được sanh vào cõi thiện. Người có thiện căn ở trong cõi trời và người mới gặp được Pháp Tịnh độ để tu và được vãng sanh. Chúng tử tu hành thành thực thì được thân người hoặc trời. Bị đọa vào tam ác đạo là vì chúng tử tu hành chưa được thành thực.

Nói tóm lại, pháp Dược Sư Phật vừa có thể giúp chúng sinh vãng sanh vừa có thể giúp gạt hái được nhiều lợi ích đời này. Kẻ có đại phước mới gặp được pháp này.

Thiên thai tông ngũ huyền nghĩa

Theo truyền thống Thiên Thai tông, có thể nhìn mỗi bộ kinh một cách tổng quát qua năm huyền nghĩa:

1) Đề 題

Đề là tựa đề. Tựa đề có ba loại: nhân (người), pháp, và (giả) dụ. Đề tựa “Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bản Nguyện Công Đức” nêu lên “nhân”:

sư, Như Lai, “pháp”: nguyện, công đức và “dụ”: được, lưu ly. Cho nên kinh thuộc loại ba tựa đầy đủ.

2) Thể 體

Thể là thể chất. Dựa theo tự tính 承性, dùng nguyện và công đức làm thể. Thể chất của kinh là chân tướng 實相. Chúng ta tìm hiểu kinh là để hiểu chân tướng của sự thật.

3) Tông 宗

Tông là pháp Tịnh độ. Tịnh độ không phải chỉ có niệm danh hiệu “A Di Đà Phật”. Đọc kinh và hành pháp Dược Sư cũng là pháp Tịnh độ.

Pháp môn Tịnh độ là con đường của tốc độ cao, đầy đủ tam học và lục độ. Tông chỉ dạy chúng sinh dùng phước và đức làm trang nghiêm Tịnh độ.

4) Dụng 用

Dụng là lực dùng để diệt trừ những chướng ngại, nhất là chướng ngại trong tu hành. Nếu diệt được những chướng ngại đó thì mình sẽ đạt được nhiều lợi ích và sống được an lạc hơn.

Có ba loại lực: a) tự lực b) tha lực và c) Pháp lực.

5) Giáo 教

Giáo lý của Kinh thuộc thời Phương Đăng.

Phật học được chia thành 5 thời kỳ:

- 1) Hoa Nghiêm
- 2) A Hàm
- 3) Phương Đăng
- 4) Bát Nhã
- 5) Pháp Hoa Niết Bàn

Sau khi thành đạo, Đức Phật đã dành 3 tuần đầu tiên để dạy Kinh Hoa Nghiêm cho các vị Đại Bồ Tát. Chỉ có Đại Bồ Tát mới có thể dự pháp hội giảng kinh Hoa Nghiêm đó. Chúng ta may mắn được nghe giảng kinh Hoa Nghiêm nhờ ơn của Ngài Tuyên Hoá. Hoà Thượng Tuyên Hóa giảng Kinh Hoa Nghiêm thật là hay. Trước đó ít người đủ trình độ thật sự hiểu bộ kinh này. Ngài Tuyên Hoá là người Hoa đầu tiên có sức giảng bộ kinh này. Chẳng những vậy mà còn có thể giảng một cách xuất sắc nữa. Đức Phật đã giảng xong bộ kinh Đại Pháp Hoa Nghiêm trong vòng 21 ngày. Cũng như nhiều vị đệ tử khác của Ngài Tuyên Hóa, tôi cũng rất thích và mê kinh Hoa Nghiêm. Hy vọng một ngày gần đây tôi có thể hội đủ điều kiện và nhân duyên để giảng bộ kinh tuyệt vời này chia sẻ cùng quý vị.

Trong thời A Hàm Tạng giáo, Phật đã dùng 12 năm để truyền pháp và đào tạo A La Hán. Sau khi Phật thành đạo thì có nhiều cạnh tranh từ các tôn giáo khác. Cho nên Ngài phải từ từ giảng dạy cho họ pháp cao siêu: A Hàm nghĩa là “không so sánh được”.

THÍCH VĨNH HÓA dịch giảng

Sau khi đào tạo La Hán, Phật chuyển hướng vào thời Phương Đăng để nâng cao trình độ của những vị La Hán đó. Phương Đăng chỉ là một phương tiện để đưa người tu đến một trình độ cao hơn A La Hán . Thời kỳ này dài 8 năm.

Thời kỳ thứ tư là Bát Nhã. Phật đã dùng 22 năm trong thời Bát Nhã để dạy cho các bậc Bồ Tát. Phật học rất là sâu xa. Phật huấn luyện đệ tử từng bước từng bước một; từ không có gì cho đến A La Hán rồi từ A La Hán đến Bồ Tát.

Thời kỳ thứ năm là Pháp Hoa. Đức Phật đã dùng tám năm để dạy kinh Pháp Hoa và Đại Niết Bàn.

Tại sao kinh Pháp Hoa là Đại Pháp mà dễ hiểu như vậy? Pháp Đại Thừa sao giản dị như vậy? Hay ở chỗ bộ kinh này nêu ra sự thật. Sự thật thì mọi người đều có Phật tánh. Trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật nói “quí vị chính là Phật”. Ngược lại, ngoại đạo nói Thượng Đế là cao cả nên phải đến phục vụ cho Thượng Đế. Đạo Giáo nói khi hành pháp của họ thì sẽ sống trường cửu, đó là lừa bịp. Họ tự cho rằng mình có quyền lực tối thượng. Kinh Pháp Hoa nói là chúng ta và Phật đều giống nhau “Ta là Phật và các con là Phật sẽ thành.” Phật cho phép chúng ta đắc quả vị giống như Ngài. Nếu như chúng ta tu tập theo con đường của Ngài thì chắc chắn sẽ thành tựu như Ngài.

Do đó cần phải biết chọn pháp môn mà tu tập; như bệnh thì phải biết chọn đúng phương pháp điều trị. Bệnh có nhiều loại. Tu có thể chữa bệnh. Con người không tránh được già, đau yếu, bệnh và chết. Có người nói là chưa bao giờ

KINH DƯỢC SƯ

bệnh nặng. Có chứ mà không biết. ai cũng đang âm thầm bệnh: bệnh chết. Cái chết thường nhờ các bệnh dọn đường.

Con người bệnh nhiều là do tạo sát nghiệp nên bây giờ phải trả. Kiếp trước làm người ta khổ, hại người bây giờ bị trả đũa. Trả bằng cách nào? Trả bằng cách bị bệnh. Chịu đựng cái chân đau cũng là trả nợ. Hoặc là mình tạo công đức để hồi hướng: đó cũng là trả nợ.

Vậy mình có thể giúp người khác được không? Được, nhưng đó là can thiệp, nếu chúng ta can thiệp là phải trả giá đắt.

Sư cô Trí Thuận có hai cái chùa lớn ở Ấn Độ. Sư cô này hay chữa bệnh cho người khác. Khi gặp tôi, cô ta muốn truyền cho tôi pháp trị bệnh. Vì nghe cô có chùa lớn nên lúc đó tôi muốn học pháp chữa bệnh để biết cách xây chùa lớn như cô. Sau đó tôi ngồi suy nghĩ lại, chẳng lẽ pháp của sư cô này còn hay hơn pháp Mật Tông của Ngài Tuyên Hóa đã truyền cho tôi sao? Sư cô chữa bệnh bằng cách chỉ cho người ta uống nước lạnh. Sư cô để nước trên bàn thờ Phật và khăn vải cầu xin Phật gia hộ cho bệnh nhân. Ai bệnh đến xin Phật rồi uống nước này là khỏi bệnh. Sư cô thường than vớt tôi là hay bị bệnh, làm tôi không tham học pháp chữa bệnh của sư cô nữa. Đây là thí dụ cụ thể: biết một tí mà dám làm càn. Ai cho phép chúng ta đi can thiệp vào chuyện ân oán giang hồ? Làm như vậy có giúp chúng ta chóng thành Phật không?

Hỏi: Nếu như mình dùng chú để chữa bệnh thì chuyện gì xảy ra?

Đáp: Có một gia đình kia bảy đời chuyên chữa bệnh cho người khác không lấy tiền. Ông thầy thuốc đến thăm và nói chuyện với tôi hai tiếng đồng hồ. Ông hỏi về tu hành bị kẹt thì phải gỡ bằng cách nào? Tôi trả lời: “muốn gỡ thì tôi chỉ cho cách gỡ nhưng có làm được hay không là chuyện khác”. Tuần sau, ông lại đến và đem bánh ngọt (cookies) đến cúng. Lần này ông ta dẫn theo hai đứa con. Ông ta bảo hai đứa con đánh lễ tôi. Tôi nói tự cảm thấy không đủ phước để nhận sự đánh lễ của các vị. Ông ta nói: “con cảm ơn thầy đã giúp cho con”. “Tôi đâu có giúp gì?” Ông ta kể rằng lúc trước, ông ta đã dùng chú để chữa cho một người bị bệnh hoa liễu. “Sau khi con chữa cho người này rồi thì ngón tay của con bị lở và sưng đỏ lên rất lâu. Nhờ con gặp thầy tuần trước cho nên hết sưng.”

Tu đâu phải là dễ, ngồi xếp bằng cũng đâu phải dễ. Tôi có một vị sư huynh được Hòa Thượng Tuyên Hoá truyền cho rất nhiều pháp môn mà cũng không tu được. Tôi sẵn sàng giúp nhưng ông ta lại không chịu tu. Tôi nói là đừng ham có chùa làm gì. Khi có võ rồi muốn chùa sẽ có chùa. Quan trọng là lo luyện công, luyện công mới có sức giúp người và giúp đời; mình giúp đời thì đời sẽ giúp mình. Lo chùa làm gì, nếu có duyên thì nó sẽ tới, nếu không duyên thì dù muốn cách mấy cũng chẳng có được. Tôi không cần có chùa, tu trước đã, vì có chùa thì sẽ bị phiền phức, thường bị nhiều chi phối và tu hành gặp nhiều cản trở.

Hỏi: “Thưa thầy, phóng sanh thì sẽ ít bệnh tật và cũng là cứu mạng phải không?”

Đáp: “Phóng sanh cũng phải đến đúng chùa thì mới có kết quả khả quan. Không phải phóng sanh ở chỗ nào cũng được cả. Nếu như quý vị đến được chùa của các thánh tăng làm phép phóng sanh thì rất là tốt, còn đến những chùa bậy bạ (như các chỗ cúng tế heo vịt) mà đem tiền vào đó là coi như đem tiền bỏ biển.”

Hỏi: “Có cách nào mình can thiệp mà không phải trả giá cao?”

Đáp: “Pháp can thiệp mà không cần phải trả giá đó là mình thỉnh một bài vị Dược sư. Nhưng ở người Việt Nam thì không có pháp đó. Chỉ có người Hoa mới có pháp môn này. Chùa dùng phước cúng dường của chúng ta để hành pháp và can thiệp.”

Vì quý vị không biết, thiếu lòng tin, nếu có đủ lòng tin thì thường được chư Phật và Bồ Tát giúp. Như khi bệnh tật có cái duyên với bác sĩ thì được bác sĩ chữa, còn có duyên với nha sĩ thì được nha sĩ chữa, hoặc có duyên với thầy châm cứu thì được thầy châm cứu chữa. Chừng nào họ tận lực mà vẫn chưa hết bệnh, chư Phật và Bồ Tát có thể giúp.

Đường Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang phụng chiếu phiên

Vào đời nhà Đường, thời Hoàng Đế Cao Tông và Thái Tông, kinh điển đã được dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán. Nhiều bản kinh tiếng Hán do pháp sư Tam Tạng Huyền Trang dịch vào đời nhà Đường.

THÍCH VĨNH HÓA dịch giảng

Ngài Huyền Trang là một vị Tỳ kheo có công lao hàng đầu trong Phật giáo Trung Hoa. Ngài bỏ mười mấy năm lặn lội qua Ấn Độ thỉnh kinh về Trung Quốc. Sau lại tuân theo chiếu hoàng đế trông coi sự phiên dịch từ tiếng Phạn ra tiếng Hoa.

Ngài được tôn làm Tam Tạng pháp sư vì đã thông đạt tam tạng giáo lý: kinh tạng, luật tạng và luận tạng.

Kinh Dục Sư còn năm bản dịch với tên khác nhau.

Bản Kinh chúng ta dùng để tham khảo dựa trên bản dịch của Ngài Huyền Trang dưới chiếu của Hoàng đế Thái Tông và Cao Tông đời Đường 唐太宗或高宗.

Tựa Phần

Lời Kinh:

Ta đã nghe như vậy, một thuở nọ Đức Bạc Già Phạm đi châu du giáo hoá các nước, đến thành Quảng Nghiêm, ở nghỉ dưới cây nhạc âm cùng mười tám ngàn Đại Tỳ Kheo chúng, ba vạn sáu ngàn Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, các hàng Quốc Vương Đại Thần, Bà La Môn, cư sĩ, Thiên Long Bát Bộ cùng nhân phi nhân đấng, cả thấy đại chúng vô lượng đồng cung kính vây quanh Phật. Ngài thuyết pháp cho họ.

Lời giảng:

Vào đời Tấn 晉, Ngài Đạo An 道安 chia kinh thành ba phần, phần mở đầu là phần giới thiệu, phần thứ hai là nội dung kinh, phần cuối là phần lưu thông.

Phần giới thiệu bàn lý do và nhân duyên của sự truyền pháp. Chúng ta bắt đầu đi vào phần tựa này.

Phần chánh tông/nội dung kinh giảng về giáo lý. Phần này của Kinh Dược Sư bắt đầu từ: **Phật bảo ông Mạn Thù Thất Lợi:** " Ở phương Đông cách đây hơn mười căn đà sa đấng Phật độ có một thế giới tên là Tịnh Lưu Ly.

Phần lưu thông rất quan trọng vì khi hiểu rồi thì nên lưu truyền lại cho người khác để người khác cũng có thể hưởng lợi ích. Phần lưu thông của Kinh bắt đầu từ: **Lúc ấy, trong Đại chúng có mười hai vị Được Xoa đại tướng đều ngồi trong hội như:**

Ta đã nghe như vậy, một thuở nọ Đức Bạc Già Phạm đi châu du giáo hoá các nước, đến thành Quảng Nghiêm, ở nghỉ dưới cây nhạc âm.

Ngài Long Thọ Bồ tát thường nhân mạng kinh Phật có sáu phần:

- 1) Tín
- 2) Văn
- 3) Thời
- 4) Người nói
- 5) Chỗ nói và
- 6) Chúng.

Tín là “**như vậy 如是**”. Ngài Duy Ma Cật nói: tất cả đều là như vậy “nhất thiết pháp giai như giả 一切法皆如也”. Chư pháp là từ duyên sanh. Nó không có tự tính. Phật khi giảng pháp là khế lý - đúng theo pháp lý, nhưng khế lý vẫn chưa đủ, phải khế cơ - thích hợp cho người nghe. Có lòng tín mới thâm nhập được pháp Đại Thừa, Pháp Đại Thừa còn gọi là Trung đạo và là trung dung ở giữa, không cực đoan như ngoại đạo.

Người thấy được pháp “**như thị**” này thì khi giúp người khác là vì muốn làm lợi cho người chứ hoàn toàn không có

muu tư lợi. Tôi gặp được Hòa Thượng Tuyên Hoá thật sự quá phước vì tôi kiểm điểm lại mới thấy là Ngài giúp cho và chưa bao giờ đòi tôi một điều gì cả. Chính cuộc đời của Hòa Thượng đã chứng minh điều này. Ngài đã chữa bệnh và cứu sống cho biết bao nhiêu người nên trước khi chết Ngài bệnh rất trầm trọng, thân thể bị đau kinh khủng.

Có người nói bác sĩ có đời sống rất an vui không bệnh tật. Cái mà họ không biết là bác sĩ hiện nay được khoẻ mạnh ít bệnh tật là do họ đang hưởng phước đời trước. Hiện nay họ can thiệp vào nghiệp của người khác khi trị bệnh để lấy tiền. Vậy thì kiếp sau họ chạy trốn cái nghiệp đã tạo ra được hay không? Đời nay giàu có, đời sau khó thoát trả nợ thống khổ.

Cần muu sinh thì cũng có thể làm những việc công chức. Quan trọng là khi kiếm sinh nhai, biết giúp người và tránh tạo nghiệp. Trị bệnh mà lấy nhiều tiền nhiều quá thì không tốt. Có nhiều tiền sẽ sanh ra nhiều tật xấu.

Tôi thích ngành giáo dục, chẳng hạn như dạy trong Trường Đại Học, quan trọng là khi làm nghề nghiệp gì nên xây dựng chớ đừng phá hoại nếu thật sự hiểu luật nhân quả, hiểu đạo lý làm người. Vậy thì sẽ lập được công trạng cho thế hệ sau. Làm những việc gì mà đem lại lợi ích cho đời là tốt. Ngành giáo dục là ngành dạy cho cả thế hệ sau trở thành những thành phần tốt cho xã hội.

Phần thứ nhì là phần văn.

Chữ “**Tôi**” dịch theo Đại Thừa là không có ngã, không có nhân, không có chúng sanh, không có thọ mạng. Bởi vì các pháp/nhân đều là vô ngã. Ngoại đạo thì còn thấy cái giả ngã, nên họ chấp trước vào cái thân.

Chữ “**văn**” chỉ tam duyên: nhĩ căn (lỗ tai), nhĩ thức (khả năng nghe) và thanh trần (âm thanh). Ngài A Nan dùng tai nghe Phật giảng và tường thuật lại những lời đã nghe. Đức Phật cũng đã dùng thân thông giảng lại những kinh trước mà A Nan chưa nghe (không có mặt tại đó). Nên bây giờ, A Nan mới có thể nói: “**Tôi Đã Nghe Như Vậy**”.

Ngài A Nan khi đăng Pháp tòa nói pháp, thường bắt đầu với “như thị ngã văn” để giải quyết ba loại nghi vấn của đại chúng:

1. Ngài A Nan có tướng mạo giống Phật nên có thể bị tưởng lầm là A Nan đã thành Phật.

Nhờ tu nhiều đời kiếp mới có được hảo tướng “Tam kỳ tu phước huệ, bách kiếp tu tướng hảo”. Đức Phật tu phước và tu huệ ba A Tăng Kỳ kiếp. Phước và huệ cần phải song tu. Không tu phước huệ đều thì mất thăng bằng khó tiến bộ được như người đi nghiêng một bên. Trước khi thành Phật phải tu một trăm kiếp nữa mới thành được ba mươi hai hảo tướng.

2. Có người tưởng lầm rằng Đức Phật hồi sinh lại và giảng Pháp.

3. Hoặc có người nghĩ rằng một vị Phật khác đến khai thị.

Muốn vãng sanh rất khó, cần phước rất lớn! Biết niệm Phật thường xuyên thì khi lâm chung, kêu cầu cứu thì hy vọng sẽ được cứu; giống như bấm 911 để cầu cứu. Niệm A Di Đà Phật là vì muốn yêu cầu Phật đến rước về cõi Cực Lạc. Người tu có đủ định lực thì tiếng kêu được to hơn và vang xa hơn nên mới đủ sức để cầu cứu. Nếu không đủ hơi kêu thì Phật đâu có nghe mà đến cho kịp! Phải nhớ rằng niệm Phật thì phải có định lực. Đừng hiểu lầm là niệm Phật tức sẽ được vãng sinh. Người tu Tịnh độ thì phải biết sự tối quan trọng của sự tu phước. Khi có đủ phước rồi mới vãng sanh được! Tôi nói như vậy vì nghe quá nhiều người chuyên tu Tịnh độ quả quyết rằng họ sẽ được vãng sanh khi chết. Muốn như thế thì phải gia công tích lũy phước thêm nữa. Cũng như muốn đi du lịch cũng cần phải có tiền để mua vé máy bay thì mới đi được.

Điều kiện thứ ba là thời, được thỏa mãn với câu **một thuở nọ**. Kinh Phật không nêu rõ ra thời giờ nhất định. Vậy thì bớt chi tiết không cần thiết: khỏi phải biết là time zone nào, âm lịch hay dương lịch, giờ cõi trời lại dùng đơn vị khác. Nói chung, đức Phật chỉ nói Pháp khi nhân duyên thành thục chứ không dựa theo đơn vị thời gian của thế gian.

Điều kiện thứ tư: Pháp chủ hoặc người thuyết pháp. Đây là **Đức Bạc Già Phạm. Đức Bạc Già Phạm 薄伽梵**, danh từ Phạn với nhiều nghĩa (theo Đại Luận):

1. Năng phá trừ phiền não 能破除煩惱, ngũ trụ cùng tận 五住就盡: không còn phiền não nữa.

2. Danh xưng 名稱. Tất cả công đức thù thắng đều viên mãn, không gì không biết.
3. Đoan nghiêm 端圓. Đoan là đoan chính, không tà; nghiêm là đầy đủ 32 hảo tướng.
4. Sí thịnh 熾盛. Sí là lửa cháy, thịnh là lớn lao; chỉ về lửa trí huệ của Ngài, sáng ngời khắp pháp giới.
5. Cát tường 吉祥, đem lại việc lành và tốt; nên tất cả chúng sinh đều muốn thân cận, cúng dường và tán thán.
6. Tôn quý 尊貴. Công đức viên mãn, thường dùng phương tiện để làm lợi và ban lạc cho chúng sinh, không từ bỏ một ai.

Điều kiện thứ năm, chỗ nói, ở Quảng Nghiêm Thành, dưới gốc cây Nhạc Âm: nơi Đức Phật chọn để giảng pháp môn Dược Sư. Đây là một thành phố nguy nga tráng lệ, tràn đầy vật chất phong phú, và rất nhiều dân trí thức đầy trí tuệ. Cây Nhạc Âm, như là tên gọi, phát ra âm nhạc. Trên thân cây có một loài chim tên gọi “Kalavinka”, thường hay cất tiếng hót thánh thót, hòa nhịp âm trong gió.

Cây có hai hàm nghĩa:

1. Tăng trưởng (thiện căn; giúp lia phiền não vào thanh lương)
2. Phục âm: đem lại bóng mát và che chở. Cây tượng trưng cho cây Bồ đề.

Đời xưa, Đức Phật thường **đi châu du giáo hoá các nước**, tùy theo lời thỉnh cầu của chúng sinh.

Châu du giáo hoá các nước tượng trưng cho chúng sinh và các thế giới.

Cùng mười tám ngàn Đại Tỳ Kheo chúng ba vạn sáu ngàn Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, các hàng Quốc Vương Đại Thần, Bà La Môn, cư sĩ, Thiên Long Bát Bộ cùng nhân phi nhân đấng, cả thấy đại chúng vô lượng đồng cung kính vây quanh Phật. Ngài thuyết pháp cho họ.

Điều kiện thứ sáu cuối cùng là thính giả đến dự buổi lễ, học pháp môn Dược Sư do Đức Phật thuyết gồm có: rất nhiều Tỳ kheo, Bồ tát, vua chúa thần và Thiên Long Bát Bộ v.v...

Tỳ kheo có ba nghĩa:

1. Khất sĩ 乞士. Họ xin ăn để nuôi sinh mạng 乞食以活身命: dưỡng nhục thân; xin Pháp để tư huệ mạng 乞法資慧命: dưỡng Pháp thân; mục tiêu là làm phước điền cho chúng sinh.
2. Bô ma 怖魔. Họ giữ oai nghi đoan chính và rèn luyện oai lực để hàng phục ma quân.
3. Phá ác 破惡. Tỳ kheo phá ác vì họ đã từ bỏ những tập khí không tốt cũng như đã tẩy sạch được tam nghiệp ác gây ra từ khẩu, tâm, và thân.

Tỳ kheo còn có năm đức:

1. Thể tính nhu nhuyễn 體性柔軟: dụ cho khả năng chinh phục các thô và hung mãnh/không thuần phục của thân, ngữ và ý, tam nghiệp.

2. Dẫn mạn bàng bố 引蔓旁布: dụ cho khả năng hướng dẫn kẻ ngạo mạn hoặc phi bàng Pháp, vì muốn cảm hóa họ mà phát tâm bố thí pháp. Họ truyền pháp hoá độ tất cả chúng sanh, làm Pháp trường tồn tại thế.
3. Thanh hương viễn văn 馨香遠聞: thanh danh và tiếng thơm đồn vang rất xa; dụ giữ giới luật thuần khiết, đức cao nên chúng sinh sinh lòng khâm phục.
4. Năng liệu đông thống 能療疼痛: chữa được đau khổ; dụ không phiền não, không độc ác hại người; họ đã đoạn phiền não độc hại thống khổ.
5. Bất bội nhật quang 不背日光: không đi ngược lại với ánh sáng mặt trời; dụ có chính kiến và tu duy, thường hướng theo mà không đi ngược lại ánh sáng trí tuệ của Đức Phật.

Làm sao để thành phước điền cho chúng sinh? Mặc dầu là đi xin nhưng các vị tỳ kheo thật không giống người ăn xin. Họ không tham được nhiều hoặc ít, ngon hoặc dở, luôn luôn giữ tâm bình đẳng. Tâm không truy cầu, lòng không tham muốn. Vì thế nên phước báu người đàn na, tín thí phong phú và trồng được những chủng tử thượng phẩm.

Có ba loại phước điền:

1. Báo ân: như phục vụ cho cha mẹ để trả ơn nuôi dưỡng
2. Công đức: như làm tu thiện
3. Bần cùng: như bố thí

Đức Phật có 1 và 2. Pháp cũng vậy. Tăng đoàn có tất cả ba.

Thầy Tỳ kheo không bị phiền não và vô minh làm tối trí. Các thầy chú trọng oai nghi và khát thực theo như Pháp. Khi đi trên đường, thầy luôn giữ chính niệm, mắt thường chỉ hé nhìn bước trước đường, không liếc Đông nhìn Tây, tai không chạy theo âm thanh náo loạn, miệng không nói chuyện vô ích. Khi nhận bố thí, họ im lặng chứ không xuýt xoa tán thán cảm ơn. Nếu không có ai bố thí, họ lặng lẽ ra đi và không một tí phiền muộn. Đây là một vài khác biệt giữa người Tỳ kheo và người ăn xin thông thường.

Đại có nghĩa là:

1. Lớn lao: 大 được thiên, vương và đại nhân kính phục.
2. Nhiều: 多 hiểu biết nhiều loại kinh điển giáo lý.
3. Thù thắng: 勝 về phương diện danh tiếng.

Đại Bồ Tát Ma Ha Tát:

- Bồ Tát: đấng giác ngộ, thuộc loài hữu tình, tướng bất định: có thể mang tướng Tỳ kheo hoặc tại gia đến tham dự Pháp hội.
- Ma Ha Tát: còn được gọi là Đại Bồ Tát. Các Ngài Bồ Tát từ bát địa trở lên. Ví dụ: sư phụ của Hòa Thượng Tuyên Hoá, Ngài Hư Vân, là một vị Bát địa Bồ Tát.

Các hàng Quốc Vương Đại Thần, Bà La Môn: các vua đi đầu thì có đại thần theo tùy tùng. Lại có thêm các vị Bà La Môn, người tu tịnh hạnh, giòng quý tộc ở Ấn Độ. Họ đại diện cho thành phần ưu tú và lãnh đạo của xã hội.

Cư sĩ: họ là cận sự nam hoặc cận sự nữ, thích thân cận và giúp đỡ người xuất gia tu hành và hoằng pháp.

Thiên Long Bát Bộ: hộ pháp

1. Thiên 天: cõi trời đến dự pháp hội và hộ pháp là chuyện bình thường
2. Long 龍: có rất nhiều thần thông
3. Dạ Xoa 夜叉: có pháp thuật vận chuyển rất nhanh “speedy ghost 疾鬼”
4. Càn Thát Bà 乾闥婆: thần nhạc; họ hòa tấu nhạc tuyệt hay!
5. A Tu La 阿脩羅: nam thì xấu nhưng nữ thì rất xinh đẹp
6. Ca Lô La 迦樓羅: còn được gọi là kim bàng điểu, loại chim có rất nhiều thần thông
7. Khẩn Na La 緊那羅: có sừng trên đầu, còn được gọi là nghi thần 疑神, cũng làm nhạc rất hay.
8. Ma Hầu La Đà 摩侯羅伽: rồng đất “earth dragon”, loại rắn.

Cùng nhân phi nhân đấng: không phải chỉ loài người mà tất cả chúng sinh đều đến nghe Đức Phật giảng Pháp. Phi nhân như quỷ thần v.v...

Cả thầy đại chúng vô lượng đồng cung kính vây quanh Phật. Có vô lượng đại chúng tụ họp lại, vây quanh Ngài, cực kỳ cung kính ao ước được nghe Phật giảng Pháp.

Ngài thuyết pháp cho họ: nên đức Phật mới toại nguyện cho họ. Mong quý vị chú ý tới điểm này, Pháp phải thỉnh mới được ban. Người Thầy không bao giờ ép pháp trên người khác.

Lời Kinh:

Lúc bấy giờ, ông Mạn Thù Thất Lợi pháp vương tử nhờ oai thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, vén y để bày vai bên hữu và gối bên mặt quỳ sát đất, khò lưng chấp tay hướng về phía Phật bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, cúi mong Ngài diễn thuyết những loại Pháp tướng như danh hiệu, những đại bản nguyện cùng những công đức thù thắng của chư Phật để cho những người nghe, nghiệp chướng tiêu trừ và để muốn cho chúng hữu tình ở thời tượng pháp được nhiều lợi lạc."

Lời giảng:

Lúc bấy giờ, ông Mạn Thù Thất Lợi pháp vương tử. Đức Phật được tôn làm Pháp vương, nên các hàng Bồ Tát được coi là Pháp vương tử: con trai của Ngài.

“Pháp” có ba đặc tính: vô tận, phổ biến và bao gồm tất cả.

Vương: Kinh Hoa Nghiêm nói: “我為法王，於法自在” nghĩa là pháp vương, pháp tự tại: Ta là Pháp vương, đối với các pháp đã đắc tự tại.

Tử: đã được truyền Phật tâm ấn 傳佛心印 và trong tương lai sẽ nối vị của Phật mà thành Pháp vương.

Mạn Thù Thất Lợi còn được dịch là “diệu cát tường: rất may mắn”, hoặc “diệu đức”; cũng thường được gọi là “Đại Trí Văn Thù Sư Lợi”, một vị Đại Bồ Tát đứng vào hàng nhất về trí huệ. Ngài hiện tướng làm đồng tử. Ngài ngao du thập phương chư Phật độ dùng Bát Nhã vô phân biệt căn bản trí 般若無分別根本智 giáo độ chúng sinh, khuyên họ phát Bồ đề tâm. Vị Đại Bồ Tát này tượng trưng cho Phật quả trí đức 佛果之智德.

Nhờ oai thần của Phật.

Dầu là có Đại trí huệ nhưng các vị Bồ Tát này vẫn biết nương tựa oai lực và trí huệ của Phật để thỉnh Pháp.

Từ chỗ ngồi đứng dậy.

Vì vai vế cao nên các vị Bồ Tát mới được phép ngồi nghe Phật giảng Pháp. Ngược lại, các chúng sinh với địa vị thấp hơn như chư thiên thì phải đứng mà nghe.

Pháp môn này đã được giảng vì muốn đem lợi ích đến chúng ta. Trước khi pháp được thí thì cần phải có người biết tinh pháp.

Vén y để bày vai bên hữu và gối bên mặt quỳ sát đất, khò lưng chấp tay hướng về phía Phật bạch rằng:

Cách thức thỉnh pháp:

- Người thỉnh pháp phải tịnh 3 nghiệp:
 - (1) Quỳ xuống và chấp hai tay “thân pháp”
 - (2) Xuất ngôn cầu pháp “khẩu pháp”
 - (3) Dùng tâm thành kính thỉnh cầu “tâm pháp”
- Thân và tâm phải trang nghiêm và thanh tịnh
- Cảm ứng tương ứng với sự thành tâm.

Năm ngoái, tôi đến San Jose để giảng Kinh Di Giáo. Đây là một bộ kinh nhỏ nên ít người giảng. Tôi giảng nghĩa bằng tiếng Việt và thỉnh thoảng đệm vài câu tiếng Anh cho học trò người Mỹ của tôi. Có một vị thí chủ tự phong làm hộ pháp của tôi. Ông ta chỉ đến dự pháp hội có một lần thôi và phê bình là tôi giảng pháp không hay. Ông ta ngỡ lời muốn giúp tôi cải tiến bằng cách giới thiệu những quyển sách và băng đĩa của những đại sư khác mà ông rất tán phục. Tôi nói với ông ta rằng tôi sẽ cố gắng cải tiến. Ông ta khuyến khích tôi, nói rằng nếu như bài giảng của tôi có thể trở nên lý thú hơn thì chắc chắn tôi sẽ được nổi tiếng hơn ở vùng San Jose.

Một tháng sau gặp lại, ông ấy hỏi thăm tình trạng của tôi. Tôi đáp rằng “tôi vẫn đang cố gắng. Trung bình pháp hội của tôi có độ mười người.” “Mười người? Thầy nên nói rộng đến một trăm người hoặc một ngàn người. Có một pháp sư người Việt tốt nghiệp ở trường Harvard rất nổi tiếng. Từ đầu chí cuối, Ngài đó không bao giờ sử dụng máy vi tính hoặc bài soạn. Ngài chỉ cầm cái microphone và nói suốt cả buổi. Thầy nên đến đó nghe để học hỏi.”

Một tháng sau ông ta lại hỏi “Thầy khỏe không? Tình hình như thế nào rồi?” Tôi trả lời: “Vẫn là như vậy, trung bình khoảng mười người, tôi thiếu vẫn còn có vài cô Mỹ da trắng cùng với vài cậu người Việt Nam. Nhưng vấn đề là tôi vẫn cần phải dùng máy vi tính và bài soạn.” “Tại sao vậy?” ông ta hỏi. “Tại vì tôi muốn diễn đạt hết những hàm ý mà những Tổ Sư đã dụng công truyền lại. Không nhìn bài soạn thì e rằng sẽ bị sơ sót.”

Tôi kể cho ông câu chuyện này: “Trong pháp hội của tôi có một vị lão sư đã xuất gia từ năm 22 tuổi. Bây giờ thì đã hơn 52 tuổi. Vị sư ấy đã từng đi du học ở Ấn Độ để lấy bằng tiến sĩ. Vào phút cuối cùng trước khi nhận được bằng, vị lão sư đó bỗng dưng trở bệnh nặng nên bắt buộc phải trở về Việt Nam chữa bệnh. Chữa bệnh không lành nhưng dần dần hoạt động được như trước. Sau đó thì sư được bảo lãnh đến San Jose nhưng cũng không đến bác sĩ để điều trị. Sư bảo rằng họ không giúp được gì cho căn bệnh của sư. Điều lạ là tuổi hạ cao như ông mà tuần nào cũng đến nghe một tiểu tăng như tôi giảng kinh Di Giáo. Vị ấy không bao giờ thỉnh pháp và chỉ ra nghe giảng đúng vào lúc tôi bắt đầu nói pháp. Chúng tôi luôn dành một cái ghế cho ông. Thỉnh

thoảng tôi cũng mời sư ấy cùng đàm luận và sư cũng vui vẻ tham gia nói Pháp cho đại chúng. Đoán thử xem chuyện gì xảy ra cho vị sư ấy trong ba tháng sau?” “Chuyện gì?”, ông hộ pháp hỏi. “Thầy ta thắng từ Nhị Thiên qua Tam Thiên”. Đây là cái mà Đại Thừa có thể mang đến cho quý vị qua phương tiện nói pháp. Việc này chỉ có thể xảy ra vì người thầy này có lòng thành tâm cầu học Pháp.

Người cư sĩ “hộ pháp” của tôi có được một tí hiểu biết: ông ta không bao giờ còn dám phê bình về phương pháp nói pháp của tôi, lại còn nói là muốn giúp tôi kiếm chùa và dọn về San Jose (ý ông ta có thể là muốn “thỉnh” tôi dọn về cư trú ở San Jose).

Vì tôi ở xứ Mỹ này lâu hơn ở quê hương của tôi bên Việt Nam, nên tôi không khỏi bị Mỹ hóa. Tôi rất cảm ơn quý vị hy sinh thời giờ và tiền của để đến tu học Đại Thừa, nên tôi thường cố gắng giúp đỡ mọi người có sự tiến bộ trong việc tu luyện. Vì quý vị, tôi sẽ bắt đầu mở rộng cửa để dạy pháp môn Tịnh độ. Đệ tử tại gia của tôi đang pháp “Nhập”. Một khi đầy đủ điều kiện thì tôi sẽ truyền pháp “Hiền” cho những người xuất gia dưới trướng của tôi; giống như Hoà Thượng Tuyên Hoá truyền pháp cho giòng đệ tử đời Hằng.

"Bạch Đức Thế Tôn, chúng con cúi mong Ngài diễn thuyết những loại Pháp tướng như danh hiệu của mười phương chư Phật, những đại bản nguyện, các Ngài đã từng lập vô lượng vô biên đại nguyện trong khi hành Bồ Tát đạo, cùng những công đức thù thắng, rồi phải trải qua hàng hà sa số kiếp tu luyện để thực hiện những lời nguyện đó, của chư Phật.

Phần lớn các bản dịch đều bỏ chữ “(Pháp) tướng 相類”. Thật ra, nguyên văn tiếng Hoa là “tướng loại”. Ý Ngài Mạn Thù Thất Lợi là sao?

Mỗi vị Phật chọn một *loại* Pháp để tu thành Đạo. Mỗi loại Pháp thường tạo duyên với những loại chúng sinh hữu duyên được độ.

Hơn nữa, mỗi loại Pháp có đặc tính riêng biệt: đó là Pháp tướng, những gì có thể quan sát được, có thể thấy được để cho chúng sinh bắt chước tu theo loại Pháp đó để thành Phật.

Tại sao chỉ thỉnh Phật Thích Ca nói về loại Pháp tướng? Chỉ đại khái nói Pháp tướng loại của chư Phật trước, sau nếu ai có duyên thì sẽ tự nghiên cứu tường tận hơn mà tu.

để cho những người nghe, nghiệp chướng tiêu trừ

Nghiệp chướng 業障 có ba loại:

1. Phước nghiệp 福業: trồng nhân cho người và trời trong cõi Dục giới
2. Ác nghiệp 惡業: tạo nhân đọa tam ác đồ
3. Bất động nghiệp 不動業: tạo nhân cho cõi Sắc giới và Vô sắc giới.

Pháp môn Dược Sư có thể giúp người tu luyện thanh tịnh thân tâm và tiêu trừ nghiệp chướng. Chướng ngại không cho phép chúng ta thấy rõ chân lý: không nhập được Phật

tri kiến mà lại còn bị khủng hoảng trong phiền não và liên tục xoay chuyển trong bánh xe luân hồi.

và để muốn cho chúng hữu tình ở thời tượng pháp được nhiều lợi lạc.”

“Chúng hữu tình” tức là chúng sinh, sẽ giảng rõ hơn phần sau.

“Tượng Pháp”: cũng sẽ giảng rõ hơn ở phần sau.

“Lợi” là một trong những động cơ thúc đẩy chúng sinh tu hành. Tu hành thì đương nhiên có lợi hơn không tu.

Rất nhiều người đến hỏi tôi: “Tại sao tôi phải tu? Tu làm gì?” Tôi thật không biết làm sao trả lời họ. Nếu họ chịu khó quan sát một tí thì sẽ khám phá rằng trong chùa kỹ sư bác sĩ cũng có, tiến sĩ ca sĩ cũng có, già trẻ đều có. Chẳng lẽ họ đại đột phú thì giờ của họ mà không có lợi gì sao? Đáng lý ra, những người hỏi đó nên tự hỏi tại sao họ không thấy cái lợi lớn lao của tu luyện: thân khỏe mạnh, tâm thanh thản, gia đình thân nhân đầm ấm hơn, công ăn việc làm thông suốt hơn v.v...

Thật ra, nếu không có đại lợi thì tu làm gì? Đầu tư mà không có lợi lớn thì đại gì bỏ vốn ra?

Tìm hiểu về “lạc”:

1. Nhân lạc: 因樂 làm việc thiện tạo ra quả báu và sau hưởng phước đó (như sinh vào quý tộc, giàu có, địa

- vị v.v...); người thế gian vì muốn tích tụ phước, nhân lạc nên thường đi tìm cơ hội để lập công, giúp người.
2. Thọ lạc: 受樂 tâm linh an lạc, linh tánh bình yên ổn định; cảnh giới thiên lạc của chư thiên.
 3. Đoạn thọ âm lạc: 斷受蘊樂 người thế gian chấp vào cảm giác. Người không còn lệ thuộc vào cảm giác sẽ đoạn thọ âm lạc. Đây là trạng thái của bậc thánh nhân Sơ quả A La hán ; có thể xả bỏ tất cả.
 4. Đoạn lạc: 斷樂 khả năng vĩnh viễn chặt bỏ mọi phiền não, người có phước đoạn lạc sẽ vĩnh viễn rời xa mọi tai kiếp và vấn đề nan giải nhờ đã đoạn được vô minh. Đây là phước Bồ Tát Đại Thừa.
 5. Bồ Đề lạc: 菩提樂 cái lạc của Niết bàn; đoạn hóa (thành) quy Chân (Như), nhập vô dư Niết bàn, đắc tối tịch tịnh. Lúc chứng Phật vị thì sẽ hiểu.

Mỗi chúng sinh đều có nhiều nghiệp nhân trông từ quá khứ, khi thành thực sẽ định đoạt nghiệp báo như: các căn thiếu hoặc đủ, bề cao, giọng nói v.v...

Lời Kinh:

Lúc đó Đức Thế Tôn khen Mạn Thù Thất Lợi đồng tử rằng: "Thiện tai! Thiện tai! Mạn Thù Thất Lợi, người vì lòng đại bi khuyến thỉnh Ta thuyết chư Phật danh hiệu và bốn nguyện công đức là vì muốn kéo chúng hữu tình thoát nghiệp chướng ràng buộc và đem lợi ích an lạc cho chư hữu tình trong đời tượng pháp về sau. Nay người nên lắng nghe và cực khéo tư duy, Ta sẽ vì người

mà nói". Mạn Thù Thất Lợi bạch rằng: "Đạ, mong Thế Tôn nói, chúng con rất muốn nghe".

Lời giảng:

Lúc đó Đức Thế Tôn khen Mạn Thù Thất Lợi đồng tử rằng:

Đặc tính của đồng tử 童子:

- Là người trẻ tuổi từ 7 đến 15
- Đa số là nam nhi
- Nội quang vẫn còn sáng
- Có rất ít phiền não:
 - Chưa bị bụi trần tiêm nhiễm
 - Không có tâm phân biệt

Nền giáo dục thế gian rèn luyện cái tâm phân biệt của chúng ta. Hoàn cảnh thường làm cho trí tuệ bẩm sinh bị lu mờ. Tu hành luyện công là để chuyển ngược lại quá trình gây ra tâm phân biệt cũng như để mở mang trí huệ chân thật.

Nói một cách rõ ràng hơn, đồng tử phát quang, ít phiền não, và đầu óc luôn sáng suốt không bị nhớ bần là vì họ không có găng gủi nữ sắc hoặc tình dục. Tình dục là một nhược điểm và là một chướng ngại lớn trong tu hành. Đồng tử không vướng phải chướng ngại này nên tu hành được tăng tiến, đầu óc được sáng suốt và nhìn thấy rõ vấn đề hơn. Bí mật của nhà tu là biết không chấp vào cảm giác khoái lạc của thế gian để đắc được một vị trí tâm linh cao cả hơn.

Ngài Mạn Thù Thất Lợi bắt đầu tu lúc còn làm đồng tử nên tiến bộ rất nhanh.

"Thiện tai! Tốt lắm (thỉnh Pháp đúng lắm) Thiện tai! Tốt lắm (như ý của Như Lai) Mạn Thù Thất Lợi, người vì lòng đại bi, vì muốn cứu khổ chúng sinh mà khuyến, mời thỉnh, xin Ta diễn thuyết chư Phật danh hiệu và bản nguyện công đức là vì muốn kéo chúng hữu tình thoát nghiệp chướng ràng buộc và đem lợi ích an lạc cho chư hữu tình trong đời tượng pháp về sau.

“Kéo ... thoát” hàm nghĩa:

1. Chúng sinh đang bị kẹt nhưng không đủ sức tự giải thoát.
2. Như có người muốn kéo chúng ta ra khỏi lầy, nếu chúng ta không chịu nắm tay thì cũng vô phương cứu chữa.
3. Có sức mới nên kéo, nếu không thì sẽ bị kéo xuống bùn.

Chúng sanh “hữu tình” 有情: có lục căn 六根. Lục căn cũng là lục tình căn 情根, tên ám chỉ giác quan (căn) chúng ta thường lưu chuyển 流轉 và không thể không chế được. Lục căn thường bị tác động bởi ngoại cảnh (lục trần) như mùi vị hoặc tương mạo. Sự va chạm tác động giữa lục căn và ngoại cảnh làm lung lạc tâm linh của con người. Thức “consciousness” là nhịp cầu nối liền lục căn và ngoại cảnh.

Tám thức 識:

- 5 thức đầu tiên bao gồm: mắt nhìn, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi vị, da đụng (see, hear, smell, taste, touch). Năm thức này giữ nhiệm vụ thu nhận dữ kiện, dựa trên sắc căn 色根.
- Thức thứ 6 là tâm thức. Tâm thức phụ thuộc tâm pháp. Tâm pháp là tất cả sự việc bên ngoài mà tâm có thể nghĩ tới được. Cũng được gọi là giác quan thứ sáu. Tâm thức phân tích và so sánh dữ kiện đã thu nhận được với dữ kiện quá khứ tích trữ trong thức thứ tám.
- Thức thứ 7 là “ngã” (self, ego), là đường dây liên lạc giữa đệ lục thức và đệ bát thức. Còn được gọi là nhiễm thức vì hay “méo mó” những dữ kiện nó vận tải.
- Thức thứ 8, còn gọi là A Lại Da thức: tồn trữ tất cả chủng tử, dữ kiện; là căn bản của tất cả các thức.

Nay người nên lắng nghe và cực khéo tư duy, Ta sẽ vì người mà nói".

Ngừng suy nghĩ và chú tâm nghe lời giảng.

“Lắng nghe”:

Sáu đặc tính của tướng nghe 相:

1. Đúng thời gian 應時聽, nghe lúc cần nên nghe
2. Nghe với thành tâm và (trầm) trọng tâm 殷重聽
3. Nghe với lòng thành kính tôn trọng 恭敬聽
4. Không nghe để gây hại 不為損害聽

5. Nghe không vì chỉ bắt chước người khác 不為隨
順聽

6. Không nghe để tìm lỗi 不為求過失聽

Năm đặc tính của văn tâm 聞心:

1. Cầu giác ngộ và hiểu biết 求悟解
2. Chuyên nhất trụ tâm 專意住心
3. Lắng nghe âm thanh
4. Quét sạch tâm (không vọng tưởng)
5. Nhiếp nhất thiết (căn) tâm

“cực khéo tư duy”: nghe giảng thì phải biết khéo léo lắng tâm, nhập định, trống tâm mới mong có thể thâm nhập lời giáo huấn.

“Ta sẽ vì người mà nói”: Như Lai sẽ ứng lòng từ bi của người mà thuyết pháp giúp cứu khổ chúng-sinh.

Mạn Thù Thất Lợi bạch rằng: "Dạ, mong Thế Tôn nói, chúng con rất muốn nghe".

Vâng, chúng con hiểu, sẽ như Pháp đón nghe lời giáo huấn. Đây là hành động của một vị Đại Bồ Tát. Ngài tạm bỏ làm việc (cứu độ chúng sinh), đích thân đến thỉnh Đức Phật thuyết Pháp. Vì lòng vị Bồ Tát này cực kỳ thành tâm, nên Pháp được ban thật vô giá.

Phản tựa đến đây hoàn tất.

Chánh Phần

Lời Kinh:

Phật bảo Mạn Thù Thất Lợi: "Ở phương Đông cách đây hơn mười căn đà sa đấng Phật độ có một thế giới tên là Tịnh Lưu Ly. Đức Phật hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Bạt Già Phạm. Nay Mạn Thù Thất Lợi, đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, khi tu hạnh đạo Bồ tát có phát mười hai đại nguyện, khiến cho chúng hữu tình cầu chi được nấy.

Lời giảng:

Phật bảo Mạn Thù Thất Lợi: "Ở phương Đông cách đây hơn mười căn đà sa đấng Phật độ có một thế giới tên là Tịnh Lưu Ly.

Từ Cõi Ta bà đi về hướng Đông (làm chủ của động; trong động vẫn có tĩnh), quá hằng hà sa số Phật độ, có cõi Tịnh độ tên Tịnh Lưu Ly.

Căn đà sa - Ganges rivers sands 殞伽沙: ví như cát sông hằng

Sa – Sands 沙: hằng hà sa số không thể đếm xuể như cát của sông Hằng.

Phật độ - Buddhaland 佛土: cõi Phật độ, thế giới cách (Ta bà) thế giới chúng ta thông qua vô lượng thế giới về hướng Đông là Phật độ của Dược Sư Phật.

Bốn loại Tịnh độ:

1. Phàm Thánh Đồng Cư Độ 梵聖同居土:
 - a. Phàm: chưa dứt bỏ kiến và tư hoặc
 - b. Thánh: Sơ quả, Nhị quả, và Tam quả A La Hán
 - c. Đồng cư không phân biệt phàm thánh
 - d. Có cõi người và trời
 - e. Nhưng không có tứ ác đồ: súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục và A tu la.
 - f. Thiên ma và ngoại đạo cũng có mặt ở đây nhưng đang ở trong chánh định. Không có tà định.
2. Phương Tiện Hữu Dư Độ 方便有餘土:
 - a. Đây là nơi ở của các ngài Tứ quả A La Hán và Bích Chi Phật.
 - b. Đã đoạn kiến và tư hoặc
 - c. Chưa đoạn được trần sa vô minh 塵沙無明
 - d. Đắc được sự nhất tâm bất loạn 事一心不亂.
3. Thật Báo Trang Nghiêm Độ 實報莊嚴土:
 - a. Cõi Tịnh độ dành cho các bậc Bồ Tát

- b. Đắc được lý nhất tâm bất loạn 理一心不亂
- c. Đoạn được 41 phẩm vô minh
- d. Lý: Tâm là Phật; hiểu ngoài tâm không có Phật; niệm Phật nhưng không niệm (không chấp tướng niệm Phật); tịch và bất động (trong định).
4. Thường Tịch Quang Độ 常寂光土: chính là nơi Niết bàn của chư Phật. Nơi đây luôn luôn tịch tĩnh (vô niệm) và sáng lặng (hoàn toàn không có vô minh nên luôn luôn sáng ngời).

Tịnh độ này thuộc loại thứ ba: Thật Báo Trang Nghiêm Độ.

Lưu ly 琉璃 là một trong thất bảo:

1. Thể là bảo bối, tượng trưng cho sự tôn quý.
2. Tướng là không có tỳ vết, tượng trưng cho thanh tịnh.
3. Dụng là sáng thông qua, tượng trưng cho sáng ngời vô ngại

Kinh nhân mạnh bản tính **Tịnh** của lưu ly bảo.

Đức Phật hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Bạt Già Phạm.

Có một vị Phật tên là Dược sư lưu ly quang:

10 danh hiệu của Đức Phật:

1) Như Lai 如來:

- Như 如: Không thuộc vào nơi và hướng nào cả. Tượng trưng cho trí giác chi trí 始覺之智.
- Lai 來: Theo cảm ứng mà đến hiện tướng thành Phật. Lai là bản giác chi lý 本覺之理.

Đức Phật “lai vô sở tùng, như vô sở quá 來無所從, 如無所去” không từ đâu đến và cũng chẳng trở về đâu cả. Chúng ta là kẻ đến người đi.

2) Ứng Chánh Đẳng Giác 應正等覺:

- Ứng: i) Nhận cúng dường (của nhân thiên); ii) (nhân thiên) nên đến cúng dường; iii) dầu đã đoạn sinh tử nhưng vẫn ứng duyên hiện tướng sinh tử
- Chánh: Bất tà, không phải phạm phu.
- Đẳng giác: Không phân biệt cao thấp, sạch dơ, lớn nhỏ, nhiều ít v.v...

Trí tuệ của hàng Tứ quả A La Hán và cao hơn là chánh giác nên có thể tin tưởng được. Người có trình độ thấp như đứng ở tầng lầu thấp nên không thể nhìn xa thấy rộng. Vì tầm nhìn còn bị hạn chế nên tri kiến (sự thật) bị giới hạn.

3) Minh hạnh viên mãn 明行圓滿:

- Cũng còn gọi là Minh hạnh túc

- (Kinh Đại Niết Bàn) Minh là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề: Quả vị Phật. Hạnh viên mãn: Tức chỉ giới định huệ. Đức Phật y giới định huệ (tam vô lậu học) mà đắc quả.
- (Đại Trí Luận) Minh là tam minh (tức mạng minh, thiên nhãn minh và lậu tận minh). Hạnh tức là thân khẩu hai nghiệp. Đức Phật cụ túc thành tựu tam minh nhị nghiệp.
- Minh là trí tuệ. Hạnh là phước. Đức Phật vốn phước huệ song toàn.

Người có minh hạnh viên mãn là người tu hành đắc được trí tuệ và phước đức viên mãn. Không thể nào trở thành Phật được trừ khi công phu tu hành đã đạt đến mức độ cả trí huệ lẫn phước đức đều công thành viên mãn.

4) Thiên thệ 善逝:

- Thiên: khéo, thệ: đến. Đức Phật theo như Thật đạo mà khéo đến khắp nơi hóa độ chúng sinh.
- Là người thầy của tất cả cõi Phật độ ở mười phương. Giảng dạy cho tất cả chúng sanh.
- Nguyên văn chữ Phạn còn có thể dịch là “hảo thuyết 好說”: chư Phật theo chư pháp chân tướng mà thuyết pháp; còn biết tùy căn cơ người nghe mà giảng các pháp như: Bồ thí, Niết bàn, Thập nhị nhân duyên, Tứ đế v.v... dẫn nhập Phật đạo.
- Theo hai nghĩa trên, biết theo Chân Như lui tới bị ngại, mà không thôi chìm trong biển sinh tử. Khi đã chứng đắc Phật quả thì sẽ không bao giờ

bị phiền não nữa cũng như sau khi thành vàng thì không bao giờ trở thành lại quặng/kim loại nữa.

5) Thế gian giải 世間解:

- Đạt ngay thông thật: Nhận diện được cái giả và biết chân tướng.
- Hiểu các pháp thế gian và xuất thế gian.
- Hiểu chúng sinh và các thế giới vô tình (chánh và y báo).
- Lục Tổ có nói:
 - “Phật pháp là thế gian pháp. Giác ngộ không ở đâu xa hơn thế gian.”
 - “The Buddhadharma is worldly dharmas. Enlightenment is not apart from the mundane”.

6) Vô thượng sĩ 無上士:

- Sĩ: Người trí thức có trí huệ, khả năng và có tài. Vô thượng sĩ: Trí huệ và khả năng của Đức Phật không ai có thể hơn.
- Nếu còn chút ít kiến hoặc và tư hoặc, nhỏ như hạt cát, có thể vượt qua được. Phật vô thượng vì đã tẩy sạch không còn sự thờ ơ nào sót lại, biết nhận diện nội ngoại đều giả và không.
- Sĩ cũng thường ám chỉ chư Bồ Tát. Vô thượng sĩ chỉ địa vị của Phật là cao nhất trong hàng Bồ Tát.

7) Điều ngự trượng phu 調御丈夫:

- Trượng phu: Là bậc anh hùng gan dạ, dũng cảm, có chí khí; thường chỉ đàn ông.
- Phật có khả năng điều hành và hướng dẫn ngay cả hàng trượng phu (rất khó dạy) như có thể khéo

cởi ngựa hoang giúp họ không bị lạc đường, còn đặc thiện pháp.

- Có thể chinh phục binh ma
- Có thể cải hóa tâm của mọi chúng sanh qua lời nhuyễn mỹ, lời khổ thiết, lời tạp v.v...

Hỏi: Sao chỉ có trượng phu mà không có nữ nhân?

Đáp: Trong thế gian, nam tôn nữ ti, nữ nhân thường theo nam nhân, nam nhân thường làm chủ sự nghiệp. Trượng phu đại diện cho vừa nam vừa nữ, điều ngự được nhóm này thì cũng được nhóm nữ. Nói rộng ra hơn, không chỉ điều ngự hai căn (nam nữ) mà vô số căn (như hoàng môn: vừa hai căn v.v...)

8) Thiên nhơn sư 天人師:

- Làm thầy cho loài người và trời, thị đạo tất cả nên làm hoặc không nên làm, thiện hoặc không thiện. Nếu biết y giáo phụng hành, không bỏ Đạo pháp, sẽ đắc quả báo; giải thoát phiền não.
- Đức Phật rộng thuyết pháp của Tam giới cho người và trời.
- Làm gương mẫu cho trời và người noi theo
- Người trần gian có căn cơ nhạy bén nên dễ nhập đạo hơn
- Khi Phật thuyết pháp, vô số trời và người được giác ngộ

Hai danh hiệu cuối cùng: Phật đã thường giảng và Bạt già Phạm đã giảng ở trước.

Này Mạn Thù Thất Lợi, đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, khi tu hạnh đạo Bồ tát có phát mười hai đại nguyện, khiến cho chúng hữu tình cầu chi được nấy.

Đại nguyện 大願:

- Lập đại nguyện để độ tất cả chúng sanh
- Đại nguyện không bị giới hạn bởi không gian và thời gian
- Không giới hạn thể chất tướng mạo
- Lập đại nguyện cho toàn thể đại dụng 全體大用

Nguyện nguyện đều để giúp chúng sinh “sở cầu giai đắc 所求皆得”. Chư Phật đã công nhọc vạch đường cho chúng sinh tu nên đời sau dễ thành Phật hơn một tí nếu biết theo gương của các Ngài.

Tóm lược 12 đại nguyện của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Phật:

1. Cùng như Phật thân
2. Tùy ý sở thú
3. Cho chúng sanh không thiếu thốn vật dùng
4. Chuyển Quyền hướng Thật
5. Nhiếp tất cả bị vi phạm
6. Sửa những hình tướng đã bị hư vỡ
7. Cứu kẻ bản bệnh

8. Đổi từ nữ sang nam
9. Cải hóa tà trở về chánh
10. Giải thoát mọi sự kềm chế giới hạn
11. Ban cho cuộc sống sung túc, đầy đủ về vật chất
12. Ban cho người mảnh vải che thân

Lời Kinh:

Nguyện thứ nhất: Ta nguyện đời sau, khi đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác, thân ta có hào quang sáng suốt, rực rỡ, vô lượng vô số vô biên thế giới, có đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, cùng tám mươi tùy hình trang nghiêm. Tất cả hữu tình có thân như ta không khác vậy.

Lời giảng:

Nguyện thứ nhất: Ta nguyện đời sau, khi đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác, thân ta có hào quang sáng suốt, rực rỡ, vô lượng vô số vô biên thế giới, có đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, cùng tám mươi tùy hình trang nghiêm. Tất cả hữu tình có thân như ta không khác vậy.

Khi quý vị thành Phật thì sẽ có được 32 tướng tốt giống như Đức Phật vậy. Chẳng những Đức Phật có 32 tướng tốt và 80 tùy hình trang nghiêm mà tất cả dân cư ở cõi Phật độ đều như vậy, cũng có thân bằng lưu ly .

“Vô thượng chánh đẳng chánh giác” 阿耨多羅三藐三菩提:

- Là Phật quả
- Vô thượng, “A Nậu Đa La”, không có ai vượt qua được
- Chánh giác, “Tam miệu”, là A La Hán quả
- Chánh Đẳng, “Tam Bồ đề”, là giác ngộ: đều thấy cùng một sự thật như nhau.

Phật có 3 thân 身:

1. Pháp thân 法身: là thân mà các vị Phật có cùng chung
2. Báo thân 報身: là thân mà Đức Phật dùng để dạy Bồ Tát
3. Hóa thân 化身: là thân mà Phật đã biến hóa chẳng hạn như thân của Dược Sư Lưu Ly Quang Phật.

32 tướng mạo tốt “hallmarks”:

1. Bàn chân bằng bện vững chải 足下安平立相
2. Chỉ dưới bàn chân có xoáy tròn như hình bánh xe có ngàn nan hoa 足下二輪相
3. Ngón tay thon dài 長指相
4. Chân tay đều dịu mềm 手足柔軟相
5. Trong kẽ tay kẽ chân có da mỏng như giăng lưới 手足指縵網相
6. Gót chân dày đặn 足跟廣平相
7. Mu bàn chân nổi cao dày đặn 足趺高滿相

8. Bắp chân như tướng Lộc vương 伊泥延[足*專]相
9. Tay dài quá đầu gối 正立手摩膝相
10. Nam căn ẩn kín 陰藏相
11. Thân hình cao lớn và cân đối 身廣長等相
12. Những lông chân lông toát ra màu xanh 毛上向相
13. Những lông trên mình uốn lên về bên phải 一一孔一毛生相
14. Thân thể sáng chói như vàng thẳm 金色相
15. Quanh mình thường có hào quang chiếu ra một trượng 大光相
16. Da mỏng và mịn 細薄皮相
17. Lòng bàn chân, bàn tay hai vai và trên đỉnh đầu bảy chỗ ấy đều đầy đặn 七處隆滿相
18. Hai nách đầy đặn 兩腋下隆滿相
19. Thân như sư tử 上身如獅子相
20. Thân thể chuông chân ngay ngắn 大直身相
21. Hai vai tròn trịa cân phân 肩圓好相
22. Bốn mươi cái răng 四十齒相
23. Răng trắng, trong, đều nhau và khít 齒齊相
24. Bốn cái răng cửa trắng trong và lớn nhất 牙白相
25. Hai bên má cao đầy đặn như sư tử 獅子頰相
26. Nước bọt trong họng thơm 味中得上味相

27. Lưỡi rộng và dài 大舌相
28. Giọng nói nghe âm vang 梵聲相
29. Mắt xanh biếc 真青眼相
30. Lông mi như ngưu vương 牛眼睫相
31. Có chòm lông trắng thường chiếu sáng ở giữa hai lông mày 白毛相
32. Trên đỉnh đầu có cục thịt nổi cao như hình búi tóc 頂髻相

- Có được nhờ tu hành luyện công
- Tam kỳ tu phước huệ, bách kiếp tu tướng hảo

80 tùy hình 隨好、小相、小好、好:

Chư Phật và Bồ Tát đều có 32 tướng hảo: trông rất rõ ràng. Những tùy hình thường tế nhị hơn, có khi ẩn hoặc khó thấy hơn. Tùy hình phụ các hảo tướng để trang nghiêm thân quý ngài. Chuyển Luân Vương có 32 hảo tướng nhưng không có tùy hình.

Tôi kèm theo danh sách tùy hình tiếng Hoa để tham khảo sau:

(一)指爪狹長，薄潤光潔。(二)手足之指圓而纖長、柔軟。(三)手足各等無差，諸指間皆充密。(四)手足光澤紅潤。(五)筋骨隱而不現。(六)兩踝俱隱。(七)行步直進，威儀和穆

如龍象王。(八)行步威容齊肅如獅子王。(九)行步安平猶如牛王。(十)進止儀雅宛如鵝王。(十一)迴顧必皆右旋如龍象王之舉身隨轉。(十二)肢節均勻圓妙。(十三)骨節交結猶若龍盤。(十四)膝輪圓滿。(十五)隱處之紋妙好清淨。(十六)身肢潤滑潔淨。(十七)身容敦肅無畏。(十八)身肢健壯。(十九)身體安康圓滿。(廿)身相猶如仙王，周匝端嚴光淨。(廿一)身之周匝圓光，恒自照耀。(廿二)腹形方正、莊嚴。(廿三)臍深右旋。(廿四)臍厚不凹不凸。(廿五)皮膚無疥癬。(廿六)手掌柔軟，足下安平。(廿七)手紋深長明直。(廿八)唇色光潤丹暉，(廿九)面門不長不短，不大不小如量端嚴。(卅)舌相軟薄廣長。(卅一)聲音威遠清澈。(卅二)音韻美妙如深谷響。(卅三)鼻高且直，其孔不現。(卅四)齒方整鮮白。(卅五)牙圓白光潔鋒利。(卅六)眼淨青白分明。(卅七)眼相脩廣。(卅八)眼睫齊整稠密。(卅九)雙眉長而細軟。(四十)雙眉呈紺琉璃色。(四一)眉高顯形如初月。(四二)耳厚廣大脩長輪垂成就。(四三)兩耳齊平，離眾過失。(四四)容儀令見者皆生愛敬。(四五)額廣平正。

(四六)身威嚴具足。(四七)髮脩長紺青，密而不白。(四八)髮香潔細潤。(四九)髮齊不交雜。(五十)髮不斷落。(五一)髮光滑殊妙，塵垢不著。(五二)身體堅固充實。(五三)身體長大端直。(五四)諸竅清淨圓好。(五五)身力殊勝無與等者。(五六)身相眾所樂觀。(五七)面如秋滿月。(五八)顏貌舒泰。(五九)面貌光澤無有鬢蹙。(六十)身皮清淨無垢，常無臭穢。(六一)諸毛孔常出妙香。(六二)面門常出最上殊勝香。(六三)相周圓妙好。(六四)身毛紺青光淨。(六五)法音隨眾，應理無差。(六六)頂相無能見者。(六七)手足指網分明。(六八)行時其足離地。(六九)自持不待他衛。(七十)威德攝一切。(七一)音聲不卑不亢，隨眾生意。(七二)隨諸有情，樂為說法。(七三)一音演說正法，隨有情類各令得解。(七四)說法依次第，循因緣。(七五)觀有情，讚善毀惡而無愛憎。(七六)所為先觀後作，具足軌範。(七七)相好，有情無能觀盡。(七八)頂骨堅實圓滿。(七九)顏容常少不老。(八十)手足及胸臆前，俱有吉祥喜旋德相（即卍字）。

Lời Kinh:

Nguyện thứ hai: ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề, thân ta như lưu ly, trong ngoài sáng suốt, tịnh vô hà uế, quang minh quảng đại, công đức cao lớn, thân thiện an trú diễm lướn trang nghiêm, sáng hơn nhật nguyệt, u minh chúng sanh đều gặp khai hiểu, tùy tâm sở thú, làm mọi sự nghiệp.

Lời giảng:

Nguyện thứ hai: ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề, thân ta như lưu ly, trong ngoài sáng suốt, tịnh vô hà uế,
Chánh báo là cái thân đẹp như thân của Phật không khác. Nguyện thứ nhất là chánh báo giống như thân chư Phật không khác. Nguyện thứ hai diễn tả rõ hơn về ứng thân của Dược Sư Phật.

Thân của Ngài trong suốt như ngọc lưu ly và không có tỳ vết. Hào quang thân sáng ngời. Tướng tuyệt oai nghiêm và tự tại.

Trong ngoài sáng suốt nghĩa:

1. Ở trong dùng ánh sáng trí huệ chiếu chân pháp giới (tự lợi)
2. Ở ngoài dùng thân quang chiếu và ứng những kẻ có duyên (lợi tha).

Tịnh vô hà uế, nghĩa là thanh tịnh và không bị hư khuyết. Vô hà uế có mười:

1. Kiên lao 堅牢. Tu theo pháp Đại Thừa là tu Kim Cang thân. Khi thành đạo rồi thì thân kim cang sẽ bất hoại, không ai hại được.
2. Vô cấu 無垢 nghĩa là không bị những cặn bã làm dơ, không trà trộn với bụi bặm.
3. Dữ lạc 與樂: cho lạc, lúc đó tâm sinh lạc.
4. Nan ngộ 難遇: là khó mà gặp, rất hiếm.
5. Năng phá 能破: có thể phá nghèo và khổ
6. Oai đức 威德: có thể hàng phục được tà ma và ngoại đạo, tu là tập giải quyết những chướng ngại của ngoại đạo, ma quỷ.
7. Mãn nguyện 滿願: tùy như ý muốn, tức là chúng sanh đến tu là chúng sanh muốn tìm cầu, nên Phật giúp chúng sanh đạt được mọi sự như ý.
8. Trang nghiêm 莊嚴, trang nghiêm là do có phước nên ở được chùa lớn hay nhà cao và sang trọng. Còn như ở nhà tầm thường có thể là do biết tiết kiệm phước. Tu là phải biết tích tụ phước. Phước vô hình không thấy được. Phước vô hình đi theo chúng sinh đời đời kiếp kiếp, đến lúc quyết định dùng phước đó, cũng như khi sinh ý muốn hưởng phước đó, thì phước đó từ từ hiện ra. Cho nên định lực quan trọng. Khi tâm muốn hưởng phước thì phước đó sớm thành tựu tùy theo định lực.

Vậy khi hưởng phước thì phước có hết không? Phước đó sẽ hết, cũng giống như có tiền đem tiền đi mua chiếc xe thì tiền đó sẽ hết. Những người mà có phước và huệ song song thì tu dễ hơn.

9. Tối diệu 最妙, rất thù thắng, không thể nào so sánh.
10. Bất biến 不變: lửa không thể phá hoại được.

quang minh quảng đại, đây là quả báu làm gì cũng đường đường chính chính, **công đức cao lớn**, vì công đức to tát nên **thân thiện an trú diệm lưới trang nghiêm**, thân thể sáng ngời, vì quá nhiều báu ngọc nên giống như lưới báu của cõi trời

sáng hơn nhật nguyệt:

1. Sáng hơn nhật nguyệt, sáng liên tục không bị cắt đoạn như mặt trời và mặt trăng (ngày đêm)
2. sáng hơn mặt trời và mặt trăng nhiều,
3. các vị thiên cư khi phát quang thân sáng hơn mặt trời mặt trăng. Thân Phật dĩ nhiên phát quang sáng rực hơn gấp nhiều lần của chư Thiên.

u minh chúng sanh, những chúng sinh đang bị chìm đắm trong bóng tối của vô minh **đều gặp khai hiểu**, nếu gặp được hào quang của thân Phật thì sẽ phát huệ, **tùy tâm sở thú**, tùy theo ý thích mà có thành công khi **làm mọi sự nghiệp**.

Có thật sự đạt được mọi thứ như ý không? Chuyện khó tin nhưng có thật! Tùy quý vị có đủ phước hay không.

Tôi có một người đệ tử. Lúc mới đến thì không biết gì nhiều về Phật pháp. Cách đây bốn năm, tôi bắt đầu giảng kinh Dược Sư. Người này thú thật với tôi sau này lúc nghe Kinh Dược Sư thì có sự thu hút lạ lùng. Dầu nhà ở xa nhưng mỗi tuần lái xe đến nghe Kinh. Gia đình cầu nhàu không vui lòng thấy đi làm cả tuần, rồi cuối tuần lại bỏ đi chùa; gia đình cha mẹ lại không có nhiều thiện cảm với các tôn giáo.

Tôi thấy hơi lạ vì nghe giảng Kinh đến đâu tin đến đó. Lại thỉnh bài vị Dược Sư để giúp đỡ cho người thân. Càng thấy hiệu quả của bài vị lại càng thỉnh thêm. Rõ ràng là người này có rất nhiều duyên phước với Pháp Dược Sư.

Trong lúc này, nước Mỹ đang bị khủng hoảng kinh tế khá nặng. Rất nhiều người mất việc và kiếm việc làm cực kỳ khó khăn. Đệ tử tôi hay lo chuyện bao đồng: thấy người ta khổ thì nổi lòng thương muốn giúp. Có lần một người học trò khác của chùa bị đuổi nên mất việc. Đệ tử tôi rất mến cô ta vì cô ta có giúp đỡ vài chuyện gia đình bị lúng túng của đệ tử tôi. Nó mới đến hỏi tôi là Pháp Dược Sư có thể giúp kiếm việc được không. Tôi nói đương nhiên là được. Cô đệ tử liền thỉnh một bài vị Dược Sư tạm thời ngắn hạn (chỉ còn đủ chừng đó tiền) cho cô bạn bị mất việc. Nội trong hai tuần sau, cô kia tìm được một công việc khác tốt hơn và cao lương hơn.

KINH DƯỢC SƯ

Một năm sau (2008), cô đệ tử lại muốn giúp người gia đình kiếm việc sau khi đã thất nghiệp hai năm. Mặc dầu đang còn khủng hoảng kinh tế từ năm trước, người này kiếm ra được công việc trong nghề nội trong một tháng.

Đó là một vài ví dụ của “mọi sự nghiệp tùy tâm sở thú” như Kinh nói. Cô đệ tử này thật có nhiều duyên phước Dược Sư!

Lời Kinh:

Nguyện thứ ba, Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề, dùng vô lượng vô biên trí huệ phương tiện, khiến chư hữu tình đều được vô tận sở thọ dụng vật, không ai bị thiếu thốn.

Lời giảng:

Nguyện thứ ba,

Đây là đại nguyện thứ ba của Dược Sư Phật, đã phát trong nhân địa: trong lúc tu trồng nhân thành Phật.

Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề, sau khi thành công, Ta sẽ không về hư đâu!

Mà sẽ dùng vô lượng vô biên trí huệ phương tiện,

“Vô lượng” là đếm, như trong không gian có ba chiều, chiều ngang, chiều dọc và chiều sâu. Cho nên phải đếm theo chiều của không gian và thời gian.

“Vô biên”: không có giới hạn, đích thị tâm của Phật như tâm của cha mẹ, khi cho con cái thì không còn hạn lượng.

Hơn nữa, Phật pháp là thật tướng. Thật tướng không phân biệt nên mới gọi là thật tướng, tùy duyên thể hiện ra phương tiện, ứng dụng cho chúng sanh.

“Phương tiện” rất quan trọng cho sự giáo hóa chúng sinh. Phương tiện sinh từ trí tuệ (tốt) hoặc từ vô minh (xấu). Phương tiện tốt thì không vì tư lợi, mà vì lợi tha, và bỏ ích và như Pháp. Phương tiện xấu thường dùng là lời bào chữa cho việc quấy, và vô ích lợi (destructive) và bất như Pháp.

Thể của phương tiện là trí huệ. Phương tiện là diệu dụng của trí huệ.

khuyến chư hữu tình đều được vô tận sở thọ dụng vật, không ai bị thiếu thốn.

Vô lượng vô biên sinh ra từ vô lượng vô biên trí huệ phương tiện.

“sở thọ dụng vật” những đồ cần thiết trong cuộc sống của chúng sinh. “Sở” chỉ đối tượng của bản ngã (“năng”). “Thọ” nghĩa là nhận.

“không ai bị thiếu thốn”: được là nhờ lòng thành.

Phật rất rộng lượng, càng tu càng thấy sự rộng lượng của Phật. Rộng lượng bổ thí lo lắng cho chúng sanh để họ không giành giựt nhau nữa, một khi không giành giựt nhau thì thế giới sẽ hoà bình, chúng sinh sống được an lạc.

Nhân loại có đại chiến thế giới, cách mạng, thiên tai, thống khổ là do sự tranh giành tài nguyên. Như trong thời hiện đại này, loài người tranh giành nhau từ đất đai, nước, không khí, hướng hồ là gạo thóc, thực phẩm v.v... Đó cũng là vì thiếu phước.

Một điều lợi nữa là khi “vật dụng không bị thiếu thốn” thì con người có thể bảo tồn nhân phẩm, không cần ngửa tay hạ mình xin xỏ; họ giữ được sự tự trọng trong công việc mưu sinh lo cho gia đình con cái.

Lời Kinh:

Nguyện thứ tư, Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề, nếu có chúng hữu tình hành tà đạo thì khiến họ an trụ trong đạo Bồ Đề, hoặc có kẻ hành Thanh Văn Độc Giác Thừa, đều dựa Đại Thừa mà an lập.

Lời giảng:

Nguyện thứ tư, Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề Nguyện tiếp theo để độ kẻ lạc đường. Chúng ta có thể tạo phước giúp kẻ lầm theo tà đạo hoặc chọn đường eo hẹp của Nhị Thừa.

nếu có chúng hữu tình hành tà đạo thì khiến họ an trụ trong đạo Bồ Đề

“Tà đạo”, còn gọi là ngoại đạo. Lịch sử thì có thể gọi những người ngoại đạo không phải là Phật tử. Họ chấp vào những tà kiến, và coi là sự thật. Họ không hiểu rằng “nhứt

thiết duy tâm tạo”: tất cả đều do tâm tạo ra cả, bởi vì không hiểu như vậy cho nên mới gọi là ngoại đạo, họ tìm giải đáp ngoài cái tâm.

Tâm ở đây là thật tâm. Thật tâm tức là Phật tánh, chớ không phải tâm như ngoại đạo hiểu. Họ chỉ biết cái tâm phân biệt của phàm phu còn gọi là vọng tâm. Tất cả đều có Phật tánh, ngay kẻ tà ác, ngoại đạo cũng đều thành Phật nhưng hơi lâu hơn một tí, bởi vì Đức Phật đã nói: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”. Lúc đầu Phật tánh mình rất sáng, đầy đủ hết, một khi có vọng tưởng nhảy lên muốn cộng thêm ánh sáng, Phật tánh trở nên bị che mờ bởi cái huyền.

Hỏi: Tại sao qui y?

Đáp: Hòa Thượng Tuyên Hóa nói: Khi quý vị qui y rồi không thì cần qui y với tôi. Qui y là họ tôn Phật làm thầy, vị Tăng chỉ làm chứng minh cho họ. Cho nên, ngoại trừ vài trường hợp đặc biệt, qui y một lần là đủ rồi không cần qui y nhiều lần.

Nhưng khi làm lễ qui y, người thầy ban cho Phật tử một món quà: thể tính. Cũng như người con gái lên xe hoa về nhà chồng: cha mẹ của cô dâu cho của hồi môn. Của hồi môn đó là do người chủ lễ cho, nên người chủ lễ rất quan trọng.

Tôi có nhận một người nha sĩ làm đệ tử. Ông ta rất thông minh, rất thích nghiên cứu sách vở và giáo lý, nhất là của Ngài Tuyên Hoá. Ông ta đến chùa nghe giảng kinh. Sau

sáu tháng thì phát tâm xin qui y. Qui y thôi chứ không chịu thọ ngũ giới. Ông ta kể cho tôi biết: quy y xong, đêm ấy ông nằm mơ thấy một nhóm qui đến than phiền: “Bây giờ ông đã như vậy thì chúng tôi phải dọn nhà đi vậy! Xin từ giả.”

Cho nên Hòa Thượng Tuyên Hóa không nhận những người đã qui y rồi, bởi vì Ngài không muốn lấy đệ tử của người khác. Nhưng nếu ai qui y được với Ngài thì phước thật lớn! Khi qui y là mình muốn nương tựa: nương tựa Chùa, nương tựa Thầy. Đó là phần thấy được, còn cái không thấy được đó là phần vô hình. Cái vô hình không thấy được là giới thể. Giới thể được ban cho mà tốt thì người thọ giới dễ tu hơn.

Hỏi: Trong lễ qui y mà người ghi tên qui y vắng mặt không tham dự được, nhờ người khác đứng ra đại diện quy y giùm vậy thì họ có phước không?

Đáp: Không cần có mặt nếu hoàn cảnh không cho phép. Tốt hơn hết, người muốn quy y nên có mặt. Quy y là một sự kiện quan trọng trong đời, nên tỏ thành tâm một tí thì công đức nhiều hơn.

Nhất khi người xuất gia thọ cụ túc giới, người truyền giới thật quan trọng. Pháp U Minh Giới là pháp phương tiện giúp cho người quá cố qui y thọ ngũ giới để giúp họ tạo công đức và sớm đắc giải thoát.

Lần đầu tiên tổ chức khoá tu niệm Phật ở California. Bên Thiên tông có thiên thất, còn bên Tịnh độ tông có Phật thất.

Niệm Phật cũng nhập được định. Quý vị muốn tu luyện thì không nên sợ mệt. Nếu quý vị thành tâm thì dù mệt mỏi, khan cổ, bụng đói và đủ thứ phiền não hết, nhưng vẫn tiếp tục niệm Phật như thường. Các chỗ khác tu một chút lo nghỉ vì sợ quý vị mệt, khan cổ, rồi cầu nhậu bỏ về. Còn ở đây, chúng tôi cố ý làm cho quý vị mệt, khan cổ, chính vì cái tâm không sợ mệt, không sợ khan cổ, thì mới không biết mệt.

Các Tổ Sư Tịnh độ tông chế những phương pháp tu này có là vì có dụng ý. Mong quý vị phát tâm làm theo đại chúng để đắc đại lợi. Niệm Phật mặc dầu cổ đau miệng khan, nhưng vẫn tiếp tục niệm theo đại chúng như thường, mới gọi là tu: chịu khổ mới biết được cái sướng. Nếu tu một mình thì chuyện gì xảy ra cũng không biết được. Pháp Đại Thừa thường có tu chung là để giúp đỡ nhau. Mỗi lần quý vị tham gia khóa tu đại chúng mà có vấn đề gì xảy ra thì sẽ được giúp đỡ hay giải quyết ngay. Vì vậy, tu với đại chúng an toàn hơn. Pháp môn Niệm Phật vừa tự lực vừa tha lực, rất thích hợp cho mọi căn cơ.

Khi tu Bồ tát đạo, Đức Phật Dược Sư có phát lời nguyện, nếu những lời nguyện đó không thành tựu thì Ngài sẽ không thành Phật. Nguyện thứ tư là để độ những người đi lạc đường, hoặc đi theo tín ngưỡng sai lầm.

“an trụ trong đạo Bồ Đề”:

Đức Phật Dược Sư nguyện sẽ giúp những người đó an trụ lại trong Pháp Đại Thừa

Sẵn đây chúng ta có thể bàn sơ qua quá trình tu luyện:

- Tri chí (biết ngừng) sau có thể (nhập định) 知止而後能定. Lúc đầu mới tu, chúng ta sẽ không ngừng lại được. Vậy muốn ngừng phải làm sao đây? Ngừng có nghĩa là không chạy theo những tư tưởng ở trong đầu mình. Lúc niệm Phật hay niệm chú bỗng nhiên vọng tưởng thường nhảy lên. Ban đầu, theo thói quen chúng ta sẽ ngừng niệm Phật rồi chạy theo vọng tưởng. Tu lâu phải biết chú tâm vào câu niệm Phật ; khi vọng tưởng khởi lên đừng chạy theo nó; không chạy theo, nó sẽ ngừng lại. Lúc đầu khó làm vì tâm lăng xăng đã quen. Nhưng nếu biết kiên nhẫn thì tâm sẽ tự động lắng xuống.
- Định nhi hậu năng tĩnh 定而後能靜. Hàng phục vọng tưởng thì tâm định. Định được rồi thì mình tĩnh. Tĩnh nghĩa là gì? Tĩnh tức là không động. Chẳng hạn như quý vị có định, định rất quan trọng vì cho phép chúng ta có thể chú tâm được. Thế giới xung quanh vẫn quay cuồng, nhưng mình vẫn yên định được đó là Tĩnh.
- Tĩnh hậu năng an 靜而後能安. Tĩnh lâu, tâm sẽ được an và lạc.
- An hậu năng tư 安而後能慮. Sau an thì vào được quán.

Tĩnh tức là bên ngoài bị xao động, nhưng vẫn giữ được cái yên không bị xao động. An với tĩnh khác nhau. Tĩnh là khi đụng chạm với ngoại cảnh mà không bị ngoại cảnh chi phối. An còn sâu hơn; mình và ngoại cảnh không còn xung đột với nhau nữa.

“Đạo Bồ Đề” đưa đến giác ngộ (theo tiêu chuẩn Đại Thừa). Giác ngộ có ba loại:

- 1) Bồn Giác: Bồn tức là mình đang bị tối tăm, mặc dầu mình có Phật tánh nhưng đang bị tối tăm.
- 2) Thi giác: Mặc dù tối tăm nhưng mình muốn thoát vòng tối tăm này nên bắt đầu tu học và nghiên cứu, từ đó trí huệ mở ra, khi trí huệ mở ra đó gọi là thi giác,
- 3) Cứu cánh: Là sự giác ngộ của Phật.

hoặc có kẻ hành Thanh Văn Độc Giác Thừa, đều dựa Đại Thừa mà an lập.

Đức Phật Dược Sư nguyện, nếu những người tu theo Thịnh Văn, Duyên Giác và Độc Giác thì Phật sẽ giúp cho họ an trụ ở trong pháp Đại Thừa

Pháp Duyên Giác là gì? Ngài Duyên Giác tu pháp mười hai Nhân Duyên nên đắc quả:

- 1) Vô minh: tham tình dục
- 2) Hành: hành dâm
- 3) Thức: đệ bát thức đến khiγέν thại
- 4) Danh sắc: bào thai bắt đầu thành hình
- 5) Lục nhập: cơ quan thành hình
- 6) Xúc: tiếp xúc với ngoại cảnh
- 7) Thọ: sinh ra cảm giác thích/ghét

- 8) Ái: mê thích
- 9) Thủ: sự chấp trước rất là nặng,
- 10) Hữu: trung âm thân
- 11) Sinh
- 12) Lão tử.

Đầu tiên là 1. Vô minh, là lòng dâm dục. Tình dục khuấy lên, và ứng theo cái đó và chạy theo nó, 2. Hành: làm chuyện tình dục. 3. Thức: khi người mẹ có thai là lúc A lại da thức nó tới. Đầu tiên cuộc sống mới, cũng như mới đầu chỉ có hai người bắt đầu có người thứ ba, người thứ ba này có là khi thức này nó tới, khi thức tới thì cuộc sống của người thứ ba bắt đầu hiện hữu, khi mà có sự sống của người thứ ba trong bụng người phụ nữ rồi, thì sự sống bắt đầu nảy nở và từ đó bắt đầu có 4. Danh sắc, tế bào bắt đầu sinh trưởng, đến 5. Lục nhập, từ khi có lục căn đó nên mới tiếp 6. Xúc; thế giới bên ngoài, tiếp theo là 7. Thọ, tức là có cảm giác thích, cũng như khi người mẹ uống nước Coca lạnh thì đứa trẻ trong bụng có cảm giác lạnh. Từ chỗ cảm thọ thích với không thích đó đi sâu hơn thành 8. Ái: yêu, một khi yêu thích rồi thì nắm chặt không xả bỏ được từ đó sanh ra 9. Thủ, tức là nắm giữ, từ chỗ thủ sanh ra 10. Hữu là thế giới sinh vào, chẳng hạn như thế giới súc sanh, ngựa quỉ, thế giới người hay thế giới của trời.v.v... Một khi có hữu, đi vào cõi đó gọi là 11. Sanh, khi có sanh rồi chắc chắn là có 12. Lão và tử không cách nào thoát được.

Đó là luân hồi xoay chuyển mãi. Chúng sinh quay cuồng từ số một đến số mười hai không bao giờ ngừng. Mười hai nhân duyên giải nghĩa cho thấy tại sao bị luân hồi.

Hỏi: Người sinh ra mình, họ bị vô minh?

Đáp: Đúng! Nhưng đừng tưởng rằng mình không vô minh. Mình cũng vô minh như cha mẹ. Đừng trách cha mẹ, bởi vì bản tính vô minh của mình đã có sẵn rồi. Cha mẹ chỉ là nhân duyên để đem mình đến đây chứ không phải họ tạo vô minh của mình.

Hỏi: Mười hai nhân duyên này có liên quan gì đến cái hành của vị Duyên Giác không?

Đáp: Ví dụ người đang tu pháp 12 nhân duyên này, thấy được cái 6. xúc, sau cái xúc họ thấy được cái 7. thọ, họ hiểu sự liên quan giữa số sáu và số bảy. Họ hiểu số sáu sanh ra số bảy. Người tu khi quán và thấy biết được sự liên quan mật thiết giữa xúc và thọ. Vì xúc là đụng vào, khi đụng vào là có cảm giác, phải thấy và hiểu được cái đó. Cho nên khi tu, Ngài Duyên Giác thấy được sự liên hệ giữa mỗi cặp của mười hai nhân duyên này với nhau, một tới hai, ba tới bốn, năm tới sáu, bảy tới tám, chín tới mười.v.v... Họ thấy được mỗi cặp của nhân duyên đó một cách rõ ràng.

Việc này rất khó, bởi vì các Ngài tu pháp này đòi đòi kiếp kiếp rồi. Nhiều khi một kiếp có thể cho họ hiểu được cái vô minh và hành. Sau đó họ chết đi, tái sanh tu tiếp, họ tiếp tục biết được thức và danh sắc. Cứ như vậy trải qua nhiều kiếp tu. Khi họ có huệ rồi thì một kiếp nào đó họ tu một cái hốt nhiên đại ngộ thấy suốt từ một đến mười hai nhân duyên một cách rõ ràng tường tận. Các Ngài thấy suốt từ vô minh đến lão tử, khi thấy được như vậy Quý Ngài mới nói ô! Vậy muốn thoát sanh tử phải làm gì bây giờ? Các vị

Duyên Giác tu quán sát cuộc sống, và hiểu được mười hai nhân duyên này. Họ khám phá ra: mục tiêu cứu cánh là nếu cắt được tình dục thì mới thoát khỏi vòng luân hồi.

Ngược lại các vị A La Hán (“Thanh Văn”) cũng cắt ái nhưng phương pháp họ dùng để đoạn vô minh lại khác. Với phương pháp khác (Pháp Tứ Diệu Đế) họ cũng đoạn được tình dục. Nhưng cái huệ của vị A La Hán để đoạn được tình ái đó so với các vị Duyên Giác còn thấp hơn. Nếu muốn đoạn mười hai nhân duyên, phải đoạn từ vô minh đến lão tử, còn nếu đoạn ngang cái ái, những cái còn lại nó vẫn sanh. Nếu đoạn như vậy như cắt cỏ, cắt trên ngọn, thì một tuần lễ sau cỏ sẽ mọc lại. Muốn đoạn được vô minh đến lão tử thì phải đoạn từng cái một đến cuối cùng: nhổ cỏ phải nhổ tận gốc; cũng như đào cây, phải đào tận dưới rễ rồi kéo lên thì cây mới chết được, còn nếu chặt ở trên nó sẽ mọc lại. Nguồn gốc của tất cả là vô minh.

“Thừa” nghĩa là xe, hàm nghĩa khả năng vận tải.

“đều dựa Đại Thừa mà an lập”: hàng Nhị Thừa (Thanh Văn và Duyên Giác) vẫn có thể tu pháp của họ trong môi trường Đại Thừa. Cũng cùng một pháp nhưng lợi ở chỗ có thể an lập hóa thành mà không bị kẹt.

Tôi đã từng gặp nhiều tăng ni theo Nguyên Thủy. Vì họ chú trọng tu thiền nên thường có một tí định lực nhưng lại thiếu huệ quang: họ không nhận ra được là công phu còn thua người quá xa! Tôi mong rằng trong tương lai, sẽ có người phát tâm dùng pháp Dược Sư tạo công đức cho Nhị

Thừa để họ có cơ hội sớm chuyển được từ Quyền hưởng về Thật. Tu Đại Thừa thú hơn nhiều!

Lời Kinh:

Nguyện thứ năm, Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề, nếu có vô lượng vô biên hữu tình ở trong giáo pháp của Ta, mà tu hành tịnh hạnh, thì Ta khiến cho tất cả đều không khuyết giới, đầy đủ tam tụ giới. Giả sử có người hủy phạm, nghe được danh hiệu Ta, hoàn đắc thanh tịnh, khỏi đọa ác thú.

Lời giảng:

Nguyện thứ năm, Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề, nếu có vô lượng vô biên hữu tình ở trong giáo pháp của Ta, mà tu hành tịnh hạnh,
Nguyện thứ năm là một trong những đặc điểm của Pháp Dược Sư: giúp người tu hành hồi phục giới thể.

Phật Tử sau khi thọ giới, thường phá giới ngày đêm. Ngủ cũng phá giới, lúc thức cũng phá giới. Phạm giới rồi là dấu không cho ai biết hết. Vậy là vừa mất giới thể vừa tạo thêm tội dấu diếm. Phật Dược Sư biết thói chúng sinh, nên lập nguyện giúp chúng ta lấy lại thanh tịnh của giới thể.

Nhiều Phật tử phạm giới rất dễ dàng. Phạm lại thấy thích thú. Nghiệp họ tạo giống như đồng bùn: nước tượng trưng cho huệ, đất tượng trưng cho vô minh. Nước bùn là tình trạng phá giới: không có gì thơm tho đâu!

Giới như chiếc thuyền dùng để qua biển khổ. Tu là để dứt cái khổ, hay còn gọi là liễu khổ: đi từ bờ phiền não bên này qua bờ Niết Bàn bên kia. Đi trên biển cả mà thuyền có nhiều lỗ thủng nên nước nó chảy vào thành ra không thể đi nhanh được, và sẽ đắm tàu.

Hỏi: Người thọ giới là tự nguyện, Đức Phật rất từ bi không ép buộc ai, tại sao lại khuyên thọ giới biết rằng sẽ phá giới và đọa?

Đáp: Chúng sanh còn vô minh nên thích làm bậy, tâm không cần khuyến khích cũng phạm giới. Thông thường phạm giới là do vì cần thỏa mãn dục tính. Có một lý do khác nữa là thiếu tự chủ.

Phật không cố ý chế giới pháp để cho chúng sinh phạm giới. Tu hành chưa đủ khó sao lại thêm giới pháp để làm khổ chúng ta thêm vậy? Quý vị hiểu lầm rồi! Giới không phải làm cho quý vị tổn thất hay bị ràng buộc. Quan trọng của giới là để mô tả cho biết chỗ nào nguy hiểm. Nếu còn trong phạm vi an toàn thì không sao, nhưng một khi đi đến mé của vực thẳm thì chúng ta phải cẩn thận. Cũng như khi lái xe nếu lái ở freeway thì không sao nếu lái trong đường núi là chỗ nguy hiểm phải lái cẩn thận hơn, bởi vì đường núi rất dễ mất mạng. Cho nên giới là để cho chúng ta biết chỗ nào an toàn và chỗ nào không an toàn.

Giới pháp đâu có tạo thêm chỗ nguy hiểm! Nó tự có sẵn rồi. Giới như bản địa đồ, có lợi cho chúng sinh vì giúp chúng ta sớm nhận diện những tai hại và chạm bẫy. Hơn

nữa, đâu có biết, chúng sinh vẫn cố ý phạm chứ Phật đâu có cấm được?

Nếu biết thọ giới và học cách tự chủ và không phạm giới lại tạo ra được nhiều phước hơn là người không thọ giới. Tạo phước do tự biết kềm chế. Ngược lại, nếu thọ giới rồi cố ý phạm thì tội còn nặng hơn là không thọ giới: tội nặng vì rõ ràng biết mà cố phạm. Tóm lại, người biết tu thì biết dùng giới pháp. Người không muốn tu không cần thọ giới.

Tu hành không phải cái gì cũng đẹp hay cao thượng lắm đâu! Tu hành rất cực và khổ sở: đầy những chuyện không vừa ý. Chính trong cái không vừa ý và cái khổ sở đó, mới thấy được cái lạc thật sự và cái đẹp thật sự. Cái đẹp bên ngoài của thế gian pháp mà các vị thấy được đó là cái đẹp giả, khi tu mới thấy được cái đẹp của sự thật.

“Tịnh hạnh” tức là hạnh thanh tịnh. Tịnh hạnh là tránh làm những chuyện dâm dục.

Nếu biết thành tâm tu pháp môn Dược Sư, **thì Ta khiến cho tất cả đều không khuyết giới**, không phạm giới, như trăng tròn, không có khuyết. Phạm giới hay phá giới là sẽ đọa tam đồ. Một khi đọa tam ác thú thì phải chịu muôn ngàn vạn thống khổ và rất khó thoát khỏi. Pháp Dược Sư giúp chúng sanh không đọa tam đồ mà ở trên thiện đạo, nếu không khuyết giới. Những người giữ giới, không phạm giới, họ có nét đẹp đặc biệt. Người giữ giới không phải đẹp ở bên ngoài như phải vẽ mắt kẻ môi hay bôi phấn.v.v...mà cái đẹp từ trong phát ra.

đầy đủ tam tụ giới.

“Tam tụ giới”: có ba loại. Tụ nghĩa là nhiều.

- 1) Giới để nhiếp chúng sanh. Nhiều loại giới khác nhau, có loại giới để nhiếp nhiều loại chúng sanh. Đây là pháp tu để giúp đỡ và nhiếp thọ tất cả chúng sanh, không phải chỉ chọn người tốt để giúp mà giúp hết tất cả mọi người. Tụ pháp này hoàn tất được Hóa Thân.
- 2) Giới gồm những thiện pháp. Tu tất cả các thiện pháp, mười ba la mật, tám vạn bốn ngàn pháp trợ đạo. Là không làm những chuyện ác mà làm tất cả những chuyện tốt. Làm như vậy tất được Báo Thân. Báo Thân này tức là thân của Phật rất đẹp, cái đẹp của Báo Thân là từ chỗ hành chuyện tốt không làm những chuyện ác. Một người khi đã làm chuyện ác, dầu họ mặc áo quần sang đẹp, ăn nói ngọt ngào, giàu có, nổi tiếng nhưng khi tiếp xúc với họ, tâm ta tự nhiên cảm thấy sợ sệt bất an, không muốn gần gũi. Kẻ làm ác thường bị chúng sanh xa lánh.
- 3) Giới gồm giới và luật: được giảng tường tận trong luật tạng. Khi tu những giới luật này thì sẽ hoàn tất được Pháp thân.

Tụ giới đầu tiên là nhiếp tất cả chúng sanh. Đó là tha lợi: như Bồ tát giới là để lợi ích cho nhiều người khác. Tụ giới thứ nhì và thứ ba là để cho tự lợi.

Giả sử có người hủy phạm, nghe được danh hiệu Ta, hoàn đắc thanh tịnh, khởi đọa ác thú.

Nguyện thứ năm của Dược Sư không có nghĩa là khi cố ý phạm giới rồi tu pháp Dược Sư này, thì pháp sẽ không giúp

được, bởi vì cố ý phá giới nên không thể giúp được và cũng không có lợi ích gì hết.

Lạ nhất là người tu biết phạm giới, biết phá giới nhưng ít người biết tu pháp Dược Sư để hồi phục sự sút mẻ.

Lời Kinh:

Nguyện thứ sáu, Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề, nếu chư hữu tình nào, thân thể hạ liệt, các căn không đủ, xấu xa ngoan ngu, mù điếc câm ngọng, luyến què lưng còng, lác hủi điên cuồng, chủng chủng bệnh khổ, nghe đến danh hiệu Ta thì được đọa chánh diệt huệ, các căn đầy đủ, không còn bệnh khổ.

Lời giảng:

Nguyện thứ sáu, Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề, nếu chư hữu tình nào,

Đại nguyện thứ sáu là về hình tướng và tật nguyên. Dược Sư Phật rất đại từ bi: Ngài biết sự thông khổ của tật nguyên. Bệnh thì còn có thể chữa hoặc bị chết thì hết. Nhưng tật nguyên không thể chết mà phải sống để bị dày vò.

thân thể hạ liệt: thân thấp nhỏ và yếu đuối.

Tôi còn nhớ lúc trước trong đạo tràng của Ngài Tuyên Hóa có một cặp vợ chồng người Hoa. Cuối tuần thường đem cậu con trai đầu lòng đến chùa. Cậu ta tứ chi bại hoại từ lúc sinh. Càng lớn càng nhiều khó khăn. Như lúc mười lăm tuổi thì gân bị rút nên rất đau đớn. Sau lại phải giải phẫu để

cắt gân của tứ chi: cậu ta cực kỳ đau đớn và cha mẹ vô cùng khổ tâm.

các căn không đủ

Lục căn bị thiếu: như thay vì có lỗ mũi thì chỉ có cái lỗ ngay giữa mặt, thật là khó coi.

xấu xa ngoan ngu

Thân hình xấu xí, ai cũng muốn né xa để khỏi nhìn thấy. “Ngoan” là ngoan cố: không chịu nghe lời, không biết điều, không phục thiện. “Ngu”: ngu dốt, không hiểu gì cả.

mù điếc câm ngọng

Có lục căn nhưng lục căn bị hư nên không thấy, không nghe, không nói được.

luyện què lưng còng

“Luyện”: co quắp, co rút

“Què”: chân bị bại, không đi được

“Lưng còng” như người bị gù.

lác hủ điên cuồng

“Lác hủ”: bệnh da hoặc tóc rụng.

“Điên cuồng”: thiếu lý trí.

chủng chủng bệnh khổ

Đủ loại bệnh (thể xác) khổ (tinh thần).

nghe đến danh hiệu Ta thì được đọa chánh, thân tâm ngay thẳng, chính trực **hiệt huệ**, tâm sáng suốt và có trí huệ **các căn đầy đủ, không còn bệnh khổ.**

Một khi nghe hồng danh của Phật thì những tật nguyên tiêu tan hết.

Cũng như bên Việt Nam sau ba mươi năm chiến tranh chấm dứt, ở các vùng xa xôi rừng núi có rất nhiều trẻ em sanh ra bị tật nguyên. Tật nguyên lại truyền cho đời sau: cha mẹ sanh đứa con ra bị tật, kế đến đứa con đó sanh ra đứa cháu cũng bị tật nguyên. Vì cách đây ba mươi năm Mỹ đem chất độc màu da cam (agent orange) thả xuống rừng để rừng không còn mọc lá, nên chất độc đó đã ảnh hưởng đến những đứa trẻ, đứa thiếu mắt, đứa thiếu mũi, đứa thiếu tay chân, hay cả tay chân đều cong vẹo.v.v... Nay chúng ta đi vào siêu thị tại Mỹ thấy người ta có để mấy tấm hình những đứa trẻ bị tật nguyên.

Đời Tống bên Trung Hoa, có người phụ nữ tu trì Dược Sư thân chú, lễ và niệm Dược Sư Phật. Một hôm bị bệnh, gặp vị Thầy tu và xin được giúp. Vị tăng giảng cho nghe nhân duyên của Tịnh độ của Dược Sư Phật. Bà ta nghe và cảm thấy đại hoan lạc. Đêm đó nằm mơ thấy Dược Sư Phật tới cầm tách thuốc. Bà ta uống xong, thì toát mồ hôi và tâm thần cảm thấy khinh an. Khi tỉnh dậy thì lành bệnh.

Những dữ kiện này được ghi chép từ những triều đình xưa, theo lệnh các hoàng đế.

Lại có một người phụ nữ bị mù. Gặp một vị sư dạy trì danh hiệu Dược Sư Phật. Bà ta trì trong ba năm thì mắt sáng trở lại. Tại sao có người nghe một lần là được, còn có người nghe đến ba năm mới được? Bởi vì mỗi người có phước

duyên khác nhau và chướng ngại khác nhau không thể nói được, những người có kết quả nhanh là do họ có phước nhiều hơn hoặc lòng cực kỳ thành tâm.

Vào thời nhà Thanh có Quốc Sư Ngọc Lâm 玉琳 kiếp trước là Thầy tu nhưng lục căn không đủ, xấu xí, gù lưng và đàn độn. Đàn na tín thí cúng dường cũng khinh khi. Nghe đến pháp Dược Sư và phát tâm hành trì. Kiếp này thành Ngọc Lâm Quốc Sư vừa đẹp trai lại có đại trí huệ, rất nổi tiếng và làm Thầy của Vua.

Lời Kinh:

Nguyện thứ bảy, Ta nguyện đời sau khi đắc Bồ Đề, nếu chư hữu tình nào bị chứng bệnh bức thiết, vô cứu vô qui, vô y vô dược, vô thân vô gia, bần cùng đa khổ, hể danh hiệu Ta lọt vào tai một lần, thì chúng bệnh đều tiêu trừ, thân tâm an lạc, gia quyến tư cụ, tất cả phong túc, cho đến chứng đắc vô thượng Bồ Đề.

Lời giảng:

Nguyện thứ bảy, Ta nguyện đời sau khi đắc Bồ Đề, nếu chư hữu tình nào bị chứng bệnh bức bách thiết cần kíp: bị đủ loại bệnh dày vò ngày đêm.

Đại nguyện thứ bảy là để chữa bệnh cho chúng sinh. Pháp Dược Sư Phật trị được bá bệnh mà không cần dùng thuốc men.

vô cứu vô qui

Không ai chịu ra tay cứu, không biết quay về đâu cầu cứu hoặc nương tựa.

vô y vô dược

Không ai chịu khám bệnh. Hoặc khám xong thì không có tiền mua thuốc.

Thầy Đông Y có bốn trình độ khác nhau là: Công, Xảo, Thánh, Thần. Công 功 là phải bắt mạch mà biết bệnh. Xảo 巧 là hỏi mà biết bệnh là gì, không cần bắt mạch. Thánh 聖 tức là chỉ nghe âm thanh thôi là biết chúng ta bị bệnh gì. Sau cùng là thần 神, cũng gọi là thức: khi nhìn là biết đang bị bệnh gì.

vô thân vô gia

Không có thân thuộc và không có gia đình hoặc nhà cửa.

bần cùng đa khổ

Cực kỳ nghèo cùng, khổ sở kẻ không hết.

hễ danh hiệu Ta lọt vào tai một lần, thì chúng bệnh đều tiêu trừ,

Nghe đến đây thì xin quý vị đừng đa nghi. Đức Phật không dối đâu. Nếu thật tâm tin thì sẽ có cảm ứng.

thân tâm an lạc

Pháp Dược Sư có nhiều hiệu nghiệm vì trị tại gốc. Hơn nữa, còn có thể ban an lạc cho bệnh nhân.

gia quyến tư cụ, tất cả phong túc

Lành bệnh lại còn có người thân và quyến thuộc. “Tu” là những thứ cần dùng. “Cụ” nghĩa là đầy đủ. “Phong” là phong phú: có nhiều. “Túc”: toại ý, không thiếu gì cả. Giàu có và còn có người để được trông cậy và chia sẻ niềm vui.

cho đến chứng đắc vô thượng Bồ Đề.

Cuối cùng sẽ đạt được cái quý báu nhất: thành Phật.

Bịnh có ba loại:

- 1) Do tứ đại không thăng bằng, nếu tứ đại thăng bằng thì không bị bệnh. Thế gian pháp có thể chữa được bệnh của tứ đại, không chữa được hai loại sau.
- 2) Do ma quỷ tạo, như bệnh điên.
- 3) Do nghiệp báo mà phải trả. Như kiếp trước giết người, nay nó tìm tới đòi nợ máu.

Chữa bệnh tức là đòi can thiệp vào chuyện người. Nếu can thiệp bậy bạ là nó sẽ đến đòi mạng người trước tiếp đến đòi cả chúng ta nữa. Y khoa thế gian chỉ trị được bệnh tứ đại. Ngoại đạo có cao minh lắm cũng chỉ trị được loại bệnh thứ hai: do ma quỷ tạo. Loại thứ ba: do nghiệp báo phải cần pháp Đại Thừa như Dược Sư pháp mới giải quyết được.

Lời Kinh:

Nguyện thứ tám, Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề, nếu có nữ nhân bị trăm ác của thân nữ bức não, cực sinh chán ghét, muốn bỏ nữ thân, hãy nghe danh hiệu Ta, thì tất cả đều được chuyển nữ thành nam, có đủ tướng trượng phu, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề.

Lời giảng:

Nguyện thứ tám, Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề
Nguyện này là nói về Nam và Nữ, thế giới mình có Nam có Nữ, nhưng nguyện này thật ra không phân biệt Nam Nữ nữa. Trong Quốc độ của Phật Dược Sư không có nam có nữ. Thông thường trong Quốc độ của Chư Phật dùng từ nam là thể hiện cho tướng trạng phu, chớ thật ra không có nam có nữ. Như cõi Ta bà này, hai giới trên là cõi Sắc giới và Vô sắc giới không còn tình dục giữa nam và nữ. Còn cõi Dục giới thì chúng ta còn chấp trước tình dục nên có nam có nữ.

nếu có nữ nhân bị trăm ác của thân nữ bức nã

Nói đến đây là có thể động chạm vào phái nữ ở xã hội Mỹ. Thật ra, chúng sinh được thân người nữ là vì nghiệp nặng hơn người nam. Phái nữ phải chịu đựng sự áp bức của “trăm” thứ phiền não như kinh nguyệt, thai nghén, sinh sản, trọng nam khinh nữ v.v...

Phái nữ thường có thập ác:

1. Lúc sinh cha mẹ không hài lòng.
2. Nuôi dưỡng con gái thiếu hứng thú.
3. Phụ nữ thường sợ người.
4. Cha mẹ phải lo âu chuyện hôn nhân cho con gái.
5. Lớn lên sẽ rời bỏ cha mẹ một mình.
6. Lấy chồng thì thường sợ chồng.
7. Sinh đẻ khó khăn, sợ sinh đẻ.
8. Hành động thường bị báo với cha mẹ là không tốt.

9. Thường bị chồng kèm chế. Không tuân theo thì bị ly dị.
10. Lúc già, thường bị con cháu khinh thường và cai quản.

cực sinh chán ghét, muốn bỏ nữ thân,

Tâm cực kỳ bất mãn và sinh lòng chán chường và muốn rời bỏ thân nữ.

hễ nghe danh hiệu Ta, thì tất cả đều được chuyển nữ thành nam, có đủ tướng trạng phu, cho đến chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề.

Đều được toại nguyện nhờ tu pháp Dược Sư Phật.

Lời Kinh:

Nguyện thứ chín, Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề, khiến chư hữu tình, thoát vòng ma lưới, giải thoát nhất thiết ràng buộc của ngoại đạo, nếu bị đọa chủng chủng rừng rậm ác kiến, đều được dẫn nhiếp, trí trên chánh kiến, dẫn khiến tu tập chư hạnh Bồ Tát và tốc chứng vô thượng chánh đẳng Bồ Đề.

Lời giảng:

Nguyện thứ chín, Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề, khiến chư hữu tình, thoát vòng ma lưới, giải thoát nhất thiết ràng buộc của ngoại đạo

Nguyện thứ chín là để giúp chúng sinh thoát lưới ma và ràng buộc của ngoại đạo. Ma quái thường dùng nhiều thuật để làm chúng sinh có tà kiến và làm bậy. Nếu biết nhờ

Dược Sư Phật nguyện lực thì dễ thoát lưới ma hơn.

Ma với Ngoại đạo rất nguy hiểm: thân cận chúng nó chỉ có hại thôi.

Ma có bốn loại:

1. Phiền Nảo Ma: như ma tham ăn, làm cho chúng ta bị dày vò khổ sở.
2. Âm Ma: của ngũ âm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Tu cao lên sẽ gặp những loại ma này. Vô phương tránh chúng nó. Tội nó rất dữ vì mục tiêu của âm ma là phá hoại công phu tu hành của mình. Âm ma rất nguy hiểm, tại sao vậy? Tại vì nếu tu không cẩn thận nó sẽ làm mình bị lạc đường. Bởi vậy tội âm ma này rất đáng sợ.
3. Tử Ma: ai sớm muộn cũng sẽ gặp loại ma này.
4. Thiên Ma: trụ ở tầng trời thứ sáu của Dục giới. Họ rất đáng sợ vì có rất nhiều thần thông và cực ác. Họ đang quan sát chúng ta và có đủ phương pháp để dụ dỗ chúng sinh vào lệ thuộc nó. Ví dụ như máy điện não làm chúng ta lệ thuộc vào nó, máy này là do tội thiên ma sáng tạo. Bởi vì tội thiên ma luôn luôn kích thích chúng ta, làm phải thỏa mãn dục tính. Cũng như những người thường chơi game trên computer thì thân và tâm sẽ bị lệch. Nếu bị lệch như vậy khí bị tán, thần trí thì bị tán loạn. Kế đến là tay chân lạnh. Kế tiếp là dục tính tăng trưởng.

“Lưới ma”: mô tả cách chúng nó thường thích hãm hại chúng sinh. Chúng nó giăng bẫy làm chúng sinh bị mắc

lưới. Một khi lọt lưới thì đời đời kiếp kiếp lệ thuộc vào bọn nó.

Hỏi: Chúng ta tu cách nào để thoát khỏi bốn loại ma này?

Đáp: Thật ra có tốt thì cũng có xấu. Tốt xấu đi song song với nhau. Cái tốt cái xấu nó cùng có một lúc. Bốn loại ma này thật ra có thể giúp chúng ta tu. Không cần phải quá lo âu sợ sệt. Càng tu cao thì sẽ được dạy phương pháp đối trị.

Còn sách nghệ thuật thì sao? Nếu sách nghệ thuật mà kích thích chúng ta cũng không tốt. Như có một cái đĩa DVD dạy về tâm quất bảm huyết. Bảm huyết có thể giúp cho khí trong người lưu thông. Tôi coi xong DVD và khám phá rằng mục tiêu chân thật của nó là dạy chúng sinh một phương pháp kích thích dục tính!

Theo ngoại đạo thì bị tà kiến ràng buộc. Họ có nhiều phương pháp tu luyện khá hay giúp họ có sự hiểu biết hơn người. Nhưng sự hiểu biết đó không rốt ráo. Phần lớn thuộc về tà kiến vì không tin luật nhân quả. Những gì mà chúng ta thấy được đều tuân theo luật nhân quả.

Hòa Thượng Tuyên Hóa nói ma cũng có lợi cho việc tu hành. Tại sao vậy? Nó giúp thấy được cái lậu của chúng ta. Nếu không biết bị lậu chỗ nào thì làm sao sửa? Vậy lúc nhập định có bị ảnh hưởng gì không? Không, lúc nhập định không bị ảnh hưởng.

Điều quan trọng là phải biết đúng hay sai, đúng thì làm còn sai đừng làm, nếu đã biết sai mà cứ cố làm đó là bị ma

chương, là đang phục vụ cho chúng nó.

Ai cũng có lãnh thổ, vì vậy khi đi đâu, sẽ xâm phạm lãnh thổ của người ta. Trước sau gì cũng đụng chạm chúng ma. Ma chúng đi đâu cũng thích giăng lưới, tà ma ác kiến nó trùng trùng. Kinh dùng cái lưới ma là dụ cho pháp của tụi ma, làm sao nhận ra được? Vì một khi tu theo pháp ma là càng ngày càng nóng thêm và càng ngày càng ngốc hơn, càng ngày càng tự cao tự đại hơn. Như vậy là xa cách với quyền thuộc của Phật. Vậy làm sao để được an toàn? Muốn an toàn thì phải có chánh kiến, không phạm giới. Nếu phạm giới mà thấy thích thú là đang bị ma giật dây. Tụi ma quỷ và ngoại đạo dụ chúng ta đời đời kiếp kiếp, chớ không phải một đời này là xong đâu. Ít nhất cũng chín đời, một khi bị nó bắt và lọt lưới nó rồi thì rất khó thoát.

Còn ngoại đạo thì sao? Ngoại đạo tìm cách tu ngoài cái tâm. Nó dùng đủ phương pháp để chế phục quyền thuộc của nó. Nó thường dụ lòng tham: được lợi mà không tốn kém gì hết. Cũng như thời đại này nó truyền pháp chữa bệnh cho hay truyền pháp có khả năng đặc biệt. Tụi này mà lỡ theo nó rồi, một khi muốn thoát nó không phải dễ. Muốn bỏ chạy thì nó sẽ cắt cổ, trừng phạt làm gương. Có một số người theo Hòa Thượng Tuyên Hóa tu, trước đó họ đã theo tụi Ngoại Đạo, từ ngoại đạo mà bỏ qua Hòa Thượng Tuyên Hóa. Nhóm này khám phá rằng ngoại đạo thường trừng trị những vị đào ngũ.

Cũng như trước kia tôi có nhận một người đệ tử. Lúc trước, bà tu theo ngoại đạo. Tụi ngoại đạo rất quý bà, bởi vì bà là người da trắng, bà rất khéo léo nó muốn dùng bà để

truyền bá pháp của chúng được thêm thịnh hành. Sau khi học thiền với tôi vài tháng, bà liền đổi ý. Bà nhận định rằng pháp của ngoại đạo thua xa Pháp Đại Thừa. Bà quyết định bỏ và xin quy y Tam Bảo. Khi khám phá có người dám đào ngũ bọn ngoại đạo rất giận dữ và muốn trừng phạt Bà. Nhưng trừng phạt Bà không được, bởi vì Bà đến quy y với tôi. Thành ra nó xoay qua đấu pháp với tôi. Tôi không muốn dành đệ tử của người nhưng phải chịu đòn vì cần bảo vệ cho đệ tử. Trong cái khổ lại có cái hay: học trò tôi thấy cách chúng tôi giải pháp ngoại đạo một cách dễ dàng nên càng tin thêm vào Đại Thừa.

Một ví dụ đấu pháp với bọn ngoại đạo này: đấu qua đấu lại được vài phen, bỗng nhiên một bữa nợ nó gọi đàn ong qua nhà tôi. Từ cửa sổ nhà bếp nhìn ra ngoài sân có tàng cây trên đó có khoảng mười ngàn con ong đến xây tổ. Tôi hỏi người em tôi phải làm gì. Nếu trong nhà mà có tổ ong to như vậy không phải là chuyện chơi. Em tôi nói ngày sau mặc áo trùm kín từ đầu đến chân rồi lấy ống nước xịt để đuổi chúng nó đi. Nhưng tôi nghĩ: làm như vậy những con ong nó giận dữ lắm và những đứa nhỏ chơi trước nhà hay những người ở lán giềng sẽ bị nguy hiểm. Vì vậy cuối cùng tôi quyết định dùng phương pháp khác để đuổi nó đi. Chiều đó tôi cho ong nếm thử hương vị một chiêu đuổi địch của tôi. Tôi cảnh cáo bọn ong, bảo phải dời ra khỏi vùng nhà tôi. Nếu không thì tôi sẽ đánh thẳng tay. Ngày sau, trong lúc tôi đang nấu cơm bọn nó đến nói: “OK! Thầy thắng rồi”! Rồi nội trong mười lăm phút, chúng nó tự động bỏ đi: và từ từ dọn ra khỏi vùng lán giềng của nhà tôi.

nếu bị dọa chũng chũng rùng rậm ác kiến

THÍCH VĨNH HÓA dịch giảng

Nhiều ngoại đạo có định lực khá cao. Một số có thể đạt đến đệ bát định. Nên họ thấy khá rõ và trí óc khá sáng suốt. Họ không khỏi tự cho là có trí huệ hơn người. Thật ra họ lầm, bởi vì pháp của ngoại đạo cũng như rừng rậm toàn là kiến thức sai lầm. Trong cái rừng rậm này rất dễ bị mất phương hướng. Khi vào rừng rậm đó rồi khó mà thoát ra, rừng rậm có ý nghĩa như vậy.

Từ một tà kiến sinh ra thêm tà kiến khác, càng ngày càng chồng chất lên nhau. Đây là khuynh hướng triết lý học hiện đại: tạo triết lý mới từ quan niệm sai lầm thì càng ngày càng khó thoát rừng rậm của tà kiến.

Thời đức Phật Thích Ca, người Ấn Độ có sáu mươi hai loại tà kiến:

- Sắc thị ngã: thân này là tôi,
- Ly sắc thị ngã: Tôi ngoài cái thân,
- Sắc đại ngã tiểu, ngã tại sắc trung: sắc rất lớn mà tôi rất nhỏ, tôi ở trong cái sắc,
- Ngã đại sắc tiểu, sắc tại ngã trung: tôi rất là lớn tôi là vô tận, còn sắc thì rất là nhỏ, sắc ở trong tôi.
- Trong sắc, thọ, tưởng, hành và thức đều có bốn loại kiến này, cho nên bốn loại này nhân với năm sắc âm thành ra hai mươi tà kiến
- Nhân với ba thời Quá Khứ, Hiện Tại và Vị Lai thì tổng cộng có sáu mươi tà kiến tất cả
- Cộng thêm cái Thường và cái Diệt như vậy có tất cả là sáu mươi hai tà kiến,

Chánh kiến có hai loại:

1. Thế gian đạo đức thiện pháp là chánh kiến 世間道德善法, chẳng hạn như bên Công Giáo dạy bố thí làm việc thiện. Cái đó là chánh kiến là thế gian đạo đức. Đó là chuyện tốt đáng khen,
2. Xuất thế cứu cánh Phật Pháp 出世究竟佛法, đây là sự hiểu biết sâu rộng hơn và cao hơn, đem đến giác ngộ.

đều được tiếp dẫn nhiếp thọ (không từ bỏ bất cứ ai), **trí (đặt) trên chánh kiến**

Chánh kiến rất quan trọng, cho nên việc quan trọng đầu tiên quý vị tu trong Bồ Tát Đạo là phải có chánh kiến. Vì vậy, chùa chúng ta buổi sáng luyện công, buổi chiều giảng pháp. Học pháp là để giúp trừ bỏ những tà kiến.

dần dần (nên từ từ mà chuyển hướng như chuyển hướng thuyền thì cần có nhiều thời gian) **khiến tu tập chư hạnh Bồ Tát và tốc chứng vô thượng chánh đẳng Bồ Đề.**

Lời Kinh:

Nguyện thứ mười, Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề, nếu chư hữu tình nào bị, vương pháp gia tội, trói buộc đánh roi, giam buộc lao tù, hoặc đáng hình lục và mọi vô lượng tai nạn áp nhục, bi sầu bức bách, thân tâm thọ khổ, hễ nghe được danh hiệu Ta, dựa phước đức oai thần lực Ta, đều đắc giải thoát nhất thiết ưu khổ.

Lời giảng:

Nguyện thứ mười, Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề, nếu chư hữu tình nào bị,

Đại nguyện thứ mười đối phó với việc phạm luật.

vương pháp gia tội

Bị luật pháp nhà vua/nước kết tội.

“Vương pháp”: luật của nhà vua.

trói buộc như bị mang gông, bị xiềng xích; bị **đánh đập** quát **roi, giam buộc lao tù** hoặc bị ở tù.

Mỗi nước có vua lãnh đạo hoặc là Tổng Thống lãnh đạo. Họ thành lập những pháp luật để cho có sự công bằng trong xã hội và giúp đỡ, đem lợi ích cho dân chúng. Nếu biết tuân theo luật thì được bảo vệ và được an toàn. Không tuân theo luật thì bị bắt nhốt và bị trừng phạt. Nguyện này giúp người phạm luật.

hoặc đáng hình lục

“Hình 刑”: phạt tội.

Nước Tàu đời xưa mà phạm luật khi bị bắt có năm loại “hình” luật:

1. Si 笞: bị đánh bằng roi hay bị đánh bằng gậy
2. Đồ 徒: bị giam
3. Lưu 流: bị đuổi ra khỏi ranh giới hay ra khỏi nước, vào chỗ khó sống, chẳng hạn như vào chỗ căn cõi như chỗ hoang vu không trông trông được,

4. Giảo 絞: bị treo cổ,
5. Trảm 斬: bị chặt đầu,

“Lục 戮”: bị xử tử.

Cho nên sống trong xã hội có những cái lợi, cũng có những cái hại.

Trang Tử 莊子, thời Tam Quốc rất nổi tiếng, nói: “有人者累, 見有於人者憂” hữu nhân giả lụy, kiến hữu ư nhân giả ưu”: nếu như có người nương tựa mình là tạo cho chúng ta những cái lo âu.

Cho nên Phật Pháp có phần chánh báo, y báo và cộng báo. Như sống trong nước mà bị chiến tranh đó gọi là cộng báo. Cũng như đất nước Việt Nam luôn bị chiến tranh đó là đang bị cộng báo. Còn sống trong đất nước Mỹ thì không bị chiến tranh, cho nên người Mỹ không bị cộng báo về chiến tranh.

và mọi vô lượng tai nạn áp nhục, bi sầu bức bách, thân tâm thọ khổ,

“Áp”: đàn áp, bị xâm phạm, khinh thường.

“Nhục”: sỉ nhục, nhục mạ.

“Bi”: bi ai, đau buồn

“Sầu”: buồn lo

“Bức bách”: áp lực rất cao.

“Thọ”: là những cảm giác; thọ gồm có:

1. Lạc 樂: những cảm giác tốt
2. Khổ 苦: những cảm giác khó chịu
3. Xả捨: loại trung dung, không tốt cũng không xấu.
4. Ưu 憂: cảm giác thứ tư là Ưu tức là lo,
5. Hỷ 喜: vui.

Ba loại cảm giác đầu thuộc về cảm giác thân thể, cũng tức là sắc, bởi vì nó có cảm giác thích thú và không thích thú. Khi nói những cảm xúc về thân thể mình, tức là nói cảnh giới này, mình luôn có ba cảm giác trên như khó chịu, thích thú hay không khó chịu không thích thú.

Ngược lại, Ưu với Hỷ: thuộc về tâm thọ nghĩa là tâm mình đang lo đung về quá khứ hoặc tương lai, là mình có cảm giác thích thú hoặc là lo âu. Tại sao không có xả/trung dung của tâm thọ? Tâm thọ chưa được trung dung là cái tâm còn phàm phu, khi nào có trí tuệ rồi thì mới thấy được trung dung của cái tâm.

“Khổ”:

Sau cái khổ và sướng là có thọ luôn giựt giãy chúng ta, tạo sự chấp trước. Trong nhân gian, con người khổ nhiều hơn sướng. Trong sáu tầng Trời Dục Giới thì thọ lạc nhiều hơn là thọ khổ, cho nên nhiều người thích sanh lên cõi trời. Mặc dầu ở cõi trời dục giới rất sung sướng, nhưng chung quy cũng không thoát được cái khổ khi phước báu tận và suy tướng hiện tiền.

Người thế gian thường khổ nhiều hơn vui. Nhưng đã quen

nên không thấy mình cực. Sanh lên cõi Dục thiên thì có đầy đủ, luôn hưởng thọ lạc. Nhưng cuối cùng các vị ở trời có năm suy tướng hiện ra khi họ sắp hết phước. Lúc đó họ khổ không thể tưởng, bởi vì họ sướng quá nên khổ một chút họ chịu không nổi.

Còn cõi Sắc giới và Vô sắc giới họ không còn bị lo nữa. Nhưng khi họ xuất định họ vẫn bị phần đoạn sanh tử. Họ cũng vẫn còn bị biến dị sinh tử áp bức: tức là tư tưởng chạy điên cuồng trong đầu nhưng vô phương chặn đứng lại.

Bởi vậy tu là để diệt khổ hay thoát khổ và đắc lạc. Đạt được Niết Bàn rồi thì chỉ toàn là lạc thôi chứ không có thọ khổ.

Cái cảm giác thoải mái dễ chịu này thật ra đang trông cái nhân cho cái khổ trong tương lai. Ngược lại sự tu luyện tuy có khó khăn thậm chí còn khổ nữa nhưng chính là đang trông nhân cho hỷ lạc ở tương lai.

Cái khổ nó tới rồi nó sẽ đi. Có câu: “Tam thế duy tâm, vạn pháp duy thức 三界唯心，萬法唯識”, thế giới đang sống đây do tâm tạo ra, còn vạn pháp là bất cứ cái gì quý vị thấy được từ cái thức thấu thập. Nếu quý vị không chấp trước thì làm gì có cái ưu có cái khổ, lo khổ là gì? Tâm tạo ra thế giới, và thức tạo ra vạn vật. Làm sao dứt được cái khổ bây giờ? Niệm Hồng Danh của Dược Sư Phật, khi niệm Phật lâu rồi nhờ Phật lực tâm sẽ an lạc. Vì vậy trong khi bị tai nạn cũng không thấy khổ cũng không thấy lo gì hết.

Nguyện thứ mười này cho thấy có hai loại giải thoát mà pháp của Dược Sư Phật có thể đem tới cho chúng sinh. Nhất là khi tâm an rồi, hoặc là nhập Định thì sẽ giải thoát được ưu tư, cái khổ của cái tâm. Phần thứ nhì là thể xác, tức cái thân. Pháp Dược Sư có thể làm cho nghiệp chướng giảm đi và khiến chúng ta được cát tường được hưởng phước.

Hỏi: Dược Sư Thần Chú có ảnh hưởng như thế nào? Ảnh hưởng thân hay là tâm, ảnh hưởng cả hai thân và tâm?

Đáp: Chữa bệnh cho cả thân lẫn tâm. Pháp có năng lực chữa lửa nhưng công hiệu do sức lực của cá nhân.

Hỏi: Bây giờ chấp trước vào cái khó chịu hay vào cái thích thú, nếu đổi cái khó chịu và cái thích thú đó ra thành cái không khó chịu và cái không thích thú có giải quyết vấn đề không?

Đáp: Tôi bỏ nửa tiếng đồng hồ để giảng cho quý vị nghe về thọ, để cho quý vị biết là đang có những cảm giác như vậy có cả thân lẫn tâm trong đó. Biết để làm gì? Thọ là cảm giác, đem lại khổ và sướng, nếu muốn thật sự an lạc thì phải chặt cái thọ. Khi còn cái thích là còn khổ. Cho nên muốn ngừng khổ là phải chặt cảm thọ.

Hỏi: Nếu không chấp trước vào cái khổ và cái sướng như vậy thành đá hay thành gỗ rồi sao?

Đáp: Ví dụ có một người đang hành hạ đánh đập một con chó. Người thứ nhất là một người phàm phu, nghe tiếng

rên của con chó không khỏi khó chịu. Nhưng dần dà cái khó chịu sẽ vơi và hết. Có người thứ nhì, tu thiền định theo Ấn Độ Giáo. Nhờ có định lực cao, tiếng rên của con chó không còn xâm nhập vào tâm của họ. Còn người thứ ba là tu theo Thiền Môn của Đại Thừa, thì quán tưởng ra sao và chuyện gì xảy ra? Người có công phu tu thiền này, khi nghe tiếng rên của con chó cũng làm cho họ có cảm giác khó chịu nhưng tâm của họ không bị động. Người tu vẫn còn có cảm giác biết sướng biết khổ nhưng tâm không động. Nếu vẫn còn cái thân này, bị nhéo mũi thì vẫn còn biết đau. Phần đau của thể xác là cái quả cần phải trả, còn phần tâm thần thì chúng ta có thể tu luyện đến độ không cho nó động. Tâm động nghĩa là gì? Mặc dầu có xúc giác (do tiếp xúc với ngoại trần) nhưng không động niệm.

Một ví dụ khác: Có người kể một câu chuyện khôi hài vậy chúng ta có cười không? Cười nhưng tâm không bị động. Khi quý vị mở trí huệ chân thật, dù có thân động nhưng tâm không động. Tâm cũng không cần suy nghĩ.

Nay tôi hỏi quý vị: Nếu khi quý vị được khen quý vị nên thích không? Có người nói khi Phật có đến khen, Bà cũng không có động tâm. Người khác nói nên thích. Có người nói không nên thích, khi được khen. Vậy người tu hành không được sung sướng sao? Khi sung sướng để giúp người khác sung sướng thì nên nhận cái sung sướng đó! Khi cần khổ để giúp người khác hết khổ thì nên khổ! Đó mới gọi là trí huệ, đây là cảnh giới của Bồ Tát. Khi họ sướng là để giúp người khác sướng và khi chịu khổ là để giúp cho người khác hết khổ. Không những giúp cho người khen chúng ta mà còn phản ứng giúp cho những người

xung quanh nữa, cảnh giới của các vị Bồ Tát chúng ta thấy ly kỳ không? Khi cần sướng thì sướng, khi cần khổ thì khổ là để giúp những người xung quanh cùng một lúc. Các Ngài biết làm gì ngay lập tức, chớ không cần suy nghĩ.

Hỏi: Khi làm là dùng trí huệ mà làm/phản ứng, vậy thì các giác quan biết là tốt hay là xấu thế nào ra sao, còn biết không?

Đáp: Cái tốt cái xấu là cái gì, cái tốt và cái xấu là do óc phân biệt. Còn óc phân biệt là còn thấy xấu thấy tốt như thường. Bồ Tát có như vậy không? Phân biệt xấu tốt là do óc quý vị có phân biệt xấu tốt chớ Bồ Tát đâu có phân biệt, họ chỉ phản ứng với tâm phân biệt của quý vị thôi. Các vị Bồ Tát một khi có trí huệ rồi thì họ nhìn thấy kẻ xấu người tốt hay kẻ cả Ma Quỷ đều giống nhau bởi vì họ hết cái tâm phân biệt. Ngược lại, chúng ta còn là kẻ phàm phu nên phân biệt, chấp vào tốt và xấu, cho là ông Bồ Tát hiền, ông Bồ Tát dữ. Chúng ta thích đánh giá người. Bồ Tát thì đâu có phân biệt, bởi vì khi có huệ là không còn ngã.

Các vị Bồ Tát khi tu đến một trình độ cao rồi, như từ Thất Địa trở lên, họ sẽ tự tạo Phật Độ cho họ. Tạo thế giới của họ bằng cách nào? Bằng cách tu những hạnh nguyện của họ. Cho nên học kinh này khi thấy những hạnh nguyện của Chư Phật, Chư Bồ Tát, chúng ta cũng lập nguyện để trong tương lai cũng có được Tịnh độ riêng, để hoàn thành Phật độ của quý vị.

hễ nghe được danh hiệu Ta, dựa phước đức oai thần lực Ta, đều đắc giải thoát nhất thiết ưu khổ.

“Ưu”: lo âu.

Mạnh tử nói rằng chúng sinh có gánh nặng và lo âu. Gánh nặng là khi có người ỷ lại vào chúng ta. Lo âu là khi chúng ta ỷ lại vào người.

Vương pháp dùng hình phạt và giam tóng để cải hóa. Phật pháp thường dùng sám hối, mọi phương tiện để khai mở trí huệ mà hoàn thiện.

Lời Kinh:

Nguyện thứ mười một, Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề, nếu chư hữu tình nào bị sự đói khát hoành hành, vì cầu thực, tạo chư ác nghiệp, hễ nghe danh hiệu Ta, chuyên niệm thọ trì, thì trước hết Ta dùng thượng diệu ẩm thực ban bố cho thân họ được no đủ, sau Ta đem pháp vị, kiến lập nơi tất cánh an lạc.

Lời giảng:

Nguyện thứ mười một, Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề, nếu chư hữu tình nào bị sự đói khát hoành hành, vì cầu thực, vì tìm miếng ăn tạo chư ác nghiệp,

Tại sao có nguyện thứ mười một này, đầu tiên Đức Phật muốn giúp mình đạt những ẩm thực ngon và tốt, sau đó được pháp vị cam lồ,

Không tử nói rằng con người coi ẩm thực là tiên. Ông thường nói ẩm thực và sắc là những đại tham dục của loài người.

Đức Phật nói: “Nhất thiết hữu tình giai y thực trụ 一切有情，皆依食住” tất cả chúng sanh đều trụ vào thức ăn. Nếu không có đồ ăn sẽ bị đói, một khi bị đói thì sẽ bị phiền não. Rồi dễ sinh lòng sân hận và tạo ác nghiệp. Người cực đói rất tội nghiệp vì họ mất cả nhân phẩm. Vì cần ăn chúng sinh sẵn sàng tạo nghiệp. Trên thế giới ngày nay, mỗi ngày còn có biết bao nhiêu người đang bị cơn đói hành hạ.

Ngay người xuất gia như chúng tôi cũng vậy. Thường vì chén cơm, chũa, đồ đệ cũng tạo không biết bao nhiêu là nghiệp. Khi Đức Phật nói về đói khát, cũng nên hiểu là đói khát tất cả mọi thứ ham muốn. Thế giới thật sự khổ như vậy.

Hơn nữa, có câu: “Phú nhi hậu giáo富而後教”. Nghĩa là trước cho phước, sau mới dạy. Dạy gì? dạy cái huệ, giúp chúng sinh phát huệ và nếm mùi vị của vô thượng vô lậu Pháp vị.

Rất nhiều người đến hỏi tôi làm sao giúp thân nhân quyến thuộc hưởng được những tinh hoa của Đại Thừa. Họ nói: “từ khi tu ở chùa, thân con khỏe mạnh, tâm con sung sướng, công việc thông suốt, đời có ý nghĩa. Vậy có cách nào đem những lợi ích đó về cho người nhà không?” Quý vị hưởng được lợi của tu hành là nhờ đã từng trồng vô lượng vô biên phước nơi phước điền Đại Thừa. Nếu muốn người khác cũng được hưởng thì phải cho họ phước: “phú nhi hậu giáo”. Làm sao tạo phước cho họ? Thỉnh bài vị Dược Sư, hồi hướng công đức, khuyên họ nên bố thí: phải biết thay thế họ mà tạo vô lượng công đức với Đại Thừa.

Khi họ trở nên “giàu có”, tự nhiên họ tự muốn tạo công đức chứ không cần giúp họ nữa.

“Y thực túc nhi tri lễ nghĩa, thương lắm thật nhi thức liêm sĩ
衣食足而知禮義，倉稟實而識廉恥”.

“Y thực túc nhi tri lễ nghĩa”: nghĩa là ăn với mặc đầy đủ thì phải biết lễ nghĩa. Những người hoàng tộc ở Âu châu biết được điều lễ nghĩa này. Mặc dầu đồ ăn đồ mặc đầy đủ nhưng không thể bỏ lỡ lễ nghĩa: đó là quý phái “to have class”. Thế hệ trẻ thời nay chỉ lo đi học lấy cái bằng ra, rồi đi làm tiền nhưng họ không chú trọng lễ nghĩa.

Phần sau cũng rất hay, “thương lắm thật nhi thức liêm sĩ”: kho chứa thức ăn nhưng tâm biết trong sạch (không tham nhũng) và hổ thẹn (khiêm tốn; nghĩa là có đầy đủ thì phải biết thanh liêm (không tham lam) và có tự trọng (biết khiêm tốn). Vậy là có nhân cách.

“Thực”: ăn (uống).

Nói về đồ ăn, trong Phật Giáo có bốn loại đồ ăn:

1. Đoạn Thực 段食, của Dược Giới. Đoạn là có tính cách của sáu bụi trần (sắc, vị, thính, hương, xúc, pháp); lại có sắc và phân: trong phương diện thời gian và không gian. Thể gồm có xúc, hương và vị.
2. Xúc Thực 觸食, là những giác căn xúc giáp với bụi trần đó là đồ ăn của mình. Lục căn, lục thức đụng với lục trần có sự khoái lạc: đó là đồ ăn và có thể duy trì sinh mạng. Ví dụ như xem phim, hay xem bóng đá hoặc là nhìn đối tượng chúng ta

thích.v.v...thì tự nhiên không biết đói, không bị khát.

3. Ý Tư Thực 意思食, tâm hay trí mong muốn; sự mong muốn đó là đồ ăn. Ý mong muốn đó duy trì mạng sống đầu phải trải qua trăm sự cản trở ngàn sự dày vò: “雖經千挫百折而希望心不死, 亦得延其生命” tuy kinh thiên tóa bách chiết nhi hy vọng tâm bất tử, diệc đắc diên kì sinh mạng”. Những vị ở trong cõi Sắc Giới không “ăn”: họ chỉ nhìn vào (vi diệu) sắc thôi họ sung sướng và họ cũng đủ no rồi.
4. Thức Thực 識食, không như loại thứ ba, ý tư thực dựa vào đệ lục và thất thức, loại thứ tư dựa vào đệ bát thức: ăn bằng ý thức. Tức là ý thức được đồ ăn là đủ no rồi.

Hỏi: Khi tuyệt thực có phải là dùng một trong những pháp ăn này không?

Đáp: Nhịn ăn là một pháp đặc biệt. Ở Đài Loan có một người tu khí công, cô ta có thể nhịn ăn mấy năm. Cũng như có người tu luyện chỉ hấp thụ những tinh chất trong không khí ra để sống. Khi tuyệt thực là muốn chịu đói chứ không phải né đói.

Bởi vì người tu hành họ bớt lậu hoặc nên họ ít cần ăn và nghỉ hơn. Cũng như có một người Phật Tử, lái xe từ Nam California đến San Francisco hết bảy tiếng mà ông không nghỉ. Sau khi đến, ông ta không thấy mệt, bởi vì khi lái ông chỉ chăm chú vào việc lái xe thôi không chú ý chuyện khác.

Ông đã bớt lậu nên không thấy mệt.

Cơ thể con người thường hóa đồ ăn thành sức lực (energy). Khi không đủ thức ăn để biến thành nhiên liệu cho cơ thể, nó sẽ tự động cắt hết những nơi không cần dùng. Gần đây có những nhà khoa học gia medical researcher: họ nuôi hai nhóm khi một nhóm họ cho ăn đầy đủ, một nhóm họ cho ăn hơi thiếu (ăn hơi đói). Cuối cùng nhóm khi ăn đói lại sống lâu hơn rất nhiều so với nhóm khi ăn đầy đủ.

hễ nghe danh hiệu Ta, chuyên tâm tụng niệm thọ nhận với thân, duy trì với tâm, thì trước hết Ta dùng thượng diệu ẩm thực ban bố cho thân họ được no đủ, sau Ta đem pháp vị

Tu thiên duyệt thực, nếu được thiên duyệt thì sẽ đạt được Bồ Đề.

kiến lập nơi tất cánh an lạc.

“Kiến”: kiến thiết, xây dựng (tạm thời).

“Lập”: thành lập trong lâu dài.

“Tất cánh”: tột cùng, (mục tiêu) tối cùng

“An Lạc”: của Niết Bàn.

Trồng nhân đức Niết bàn của chư Phật.

Lời Kinh:

Nguyện thứ mười hai, Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đề, nếu chư hữu tình nào, bần vô y phục, muỗi manh nóng lạnh, ngày đêm bức não, hễ nghe đến danh hiệu Ta, chuyên niệm thọ trì, thì như sở thích, tức được các thượng diệu y phục, và đủ tất cả bảo trang nghiêm,

tràng hoa xoa hương, trồng nhạc chúng tài, tùy tâm thưởng thức, giai lệnh mãn túc.

Lời giảng:

Nguyện thứ mười hai, Ta nguyện đời sau, khi đắc Bồ Đê, nếu chư hữu tình nào,

Nguyện này giúp cho chúng sinh có những loại áo quần và có đồ trang nghiêm. Nguyện trước là về ẩm thực. Có ăn thì phải lo mặc.

Áo quần cần thiết vì để che nắng, che lạnh, che muỗi. Hơn nữa, không phải chỉ che thân, mà còn có dụng là làm cho thân đẹp và trang nghiêm nữa.

Người Á Đông có câu “phú nhuận ốc, đức nhuận thân 富潤屋，德潤身”，tức là nhà cửa đẹp chỉ cần đồ trang trí. Còn muốn cho thân đẹp chỉ có đức là làm đẹp thân rất bền lâu. Muốn đi thẩm mỹ viện để làm đẹp thân cũng được nhưng cái đẹp đó chỉ là cái đẹp giả không tồn tại lâu dài.

Hỏi: Làm sao tu đức?

Đáp: Muốn có đức phải giữ giới. Giữ giới là đang tu đức.

bần vô y phục

Cực kỳ nghèo đến độ không có áo quần mặc.

muỗi mạnh nóng lạnh

Chỗ ở lại thiếu vệ sinh, nên thường bị muỗi đốt và ruồi bu. Nếu nhà không có tường thì không đủ che nóng chống lạnh.

ngày đêm bức nã

Ngày đêm không được yên thân, lúc nào cùng thống khổ dày vò.

hễ nghe đến danh hiệu Ta, do rất nhiều phước đã được tích lũy từ kiếp trước, mà phát tâm **chuyên niệm thọ trì**, niệm Dược Sư Phật hồng danh **thì như sở thích**, muốn gì được nấy, **lập tức được các thượng diệu y phục**, làm bằng những vật liệu tuyệt hảo **và đủ tất cả bảo trang nghiêm**, có đầy đủ các loại thất bảo làm trang sức **tràng hoa xoa hương**, lại có tràng hoa, xoa hương (đòi trước người Ấn độ thoa hương lên thân; bây giờ thì dùng nước hoa) **trống nhạc chúng tài**, có ăn diện thì mở party: cần trống nhạc (thời nay dùng ban nhạc hoặc disc jockey), các loại biểu diễn (biệt “tài”) **tuỳ tâm thưởng thức**, tuỳ theo sở thích của mỗi cá nhân (nhạc rap hoặc classical, modern dance hoặc classical ballet) **giai lệnh mãn túc** đều khiến được mãn ý nguyện túc (không thiếu; không cần compromise).

Lời Kinh:

Mạn Thù Thất Lợi, đó là mười hai vi diệu thượng nguyện mà đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Ứng Chánh Đẳng Chánh Giác đã phát khi hành Bồ Tát Đạo.

Lời giảng:

Mạn Thù Thất Lợi,

Kinh Dược Sư này tại sao lại giảng với Bồ Tát Văn Thù Thất Lợi? Bởi vì chỉ có Ông Bồ Tát Đại Trí Huệ này mới

hiểu những lời nguyện sâu xa của Đức Phật.

đó là mười hai vi diệu thượng nguyện mà đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Ứng Chánh Đẳng Chánh Giác đã phát khi hành Bồ Tát Đạo.

“Vi”: chứa đựng ý nghĩa rất vi tế và sâu sắc.

“Diệu”: ngoài trí tưởng tượng.

“Thượng”: cái nhìn của đại nhân.

Lại như nói nguyện này vi diệu, cũng như giảng về đồ ăn đồ uống nó chỉ là ý nghĩa thường thôi, còn nếu giảng rộng thì cũng có những ý nghĩa sâu xa hơn nhiều. Tại sao? Ngài Dược Sư Phật phát những đại nguyện vì có dụng ý rất tinh vi, thâm sâu, chỉ có những vị Phật khác mới biết được.

Lời Kinh:

Lại nữa, Mạn Thù Thất Lợi, đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai khi còn hành Bồ Tát Đạo, những đại nguyện đã phát, cõi Phật độ và công đức trang nghiêm, dầu ta nói mãi một kiếp hay hơn một kiếp cũng không thể nói tận cùng.

Lời giảng:

Lại nữa, hơn nữa Mạn Thù Thất Lợi, đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai khi còn hành Bồ Tát Đạo, trong lúc Ngài đang còn trông nhân địa.

những đại nguyện đã phát, cõi Phật độ và công đức trang nghiêm,

Đức Phật không thể nói hết những cái nguyên mà Ngài đã tu trên con đường Bồ Tát Đạo và những thần lực của Phật nói cũng không hết, hoặc những công đức của Ngài cũng không nói hết những trang nghiêm của Phật độ.

dầu ta nói mãi một kiếp hay hơn một kiếp cũng không thể nói tận cùng.

Mặc dầu một kiếp hoặc hơn nói cũng không hết.

“Kiếp”:

Một Đại 大 kiếp có bốn trung 中 kiếp; một trung kiếp có hai mươi tiểu 小 kiếp; một tiểu kiếp là có một tăng 增 một giảm 減. Tăng: cứ mỗi một trăm năm tăng một tuổi, sau một trăm năm thì tăng lên từ mười tuổi tăng hoài đến lúc sống đến tám vạn bốn ngàn năm. Các số là bàn về trung bình. Sau đó giảm dần: cứ một trăm năm giảm xuống một tuổi, giảm đến con người tuổi thọ chỉ còn có mười tuổi, đó gọi là giảm kiếp.

Mỗi thế giới hay mỗi Phật độ đều trải qua chu kỳ Thành 成, Trụ 住, Hoại 壞, Không 空. Một thế giới trải từ thành cho đến không đó là một đại kiếp.

Thành kiếp ra sao? Trước hết thành Đại Phạm Thiên 大梵天. Tức là chỗ ông Vua Đại Phạm Thiên đang ở, sau đó là Phạm Phụ Thiên 梵輔天 tạo thành, sau đó nữa là Phạm Chúng Thiên 梵眾天 tạo thành, ba tầng trời này

tạo thành cõi Sơ Thiên. Sau đó cõi trời Dục Giới tạo ra Sáu Tầng Trời Dục giới. Sau đó nhân gian mới tạo ra. Cuối cùng, tam ác thú được thành lập. Ngược lại, không kiếp thì theo thứ tự ngược lại mà bị hoại: từ tam ác thú cho đến Đại Phạm Thiên ở sau cùng. Vì thế nên Đại Phạm Thiên Vương được coi là Phụ chủ tự cư 大梵嘗以世界之父主自居. Ông ta thường tự coi là cha của thế giới. Đây là do đã tích tụ đại Phạm thiên nhân phước thù thắng.

Lời Kinh:

Phật độ đó một bề thanh tịnh, không có nữ nhân, cũng không có ác thú, và ngay cả tiếng khổ cũng không. Đất bằng lưu ly, đường đi có dây vàng làm ranh giới, thành khuyết cung các, hiên song la võng, cũng toàn thất bảo. Công đức trang nghiêm giống cõi Tây Phương Cực Lạc, không gì khác biệt.

Lời giảng:

Phật độ đó một bề thanh tịnh,

Đông phương Phật độ của Ngài Dược Sư là một Tịnh độ: hoàn toàn không có ô uế ở chánh báo (chúng-sinh) cũng như y báo (vạn vật).

không có nữ nhân,

chúng sinh đến đó nhờ hóa sinh nên không cần có nữ nhân. Dân chúng chỉ có tướng đại trượng phu: nam và không có ti liệt tướng 卑劣相 của kẻ thấp hèn.

cũng không có ác thú,

không có tam ác thú: súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục. Tại vì sao? Chúng sinh ở cõi này không có tham, sân và si nên không có ác thú quả báo.

và ngay cả tiếng khỏ cũng không.

Xứ này chỉ có lạc và không có khổ nên ngay cả tiếng khỏ cũng không có.

Đất bằng lưu ly,

ở cõi Ta bà này, đất làm bằng bụi, ở đó là do bảo lưu ly hợp thành.

đường đi có dây vàng làm ranh giới,

những con đường đều có giây làm bằng vàng treo bên lề.

thành khuyết cung các,

lại có đủ loại

“thành”: như đời xưa dân chúng tụ họp ở thành quách, có rãnh nước bọc quanh.

“khuyết”: Thời xưa, ở ngoài cửa cung, hai bên có lầu đài để nhìn ra xa, giữa có lối đi

“cung”: điện đồ sộ của hàng thượng lưu

“các”: loại căn lầu hai tầng ở trong cung điện

hiên song la võng,

“hiên”: mái nhà

“song”: cửa sổ

“la võng”: lưới

cũng toàn thất bảo:

tất cả kể trên đều do thất bảo tạo thành. Thất bảo tượng

trung cho thất (thánh) tài 財:

1. 金 kim: cần nấu chảy; tượng trưng cho 進 tinh tấn
2. 銀 ngân: có thể giữ hợp định; tượng trưng cho 信 tín
3. 琉璃 lưu ly: vô chướng ngại; tượng trưng cho 慚愧 tâm quý
4. 玻璃 pha lê: sáng thông qua; tượng trưng cho 聞 văn
5. 磔磔 xa cừ: trắng và sạch, không có lỗi lầm; tượng trưng cho 捨 xả
6. 赤珠 xích châu: chói sáng; tượng trưng cho 慧 huệ
7. 瑪瑙 mã não: kiên cứng, chân thật và bất biến; tượng trưng cho 戒 giới

Công đức trang nghiêm giống cõi Tây Phương Cực Lạc, không gì khác biệt.

Dược Sư Phật cũng dùng vô lượng vô biên công đức để trang nghiêm Tịnh độ, không thua gì cõi Tây Phương Cực Lạc của Ngài A Di Đà Phật. Tất cả đều là y báo của sự tu hành vạn công đức.

Lời Kinh:

Cõi Phật ấy có hai vị Bồ Tát Ma Ha Tát: Nhật Quang Biến Chiếu, và Nguyệt Quang Biến Chiếu. Họ là thượng thủ trong vô lượng, vô số Bồ Tát chúng, và là bổ Phật xứ. Hai vị có thể trì chánh pháp bảo tạng của Phật

Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai.

Vì thế **Mạn Thù Thất Lợi**, những kẻ có lòng tin, thiện nam tử, thiện nữ nhân đấng, nên nguyện sanh về thế giới của Ngài.

Lời giảng:

Cõi Phật ấy có hai vị Bồ Tát Ma Ha Tát: Nhựt Quang Biến Chiếu, và Nguyệt Quang Biến Chiếu. Họ là thượng thủ trong vô lượng, vô số Bồ Tát chúng, và là bổ Phật xứ.

Cõi của Đức Phật Dược Sư có Hai vị Đại Bồ Tát là Nhật Quang Biến Chiếu Và Nguyệt Quang Biến Chiếu.

“Chiếu”: thân của mọi người ở cõi này đều giống nhau, làm bằng lưu ly, sáng chiếu.

“Biến”: khắp mọi nơi, vô quái ngại.

“Nhựt và Nguyệt”: mặt trời và mặt trăng; dụ cho trong tất cả tinh tú, họ sáng nhất, liệt vào hàng đầu (“thượng thủ”) của Bồ Tát chúng, và sẽ tiếp ngôi vị Phật sau Dược Sư Phật (“bổ Phật xứ”).

Hai vị có thể trì chánh pháp bảo tạng của Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai.

Họ có thể đảm đang được Chánh Pháp Bảo Tạng.

“Chánh pháp”: nơi chúng sinh có thể nương tựa được. Chánh pháp có vô tận pháp môn và chánh có thể phá được tà.

“Bảo Tạng”: chỗ trữ của quý. Của gì quý? Là có đủ thứ

thanh tịnh và tuyệt diệu Pháp Bảo và có đủ vô lượng công đức.

Phật tính có năm loại tạng 五種之藏:

1. Như Lai tạng
2. Chánh Pháp tạng
3. Pháp thân tạng
4. Xuất thế tạng
5. Tự tính thanh tịnh tạng.

Nhật quang là ánh sáng chân thật, tượng trưng cho dùng thật trí 實智 soi chiếu những giáo lý của Chân Như, tiêu trừ chúng sinh hoặc và vô minh để giúp họ đạt đỉnh Niết Bàn. Ánh sáng mặt trời chứa đựng Bát Nhã nghĩa 波若義, tượng trưng cho Nhất thiết trí 一切智.

Nguyệt quang lúc đầy lúc khuyết, tượng trưng cho dùng quyền trí soi sáng thế sự để tiêu trừ phiền não của chúng sinh, để họ có thể du ngoạn biển thanh lương. Ánh sáng mặt trăng chứa đựng giải thoát nghĩa 解脫義, tượng trưng cho Đạo chủng trí 道種智.

Ánh sáng lưu ly tượng trưng cho Nhất thiết chủng trí 一切種智. Tâm có đủ cả ba loại trí này.

Lúc trước hai vị Bồ Tát này tu tịnh hạnh với Điện Quang Như Lai 電光如來. Hai Ngài phát Bồ đề tâm và nguyện độ chúng sinh trong lục đạo. Đức Như Lai đó ban cho tên

là Dược Vương, Nhật Chiếu, Nguyệt Chiếu.

Vì thế Mạn Thù Thất Lợi, những kẻ có lòng tin, thiện nam tử, thiện nữ nhân đấng, nên nguyện sanh về thế giới của Ngài.

Sau khi hai Ngài Bồ Tát này tiếp ngôi vị Phật, họ tiếp tục hành pháp theo mười hai Đại nguyện của Dược Sư Phật, trang nghiêm thân họ với công đức của Dược Sư Phật và dùng các phương pháp của Ngài để tiếp tục giáo hóa chúng sinh.

Có lòng tin và lập nguyện là hai trong ba tư lương của pháp môn Tịnh độ.

“Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân đấng”: tượng trưng cho thất chúng: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni, Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di.

“Thiện” có hai loại:

1. Túc trực 宿直: đã từng trồng thiện căn với Tam Bảo.
2. Hiện tu 現修: hành thiện trong đời này.

Thiện ở đây chỉ về hành.

“Lòng tin”: tin vào giáo lý. Càng tin càng được cảm ứng.

Khi tin rồi phải lập “nguyện”: nguyện vãng sanh. Sau kiếp này không có chỗ nào tốt hơn Tịnh độ. Lập nguyện là chủ động. Chủ động thì sẽ tạo duyên hay cơ hội được giúp. Pháp môn Tịnh độ có phần tha lực, nên cần tạo duyên để được giúp.

Lời Kinh:

Lúc ấy Đức Thế Tôn lại bảo Mạn Thù Thất Lợi đồng tử rằng: “Mạn Thù Thất Lợi, có những chúng sanh không phân thiện ác, lòng thường tham lận, không biết bố thí và quả báo của sự bố thí, ngu si vô trí, thiếu khuyết tín căn, tích tụ tài bảo, cần mẫn thủ hộ, thấy kẻ đến xin, lòng không hoan hỷ. Nếu không tự lợi mà phải bố thí, không khác tự lóc thân thịt, thậm sinh thống tích.

Lời giảng:

Lúc ấy Đức Thế Tôn lại bảo Mạn Thù Thất Lợi đồng tử rằng: “Mạn Thù Thất Lợi, có những chúng sanh không phân thiện ác, lòng thường tham lận, lòng chỉ chứa tham lam và “lận”: bòn xén.

Có những chúng sanh không biết phân biệt thiện ác. Họ không biết thiện ác cùng một cái tâm. Nếu tâm thường tối tăm, nên mới truy cầu ngoại vật, sanh lòng bòn xén tham lam. Lại không biết rằng ngày hôm nay có được là do đã giúp người khác, chớ không phải chỉ vì tự lực đâu. Việc này hơi ngược lại sự hiểu biết thông thường: mọi người thường nghĩ rằng của cải là do tài năng mà có. Họ không biết rằng ngày nay giàu có là nhờ đã bố thí trong quá khứ. Những kẻ thông minh là vì đã biết âm thầm giúp người trong quá khứ.

Hỏi: Mỗi ngày chúng ta hồi hướng công đức là có phải giúp người khác không?

Đáp: Đúng.

Do đâu được thông minh và thông minh có nghĩa là gì? Thông minh là thấy trước và thấy lẹ hơn người ta; là do trồng nhân kín đáo giúp người.

Người Trung Hoa có câu: “Bạt nhất mao, lợi thiên hạ, nhi bất vi 拔一毛利天下而不為”, nghĩa là nhổ một sợi lông để làm lợi cho thiên hạ họ nhất định không nhổ. Đây là thái độ của những kẻ khuấy nước chọc trời và những trọc phú. Thái độ của họ là như vậy: chỉ cần nhổ một sợi lông thôi, để giúp người mà không chịu. Chỉ khi nào có lợi cho chính bản thân họ mới nhổ, còn làm lợi cho mọi người thì họ không làm.

không biết bố thí và quả báo của sự bố thí

Có ba loại “bố thí”:

1. Tài Thí: cho của,
2. Pháp Thí: cho Pháp
3. Vô Úy Thí: giúp không còn sợ hãi.

Tài thí có hai loại: của ở ngoài và ở trong. Ngoại tài là cái của cải ngoài thân. Nội tài thuộc về thân thể: có thể cho các bộ phận cơ thể. Xứ Mỹ có phong trào cho bộ phận cơ thể khi chết. Tôi khuyên là không nên. Bởi gì khi chết, họ dùng cưa cắt thân thể ra để lấy các cơ quan thì sẽ làm chúng ta rất đau đớn không khác gì khi còn sống. Lúc đó mà phiền não như thế thì khó tránh bị đọa.

Bố thí pháp liệt vào hàng đầu của tất cả bố thí. Pháp có thể

giúp mở huệ để thoát khổ, cho nên bố thí pháp là trồng những chủng tử vô lậu để mở mang trí huệ trong tương lai. Phước đó có thể dùng đời đời kiếp kiếp.

Bố thí pháp có thể bằng cách nói và không nói. Không nói là qua hành động, cách cư xử và cách nhìn. Biết sống lương thiện, trong sạch, có đạo đức cũng là bố thí pháp.

Thí vô úy là khi thấy người lo sợ thì tìm cách đến an ủi giúp họ hết sợ. Tại sao lại bố thí vô úy? Để bớt sợ. Sống thông thường được bớt sợ thua, sợ bị thiệt thòi, sợ bóng tối, sợ nhện, sợ rắn, sợ mất mặt, sợ lạc đường, sợ bị lừa dối, sợ bị gạt, sợ ma v.v... Tu cao lên có thể sẽ gặp những cảnh giới rất dễ sợ. Cái sợ làm chúng ta thối chí, tâm hoang mang, thân bị điếng: nếu trí thiếu sáng suốt và cơ thể thiếu linh hoạt thì rất khó mà thoát được!

Hỏi: Bố thí vô úy có liên quan gì đến Tịnh Độ Vãng Sanh?

Đáp: Kể cho quý vị nghe một câu chuyện. Ông nha sĩ Randy trong đại chúng có một người cậu. Ông cậu là người thông minh, tháo vát, rất khôn ngoan và khéo léo. Ông ta nghe danh của Hòa Thượng Tuyên Hóa nên thường đến gặp Hòa Thượng Tuyên Hóa thỉnh pháp: hỏi cách giải quyết những khó khăn gia đình và nhiều khi còn hỏi tips để đầu tư. Hỏi xong là đi về: đến chùa không lạy Phật, không biết trồng phước mà chỉ vì tư lợi thôi. Ông ta khá giả, con cái lại làm bác sĩ. Sống rất hãnh diện với sự thành công cá nhân, sống rất có tự chủ.

Năm trước, ông cậu qua đời. Ông cháu Randy thông báo

cho tôi biết và hỏi tôi nên làm gì. Tôi quan sát thấy ông đang sợ kinh hoàng: đến độ từ trên đầu lạnh cứng xuống đầu gối, cho nên đứng không nổi? Khi chết thường gặp rất nhiều cảnh giới dễ sợ như vậy. Ngay nếu có Phật Bồ Tát đến rước về Tịnh độ mà cứng đờ như vậy thì làm sao đi được? Tôi khuyên Randy làm vài chuyện tối quan trọng để giúp ông cậu. Randy lập tức thỉnh bài vị vãng sanh ở Vạn Phật Thành cho ông Cậu. Nhờ vậy, ông Cậu hết sợ ngay lập tức. Thiệt ra, ông Cậu đã từng bố thí Vô Úy rồi nên ông được giúp. Đó là ả thứ nhứt mà ông đã vượt qua được.

Tiếp theo là ả thứ nhì: Vạn Phật Thành không làm pháp bốn mươi chín ngày nên mất hết mười ba ngày ông cháu Randy mới nhờ tôi làm. Tôi nhìn lại tình trạng ông Cậu ra sao. Ông ta không còn sợ và cũng không đói: có tiền bộ là nhờ Vạn Phật Thành trợ giúp. Nhưng chúng nào tật nấy: ông già trở lại thói ngạo mạn. Mặc dầu được Vạn Phật Thành giúp, không biết ơn mà lại coi thường họ. Lão ta nghĩ: quý vị chỉ là học trò của Hòa Thượng Tuyên Hóa thôi. Hòa Thượng Tuyên Hóa tôi còn chưa tin quý vị làm sao tôi tin được. Tôi làm ơn cho quý vị thì có, chớ quý vị làm gì mà làm ơn tôi được! Quý vị nghĩ coi: hạng người đó, giúp làm gì? Nhưng rồi cũng phải giúp cho tới nơi tới chốn vì không phụ được lòng thành của người cháu. Chuyện còn đông dài, duyên khác sẽ kể tiếp.

Hỏi: Khi chết gặp Phật và Bồ Tát có nên tin không?

Đáp: Nếu Phật và Bồ Tát thật sự đến thì thật ra không thành vấn đề vì các Ngài đầy đủ phương tiện để giúp ngay những kẻ thiếu lòng tin. Ngược lại, nếu ma giả dạng Phật Bồ Tát

mà đến thì quá xui xẻo, rất khó mà thoát nanh vuốt của chúng nó.

Hơn nữa, nếu ma không cải dạng mà đến thì sao? Lúc đó thì rất kinh hoàng và sợ chết điếng. Vậy phải làm gì bây giờ? Chỉ còn cách duy nhất là được cứu thôi! Vì vậy đức Phật dạy chúng ta cần phải bỏ thí Vô Uý: trong tương lai tu hay không tu cũng cần được giúp giải nạn. Hôm nay, khi thấy người ta sợ hãi thì nên giúp đỡ trồng nhân. Trong tương lai, chúng ta sẽ được giúp khi lâm nạn.

Những cái nhân đó được trồng trong A Lại Da Thức. Cũng như trường hợp ông Cậu của Randy, ông ta đã có sẵn cái nhân này trong A Lại Da Thức. Thành ra ông cháu này chỉ là cái duyên làm cho cái nhân đó nó thành thực thôi, nên được trợ giúp.

Bồ thí pháp có năm phương diện, biết cho:

1. Vói thật thành tâm 至心施,
2. Tự tay cho 自手施,
3. Vói lòng tin (về thiện, luật nhân quả) 信心施
4. Theo thời tiết (ví dụ mùa đông cho áo ấm, mùa hè cho tủ lạnh) 時節施
5. Như Pháp cầu vật 如法求物 施: theo đúng Pháp để cầu mong mà bồ thí. Ví dụ, kinh Địa Tạng nói rằng nếu bị bệnh nan y, thì một phương pháp là biết cúng nhà cửa, tài sản để xây/đắp hình tượng Ngài Địa Tạng Bồ Tát thì sẽ hết bệnh và được tăng phước nhân thiên.

Khi bố thí phải tránh năm pháp:

1. Tránh chọn người có đạo đức hay không đạo đức
2. Tránh nói về ác hay là thiện
3. Tránh chọn giai cấp (trong xã hội)
4. Tránh khinh thường người tới cầu xin,
5. Tránh ác khẩu/nguyên rửa người

Bố thí cùng nên tránh ba sự 三事:

1. Lúc đầu thì phát tâm bố thí, sau lại đổi ý và cho ít hơn
2. Chọn đồ xấu để cho
3. Cho xong rồi tiếc.

Nên bố thí ả thực vì có năm quả báo:

1. Sinh mạng tăng trưởng 壽命歐 vì giúp người tránh chết đói.
2. Sắc tươi tốt 顏色: Tại sao? Bởi vì khi mình đói mặt mình đâu có vui. Được cho đồ ăn mặt mình vui ngay, không phải người thọ đồ ăn vui không mà mình là người cho cũng vui.
3. Tăng cường khí lực 氣力
4. An lạc 安樂: được an toàn và hưởng lạc.
5. Có biện tài 變才, biết khéo thuyết phục chúng sinh đạt được sở cầu.

ngu si vô trí, thiếu khuyết tín căn,

Kẻ ngu si, thiếu trí huệ chưa bao giờ nghe luật nhân quả. Họ thiếu lòng tin và trí huệ nên nên sinh nghi khi nghe

Chánh Pháp. Họ thiếu Trạch Pháp nhãn: thiếu trí huệ để biết chọn đúng đường mà đi.

tích tụ tài bảo, chỉ lo tích trữ của cải, của quý **cần mẫn** tinh tấn **thủ** bảo vệ **hộ** giữ, **thấy kẻ đến xin, lòng không hoan hỉ**: thật thấy kẻ ăn xin thì tâm rất khó chịu. Tại vì sao? Vì **Nếu không tự lợi mà phải bố thí, không khác tự lóc thân thịt**, ngay đến **thậm sinh** lòng **thống** (rất) đau khổ **tích** luyện tiếc, không bỏ được. Phải bố thí không khác gì tự lóc thịt vậy: làm tâm họ cực kỳ đau khổ!

Lời Kinh:

Lại có vô lượng hữu tình keo tham, chỉ lo tích tập tài của, tự thân không dám thọ dùng, huống chi có thể cho cha mẹ, vợ con, nô tì tác sứ và những kẻ đến xin. Những kẻ hữu tình đó, khi lâm chung, sẽ sinh đường ngã quỷ hay bàng sanh. Nhưng nhờ đời trước, trong cõi nhân gian, đã thoáng nghe qua danh hiệu của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, nay tuy ở ác thú, bỗng thoáng ý niệm đến danh hiệu Ngài, và lập tức từ xứ đăm hoàn sanh nhân gian.

Lời giảng:

Lại có vô lượng hữu tình keo kiệt tham lam, chỉ lo tích tập tài sản của cải, tự thân không dám thọ dùng bản thân đã không dám xài, huống chi có thể đem cho cha mẹ, vợ con, nô tì người ở gái tác sứ nhân công hoặc kẻ sai việc và những kẻ từ ngoài đến xin.

Đời xưa ở Ấn Độ có vị trưởng giả giàu có, nhưng rất keo kiệt. Ông ta chỉ có một người con trai độc nhất. Khi chết ông đổi thân làm con của một người đàn bà mù lòa. Khi sanh ra, đứa con cũng bị mù. Lúc bảy tuổi, đứa trẻ mù này đi tới ngôi nhà của người con trai kiếp trước để xin. Người con trai đời trước chụp lại đánh một trận, nên thằng bé bị đánh gãy tay và sung đầu. Lúc đó, vị thần giữ cửa nói: bị đánh như vậy chưa gì đâu, còn đau khổ nhiều nữa. Bởi vì đây là do thọ quả báo đời trước đã tạo ra: kiếp trước keo kiệt nên kiếp này nghèo khổ, sẽ còn nghèo khổ hơn nữa và chết cực kỳ đau khổ. Đức Phật nói: “cha con mà không nhận ra, lại còn hành hạ nhau”.

**Những kẻ hữu tình đó, khi lâm chung, sẽ sinh đường
ngạ quỷ hay bàng sanh.**

“bàng sanh”: bàng nghĩa là bên cạnh, sanh là súc sanh; nghĩa là sống bên cạnh (như chó sống bên cạnh người).

Kẻ keo kiệt khi chết sẽ đọa làm quỷ nghèo, ngạ quỷ (quỷ đói), quỷ giữ cửa hay súc sanh. Họ có thể làm thành quỷ nghèo tại quá bôn sên, hoặc làm ngạ quỷ tại vì quá tham lan, hoặc quỷ giữ cửa: tương đối khá hơn nhưng của rất khổ tâm vì tối ngày chỉ đếm tiền tài của người.

Hoặc làm súc sanh, khi sanh vào loài súc sanh thì có ba cấp:

1. Trọng 重: sanh ở trong lòng đất, không thấy được mặt trời,
2. Trung 中: sanh trong núi rừng,
3. Khinh 輕: quả báo nhẹ nhất, sanh làm nô vật trong

nhà.

Nhưng nhờ đời trước, trong cõi nhân gian, đã thoáng, thời gian rất ngắn hoặc tạm thời, nghe như theo bạn đến chùa và thoáng nghe có người niệm Dược Sư Phật một lần ở xa, qua danh hiệu của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, nay tuy ở ác thú, bỗng nhiên trong tâm thoáng khởi ý niệm, có thể gọi là có vọng tưởng tốt đến danh hiệu Ngài, và lập tức, ngay khi tư tưởng nghĩ về hồng danh Dược Sư Phật khởi lên thì tức khắc sẽ được từ xứ đấm, chỗ đang bị đấm chìm, bị đọa mà được hoàn sanh nhân gian sinh trở về làm người.

Mặc dầu bị đọa vào loài súc sanh nhưng kiếp trước đã nghe hồng danh của Đức Dược Sư. Nhờ nguyện lực của Dược Sư Phật, một khi nghe hồng danh của Ngài thì đã trồng chủng tử trong A Lại Da Thức, khi nghe một lần nữa thì chủng tử này sẽ được thành thực, như vậy mà thoát được ác thú và sanh vào cõi nhân gian.

Nếu như quý vị thấy được thân này và của cải chỉ là ảo ảnh, nếu quý vị thấy được cái tham của bốn tánh chỉ là không 貪性本空, thì ngay nạn quỷ hay súc sanh cũng sẽ được giải thoát ngay lập tức.

Lời Kinh:

Nhớ đời trước, biết sợ nạn quỷ súc sanh khổ, không ưa dục lạc mà lại thích huệ thí và tán thán kẻ bố thí. Không tham tiếc tất cả sở hữu, và tiệt thứ có thể đem cả đầu, mắt, tay chân hay máu thịt của thân phần mình

mà bố thí cho những kẻ đến cầu xin, hưởng chi là tài vật thừa.

Lời giảng:

Nhớ đời trước,

Nhờ chúng tử Pháp Dược Sư, không những thoát loài qui và thú hoàn sinh làm người, lại còn nhớ rõ ràng khổ sở đời trước

biết sợ ngã quỷ súc sanh khổ, không ưa dục lạc không còn tham mê thỏa mãn dục vọng, tìm sung sướng **mà lại thích huệ** làm ơn và **bố thí và tán thán kẻ bố thí**, biết tu bố thí hoặc khuyên người tu bố thí.

Không tham tiếc tất cả sở hữu, và tiêm từ từ thứ theo thứ tự, có thể đem cả đầu, mắt, tay chân hay máu thịt của thân phần mình mà bố thí cho những kẻ đến cầu xin, hưởng chi là tài vật thừa, “thừa” có nghĩa là ngoại thân, tượng trưng cho lòng biết mãn túc: vừa đủ.

Bố thí tạo lại phước báo. Những người lúc trước keo kiệt thì kiếp này bị nghèo khổ. Kẻ đã từng rộng lượng thì sau này sẽ giàu có. Phải hiểu rõ nhân quả như thế: không có sai một li một tí nào!

Kinh dạy chúng ta nên bố thí chứ không phải luôn muốn được bố thí. Các Phật tử nên làm lợi cho người. Nếu không chúng ta chỉ là kẻ cướp trong nhóm có đạo đức. Nếu chuyên môn phan duyên và lợi dụng các hộ pháp thì chỉ tạo nghiệp và hủy hoại Phật giáo.

Theo 優婆塞經 Kinh Ưu bà tắc, bồ thí có bốn loại lợi:

1. Vì bồ thí mà dứt phiền não,
2. Vì bồ thí có thể tạo đủ loại nguyện,
3. Vì bồ thí có thể được an lạc,
4. Vì bồ thí mà có được của cải và châu báu.

Đời xưa ở Nam Châu có một đại vương tên là Nguyệt Quang, rất thích bồ thí. Có một vị vua nhỏ khác đổ kỵ vua Nguyệt Quang, muốn cắt cổ vua lớn. Lúc đó có một người Bà La Môn đồng ý cắt đầu ông Vua lớn cho ông Vua nhỏ. Khi người Bà La Môn vào vườn cây của nhà vua để ám sát, thì bị thần cây trói lại. Vua lớn nói với thần cây: trăm lần từng bồ thí cái đầu 999 lần dưới góc cây này. Xin đừng can thiệp để tôi bồ thí đủ ngàn lần. Nhờ vậy, vị Bà La Môn mới chặt được cái đầu của đại vương này. Ngay lúc đó, có động đất. Vị đại vương chính là Đức Thích Ca Mâu Ni đời trước, tiểu vương là Ma Vương Ma Da, còn thần cây là Mục Kiền Liên. Đời đời kiếp kiếp chúng ta cứ quay cuồng trả nghiệp với nhau. Cho nên thần cây là Mục Kiền Liên sau đến làm đệ tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni để hưởng phước, xong còn Ma Vương vẫn muốn đến phá Phật như thường. Bây giờ không giết Phật được nữa nên phá Phật Pháp, vẫn chưa giải quyết cái hiểm thù đó, oán giận kiếp kiếp đời đời như vậy thật kinh hoàng!

Lời Kinh:

Lại nữa Mạn Thù Thất Lợi, nếu chur hữu tình, tuy từ Phật thọ chur học xứ, nhưng phá Thi La; hoặc không phá Thi La mà lại phá qui tắc; tuy không phá giới và

qui tắc mà hủy hoại chánh kiến; hoặc không hủy hoại chánh kiến mà phé đa văn nên không thể hiểu khế kinh thâm nghĩa của Phật thuyết; hoặc tuy đa văn mà tăng thượng mạn, vì tăng thượng mạn che lấp tâm nên tự thị tha phi, hiềm báng chánh pháp làm bạn đảng của ma.

Lời giảng:

Lại nữa Mạn Thù Thất Lợi, nếu chư hữu tình, Hữu tình chỉ cho chúng sanh.

Có năm yếu tố thành người:

1. Mệnh căn 命根,
2. Ái 愛,
3. Dục 欲,
4. Tình 情,
5. Kiến 見,

Có năm thứ này nên mới làm được thân người.

Tuy mặc dầu từ theo Phật thọ qui y, thọ ngũ giới chư học xứ và học hỏi, nhưng phá Thi La;

“Thi La”: tiếng Phạn, nghĩa là:

1. Thanh lương 清涼, tâm sáng suốt và mát mẽ (không phiền não)
2. An ổn 安穩, an toàn và vững chắc
3. An tĩnh 安靜, bình an và yên tĩnh
4. tịch diệt 寂滅, yên lặng và không động/sanh.

Thường gọi là giới: phòng lậu, cũng như đóng cửa lại, cửa khóa nên giặc cướp không lén vào được.

hoặc không phá Thi La mà lại phá qui tắc;

“Qui 軌”: vết xe đi, đường xe đi

“Tắc 則”: tiêu chuẩn nên noi theo.

Vậy qui tắc là những việc nên noi theo.

Qui tắc cho tất cả đại chúng, còn giới là chỉ cho người đã thọ thôi. Phá qui tắc cũng như phá giới luật của Quốc Gia, như vậy là mình sẽ bị công khai trừng phạt hoặc bị dư luận kết án.

tuy không phá giới và qui tắc mà hủy hoại chánh kiến;

“Kiến”: là phân biệt hoặc tư tưởng,

“Hủy”: (chánh kiến) là tạo ý nghiệp,

“Kiến” gồm có:

1. Phân biệt 分別

2. Tư tưởng 思想

“Chánh kiến”: tạo ý nghiệp

1. Theo thế gian pháp là tin về những luân thường đạo đức 信倫常道德. Có con là phải biết dạy lúc trẻ nhỏ, phải biết dạy luân thường đạo đức. Văn hóa Á Đông chú trọng chuyện này. Nhưng thế hệ đời nay ít ai dạy chuyện này nữa. Người hiện đại chỉ chú trọng hình thức bên ngoài hơn, lo học để làm giàu thôi, quên đi cái đạo đức luân thường, vì sống thiếu căn bản nên càng ngày càng thiếu hạnh phúc.

2. Về phương diện xuất thế gian: tin Nhân quả, Không,

Bồ Đề, Niết Bàn .v.v...

hoặc không hủy hoại chánh kiến mà phé bỏ đa văn, học vấn, cho rằng không có lợi hoặc vì lười biếng nên không thể hiểu khế kinh thâm nghĩa của Phật thuyết;

“Khế kinh”: 契經; “Khế” là hợp với: trên hợp với nghĩa lý của Chư Phật, dưới hợp với căn cơ của chúng sanh.

Muốn hiểu được “thâm nghĩa”, ý nghĩa thâm sâu (rất nhiều tầng lớp) của khế kinh phải “đa văn 多聞”: bỏ thời gian lâu dài học và nghiên cứu.

hoặc tuy đa văn mà tăng thượng mạn,

“Tăng thượng mạn 增上慢”: “tăng” là gia tăng, “thượng”: lên trên, “mạn”: ngạo mạn. Có nghĩa là vì ngạo mạn nên thêm nhiều hơn là thật có. Hàm nghĩa người này vì ngạo mạn nên tưởng mình hay hơn thật có. Ví dụ, như Vô Văn Tỳ Kheo chỉ đạt tới tứ thiên thôi mà tưởng đã đắc Tứ quả A La Hán: đó gọi là tăng thượng mạn. Vì tăng thượng mạn nên vị Tỳ Kheo này cuối cùng bị đọa địa ngục.

vì tăng thượng mạn che không cho ánh sáng đến hoặc chôn **lập tâm nên tự** cho là mình **thị** đúng và người ta **tha phi** sai, **hiềm** nghi ngờ và **phi báng**, chê bai, chỉ trích **chánh pháp làm bạn** thân cận và gia nhập hàng ngũ, **đẳng của ma.**

Tăng thượng mạn: những người này có hiểu biết, nhưng thật ra chỉ biết trong phạm vi eo hẹp thôi. Họ “tự thị”, thích lấy ý kiến của họ đề lên người khác. Nghi báng chánh

pháp, tức là nghe kinh không tin còn phỉ báng nữa, như vậy là họ làm bạn đảng của Ma và ngoại đạo.

Lời Kinh:

Những kẻ ngu si ấy, tự làm theo tà kiến, lại khiến cho vô lượng câu chi hữu tình đọa đại hiểm khanh. Những chúng hữu tình ấy, đáng lưu chuyển không ngừng trong địa ngục, bàng sanh và quỷ thú, nhưng nếu nghe được danh hiệu của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì liền bỏ những ác hạnh, tu các thiện pháp, và khỏi đọa ác thú. Giả sử vì không thể bỏ những ác hạnh, không hành thiện pháp mà bị đọa ác thú, thì nhờ bốn nguyện và oai lực của đức Như Lai này, khiến cho họ, khi tạm nghe danh hiệu Ngài, khi mạng chung, trở sanh vào cõi người,

Lời giảng:

**Những kẻ ngu si ấy, tự làm theo tà kiến,
“Tà kiến” có:**

1. Thượng: không tin nhân quả,
2. Trung: không nói là không tin nhân quả nhưng nói rằng Tam Bảo là thua Ngoại Đạo,
Còn phân ra hai hạng:
 - i. Khẩu và tâm nói rằng Tam Bảo thua
 - ii. Tâm biết Tam Bảo không thua nhưng khẩu nói thua
3. Hạ: không nói Tam Bảo thua Ngoại Đạo nhưng bỏ chánh kiến, chụp tà kiến, và bỏ nội chạy ra bên ngoài, v.v...

lại khiến cho vô lượng câu chi, số rất lớn hữu tình đọa đại hiểm khanh.

“Khanh”: hổ, dự cho bị hãm hại, lừa dối.

“Hiểm”: nguy hiểm, nên tránh xa.

Những chúng hữu tình ấy, đáng lý phải bị lưu chuyển không ngừng trong địa ngục, bàng sanh và quỷ thú, bị kẹt trong tam ác thú liên tục. Tam ác thú đáng sợ vì không những bị vô lượng thống khổ trong vô lượng kiếp lại vô phương thoát ra khỏi vì cứ phải đời thân ở trong tam ác thú thôi.

Khi sinh vào địa ngục, họ có ba tư tưởng:

1. Biết đang ở địa ngục
2. Biết nhân tạo ra quả báo này (tại sao bị rơi)
3. Nhớ chỗ ở trước khi bị đọa.

Khi bắt đầu bị tra tấn, chịu khổ thì tất cả trở thành đen tối và không còn phân biệt được gì cả.

nhưng nếu nghe được danh hiệu của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì liền bỏ những ác hạnh, tu các thiện pháp, và khỏi đọa ác thú.

Đang tạo nghiệp để đọa ác thú mà cứ tưởng là mình hay! Nhưng nhờ Dược Sư Phật chủng tử (như chỉ thoáng nghe hồng danh của Ngài một lần thôi) thành thực mà biết hướng thiện, cải đổi hành động và nhờ thế mà thoát bị đọa tam ác đồ.

Giả sử vì không thể bỏ những ác hạnh, không hành thiện pháp mà bị đọa ác thú, thì nhờ bốn nguyện và oai

lực của đức Như Lai này, khiến cho họ, khi tạm nghe danh hiệu Ngài, khi mạng chung, trở sanh vào cõi người,

Có những kẻ rất ngoan cố, nhất định không chịu chuyển đổi tư tưởng của họ, cho rằng phật tử mê tín dị đoan, cũng không tin có tam ác đồ, không tin nhân quả. Không sao cả! Chỉ cần thay thế cho họ trông phước với Pháp Dược Sư Phật thì lúc lâm chung sẽ được giúp sanh lại làm người.

Đã tạo nghiệp thì phải biết sám hối. Tại sao? Để trừ nghiệp báo và chướng ngại.

Phái nam ít tin sám hối. Lúc trước tôi cũng nghĩ vậy: chỉ xếp bằng là đủ rồi. Chân còn không sợ đau thì còn sợ gì nữa? Tréo chân lại cũng là một cách sám hối. Nhưng sau mới học khôn nên rất tin về sự quan trọng của sám hối.

Nên cố gắng sám hối những loại nghiệp chướng **拔除業障** như:

1. Tham lận (keo) tích (tụ) cự (chống lại) chướng **貪吝積拒障**.
2. Hành giải bất tu chướng **行解不修障**: muốn hiểu nhưng không chịu làm.
3. Đố kị hủy tha chướng **忌妒毀他障**.
4. Sân tâm hủy hại chướng **瞋心毀害障**.
5. Chuyển thân thối lạc chướng **轉身退落障**.
6. Bệnh khổ thiên hành (trời phạt) chướng **病苦天**

衡障.

Có ba loại pháp sám hối:

1. Phục nghiệp sám 伏業懺, trong giới luật có mô tả pháp sám hối này, phục nghiệp là mình không tạo loại nghiệp đó nữa: pháp sám hối này giúp mình có cái lợi chỗ đó.
2. Chuyển nghiệp sám 轉業懺, cho những loại nghiệp như tăng thượng mạn, phỉ báng Pháp v.v... Cho nên loại chuyển nghiệp này nó diệt những quả báo trong tương lai, mình niệm Phật là mình đang diệt quả báo phải trả trong tương lai, hoặc tụng chú cũng có lợi tương tự như vậy,
3. Diệt nghiệp sám 滅業懺: làm cho nghiệp biến mất luôn. Pháp này dựa vào chân tướng môn hải 實相門海. Diệt nghiệp: những chủng tử của nghiệp trong A Lại Da Thức, trong tiềm thức làm cho nó biến mất luôn. Chân tướng pháp này là dành cho những người có trình độ cao. Khi tu đến trình độ cao không những họ có thể diệt nghiệp của họ mà còn giúp chúng ta diệt nghiệp của chúng ta nữa,

Hỏi: Làm sao sám hối?

Đáp: Có thể niệm Phật, niệm Bồ Tát, niệm Thần Chú hay lạy sám hối. Nói tóm lại có rất nhiều pháp sám hối, bởi vì trong việc tu hành nếu không sám hối là tu không nổi đâu! Khi sám hối các vị phải có lòng tin. Tin cái gì? Tin rằng sức quý vị có hạn, thấy được chùng đó thôi. Quý vị phải tin

rằng có người thấy rõ hơn mình, người ta sẵn sàng giúp mình tới đó. Tại thấy không được, cho nên có lòng tin mới tu được. Mỗi trình độ hay mỗi định lực của quý vị có mọi chướng ngại khác nhau. Tôi rất thích lay Vạn Phật Sám. Lúc trước Ngài Hư Vân cũng rất thích Pháp này. Lay đến một tháng, nên đến tham dự mà học.

Tu theo pháp Dược Sư không những được vãng sanh mà còn có những phước khác nữa.

Làm sao sanh vào cõi người? Lý do có thân người là nhờ đã trồng nhân:

1. Bồ thí rộng lớn,
2. Cung kính và lễ lay Tam Bảo
3. Kiên nhẫn không nóng nảy,
4. Hòa hợp và khiêm tốn,
5. Nghe giảng kinh, nghe giảng về giới.

Hỏi: Thưa Thầy như vậy mình phải làm hết năm điều hay chỉ làm một trong năm thôi?

Đáp: Chỉ cần làm một trong năm thôi. Nếu làm cả năm điều càng nhiều thì càng có nhiều cơ hội để làm người hơn.

Cùng có năm loại nhân làm người:

1. Bồ thí cho người nghèo cùng,
2. Giữ giới không hủy phạm,
3. Kiên nhẫn không tán loạn,
4. Khuyến tu và giáo hóa người
5. Nhất tâm tu báo hiếu với tu sự trung thành,

Trung thành là cái đức rất tốt. Trung thành là gì? Tức là trung thành với người khác, như là bà con, cha mẹ, vợ chồng, bạn bè hay người làm ơn cho mình. Đây là tánh cách của nhân loại, cho nên mình phải biết trung thành. Thời xưa văn hóa Á Châu rất trọng lòng trung thành: dân chúng biết trung thành với Vua.

Có người đã sống ở Anh Quốc mười lăm năm. Đất nước này do nữ hoàng cai trị. Theo ông có cái gì hay hay lạ lạ. Nữ Hoàng Elizabeth rất xứng đáng làm bậc mẫu nghi thiên hạ. Với sứ mệnh của một nữ hoàng bà suốt đời lo cho nhân dân: Dù người Anh hay người nước khác đến, bà đều lo cho họ. Bà xem họ như con, lo lắng cho họ từ thời đệ nhất đến đệ nhị thế chiến mãi đến ngày nay. Đây là hình ảnh giá trị của hoàng tộc thời xưa, bởi vậy phải nên trung thành và biết ơn. Còn thời buổi này, nhiều vị Hoàng Tộc trẻ quên giá trị đó rồi. Họ chỉ lo cho bản thân và lo hưởng thụ, không lo cho dân chúng, cho nên dân chúng càng ngày càng không trung thành với Hoàng Tộc. Vì vậy Hoàng Tộc càng ngày càng mất. Phải có qua có lại.

Không nên trung thành một cách mù quáng. Biết trung thành với người làm ơn và người làm tốt cho chúng ta. Thời nay ít ai còn có lòng trung thành nữa. Cũng như thàng trước tôi khuyên đệ tử phải biết trung thành với người chủ hãng/boss. Tại sao? Bởi vì họ trả lương cho chúng ta để có thể lo cho gia đình, cho một địa vị trong xã hội. Tại sao không biết trung thành với người chủ? Tại sao những người trẻ thời này không biết ơn người chủ? Thời buổi này ai cũng có thể học cho có cái bằng rồi kiếm việc làm. Tại sao khi có việc làm lại cho rằng có cái quyền là phải được

tăng lương và được chủ quý trọng v.v... Thời buổi này những người trẻ không còn hiểu điều trung thành này nữa. Nếu quý vị không biết ơn người chủ thì chắc chắn là quý vị sẽ không thích đến hãng làm việc.

Cũng như những người trẻ bây giờ vào trường học lại khinh Thầy hay chửi Thầy!!! Đó là do cha mẹ chúng không biết dạy con. Bây giờ, cha mẹ “cần” hỏi lộ con cái. Làm việc sáu mươi đến bảy mươi giờ mỗi tuần về đến nhà thấy đứa con là hết sức rồi, thành ra phải hỏi lộ tụi nó. Đó là sai lầm lớn của bậc làm cha mẹ. Bởi thời buổi này, nếu như thế hệ trước chỉ lo làm việc thôi thì thế hệ sau sẽ không ra gì. Cho nên dù có làm việc cũng phải sắp xếp thời gian để lo cho gia đình một tí, lo chăm sóc và dạy dỗ con cái. Hỏi lộ không đem lại ảnh hưởng tốt lâu dài. Cho nên cuộc sống phải biết thăng bằng giữa vật chất và tình cảm thì mới có hạnh phúc. Chớ không nên chỉ lo kiếm tiền. Nếu chỉ biết lo kiếm tiền thì gia đình sẽ không có hạnh phúc.

Cuộc sống bây giờ quá căng thẳng vì ai cũng chạy theo vật chất. Vật chất quan trọng nhưng chưa đủ. Còn cần có cuộc sống tinh thần. Như mỗi tuần mặc áo quần đẹp để đi Nhà Thờ hay đi Chùa là rất tốt. Quý vị phải tập có sự thăng bằng trong cuộc đời của mình. Phải biết sống cuộc đời tình cảm, không nên coi thường cuộc sống tình cảm. Đừng quên rằng chúng ta có ảnh hưởng đến người khác và ngược lại. Tình cảm luôn thay đổi, lúc phấn khởi, khi chán chường, chúng ta phải sáng suốt, đừng để bị lôi kéo theo những cái nhất thời đó, nếu không thì cũng bị kẹt như họ luôn.

Một lý do có lý do là vì không biết chia xẻ. Ai cũng quá

bạn rộn truy cầu cái mình muốn làm sao có thì giờ thương người khác?

Nghiệp có bốn loại:

1. Thời gian định, quả báo bất định
2. Thời gian bất định, quả báo định
3. Cả hai bất định
4. Cả hai đều định

Lời Kinh:

Đắc chánh kiến và tinh tấn, khéo điều ý lạc, lại có thể xả gia, hướng về phi gia, trong giáo Như Lai, thọ trì học xứ, không có hủy phạm, chánh kiến đa văn, hiểu thâm thâm nghĩa, lia tảng thượng mạn, không bóng Chánh Pháp, không bạn với Ma, tiệm thứ tu thành chư hạnh Bồ Tát, tốc đắc viên mãn.

Lời giảng:

Thần lực của Dược Sư Phật bất khả tư nghì, có thể giúp chúng sinh ở trong tam ác đồ hoàn sinh trong nhân gian và:

Đắc chánh kiến và tinh tấn, bỏ các tà kiến, có chánh kiến **khéo điều**, sống có thẳng bằng, tâm được điều hòa **ý lạc**, hưởng được thiên lạc **lại có thể xả gia**, không còn chấp trước vào gia đình, có thể bỏ nhà xuất gia: thật không phải chuyện dễ làm đâu! **hướng về phi vô gia**, hoàn toàn không cần bất cứ gì để nương tựa: thật là đại tự tại, tự do hoàn toàn; có thể hướng về Niết Bàn của Phật. Bởi vậy có thể đổi phiền não lấy an lạc. Những hạng người này có đại

phước: họ thấy thế sự vô thường nên có thể bỏ nhà đi tu.

Tại sao lúc nghe hồng danh Ngài Dược Sư Phật thì khỏi bị đọa, có lúc bị đọa rồi có thể hoàn sinh loài người? Nghiệp có nhẹ có nặng. Căn lại có độn có lợi. Nghiệp nhẹ và căn lợi (tốt) thì lập tức tiêu trừ được ác nghiệp và khỏi đọa. Nghiệp nặng thêm vào độn căn thì không thoát đọa.

trong giáo Như Lai, nương tựa vào Chánh giáo của chư Phật, **thọ** với thân **trì** với tâm **học xứ** những nơi nên học, **không có hủy phạm** giới luật và qui tắc, có **chánh kiến** thích **đa văn**: thích nghiên cứu giáo lý, **hiểu thậm thâm nghĩa** lãnh hội đượ ý nghĩa sâu xa lời Phật dạy, **liạ tăng thượng mạn** tránh ngạo mạn, **không phỉ báng Chánh Pháp**, **không bạn với Ma** không còn muốn gần gũi ma ác, **tiệm dần dần thứ** theo thứ tự **tu thành chư hạnh Bồ Tát**, **tốc** rất nhanh **đắc viên mãn** đạt đến thành tựu tối hậu: Phật quả.

Lời Kinh:

Lại nữa Mạn Thù Thất Lợi, nếu chư hữu tình, có tánh keo tham đố kỵ, tự khen hủy người, đáng bị đọa tam ác đồ, vô lượng năm thọ chư đa khổ, thọ mãn đa khổ, liền từ mạng chung, sanh lại cõi người, làm thân trâu, ngựa, lừa, lạc đà, thường bị đánh roi, bị đói khát bức nảo, lại thường chở nặng đường xa; hoặc đượ thân người, sanh vào hạng hạ tiện, phải làm tôi tì, bị họ sai xử, mất hết tự tại.

Lời giảng:

Lại nữa Mạn Thù Thất Lợi, nếu chur hữu tình, có tánh keo tham đồ kỵ, tự khen hủy người,

“đồ kỵ”: ganh ty

Người keo kiết rất sợ chi tiền. Kẻ tham lam thì không bao giờ thấy đủ. Dân đồ kỵ nhất định không muốn người khác được lợi. Thường bị đồ kỵ vì có tài, thông minh, có phước, sống hạnh phúc hoặc may mắn. Đồ kỵ thường ẩn trong tâm, khó thấy được cho đến khi bị lộ ra bằng lời nói hoặc cử chỉ.

“Keo”: rất thịnh hành! Theo Thành thật luận 成實論, có năm loại keo kiết:

1. Tài keo: giữ chặt của cải không cho người khác.
2. Pháp keo: không giảng pháp cho người tới cầu pháp,
3. Gia đình keo: nhà của người biết bố thí và tín đồ, không muốn cho họ biết,
4. Trụ keo: không muốn cho người trọ các nơi ở.
5. Khen keo: không thích khen người khác, vì sợ họ hơn mình,

Tu luyện thiên phải trừ ba loại “tham”:

1. Ngoại tham, tức là tham sắc,
2. Nội ngoại tham tức là yêu chuộng thân mình hoặc thân người khác,
3. Phô tham, tham đủ thứ ngũ trần ở ngoài, đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần.

“tự khen hủy người”: tự đề cao, hạ người, hoặc tệ hơn nữa: cố ý hủy danh họ. Bồ Tát Giới bàn rõ về những người này.

Nếu thật sự có tài thì không cần phải tự quảng cáo (để được khen ngay lúc đó) vì sớm muộn gì mọi người đều có thể thấy được.

đáng bị đọa tam ác đồ, vô lượng năm thọ chư đa khổ,
bị đọa làm súc sinh, quỷ hoặc địa ngục để chịu thống khổ rất lâu.

“Ác” có ba phẩm, theo phương-diện cảnh 約境:

1. Thượng là giết cha mẹ hoặc Thầy của mình,
2. Hạ là mình hãm hại chúng sanh thấp hơn như kiến muỗi,
3. Trung là những phần còn lại,

Ác có ba loại, theo phương diện tâm 約心:

1. Thượng: khi tâm ác rất dữ
2. Hạ: khi tâm không cố ý ác đó là loại hạ.
3. Trung: còn lại

Ác cũng tùy thời 約時:

1. Thượng ác: lúc mình làm ác mà không sám hối sau ba thời, làm ác sau mười hai tiếng đồng hồ không sám hối,
2. Trung ác là khi mình làm ác rồi lại biết sám hối,
3. Hạ ác là khi làm việc quấy, biết sám hối liền ngay lúc đó.

liền từ mạng chung, sanh lại cõi người, làm thân trâu, ngựa, lừa, lạc đà, làm súc vật chuyên gánh nặng thường bị đánh roi, hay bị đánh đập bằng roi bị đói khát bức nã,

lại thường chở nặng đường xa; luôn phải đi xa, gánh nặng, bị roi vọt, thiếu nước thiếu ăn và chịu nhiều khổ sở.

hoặc được thân người, sanh vào hạng hèn hạ đê tiện, phải làm tôi tì, làm đầy tớ bị họ sai khiến và phán xử, mất hết tự tại không được tự chủ. Sống trong thiếu thốn, khinh bỉ và luôn bị sai khiến, mắng nhiếc.

Trong kinh nói người làm ác khi bị đọa vào loài súc sanh, khi được sanh vào cõi người thì sanh làm người hạ tiện. Xưa ở Ấn Độ có ông trưởng giả, trong nhà có một bà già nô tì canh giữ tài sản của ông rất kỹ. Bà thường ngăn cản việc bố thí của ông trưởng giả. Bà nổi tiếng là bòn sẻn nên ai cũng biết. Hoàng hậu nghe tiếng nên gọi bà nô tì này tới cung điện mắng một trận. Lúc đó Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đi ngang qua. Bà nô tì mặt nhăn nhó và che mặt lại không muốn nhìn đến Phật. Hoàng hậu thỉnh Phật giúp cho bà nô tì này. Đức Phật nói: bà này nghiệp nặng lắm, bà với Tôi không có duyên với nhau. Đức Phật bảo La Hầu La cảm hóa cho bà già. La Hầu La nhận bà làm đệ tử và truyền cho bà ngũ giới. Bà chứng được Sơ quả A La Hán. Hoàng hậu nổi lòng hiếu kỳ, hỏi: “bà đã tạo nghiệp tội gì mà sanh làm nô tì, và bà tạo phước gì mà gặp được Phật và chứng được A La Hán quả”? Đức Phật nói: kiếp trước có một Hoàng tử xuất gia. Người Phương tượng giảng pháp Đại Không 大空 cho vị Hoàng tử xuất gia này. Vị Hoàng tử này nói: “Phương tượng thiếu trí huệ, làm sao có thể giảng được đại pháp thâm sâu này được? Trong tương lai, tôi không muốn gặp ông nữa. Ngược lại vị Thầy A Xà Lê của tôi vừa có biện tài vừa có trí huệ, hy vọng trong tương lai ông làm Thầy tôi và dạy cho tôi, đời đời kiếp kiếp.” Vị

Hoàng tử xuất gia này vì tội phi báng đó, sau bị đọa vào Địa ngục A Tỳ tám mươi ức kiếp. Sau đó được sanh vào cõi người, năm trăm kiếp bị mù bị điếc và ngu ngốc. Một ngàn hai trăm đời sanh làm nô bộc. Vị Phương trượng là tiền thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, A Xà Lê là La Hầu La, Hoàng tử xuất gia đó là bà già nô tì ngày hôm nay.

Lời Kinh:

Nếu trước trong nhân gian, đã từng nghe danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu ly Quang Như Lai, do thiện nhân này, nay lại ý niệm, chí tâm qui y, nhờ thần lực của Phật giải thoát chúng khổ, các căn thông lợi, trí huệ đa văn, hằng cầu thắng pháp, thường gặp thiện hữu, vĩnh đoạn lưới ma, đập nát vỏ vô minh, tát cạn sông phiền não, giải thoát tất cả sanh lão bệnh tử và ưu sầu khổ não.

Lời giảng:

Nếu trước trong nhân gian, lúc trước đang làm người đã từng nghe danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu ly Quang Như Lai, do thiện nhân này, nay lại ý niệm, nay bỗng nhớ lại hồng danh của Ngài.

chí tâm qui y, cực kỳ thành tâm xin qui y, nhờ thần lực của Phật nên đắc được giải thoát chúng khổ, các căn thông minh lợi và sắc bén, có trí huệ và đa văn: thích học, hằng cầu thắng pháp thường cầu thỉnh Phật Pháp, thích tu học các pháp xuất chúng, thường gặp thiện hữu bạn tốt, và người thiện tri thức lại muốn giúp họ, vĩnh đoạn lưới ma không còn bị mắc lưới ma, không còn phục vụ cho bọn

ma, **đập nát vô vô minh** không còn bị vô vô minh giam hãm hoặc che lấp, **tát cạn sông phiền não** đoạn tất cả phiền não; phiền não như dòng sông liên tục không bao giờ cạn; phiền não vô tận, bởi vì phiền não này rồi đến phiền não khác, không bao giờ ngưng, **giải thoát tất cả sanh lão bệnh tử và ưu sầu khổ não**, đắc thánh quả.

Hỏi: Khi làm lỗi mà biết sám hối là thoát được nghiệp báo, chúng ta có thể sám hối cho người khác được không?

Đáp: Không, tại sao vậy? Tại vì sám hối có hai phần, thứ nhất là công nhận có sự sai lầm, thứ nhì khi biết sai là phải sửa đổi lại. Có đủ hai yếu tố đó mới gọi là sám hối. Vì không đủ hai yếu tố đó nên không thể thế người khác mà sám hối được. Ngược lại có thể hồi hướng công đức sám hối cho người khác được, bởi vì hai cái đó khác nhau. Chúng ta có thể diệt chủng tử ác bằng cách sám hối. Sám hối mà hồi hướng cho người khác là bố thí cái phước. Một mặt có phước sám hối, nhưng vẫn tiếp tục làm bậy thì hiệu quả của sự bố thí phước sám hối rất ít.

Kết thúc cuốn thượng.

Lời Kinh:

Lại nữa Mạn Thù Thất lợi, nếu chur hữu tình, hào hỉ quai ly, nên cùng đấu tụng, não loạn tự tha, do thân khẩu ý, tạo tác tăng trưởng, chủng chủng ác nghiệp, thường làm những chuyện không nhiều ích, mưu hại lẫn nhau, cáo triệu sơn lâm, cây mả đặng thần, sát chur chúng sanh, để lấy máu thịt, cúng tế được xoa và la sát

đăng, hoặc biên tên họ, hoặc làm hình tượng, dùng ác chú thuật mà trớ chú, mị yểm cổ đạo, chú dựng thi quỷ, khiến đoạn sinh mệnh và hại thân thể.

Lời giảng:

Hai đoạn tiếp theo bàn về chính có thể phục tà, thật có thể phá giả.

Đức Phật nói, **Lại nữa Mạn Thù Thất lợi, nếu có chư hữu tình, hào thích hỉ** rất sung sướng **quai** làm việc trái ngược, không công nhận sự thật, lầm lẫn phải trái. Thích tạo bất hòa hoặc **ly gián**, viện lý để đàn áp kẻ yếu **nên cùng** nhau tranh **đấu tụng** kiện, nhất định đấu tranh không phục thiện, chối sai, chê đức, tạo vô số phiền **não** và làm tán **loạn** cho **tự tha** bản thân và người, **do thân khẩu ý** dùng tam nghiệp: miệng, trí và thân, **tạo tác tăng trưởng** làm càng ngày càng nặng thêm, **chủng chủng ác nghiệp** tạo đủ loại ác, **thường làm những chuyện không nhiều ích** thích làm chuyện hoại chứ không có tinh thần gây dựng, **muu hại lẫn nhau** một bên bày muu gia hại, bên kia lập tức trả đũa, giận hờn càng ngày càng chồng chất, **cáo van xin triệu** kêu gọi **sơn núi lâm rừng, cây cối và mồ mả đăng thần, sát giết chư chúng sanh, để lấy máu thịt, cúng tế** cho quỷ **được** **xoa** loại quỷ rất lẹ **và la sát** loại quỷ này thích giết người **đăng**, và các loài quỷ khác, **hoặc biên tên họ, hoặc làm hình tượng, dùng ác chú thuật mà chú trớ** dùng các loại tà ma ngoại đạo pháp để trừ yểm người, hoặc dùng quỷ Si **mị 魑魅** (loài yêu quái ở rừng núi, mặt người mình thú, hay mê hoặc và làm hại người ta) quỷ **yểm** (hiện trong mộng, đè lên người cho ngộp thở mà chết) **cổ đạo** (loại

trùng độc), **chú dộng thi quỷ** (dùng chú sai khiến quỷ nhập vào tử thi người chết mà sai khiến), **khiến đoạn sinh mệnh và hại thân thể** (dùng những phương pháp trên giết người hoặc hại thân thể người).

Khi lửa sân hận phát ra tức thì muốn hại người. Lúc đó đọc thần chú và kêu quỷ thần đến hãm hại người: chuyện đó không nên làm. Chúng ta tu là để giúp đời giúp người chứ không phải lấy thịt đè người. Càng tu thì thấy cái ngã mỗi ngày một bớt đi. Đó mới gọi là tu. Bất cứ theo đường lối tu nào, mà mỗi ngày bản ngã càng nhỏ cho đến khi không còn nữa thì đó mới thật sự là tu. Tu là tìm hiểu chân lý tức là tìm hiểu sự thật để thấy rõ cái ngã. Nếu tu mà cái ngã càng ngày càng lớn là tu trật đường rồi!

Tôi có một người học trò học ngành y để chữa bệnh. Học một thời gian ông thú nhận rằng sự hiểu biết y học thế gian rất eo hẹp. Thế gian pháp chỉ chữa được triệu chứng mà không trị được gốc. Gốc của các bệnh là do ma quỷ đến tàn phá. Vì vậy các tôn giáo khác có những thần chú để sai khiến quỷ thần. Những người luyện thần chú là để sai khiến quỷ thần.

Hỏi: Nếu chữa bệnh như vậy là can thiệp chuyện người ta vậy can thiệp chuyện quỷ thần, như vậy có bị quỷ thần trả đũa không?

Đáp: Đa phần đều bị. Bởi vì chúng ta can thiệp vào chuyện của họ. Họ đang trang trải nợ nần cho nhau, tự nhiên chúng ta chạy vào phá đám. Phá đám là phải chịu quả báo bởi vì không ai có quyền phá đám chuyện người!

Nếu can thiệp thì phải lãnh quả vậy làm sao bây giờ? Như Nha Sĩ chữa răng cho người, chữa răng là can thiệp. Theo luật nhân quả, can thiệp là trồng nhân để phải lãnh quả. Nếu muốn giúp đời thì phải trả hậu quả: cứ chấp nhận đừng sợ. Người tu hành vẫn biết phải trả cái quả, bị thiệt thòi rất lớn nhưng vẫn làm. Ví dụ có người bệnh ung thư, chúng ta có cơ hội để chữa bệnh ung thư đó. Vậy trị bệnh đó trị giá bao nhiêu đây? Lãnh lấy bệnh ung thư cho người đáng giá bao nhiêu?

Vậy có thể chữa bệnh vì lòng đại bi được không? Lòng đại bi tức là có thể nhìn bản thân và người là cùng một thể? Ai làm được không? Không được bởi vì quý vị luôn có óc phân biệt. Chắc chắn quý vị coi trọng người gia đình hơn. Chấp trước nghĩa là xả không được: giúp người mà không có lợi cho gia đình thì làm sao giúp được?

Phát tâm giúp người hoặc bố thí là tự tạo phước. Chẳng hạn như chữa bệnh cho người ta là đang xoá nợ cho người, như vậy người đó sẽ nợ chúng ta trong tương lai. Khi làm chuyện thiện không mất mát gì hết. Quý vị đừng nghĩ rằng bố thí là bị thiệt thòi: khi bố thí mà người ta nhận là họ nợ chúng ta. Thật ra có nhiều trường hợp là không bị nợ mà trừ nợ từ đời trước. Nhưng nay chỉ bàn trường hợp lúc trước không có nợ nhau.

Vì vậy nhiều vị A La Hán không chịu nhận bố thí. Họ hiểu rằng một khi nhận là phải trở lại mà trả cái nợ đó. Không những trả nợ không mà còn trả tiền lời nữa! Vậy có cách nào để nhận mà không nợ không? Nợ đó tồn tại cho đến

một ngày nào đó có đủ duyên họ sẽ trả lại. Bồ thí có thể tạo lợi lớn lao trong tương lai.

Vì vậy muốn tu Đại Thừa trước hết phải học Bồ Thí. Làm lợi cho người để tạo phước tu hành. Bồ Tát làm chủ nợ nhưng không bao giờ nghĩ đòi. Đến khi nào đủ nhân duyên, họ tự động tìm đến trả.

Hỏi: Làm sao biết, chúng ta là chủ nợ hay là con nợ?

Đáp: Đừng nên suy nghĩ như vậy! Khi bồ thí thì đừng dẫn đo. Nếu dẫn đo cái lợi đó không có bao nhiêu cả. Kinh Địa Tạng nói: bồ thí một sẽ lấy lại một vạn. Khi cho là có cấp số nhân, cho một lấy lại một vạn, hoặc nhiều hơn hoặc ít hơn tùy theo mỗi trường hợp. Biết bồ thí mới giàu được.

Phần lớn người thế gian cho giàu có là do mượn tiền song không trả. Họ không biết là như vậy là trồng nhân để sau này nghèo mạt rệp! Nếu có người đến bồ thí cho quý vị: vốn là người thông minh, quý vị muốn lấy gì? Lấy tiền bạc, lấy tình thương, hay lấy sự kính trọng v.v...? Trí huệ người A La Hán hay ở chỗ đó, người ta có trí huệ nên người ta không lấy. Hơn nữa, người bồ thí chân chính là không bao giờ đòi.

Sau hai tiếng đồng hồ tôi giảng cho quý vị pháp bồ thí hay không thể tưởng được. Ai cũng khen pháp này tuyệt vời. Bây giờ hỏi quý vị thích cho hay thích lấy? Quý vị vẫn thích lấy như thường! Lý do quý vị vẫn thích lấy là do quý vị còn thấy cái lợi trước mắt, thích lợi hơn là không lợi.

Thành ra trí huệ vị A La Hán hơn quý vị nhiều, nhiều lắm: tại vì quý vị còn thấy lợi, bậc A La Hán thì không. “Tôi không lấy đâu”. Chúng ta còn thấy lợi là vì còn tham. Vị A La Hán thì không tham. Chúng ta còn thua họ xa lắm! Có ai gần trạng thái là không cần lấy nữa không? Có ai chỉ còn cần lấy một thứ thôi, còn những thứ khác thì không cần? Hai thứ? Ba thứ? ... Chín thứ.v.v...? Không ai trả lời cả. A La Hán, từ mười rồi bỏ lần đến một, rồi mới đến không. Còn quý vị mười vẫn chưa xả được làm sao đến không được?

Tôi chỉ nói người có đại trí huệ mới làm được như vậy. Nhưng tôi có nói là làm như vậy là đúng không? Tôi đâu có dùng chữ đúng. Có trí huệ đâu có nghĩa là đúng. Vị A La Hán biết tự giải thoát và thành công trong sự giải thoát. Nếu quý vị biết tự giải thoát được đó là trí huệ. Lý do quý vị còn khổ là vì không biết giải thoát: vẫn còn thấy nợ người ta, vẫn còn thấy làm việc, vẫn còn thấy tranh đấu. Đó là chưa giải thoát, còn A La Hán là người ta đã giải thoát rồi.

Đây là mới nói trí huệ nhỏ thôi, một khi có nhỏ rồi mới có đại, trí huệ của vị A La Hán chỉ là một chút xíu thôi, lại tưởng đó là rất ráo. Nó chưa phải là rất ráo.

Cho quý vị một ví dụ, tại sao Bồ Tát nhận đồ của bố thí cúng dường? Tại vì mỗi lần bố thí là mấy vị đòi hưởng lợi, do vì còn chấp trước vào của cải. Có những vị Bồ Tát chuyên đến những hạng người này để xin bố thí, tại sao vậy? Các ngài Bồ Tát thấy được, là khi nhận của người một đồng là người ta muốn được trả lại mười đồng. Nên phải rượt theo để đòi nợ. Có người chỉ cho có một đồng,

mà quyết định chạy theo đòi cho được một đồng. Vậy phải tới chùa ngồi tu. Đó là do các vị Bồ Tát dùng phương tiện, để chúng sanh đến đòi, từ đó các vị Bồ Tát mới tạo cơ hội mà giúp họ được. Việc này các vị A La Hán không hiểu được. Bởi vì trí huệ của các vị A La Hán còn quá nhỏ.

Các vị Bồ Tát giàu là lúc cần thì của mới tới, khi không cần thì không thấy đâu hết, đó mới thật sự là giàu. Còn người đòi giàu, có tiền của phải lo ôm giữ, sợ bị mất hoặc đem gửi nhà bank đó đâu phải là giàu. Thật sự giàu là khi cần là của đến, cho nên cái giàu của các vị Bồ Tát mới thật sự giàu.

Lời Kinh:

Chư hữu tình đó, nếu nghe được danh hiệu của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì các thứ ác kia không thể hại được. Tất cả triển chuyển đều khởi từ tâm, lợi ích an lạc, không còn ý tổn não, tâm không hiềm giận, ai ai hoan duyệt, đối gì được thọ, sinh tâm hỉ túc, không xâm lấn của nhau, lại nhiều ích lẫn nhau.

Lời giảng:

Chư hữu tình đó, nếu nghe được danh hiệu của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì các thứ ác kia không thể hại được.

Dầu có bị người mưu toan dùng đủ loại tà thuật ám hại, nếu có được sự trợ giúp của pháp Dược Sư thì không có gì phải lo: đối phương vô phương gia hại.

Tất cả triển dần dần chuyển đổi hướng, mọi người đều

khởi từ tâm muốn đem niềm vui lại, **lợi ích an lạc** muốn đem nguồn lợi đến và cho bình an và yên lạc, **không còn ý** muốn làm **tổn** thiệt thòi và **khổ não**, **tâm không hiểm** oán ghét **giận** hờn, **ai ai** mọi người đều **hoan** hỉ và **duyet** vừa ý, **đổi** những **gì được thọ** có, **sinh tâm** hỉ thích thú và **mãn túc**: cảm thấy đủ, **không xâm lấn của nhau** không còn xâm lăng nhau, **lại** còn **nhiều ích lẫn nhau** làm lợi cho nhau.

Lời Kinh:

Lại nữa, Mạn Thù Thất Lợi, nếu trong tứ chúng: bí sô, bí sô ni, ô ba sách ca, ô ba tư ca, và những tịnh tín thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, có thể thọ trì bát phần trai giới, hoặc trong một năm, hoặc phục ba tháng, thọ trì học xứ. Nhờ thử thiện căn, nguyện sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới của Vô Lượng Thọ Phật, đặng nghe chánh pháp, nhưng nếu chưa quyết định, mà nghe được danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì khi mạng chung sẽ có tám vị Đại Bồ tát như:

Lời giảng:

Lại nữa, Mạn Thù Thất Lợi, nếu trong tứ chúng hàng Phật tử: bí sô các thầy, bí sô ni các sư cô, ô ba sách ca thiện cận nam, ô ba tư ca thiện cận nữ: “thiện cận” nghĩa là thích thân cận, thích đến chùa lo Phật sự.

và những thanh tịnh và tín có lòng tin **thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng** phái nam hoặc nữ đang tu tập thiện. Quý vị nhìn xung quanh mà xem: chúng tôi không phân biệt

nam nữ, già trẻ, Phật tử của chùa nào, đã qui y chưa v.v...
Ai thành tâm muốn tu đều được dạy, được giúp.

**CÓ THỂ THỌ TRÌ BÁT PHẦN TRAI GIỚI, HOẶC TRONG MỘT NĂM,
HOẶC PHỤC BA THÁNG,**

“Thọ trì”: thọ và giữ

“Phục”: trở lại, lập lại như trước

“bát phần trai giới”: cũng gọi là bát quan trai giới gồm có tám giới:

1. 不殺 **bất sát**: không giết
2. 不盜 **bất đạo**: không ăn cắp
3. 不淫 **bất tà dâm**: không làm chuyện dâm dục tà
4. 不妄語 **bất vọng ngữ**: không nói láo
5. 不飲酒 **bất ẩm rượu**: không dùng các chất say
6. 不著香花鬘 **bất trước hương hoa man**: không dùng hương hoa, trang điểm
7. 不坐高廣大床 **bất tọa cao quảng đại sang**: không dùng giường cao rộng
8. 不非時食 **bất phi thời thực**: không ăn quá Ngọ (12 giờ, đứng trưa)

Bảy giới đầu tiên gọi là giới, giới thứ tám không ăn sau Ngọ gọi là trai nên gọi chung là bát quan trai, trai là sau Ngọ không được ăn. Những người xuất gia bên Tiểu Thừa vẫn ăn thịt, vẫn gọi là ăn trai, bởi vì sau Ngọ họ cũng không ăn.

“bát quan trai giới”:

Quan: những giới này ngăn ngừa những tội lỗi, sai lầm, cho nên còn gọi là bế quan, tức là đóng cửa lại. Có nhiều người hiểu lầm là thọ bát quan trai giới là sau khi đã thọ ngũ giới. Không cần làm Phật tử mới thọ bát quan trai giới, mà bất cứ ai thọ cũng được cả.

Những người thọ ngũ giới mỗi tháng có thể ăn chay sáu ngày, hoặc là mười ngày càng tốt, cho nên có những ngày truyền pháp bát quan trai rất thuận tiện cho những ngày ăn chay đó là ngày: mồng tám, mười bốn, mười lăm, hai mươi ba, hai mươi bốn, hai mươi tám (tháng ngấn), hai mươi chín, và ba mươi. Đó là những ngày tu tốt nhất, những ngày này đặc biệt là thuộc về ngày trời. Loài người thường tưởng làm chủ cõi nhân gian. Thật ra, trên chúng ta còn có những vị trời cai quản. Nếu chúng ta làm bậy, họ có quyền trừng phạt. Ví dụ, có những người làm ác nên bị sét đánh chết: đó là bị trời trừng phạt. Bởi vậy cõi người nằm dưới sự điều khiển của cõi trời. Những ngày trên là những ngày mà trời đến kiểm điểm coi chúng ta làm tốt hay làm xấu, nếu con người làm tốt thì trời giúp, còn nếu làm ác thì trời trừng trị. Những ngày mồng tám, ngày thứ mười bốn, ngày thứ mười lăm v.v... là những ngày cõi trời đến nhân gian thanh tra nên phải biết cẩn thận.

“ba tháng”

Còn về tháng thì có tháng giêng, tháng năm, và tháng chín là tốt nhất, đây là ba tháng trường chay. Đây là những ngày tháng tốt nhất trong kinh nói. Biết giữ thanh tịnh và trồng phước trong thời gian này thì sẽ tạo công đức nhiều hơn thường lệ.

Cõi Dục giới có sáu tầng trời. Tầng trời thứ nhất là Tứ Thiên Vương, tầng trời thứ hai là tầng trời của Đế Thích. Trong những ngày trên, hai cõi trời này xuống Nam châu cõi người thanh tra, đến kiểm soát loài người. Cho nên đức Phật dạy là những ngày này phải cẩn thận đừng làm bậy, làm bậy là có thể bị phiền lắm!

Hỏi: Những ngày và những tháng nói trên là những ngày chúng ta nên hành thiện, vậy ngoài những ngày và những tháng đó là chúng ta tha hồ làm bậy sao?

Đáp: Các vị nghĩ sao? Đây là sự khéo léo của đức Phật. Ví dụ như lúc lái xe trên xa lộ quý vị muốn dừng lại phải đạp thắng, vậy đạp thắng bao lâu xe mới dừng? Muốn xe dừng lại đạp thắng khoảng một trăm feet xe mới dừng lại hẳn. Đến khi muốn chạy tiếp tục phải rồ ga lấy trớn từ từ mới bắt đầu chạy nhanh, cho nên phải có thời gian mới đổi được hướng. Nên Phật khéo léo ở chỗ đó, cứ một tháng cách bảy ngày, cách mười hay cách hai đến ba ngày là ngừng lại đừng làm bậy nữa, vì vậy dù đang làm bậy thì bỗng nhớ là sắp đến ngày không được làm bậy nữa nên ngừng. Cái khéo léo của đức Phật để cho chúng ta đổi từ từ, mỗi ngày làm thiện một chút, dần dần lâu ngày quen sẽ không còn làm ác mà toàn là thiện. Bởi vì Đức Phật hiểu rằng muốn dạy ai chúng ta không thể ép họ được. Cho nên các vị muốn dạy con cái cũng không nên ép chúng nó. Nếu ép tụi nó sẽ không phục. Phật biết chúng ta thích làm bậy, nhưng không bao giờ ép. Như vậy chúng ta mới chịu đổi. Bởi vì mỗi khi làm bậy là phải gánh hậu quả, nên từ đó mới biết tin và chịu sửa đổi.

thọ trì học xứ.

“Học xứ”: nơi nên học. Bồ Tát có bảy nơi:

1. Tư lợi, tức khi học là có lợi ở trong đó nên mới học, bởi vì việc đầu tiên tu là tư lợi rất nhiều, nên mới chịu tu,
2. Tha lợi, sau khi hiểu cách làm lợi cho người ta rồi mới có thể hiểu Chân lý,
3. Chân lý chân thật: hiểu sự thật
4. Lực: sức mạnh, để có khả năng
5. Thành tựu chúng sanh. Khác biệt giữa tha lợi và thành tựu chúng sanh như thế nào? Lợi chúng sanh là làm cho người ta thêm lợi ích. Ngược lại thành tựu chúng sanh là làm cho người ta phát huệ. Trước cần ban bố, làm lợi cho người, sau mới giúp người phát huệ.
6. Tự thành tựu Phật đạo. Người tu không thấy được tiến bộ, là do không thấy quá trình này. Cũng như muốn nấu ăn ngon là phải có phương pháp nấu ăn mới ngon. Bởi vậy người tu không thành công vì không biết phương pháp tu.
7. Cuối cùng là chúng Vô Thượng Bồ Đề. Những người lười không cần lo chuyện này: chỉ cần Vãng sanh qua Tịnh độ là thành Phật. Bởi vậy pháp Tịnh độ rất quan trọng cho những người lười hoặc nghèo.

Nhờ thử thiện căn nhờ chúng tử tốt này, phát nguyện sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới của Vô Lượng Thọ Phật của Ngài A Di Đà Phật

đặng nghe chánh pháp,

Bên Tây Phương Cực Lạc, ngày đêm đều được nghe Chánh

Pháp Đại Thừa. Ngược lại, ngay trong xứ này, được nghe giảng Chánh Pháp là việc rất khó. Lại có nhiều người đội lốt xuất gia truyền dạy tà pháp của ngoại đạo.

Hỏi: Người lười có vãng sanh được không?

Đáp: Tùy theo loại người lười. Lười đến độ không chịu vãng sanh thật là vô phương cứu chữa.

Bản thân tôi thích Thiên bởi vì thiên rất thú vị. Nhưng thiên chỉ giúp bản thân mình thôi chớ không có giúp được ai cả. Còn Tịnh độ thì giúp được nhiều người: giúp những người tu pháp Tịnh độ vãng sanh và giúp những người không biết tu Tịnh độ cũng được vãng sanh luôn. Bởi vậy mới gọi là Pháp Thượng Thừa. Phải muốn vãng sanh mới giúp được, còn nếu như họ không muốn thì không thể ép. Lúc sắp chết phải lo niệm A Di Đà Phật đi để được vãng sanh mà thành Phật. Không có gì quan trọng bằng vãng sanh. Tất cả các thành tựu trên cuộc đời này, không gì quan trọng hơn bằng vãng sanh, phải nhớ như vậy.

Trong tương lai, không cần biết quý vị giàu như thế nào, dù có thể làm Tổng Thống hay ở bất cứ địa vị cao quý nào trong xã hội. Nhưng những gì mà quý vị hái được trong cuộc đời này, không có gì quan trọng bằng việc lo vãng sanh. Không cần biết quý vị đã học với tôi bao lâu, việc đại quan trọng tôi muốn nhắc quý vị là phải vãng sanh, không có gì hơn và cũng không có gì bằng.

Đối với cá nhân tôi, nếu như ai có thể nói với tôi rằng, lấy linh hồn tôi, lấy mạng sống tôi hay lấy tất cả những gì tôi

có ngày hôm nay cho đến khi tôi chết: tôi sẵn sàng sang cho hết, nếu có thể giúp tôi vãng sanh. Những gì tôi có không bằng một góc khi được vãng sanh qua Tịnh độ. Tất cả của cải vật chất trên quả địa cầu này không bằng một góc khi quý vị sanh vào cõi Tây Phương Cực Lạc. Trong cuộc sống quý vị đem toàn tâm toàn lực lo chuyện mưu sinh, lập sự nghiệp vì nghĩ rằng đó là chuyện đáng làm, nhưng tôi nói thật cho biết, không có cái lợi nào bằng sanh vào cõi Tây Phương Cực Lạc.

Hỏi: Làm sao để con chắc chắn được vãng sanh?

Đáp: Tu Pháp môn Tịnh độ.

Hỏi: Xin hỏi cho rõ. Làm sao con khi lâm chung đủ sức vãng sang kiếp này?

Đáp: Không đủ sức thì cầu cứu.

Hỏi: Nhưng khi con chết mà Thầy đã chết rồi ai giúp con đây?

Đáp: Hy vọng lúc đó sẽ có người thừa kế hiệu Pháp Tịnh độ và đủ khả năng giúp quý vị và con cháu đời sau. Tin như vậy thì nên phát tâm đăc lực giúp chúng tôi đào tạo nhân tài đời sau: cúng chùa, cúng nhà, lưu thông Kinh sách Đại Thừa, khuyến đến tham dự các khóa tu v.v...

Hỏi: Có cần xuất gia để tu Pháp Tịnh độ không?

Đáp: Không cần xuất gia. Tại gia tu Pháp Tịnh độ cũng

thành. Có điều là người tại gia khi tu Pháp Tịnh độ thành rồi mà kiếm người thừa kế rất khó. Ngồi trên pháp tòa giảng pháp mà không phải là hàng xuất gia thì quý vị phải coi lại. Tại sao vậy? Tại vì Đại Thừa là dựa vào Tăng đoàn để truyền pháp, chứ không phải người tại gia. Người tại gia không bao giờ cạnh tranh để giảng pháp với người xuất gia.

Làm sao vãng sinh cõi Tịnh độ vào phẩm cao? Tùy theo trình độ phước đức. Ba thượng phẩm đều do có đầy đủ tất cả giới hạnh. Phẩm trung thượng và trung trung do giữ giới thanh tịnh. Hạ phẩm do giữ giới nhưng không chịu hồi hướng công đức.

Lễ Dược Sư Phật có thể giúp vãng sanh Cực Lạc Tịnh độ. Cũng có thể thăng cõi trời Đâu Suất 兜率天 thân cận Ngài Di Lạc Đương Lai Hạ Sanh Bồ Tát..

nhưng nếu chưa quyết định có nhiều người hoặc đa nghi hoặc chưa biết chọn nên vãng sanh về cõi nào, **mà nghe được danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai**, nhờ thiện căn này **thì khi mạng chung sẽ có tám vị Đại Bồ Tát như:**

Lời Kinh:

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Bồ Tát, Bảo Đàn Hoa Bồ Tát, Vô Tận Ý Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát, tám vị đại Bồ Tát, từ không trung đến, đưa đường chỉ lối, liền tự nhiên hoá sanh trong những hoa báu đủ màu ở cõi đó.

Lời giảng:

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Bồ Tát, Bảo Đàn Hoa Bồ Tát, Vô Tận Ý Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát, tám vị đại Bồ Tát

Nêu danh sách tám vị Đại Bồ Tát đến rước chúng sinh về Lưu Ly Quang Tịnh độ: Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Chí Bồ Tát, Bảo Đàn Hoa Bồ Tát, Vô Tận Ý Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát.

Đây là tám vị Đại Bồ Tát đến dẫn chúng sinh về Tịnh độ, khi lâm chung. Tám vị Đại Bồ Tát tượng trưng cho Tám Đại Giác:

1. Văn Thù Sư Lợi tượng trưng cho sự giác về trí huệ. Ngài Văn Thù Sư Lợi đại biểu cho trí tuệ, bất cứ pháp hội nào Ngài cũng có mặt. Ngài là thủ lãnh, đây là đặc sắc của Phật Giáo. Bởi vì cái mà Phật Giáo quý nhất là trí huệ, mục tiêu cuối cùng của tu hành là mở trí huệ để được như trí huệ của Phật. Ngài Văn Thù là đệ nhất trí huệ. Ngài Văn Thù Sư Lợi ngao du khắp pháp giới để dạy cho mọi người phát Bồ Đề Tâm. Tại sao vậy? Ngài tới cõi Ta bà không phải dạy về Thiền cũng không phải dạy về Tịnh độ, không dạy về Thần thông, không dạy về Chú. Ngài chỉ dạy chúng sinh một việc thôi là phát Bồ Đề Tâm, tại sao vậy? Trí huệ Ngài đặc biệt là ở chỗ đó: đây là người thông minh nhất, có trí huệ nhất

và cũng là người hiểu nhất trong pháp giới này, chỉ dạy chúng ta có một điều là phát Bồ Đề Tâm. Bởi vì không phát Bồ Đề Tâm thì có tu pháp gì cũng trật hết! Tại sao phát Bồ Đề Tâm giúp mở cái huệ của Phật? Các vị đã phát Bồ Đề Tâm chưa? Phát Bồ Đề Tâm là gì? Khi qui y Tam Bảo là đã phát Bồ Đề Tâm rồi. Phát nguyện Bồ Đề là gì? Có nghĩa là phát nguyện thành Phật. Vậy phát nguyện thành Phật nghĩa là gì? Phát nguyện thành Phật là để mở Phật huệ: nên nhớ là một khi qui y Tam Bảo không phải bắt quí vị phải cúng tiền hay ký giấy để cúng nhà cửa hay xe hơi mà Tam Bảo chỉ yêu cầu quí vị nên mở Phật Huệ của quí vị. Cho nên Phật Giáo khác biệt các Tôn Giáo khác là ở chỗ đó, dưới mắt của Phật quí vị có sẵn Phật huệ. Cho nên Ngài Văn Thù Sư Lợi dạy có một điều là phát Bồ Đề Tâm để phát cái huệ mà thành Phật. Không bắt bỏ gì hết, chỉ cần phát Bồ Đề Tâm thôi. Mặc dù có người phát Bồ Đề Tâm một cách hời hợt trong lúc qui y nhưng bấy nhiêu cũng đủ để trồng cái nhân sau này thành Phật. Chúng ta tin Ngài Văn Thù Sư Lợi thì phát Bồ Đề Tâm. Chỉ cần cái nhân đó trồng xuống chắc chắn trong tương lai sẽ thành Phật. Biết tin và chỉ trong giây phút phát Tâm Bồ Đề đó chắc chắn sẽ thành Phật.

Hỏi: Mỗi lần bị lưu chuyển trong cõi luân hồi có cần phát Bồ Đề Tâm lại không?

Đáp: Trong khi luân hồi mà phát Bồ Đề Tâm nhiều lần, thì có nhiều cơ hội để thành Phật. Quan trọng là

chỉ cần một chủng tử thôi cũng đủ. Mặc dầu loại hạ phẩm đến chừng nào đi nữa chắc chắn trong tương lai rồi cũng thành Phật. Mặc dầu tâm không tin về Phật lắm, có thể vì cho đó là mê tín dị đoan. Nhưng cứ phát Bồ Đề tâm phòng hờ đi: cũng rất đáng làm.

Bồ Đề và Huệ khác nhau chỗ nào? Huệ có ba loại, huệ thứ nhất là thế gian huệ, thứ nhì là xuất thế gian huệ, thứ ba là cứu cánh huệ, cứu cánh huệ là huệ của Phật.

Huệ của các Ngài Bồ Tát và Phật cùng một loại. Huệ của Phật và Bồ Tát khác nhau ở chỗ nào? Huệ của Phật vẹn toàn, còn Huệ Bồ Tát chỉ một phần Huệ của Phật. Ngược lại, những gì mà các Ngài A La Hán thấy và hiểu vẫn còn trật rất nhiều. Một khi làm Bồ Tát, thì mới thấy được sự thật. Muốn đi đến cõi Phật phải đi ngang qua cõi của A La Hán. Cõi A La Hán chỉ là bàn đạp để đến cõi Phật.

2. Quan Âm, Ngài Quan Âm rất nổi tiếng và cũng rất thịnh hành bên Đại Thừa và cả Tiểu Thừa.

Có lần tôi và thầy Hằng Cát đến thăm một chùa Thái lớn nhất ở Los Angeles. Ngôi chùa này đẹp và rộng rãi, có nhiều thầy trẻ rất hăng hái và vui vẻ. Sau đó tôi đi đến chỗ phát hành tượng Phật. Ngoài tượng Phật còn có tượng Bồ Tát Quan Âm. Tôi hỏi vị tri khách: “các vị cũng tin Quan Âm sao?” Vị sư tri khách trả lời họ không tin Quan Âm lắm nhưng Phật tử chúng tôi tin nên chúng tôi phát hành tượng Quan Âm cho Phật tử thờ cúng. Thấy chưa? Quý thầy

bên Nam Tông không tin Quan Âm, nhưng Bồ Tát Quan Âm vẫn đến giúp phật tử Nam Tông nên họ rất tin tưởng Ngài.

Quý vị biết tại sao Quan Âm thịnh hành như vậy không? Bởi vì mỗi khi chúng sanh bị khổ hay bị nguy hiểm, chỉ cần gọi Ngài Quan Âm, Quan Âm sẽ đến giúp. Dầu không là Phật tử, khi bị nguy hiểm mà cầu cứu Ngài Quan Âm, Bồ Tát lập tức đến cứu. Ngài thường nhập định và quán âm thanh của tất cả chúng sanh trong pháp giới. Ai cầu cứu Ngài, Ngài dùng thần thông hiện đến cứu ngay.

Tại sao Ngài Quan Âm đại diện cho vô hí luận giác ngộ? Hí luận là nguy hiểm, bởi vì không thể bịp cái âm thanh được. Ngài Quan Âm nghe âm thanh biết là chúng ta có thành tâm hay không, nếu không thành tâm Ngài không đến.

3. Đại Thế Chí Bồ Tát. Ngài tượng trưng cho thiếu dục, tức là bớt tham muốn. Ngài Đại Thế Chí có đại thần thông. Thành ra Đại Quỷ thấy Ngài đều né ra chỗ khác. Tại sao Đại Lực tượng trưng cho thiếu dục? Tại vì dục vọng là cái lậu làm cho chúng ta mất hết lực. Một khi tu đến trình độ của vị Đại Bồ Tát này không còn dục vọng nữa, lúc đó quý vị sẽ là vô địch không ai thắng nổi cả.
4. Vô Tận Ý Bồ Tát. Ngài hiểu pháp vô tận nên phát tâm vô tận 發心無盡. Lại còn biết hư không vô tận, hư giả cũng vô tận và trung đạo cũng vô tận. Ngài tượng trưng cho Giác Tịch vì Ngài quán chân lý vô nhị. Tịch là không đụng đây. Tại sao Vô Tận

- Ý Bồ Tát tượng trưng cho cái Tịch. Ý này là ý thức (thức thứ sáu), cái óc (thích) suy nghĩ. Khi chúng được vô nhị thì tâm không còn động.
5. Bảo Đàn Hoa Bồ Tát tượng trưng cho tinh tấn giác ngộ vì Ngài tinh tấn tu vạn hạnh. Hoa bảo đàn rất là đẹp. Hoa này có một trăm loại báo khác nhau, tượng trưng cho mười ngàn hạnh tu của Bồ Tát: kết thành hoa để trang nghiêm quả của hạnh tinh tấn.
 6. Dược Vương Bồ Tát làm rơi đủ các dược vật từ hai bàn tay. Ngài nắn và rửa sạch các bệnh của chúng sinh, ban Pháp dược vô ngại để diệt trừ những ác của tâm và thân. Ngài tượng trưng cho Chánh Niệm vì luôn thương hại và niệm chúng sinh.. Ngài Bồ Tát này chữa bệnh rất hay. Ngài Dược Vương Bồ Tát có thể ban cho đủ loại pháp dược để diệt trừ những tâm, thân và ý ác. Những người biết tin và qui y với vị Bồ Tát này thì sẽ đắc được đại tự tại. Đại tự tại là chánh niệm.
 7. Dược Thượng Bồ Tát tượng trưng cho giác ngộ về tri túc vì Ngài thường giúp chúng sinh thành tựu chánh mệnh. Phật tử nên y tùng Chánh Pháp, thanh tịnh tam nghiệp (thân, khẩu và tâm), viễn ly chú thuật, bói quẻ hoặc năm loại tà ác mưu sinh. Và nên như Pháp cầu y phục, ẩm thực, thuốc men và giường gối, những vật cần thiết cho cuộc sống. Bình thường, thuốc là đắng cay khó nuốt. Nhưng thuốc của vị Bồ Tát này cho rất huyền diệu, ngon và hảo hạng.
 8. Di Lạc Bồ Tát tượng trưng cho giác ngộ về thiên định vì Ngài nhập Duy Thức Định. Di Lạc là tiếng Phạn, có nghĩa là Vô Địch Thủ. Khi thành tựu thiên

môn sẽ trở thành vô địch. Di Lạc dịch thành “từ thị 慈氏: họ từ” vì từ lúc phát tâm Bồ đề, Ngài không ăn thịt. Trong tất cả các pháp, Ngài chú trọng nhất tu pháp từ, giúp chúng sinh không đoạn Phật chủng.

Nếu biết tu Pháp Dược Sư này, lúc lâm chung sẽ có tám vị Đại Bồ Tát đến rước về cõi Phật.

Hỏi: Khi tu thiêu dục cũng thành tựu vô địch và tu thiên định cũng thành tựu vô địch vậy hai cái vô địch này khác nhau chỗ nào và giống nhau chỗ nào?

Đáp: Nó cùng là một thể, nhưng mỗi con đường đi khác nhau. Thiêu dục nghĩa là thấy dục là chặt. Thiên Định thì không cho tâm động cho đến đặng vô sinh.

Hỏi: Tám vị Bồ Tát nói trên tượng trưng cho tám pháp môn tu. Vậy là có cần tu hết tám pháp môn nói trên hay chỉ cần tu một trong tám pháp môn thôi là đủ?

Đáp: Tu hết tất cả pháp môn. Nhưng không phải chúng ta tu một lúc hết tám pháp đó. Các vị Bồ Tát tu mười vạn pháp môn khác nhau. Cũng như chúng ta thường nghe có người nói họ chỉ chuyên tu về Thiền, chớ không tu Tịnh độ. Thật ra người này không phải tu Pháp Đại Thừa. Bên Đại Thừa phải tu mười vạn pháp môn khác nhau, không thể nói là tôi thích tu cái này không thích tu cái kia. Những người như vậy không phải tu Pháp Đại Thừa. Đại Thừa là không từ bỏ pháp môn nào khác hết. Ngay những người tu Tịnh độ cũng vậy, cứ cho là tôi tu Tịnh độ thôi còn Thiền không phải là pháp môn của tôi. Theo tôi, người đó không tu pháp

môn Tịnh độ Đại Thừa.

Các vị Bồ Tát tu mười vạn pháp môn khác nhau, như vậy chúng ta cũng không nên từ bỏ bất cứ pháp môn nào. Nhưng cũng không có quyền nói đang tu mười vạn pháp môn khác nhau. Thật ra phải tu lui tu tới hoài. Tu mỗi đời người là một vài pháp môn: đó là kiên nhẫn. Không nên chê bỏ gì hết: không nên nói là chuyên môn Tịnh độ hay chuyên môn Tiểu Thừa hay Đại Thừa này nọ, hay nói tôi chuyên tu pháp môn này không tu pháp môn kia v.v...

từ không trung đến, đưa đường chỉ lối, liền tự nhiên hoá sanh trong những hoa báu đủ màu ở cõi đó. Các vị đại Bồ Tát này đích thân đến tiếp dẫn chúng sinh về hóa sinh trên liên hoa. Thật còn rầm rộ hơn New Year parade! Cõi đó có đủ thứ hoa nhiều màu.

Khi mà tu Pháp tinh tấn mình tạo ra cái quả đẹp như hoa không có gì đẹp hơn tinh tấn. Tinh tấn tạo nên cái quả hoa rất là đẹp rất là trang nghiêm.

Lời Kinh:

Hoặc có kẻ, nơn vì đó mà sanh lên cõi Trời. Tuy sinh cõi thiên, nhưng bốn thiện căn vẫn chưa cùng tận, và không còn sanh lại những ác thú nữa. Khi thượng thiên thọ tận, sanh lại cõi người thì, hoặc làm Luân vương, thống nhiếp tứ châu, oai đức tự tại, an lập vô lượng trăm ngàn chúng hữu tình theo con đường Thập thiện;

Lời giảng:

Hoặc có kẻ, như vì đó mà sanh lên cõi Trời. Tuy sinh cõi thiên, nhưng bốn thiện căn vẫn chưa cùng tận luôn luôn còn đủ, và **không còn sanh lại những ác thú nữa** không bao giờ đọa ác đạo.

Phước báo của pháp Dược Sư là vậy: tu pháp môn này sau này có thể sanh lên cõi Thiên hưởng những thú lạc của cõi Trời. Hơn nữa có thể tránh đọa súc sanh, ngạ quỷ và địa ngục.

Khi thượng loại tốt nhất **thiên thọ** mạng **tận** hết: xài hết phước trời, **sanh lại cõi người thì, hoặc làm Luân vương, thống nhiếp tứ châu, oai đức tự tại,**

Thông thường kẻ sinh cõi trời để hưởng thiên phước hữu lậu. Phước hết thì đọa xuống các cõi thấp hơn. Những người nghe hồng danh Dược Sư Phật có thiên phước và sẽ không bao giờ đọa tam ác đồ.

Sau khi hưởng lạc thú ở cõi trời rồi thì rớt xuống cõi người, làm Chuyển Luân Vương.

Chuyển Luân Vương là người có thể lực nhất cõi người và cũng sung sướng nhất. Không ai sung sướng bằng Luân Vương, có bốn loại Luân Vương khác nhau:

1. Vàng, làm chủ bốn châu
2. Bạc, chủ ba châu: Nam, Tây và Đông
3. Đồng chủ hai châu: Nam và Tây
4. Sắt, chủ Nam châu.

Khi Luân Vương xuất thế, thọ mạng trung bình 80,000

năm, loài người an lạc, không có thiên tai hoặc nhân họa. Luân Vương còn chưa rõ ráo, bởi vì Luân Vương vẫn còn bị luân hồi ! Trước khi quý vị chê bai Luân Vương, xin nói cho quý vị biết là Luân Vương có Thất Bảo Quý trên cuộc đời này. Với thất bảo này người Luân Vương muốn bất cứ cái gì cũng được hết. Luân Vương có:

1. Kim Luân: đi bất cứ nơi nào trong quốc độ này chỉ trong chốc lát sẽ tới ngay lập tức nó nhẹ như phi thuyền vậy.
2. Tượng Bảo, dùng voi này, khi nào ra trận đều đánh bại quân địch.
3. Mã Bảo, ngựa này rất đẹp lại nhẹ không ngựa nào nhẹ bằng. Những người nhà giàu họ thích phước báo này, bởi vì họ quý ngựa, họ có thể trả mười triệu hay hai mươi triệu để mua con ngựa như vậy. Những người giàu sang mới hiểu được thú vui này, Chuyển Luân Vương có loại Ngựa tuyệt diệu này.
4. Ngọc Như Ý, tức là muốn gì được nấy.
5. Tàng Bảo: đó là kho tàng. Khi chúng ta cần tiền thì phải đi đến ngân hàng để lấy, còn Vị Chuyển Luân Vương khi cần tiền chỉ cần nói một tiếng là Ông Thần Đất đem tiền đến dâng ngay lập tức, cần bao nhiêu tiền là có bấy nhiêu: giàu cực độ đến như vậy. Tôi đang diễn tả sự giàu sang phước báo cực độ của vị Chuyển Luân Vương như vậy mà quý vị không tin lại cho đó là hoang đường, thật là mất vui!
6. Ngọc Nữ Bảo: đi đâu cùng đem theo người tình nhân đẹp mê ly. Nàng tên Tịnh Diệu Đức, chỉ biết một tâm phục vụ cho vua.
7. Tướng Bảo, để phụ trách lính và chiến tranh.

an lập vô lượng trăm ngàn chúng hữu tình theo con đường Thập thiện;

Giảng cho quý vị thấy phước báo tu pháp Dược Sư là vậy. Chuyển Luân Vương làm gì? Là chỉ cho chúng ta thấy phước và trách nhiệm đi song song với nhau. Đừng nghĩ có phước là không cần làm gì cả. Công việc của Luân Vương là dạy Thập Thiện.

Chỉ dạy chúng sinh làm việc thiện để hưởng phước: thân không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không tham, sân, si, miệng không nói láo, không ác ngữ, không lưỡng thiệt, không nói thêu dệt.

Về phương diện thực hành là thân: phóng sanh, bố thí, giữ thanh tịnh; tâm: quán bất tịnh, nhân và duyên; miệng: nói lời thẳng thắn, nói lời nhu thuận, nói lời hoà hợp, nói lời thiện.

Người Luân Vương thật sướng: đồ ăn ngon nhất, sang trọng nhất, của quý nhất và đẹp đẽ nhất. Nhưng hưởng những thú lạc trong cõi nhân gian này đến khi chết vẫn bị kẹt, không thoát được. Cho nên cái sướng trong cõi đời này chỉ là tạm bợ, cuối cùng rồi thấy cái khổ, phải nhớ như vậy.

Lời Kinh:

Hoặc sanh dòng Sát Đế Lợi, Bà La Môn, cư sĩ, đại gia, đa nhiều tài bảo, thương khổ tràn đầy, tướng mạo đoan chánh, quyền thuộc sum vầy, thông minh trí tuệ, dũng thiện oai mãnh như đại lực sĩ. Còn nếu như phụ nữ nào nghe đến danh hiệu Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như

Lai mà hết lòng thọ trì, thì đời sau sẽ không làm thân gái nữa.

Lời giảng:

Hoặc sanh dòng **Sát Đế Lợi** vào vương tộc, **Bà La Môn** hàng tu tịnh hạnh, **cur sĩ** nhà tin Phật giáo, **đại gia** thượng lưu trong xã hội,

đa **nhà** có rất nhiều **tài** của cải (mua được) **bảo** đồ quý (vô giá), **thương** 倉 kho chứa ngũ cốc, lương thực **khố** 庫 kho chứa đồ như áo sang, thực phẩm thượng hạng **trần** đây,

tướng mạo đoan chánh

“Đoan”: thẳng thắn

“Chánh”: không tà, chính trực

đẹp trai đẹp gái,

Kinh Bách Duyên 百緣經 kể rằng: Đời xưa ở Ấn Độ có một hoàng hậu sanh một cô công chúa rất xấu xí. Cô công chúa này bị nhốt trong cung điện, vì vua sợ xấu hổ. Bị hắt hủi như vậy nên cô rất chán đời và tự than trách thân phận hẩm hiu. Nghe danh đức Phật, cô quyết định từ trong cung điện hướng tâm về nơi Đức Phật ngự mà đánh lễ. Bỗng nhiên Phật xuất hiện hào quang chiếu khắp cả cung điện nơi cô ở. Cô công chúa từ xấu xa bỗng nhiên trở nên xinh đẹp và đoan trang đồng thời chứng được Sơ quả A La Hán.

quyết **thuộc** gia đình, thân nhân và người đến nương tựa đều đầy đủ **sum vầy**: và hòa hợp, **thông minh** hiểu biết

hiều lý sự **trí tuệ** có huệ, **dũng** can đảm **thiện** tốt tâm oai làm người nể, kính phục **mãnh** có sức mạnh **như đại lực sĩ** mà không cần tới gym cử tạ.

Còn nếu như phụ nữ nào nghe đến danh hiệu Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai mà hết lòng thọ trì, thì đời sau sẽ không làm thân gái nữa.

Phân Nữ chuyển thành Nam: không bao giờ bị mang thân phụ nữ nữa. Đó không khác gì chuyển nữ thành nam.

Có một người đang mang thai đến nghe Phật giảng kinh, thì đưa con gái trong bụng bà chấp tay lại lễ Phật xin Phật nói pháp cho những nô tỳ của bà mẹ nghe. Bà mẹ cô có bảy mươi lăm người nô tỳ giúp việc cho bà, nên Đức Phật thuyết pháp giúp cho bảy mươi lăm người phụ nữ đó chuyển thành Nam.

Lời Kinh:

Lại nữa Mạn Thù Thất Lợi, khi Ngài Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai đấng Bồ Đề, do bốn nguyện lực, quán chú hữu tình, gặp chúng bệnh khổ, như gãy luyến khô tiêu, vàng nhiệt đảng bệnh, hoặc trúng yếm mị cổ độc, hoặc bị chết yếu, hoặc bị hoạnh tử, nên muốn khiến những bệnh khổ bị tiêu trừ, sở cầu mãn nguyện.

Lời giảng:

Lại nữa Mạn Thù Thất Lợi, khi Ngài Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai đấng Bồ Đề, do bốn nguyện lực, do những nguyện lực Ngài đã phát trong quá khứ, trước khi thành

Phật.

quán chư hữu tình đức Dược Sư Phật rất quan tâm, đoái hoài chúng sanh nên thường quan sát tất cả, **gặp chúng bịnh khổ** thấy họ bị đủ thứ bịnh và khổ sở.

Có mười cái duyên tạo bịnh:

1. Ngồi lâu quá,
2. Ăn nhiều quá,
3. Lo nhiều quá,
4. Mệt quá, tránh làm quá sức,
5. Ái dục,
6. Sân hận,
7. Nín không đi cầu,
8. Nín không đi tiểu tiện,
9. Thượng phong,
10. Hạ phong.

Chẳng hạn như lúc ngồi thiền nên tránh chỗ có gió, vì có loại quỷ chuyên môn cỡi gió đi, nó dùng sức của gió đập vào người làm chúng ta bịnh.

như gậy ốm, không ăn được **luyện** cơ rút, cơ quắp **khô** cơ thể không giữ nước được **tiêu** thân thể hao mòn, **vàng** da bị vàng, bịnh gan? **nhiệt** bịnh loại nóng như sốt **đẳng** như bịnh hàn, lạnh v.v... **bịnh**,

Nói chung tứ đại không điều hòa: tứ đại bị mất thăng bằng.

hoặc trúng yểm mị cổ độc

trước có giảng bị dùng quỷ Si mị 魑魅 (loài yêu quái ở

rừng núi, mặt người mình thú, hay mê hoặc và làm hại người ta)

quỉ **yểm** (hiện trong mộng, đề lên người cho ngộp thở mà chết)

cổ đạo

(loại trùng độc)

Bệnh tứ đại thì có thể đến bác sĩ thường được, nhưng nếu bị những thứ bùa ếm hay đồ độc là bị âm giới tấn công y dược thể gian khó chữa.

Có những loại luyện võ rất ác: bò cạp cắn nhau, con bò cạp này ăn con bò cạp kia rồi nó giữ chất độc lại. Bò cạp bị hút hết chất độc chết đi. Lấy con bò cạp thắng đem đi đấu với con bò cạp khác. Cứ đấu hoài như vậy đến con bò cạp sống sót cuối cùng. Con bò cạp đó tuyệt độc, một khi nó cắn ai một cái là chết liền, không có cách gì chữa nổi. Á Châu có những pháp luyện như vậy.

Quý yểm:

Có những loại quỉ làm cho mình bị tê điếng. Có ai bị gặp chưa? (Một vài người dơ tay lên, nói đã gặp). Tụi quỉ tê liệt này chỉ tấn công lúc chúng ta ngủ thôi. Tôi chắc chắn có nhiều người đã bị gặp rồi: có ai đang ngủ khi thức dậy bỗng nhiên bị đè cứng ngắc không ngồi dậy được, nhúc nhích không được, mở miệng ra cầu cứu cũng không được. Nó to như con trâu, ngồi trên thân nặng đến nỗi thở không được, có khi tắt thở luôn. Đa phần, nó ngồi trên cơ thể nên không cựa quậy được. Số chưa chết thì nó làm sợ hết vía rồi bỏ đi. Nếu số bị chết là nó ngồi cho đến lúc nghẹt thở

mà chết. Cứ nghĩ bậy đi (như không tin có nó, không sợ nó, ông thầy này chuyên môn nói chuyên trên trời dưới đất), tôi cam đoan quý vị không bao lâu nó sẽ tới.

Khi tu pháp Dược Sư thì mấy bùa chú này không hại chúng ta được,

hoặc bị chết yếu,
chết lúc còn trẻ

hoặc bị hoạn tử,
chết trước số, chết bất đắc kỳ tử.

Lúc Tôi còn làm Sa Di ở Vạn Phật Thành tôi nghe thầy Hằng Thật kể chuyện này. Có người Phật Tử ở Vạn Phật Thành tu pháp Dược Sư. Một lần bà lái xe đi, xe tung rớt xuống sườn núi. Khi xe lao ra sườn núi, bà thấy chết đến nơi, bỗng nhiên bà thấy hồn tách ra khỏi thân. Sau khi chiếc xe rớt xuống và nát bét hết, thì hồn nhập trở lại vào thân của bà đang ngồi trong xe. Đáng lý phải chết nhưng nhờ tu pháp Dược Sư mà thoát được tai nạn. Quý vị biết mỗi ngày Bà tu pháp môn gì không? Mỗi ngày Bà lạy Dược Sư Sám mà được cảm ứng như vậy!

Vì nhiều cảm ứng như vậy nên người thường mới có thể phát lòng tin mà tu. Nhưng đối với tôi, tu hành có ý nghĩa là luyện cái sức. Khi có nhân duyên giúp người thì cố gắng giúp hết sức. Tu hành không phải để tham thân thông, tham nổi tiếng, tham tiền hay tham chùa. Theo tôi, quan trọng là khi có cơ hội giúp người ta được, thì cố gắng bỏ hết sức mà giúp vậy cuộc đời có ý nghĩa hơn. Tôi không ham thân

thông, vì tôi thấy nhiều người có thần thông đều làm bậy. Vậy có thần thông có hại. Thà tu có huệ trước, khi có huệ rồi đến lúc có thần thông thì không lạm dụng thần thông. Những người tu có trí huệ khi có thần thông họ không xài. Thần thông mà có lý nhất là giúp người ta vãng sanh.

nên muốn khiến những bệnh khổ bị tiêu trừ, lòng Ngài Dược Sư Phật rất đại bi, muốn diệt trừ khổ não của chúng sinh và đại từ: giúp cho chúng ta **sở cầu** muốn gì **mãn nguyện** đều được như ý.

Lời Kinh:

Ngài liền nhập tam muội gọi là định diệt trừ nhất thiết chúng sanh khổ não. Khi Ngài nhập định, từ trong nhục kế phóng ra Đại Quang Minh, luồng ánh sáng ấy diễn thuyết Đại Đà La Ni.

Lời giảng:

Ngài liền nhập tam muội, **nhập định** gọi là định diệt trừ nhất thiết chúng sanh khổ não. **Khi Ngài nhập định, từ trong nhục kế** đỉnh đầu, đây là một trong 32 tướng hảo của chư Phật **phóng ra Đại Quang Minh, luồng ánh sáng ấy diễn thuyết Đại Đà La Ni.**

“**Đà La Ni**”: nghĩa là thần chú. Vốn từ tiếng Phạn, có nhiều hàm nghĩa nên không dịch:

1. Tên những Vua Quý Thần. Đây là loại bố thí gọi là thế gian tất đàn, thế gian bố thí này có nghĩa là bố thí giúp cho chúng sanh được hưởng lạc,
2. Mật khẩu, những mật khẩu này cho phép đi ngang

qua, cũng như qua hàng rào phải có mật mã mới thoát được, không thì họ làm khó làm dễ. Như bên Trung Đông vùng Palestine, người Do Thái họ tạo chỗ xét giấy tờ. Bên cõi âm cũng vậy, họ tạo những chỗ như vậy để ngăn trở sự lưu thông của dân chúng, có mật mã mới qua được. Cũng như có khi chúng ta đến một nơi nào đó mà cảm thấy rờn rợn và tự nhiên muốn trở lui, không muốn đi xuyên qua. Đó là vì gặp tụi âm giới nó chặn lại. Lúc đó có mật mã mới đi qua được. Đây chỉ là loại phổ biến tất đàn: bố thí để giúp cho chúng sanh làm thiện,

3. Che cái ác đây là loại đối trị tất đàn. Đối trị gì? Đối trị những cái ác: giúp chúng sanh diệt trừ những cái ác. Cũng như quý vị tụng chú thời gian lâu bỗng nhiên những thành phần ác từ từ biến mất. Cho nên khi tụng chú như vậy tụi âm giới từ từ tản mát đi hết. Chỗ đó không còn thuận tiện cho họ sanh sôi nảy nở nữa. Thần chú có những hiệu nghiệm lạ như vậy đó, bất khả tư nghì,
4. Chữ bí mật chỉ có Phật mới hiểu thôi. Chỉ có Phật hiểu thôi, Bồ Tát hiểu cũng không nổi, đây là đệ nhất nghĩa tất đàn. Bố thí cho trí tuệ và giúp cho chúng sanh thâm nhập vào Chân Lý, cho nên thần chú là loại luyện công bất khả tư nghì.

Hỏi: Tuần trước Thầy giảng khi tu không được lần hiệp người khác, hôm nay trì chú làm cho âm giới và những người có tà tâm tránh xa như vậy chúng ta có đàn áp người ta không ?

Đáp: Không có lần hiệp hay đàn áp người. Bởi vì trì chú là

đang tu cho bản thân, chớ không có cái tâm lẩn hiếp người. Tâm không muốn đàn áp ai, tức là không có sự đàn áp. Bởi vậy các vị nghĩ lại coi khi đọc thần chú đâu phải chỗ nào cũng đọc được đâu. Chẳng hạn như đến chỗ mà tụi âm đang thịnh hành, nó trấn ở cuộc đất của nó, mà vào tụng chú phá tụi nó, thì nó đâu cho phá! Lúc đó làm sao tụng chú được, đâu phải dễ vậy!

Tôi kể cho quý vị nghe một câu chuyện. Mười mấy năm trước em tôi tới Vạn Phật Thành học được một thần chú mới. Sau đó em tôi lái xe về, trên đường về đọc thần chú đó đến thuộc lòng. Lái từ Vạn Phật Thành (bắc Cali, cách San Francisco hai tiếng lái xe) tới Los Angeles rất suôn sẻ không có chuyện gì xảy ra. Ông bỗng nảy sinh ý, nghĩ: thần chú này để trị ma, nay mình nên thử xem hiệu nghiệm ra sao. Phi trường LAX có một chỗ vũ sexy. Ông nổi nghịch, nghĩ rằng chỗ này chắc chắn là ma đầy hết, Thiên Ma với nhiều loại ma, để đi vào đây thử thần chú này xem sao. Ông lái xe vào chỗ đậu lại, vào trong mua một chai bia ngồi ngay phía trước. Vừa uống vừa xem, khi uống chai bia xong. Ông bắt đầu trở tài, chú tâm định đọc thần chú đó. Quý vị biết chuyện gì xảy ra không? Lúc đó ông không nhớ được một chữ, cứ ú ớ không đọc được gì cả!

Cho nên quý vị phải biết rằng, nếu không phải chỗ của phe chúng ta là nó đi cho mà không có lối thoát. Đừng tưởng bở, muốn tu phải có chỗ mới tu được. Muốn tụng cũng phải có chỗ mới tụng thần chú được, chớ đừng tưởng tụng đâu cũng được.

Khi lái xe ra khỏi chỗ đó, tự động ông nhớ lại được thần

chú. Đọc thần chú là phải có chỗ có nơi chớ không phải tụng đâu cũng được, bởi vì mỗi lần tụng chú như vậy là có thể đang phá người ta.

Những thần chú mình đọc toàn là âm từ chữ Phạn ra, không dịch. Có năm loại không dịch:

1. Bí mật không dịch. Vì những bí mật đó chỉ có Phật mới hoàn toàn hiểu hết ý nghĩa nên không dịch, thành ra dù có đến học lóm thần chú cũng không thể học được những bí mật này, Đại Thừa Phật mới hiểu không ai hiểu được hết.
2. Hàm nhiều nghĩa, ví dụ như chữ A La Hán có nhiều nghĩa khác nhau nên không thể dịch.
3. Không có ở trong cõi này, có những danh từ mô tả cái không có ở phương này như vàng Jambudana.
4. Thuận (theo) cổ (dụng), cũng như câu: “A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề” đây là nói về Tuệ Giác của Phật. Cho nên khi dùng chữ Tuệ Giác là phải nói hết cả câu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, như vậy mới đầy đủ ý nghĩa.
5. Sinh thiện. Cũng như chữ Bát Nhã là dùng để tạo nhân thiện căn cho trí tuệ sau này,

Thần chú chỉ là phương tiện thôi còn cái bản thể của chú là định lực. Khi người em đến vũ trường sexy ở Los Angeles đọc thần chú đó không được là do chưa có đủ định lực thành ra bị nó lấn. Cho nên thần chú mà hiệu nghiệm là do định lực. Chẳng hạn như chú Lăng Nghiêm là vua của tất cả các loại chú, nhưng cũng cần phải có đủ định lực thì mới hiệu nghiệm. Khi luyện Lăng Nghiêm chú và đắc được Lăng Nghiêm chú, đó là Lăng Nghiêm Đại Định. Đó là

loại định kiên cố nhất và cũng tối cao nhất không ai thắng nổi cả, vô địch.

Đây là câu chú mà chúng ta sẽ đọc:

Lời Kinh:

Nam mô bát đà phạt đế, bệ sát xả, lộ rô thích lưu ly, bát lật bà, hất ra xà dã, đát tha yết đa da, a ra hắc đế, tam miệu tam một đà da, đát điệt tha. Án, bệ sát thệ, bệ sát thệ, bệ sát xả, tam một yết đế ta ha.

Lời giảng:

Nam mô bát đà phạt đế, bệ sát xả, lộ rô thích lưu ly, bát lật bà, hất ra xà dã, đát tha yết đa da, a ra hắc đế, tam miệu tam một đà da, đát điệt tha. Án, bệ sát thệ, bệ sát thệ, bệ sát xả, tam một yết đế ta ha.

Thần chú nghĩa là: qui y với Đức Thế Tôn, Quan Vương Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, đọc như vậy: Án, dùng dược để trị bệnh khổ của tất cả chúng sanh, giúp cho họ lành bệnh ngay lập tức.

Hỏi: Trên thế giới có nhiều chủng tộc, ngôn ngữ khác nhau, khi phiên dịch các thần chú không khỏi có sự khác biệt, mỗi nước đọc một khác, vậy thần chú có còn linh nghiệm không?

Đáp: Hoàn toàn không mất ý nghĩa. Âm thanh chỉ là phương tiện để giúp tập trung tư tưởng, chớ còn cái bản thể

của nó là hóa cái âm thanh. Thành ra tụng thần chú là tụng theo cái ý, tức là khi tu là tu theo cái ý của Phật đã truyền cái pháp làm gì đó. Pháp này là tụng theo cái ý của Phật, chứ không tụng theo cái âm thanh. Âm thanh chỉ là phương tiện giúp tập trung tư tưởng và ngộ được cái ý của Phật. Thần chú Dược Sư khi biết tụng sẽ trị được bất cứ bệnh gì.

Lời Kinh:

Lúc ấy trong luồng ánh sáng diễn chú này rồi, đại địa chấn động, phóng đại quang minh, khiến nhất thiết chúng sanh, trừ hết bệnh khổ, thọ an ổn lạc.

Lời giảng:

Lúc ấy trong luồng ánh sáng diễn chú này rồi, đại địa chấn động,

“Chấn động”: có sáu loại động đất:

- 1) 震 chân: động ồn
- 2) 吼 hống: đánh nát/nhau ồn
- 3) 擊 kích: đánh ồn, giúp cảnh tỉnh chúng -sinh
- 4) 動 động: di động, không vững
- 5) 涌 dưng: như mọc trời núi mới
- 6) 起 khởi: từ thấp lên cao.

Ba cái đầu tiên là âm thanh. Chấn, hống là những âm thanh đập nhau, kích là đứng yên mà đánh có công dụng là thức tỉnh chúng sanh. Thứ tư là động tức là đất nó chuyển. Thứ

năm là dững, có nghĩa là nó tạo núi mới hay thung lũng mới. Thứ sáu là khởi, nghĩa là chỗ lúc trước thấp hơn bây giờ nó cao hơn, đây là sáu loại động đất khác nhau.

Động đất còn có ba phương diện:

1. Động **動**: phần nhỏ, ví dụ như chỉ ở Los Angeles.
2. Biến **徧動**: nghĩa là bốn Châu dưới trời **四天下** đều bị động hết,
3. Đẳng biến **等徧動**: cả Phật độ đều rung chuyển,

Sáu nhân ba thành mười tám: đây là tượng trưng cho mười tám giới. Mười tám giới là lục căn, lục trần và lục thức thành ra mười tám giới. Cho nên thanh tịnh hết mười giới, gồm bên trong và bên ngoài.

Động tượng trưng cho phiền não của chúng sinh bị chuyển và tiêu trừ. Phát quang tượng trưng cho chân trí khai phát **真智開發**.

Lời Kinh:

Mạn Thù Thất Lợi, nếu thấy Nam Tử Nữ Nhân, bị bệnh khổ, nên phải nhất tâm vì họ, thường tắm gội cho sạch sẽ, cho họ đồ ăn hoặc nước hoặc thuốc không có trùng, đã được tụng chú một trăm lễ tám biến, thì những bệnh khổ ấy đều tiêu diệt. Nếu có sở cầu, chí tâm niệm tụng, cùng đều được như thị, vô bệnh diên thọ, sau khi mạng chung, sanh về cõi đó, đắc bất thối chuyển, cho đến Bồ Đề. Vậy nên Mạn Thù Thất Lợi, nếu có Nam Tử Nữ

Nhân, chí tâm ân trọng, cung kính cúng dường Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì phải thường trì chú này đừng để phê quên.

Lời giảng:

Mạn Thù Thất Lợi, nếu thấy Nam Tử Nữ Nhân, bị bệnh khổ, nên phải nhất tâm vì họ, thường tắm gội cho sạch sẽ,

“nhất tâm”: tu luyện phải biết nhất tâm mới có cảm ứng.

Có hai loại “nhiễm”: làm dơ

Bất tịnh nhiễm 不淨染

Âm thực nhiễm 飲食染: đánh răng sau khi ăn.

Khi tu chú phải thanh tịnh ba nghiệp:

1. Nhất tâm: thanh tịnh ý
2. Tắm, tức thanh tịnh thân; gội tức thanh tịnh ý,
3. Tụng niệm tức thanh tịnh cái khẩu nghiệp.

cho họ đồ ăn hoặc nước hoặc thuốc không có côn trùng, đã được tụng chú một trăm lễ tám biến,

Lấy thức ăn, thuốc hoặc nước không có côn trùng và tụng Dược Sư thần chú 108 biến (tượng trưng cho diệt trừ 108 loại phiền não: 88 kiến hoặc + 10 phẩm tư hoặc + 10 triền纏; cũng tượng trưng 108 định phá tan 108 phiền não). Rồi cho bệnh nhân dùng, **thì những bệnh khổ ấy đều tiêu diệt.**

Nếu có sở cầu tất cả mong cầu, **chí tâm** cực kỳ thành tâm **niệm tụng**, 108 biến **cùng đều được như thị** cảm ứng, **vô bệnh** thân thể không bệnh tật **diên thọ** mạng sống dài thêm,

sau khi mạng chung, sanh về cõi đó sanh về Đông Phương Tịnh Độ của Dược Sư Phật, **đắc bất thối chuyển**.

Pháp Dược sư cho quý vị bất thối. Có ba loại bất thối:

1. Vị bất thối, đây là quá trình tu hành, có nghĩa là cắt đứt những cái kiến và những cái tư hoặc, mà không bao giờ trở về cảnh giới phàm phu nữa. Đây là cảnh giới các vị Tứ quả A La Hán.
2. Hạnh bất thối: cắt đứt những cái hoặc, những cái hoặc này nó nhiều như cát Sông Hằng. Vị ở phía trước, chỉ cắt đứt về kiến hoặc và tư hoặc. Bây giờ diệt trừ hoặc đông như cát Sông Hằng đếm không được nữa. Khó đến độ như vậy, đến trình độ này thì cắt đứt vô lượng vô số hằng hà cái hoặc và cái vô minh. Cho nên đạt đến Tam Hiền còn cao hơn A La Hán và Duyên Giác rất xa, xa không thể tưởng được, nó khó như vậy.
3. Niệm bất thối: tức là cắt đứt vô minh không bao giờ thối chuyển về Trung Đạo nữa, nghĩa là quý vị đã đạt được tới Thánh Địa, lúc này bên Đại Thừa gọi quý vị là Thánh Nhân.

Quý vị có biết Đệ Tử của Hòa Thượng Tuyên Hoá đạt đến trình độ nào không? Họ đã đạt bất thối vị, hạnh và nguyện. Cả ba trình độ họ đã đạt hết rồi: họ giỏi đến như vậy. Thành ra, quý vị không nên coi thường Vạn Phật Thành, Hòa Thượng Tuyên Hoá tới nước Mỹ để huấn luyện và rèn

luyện cho họ, công phu họ rất giỏi và cũng rất cao. Nếu quý vị cần giúp đỡ, nên đến tìm họ để xin được giúp.

Hỏi: A La Hán có thể thành Bồ Tát được không?

Đáp: A La Hán có thể thành Bồ Tát nếu chịu khó tu pháp Bồ Tát.

cho đến Bồ Đề

Tu Pháp Dược Sư cũng đạt được ba cái bất thối, cho đến Bồ Đề. Bồ Đề có năm loại:

1. Thập tín: phát Tâm Bồ Đề, bởi vì một khi quý vị đã phát Tâm Bồ Đề, nếu quý vị qui y là đã phát Tâm Bồ Đề rồi, cho nên khi qui y là quý vị có Bồ Đề đầu tiên ngay lập tức, bởi vậy qui y có lợi ở chỗ đó.
2. Tam Hiền, nghĩa là bắt đầu chế ngự được cái tâm
3. Từ Sơ Địa tới Thất Địa: bắt đầu hiểu được cái tâm hoạt động ra sao,
4. Từ Địa thứ tám tới Địa thứ mười và Đẳng Giác: gọi là thoát và đến được bờ giác. Cho nên từ Bát Địa đến Thập Địa, cho tới Đẳng Giác họ rất đặc biệt, bởi vì họ không phải là Bồ Tát nữa mà dạng họ là Ma Ha Tát, tức là Đại Bồ Tát rồi, rất là khó! Từ Địa thứ bảy tới Địa thứ tám khó không thể tượng. Từ Sơ Địa tới Thất Địa là Bồ Tát.
5. Diệu Giác, đây là Giác của Phật, gọi là Bồ Đề rốt ráo tột cùng.

Ngày nay giảng cho quý vị thấy, phần lớn đã có Bồ Đề hết rồi, trừ những người chưa qui y. Thấy chúng ta giàu không? Cho nên có Bồ Đề đâu phải dễ, nhiều phước lắm mới có

được. Cũng như mấy người tu bên pháp Nguyên Thủy, chưa chắc họ có Bồ Đề đầu tiên, vì họ chưa phát tâm, nên chưa có Bồ Đề. Vì vậy bên Tích Lan, Miến Điện hay Thái Lan mặc dù họ tu đời đời, kiếp kiếp nhưng vẫn còn cách Bồ Đề rất xa.

Hỏi: Khi phát Tâm Bồ Đề là lúc bước vào ngưỡng cửa Phật pháp là phải phát nguyện phải không?

Đáp: Tu Tiểu Thừa là họ tu theo Thầy của họ chỉ đạt đến A La Hán quả thôi. Đến A La Hán quả là họ ngừng lại. Còn Bồ Đề của Đại Thừa là đi tới nơi tới chốn luôn. Phát Bồ Đề Tâm có nghĩa như thế nào? Nghĩa là phát nguyện sẽ thành Phật. Không phải đời này phải thành Phật hay phải tức tốc thành Phật, mà một ngày nào đó sẽ thành Phật.

Cho nên Bồ Đề Tâm hay và tuyệt diệu như vậy đó. Còn A La Hán quả là địa vị cần đi ngang qua nhưng không bị kẹt ở đó. Vì vậy Phật pháp rất đặc biệt: ai cũng có quyền làm Phật Tử. Cứ phát tâm qui y, rồi trước sau cũng đắc Bồ Đề. Đắc Bồ Đề tốn rất nhiều thời giờ, rất nhiều kiếp: từ kiếp này đến kiếp khác. Hoặc chúng ta trở về cõi Tịnh độ tu một kiếp là xong. Nhưng khi đến Tây Phương Cực Lạc cũng tốn rất nhiều thời giờ mới đạt được quả đó. Nếu mà dễ như vậy thì Chư Phật và các vị Bồ Tát không có chuyện gì để mà làm cả, khỏi cần bốn ba Đông Tây Nam Bắc giải cứu chúng sinh.

Quý vị nghĩ coi! Hiện nay quý vị muốn tạo ra của cải tiền bạc, thì mỗi ngày quý vị phải làm việc từ tám tiếng hoặc mười hai tiếng đồng hồ. Thật là trầy vi tróc vẩy mới giàu

có. Giàu rồi lại phải nỗ lực trông nom, giữ gìn tài sản. Quả Bồ Đề cần nhiều phước đức, không thể đem sự giàu có ở thế gian mà so sánh được. Có người tu chỉ mong hưởng phước thế gian, có người quyết tu để đạt quả Bồ đề. Hai loại này rất khác nhau. Tu đạo Bồ đề thì phiền não ngày càng giảm; ngược lại tu để cầu hưởng phước thế gian thì phiền não ngày càng tăng. Pháp thế gian là pháp phiền não: Chạy theo pháp này thì cứ lần lượt trong sự bất an; càng tiến bộ vinh thăng trên đường đời càng bị phiền não quấy rối nhiều hơn.

Vậy nên Mạn Thù Thất Lợi, nếu có Nam Tử Nữ Nhân, chí cực kỳ thành tâm ân sâu sắc coi trọng, cung kính cúng dường Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì phải thường trì chú này đừng để phế bỏ, ngừng quên.

Tu pháp Dược Sư thì nên trì Dược Sư chú.

Tôi có một vị sư huynh, tên là Viên Giác. Lúc trước cùng làm sa di dưới trướng của Ngài Tuyên Hóa. Sau khi Ngài Tuyên Hóa tịch, Thầy Viên Giác bỏ đi tông sư khác. Ông ta đi khắp Á Đông và Âu châu tông sư. Cuối cùng mới thọ Tỳ Kheo với cố Hòa Thượng Trung Quán bên Paris.

Thầy Viên Giác rất có phước. Bà chị rất cung nên làm hộ pháp: tất cả chi phí du lịch, tu hành đều do bà ta và gia đình đài thọ. Sau lại mua một căn nhà ở Cali để cho Thầy có chỗ ở nên có thể tự túc không cần lệ thuộc vào sự cúng dường của Phật tử.

Cách đây hơn một năm, tôi đến viếng thăm nhà thầy. Thầy than là lo cho người chị: bị bệnh mắt, qua vài lần giải phẫu

mà không chữa xong. Không khéo sẽ bị mù mắt. Nên mỗi tuần thầy về nhà chị thăm, cùng tụng phẩm phổ môn Quan Âm, khuyên chị nên cầu cứu với Ngài Quan Âm thì hy vọng không bị mù. Thầy nói là sắp giải phẫu mắt nữa mà không biết sẽ ra sao. Chỉ đặt lòng tin vào Quan Âm Bồ Tát thôi. Tôi nghe vậy mới đề nghị là lập một bài vị Dược Sư trong vía Bồ Tát cuối tuần. Sáng đó, chúng tôi tu khoảng hai tiếng rồi làm lễ cầu an hồi hướng công đức. Có thể nói là Pháp Dược Sư có một tí hiệu quả vì giải phẫu mắt thành công.

Trong mấy năm bắt đầu hoàng pháp Dược Sư, chúng tôi có rất nhiều cảm ứng, nên không tin không được!

Lời Kinh:

Lại nữa Mạn Thù Thất Lợi, nếu có tịnh tín Nam tử Nữ nhân, được nghe danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, nghe rồi tụng trì, sớm mai súc miệng đánh răng, tắm gội sạch sẽ, dùng chư hương hoa: đốt hương thoa hương, và các món kỹ nhạc, cúng dường hình tượng. Đối thử kinh điển, hoặc tự chép hoặc dạy người chép, nhất tâm thọ trì, nghe giảng nghĩa lý, đối với Pháp Sư, nên tu cúng dường, tất cả những vật cần dùng, đừng để thiếu thốn, phải hết lòng như vậy, nên được Chư Phật hộ niệm, sở cầu nguyện mãn, cho đến Bồ Đề.

Lời giảng:

Lại nữa Mạn Thù Thất Lợi, nếu có tịnh tín Nam tử Nữ nhân

Kinh Hoa Nghiêm giảng về tịnh tín, có bốn phương diện khác nhau:

1. Vô cấu trước 無垢濁: không dơ bẩn, tẩy sạch những cái dơ bẩn, từ ngoài đến trong. Rửa đến khi nào không còn gì để mà rửa nữa, gọi là vô cấu. Vô cấu là căn bản của tu hành: rửa tâm, rửa thân, rửa khẩu. Vô cấu là thấy được cái dơ, khi thấy được cái dơ mới chùi rửa, cứ chùi hoài đến khi nào không còn gì để mà chùi nữa gọi là vô cấu.
2. Tâm thanh tịnh 心精淨: bản thân đã vô cấu rồi, nhưng người ta chưa vô cấu, tức là bản thân sạch nhưng người ta thì không sạch. Khi tiếp xúc với người là bị dơ lại, cho nên trở lại cái đầu tiên là phải chùi rửa lại, rồi mới sạch được. Còn ngược lại khi tâm đã thanh tịnh rồi, mặc dầu người ta dơ nhưng khi tiếp xúc họ, mình vẫn sạch như thường đó gọi là thanh tịnh. Ví dụ như đang nghe pháp hết sức an tịnh sung sướng, nhưng có đứa nhỏ nó cứ làm ồn, nên sanh tâm bực bội, phiền não: đó là bị dơ lại. Khi nào thấy và nghe mọi sự vật bên ngoài dù có ồn ào, nhưng tâm vẫn an nhiên tự tại đó là lúc tâm thanh tịnh không còn ô nhiễm. Nếu lúc ngồi nghe giảng kinh mà vẫn còn để bị sự la hét của đứa nhỏ làm phiền não là còn cần phải tu tiếp.

Vì vậy phải đi từng bước, từng bước để tự sửa mình, chớ đừng đòi sửa người khác. Đừng nên cho rằng tôi đúng người sai. Đó gọi là pháp Bồ Tát. Bởi vậy khi Hòa Thượng Tuyên Hoá dạy học trò của Ngài,

có rất nhiều Đệ Tử tu hành rất là giỏi, như Sư Bà Hằng Trì. Bà tu rất giỏi, ngồi thiền chín mươi ngày liên tiếp, học gì nhớ nấy. Bà chuyên môn nghiên cứu Kinh Hoa Nghiêm. Bà rất sùng, nghĩ rằng tôi thiền cũng được, kinh cũng hiểu được, chắc là thành Phật tới nơi rồi. Bà mới đến khoe với Hòa Thượng. Hòa Thượng trả lời: “Giỏi lắm, tốt lắm. Ra làm việc đi!”

Vì vậy Pháp Bồ Tát Đạo là phải ra làm việc. Pháp này A La Hán không hiểu được, chỉ có những vị như Ngài Tuyên Hoá mới hiểu được. Cũng như lúc Ngài Tuyên Hoá còn trẻ gặp Hòa Thượng Hư Vân, Hòa Thượng nói rằng: “ngươi là Như, ta cũng là Như”. Có nghĩa là ngươi và ta giống nhau: đó là sự truyền tâm ấn của Bạc Tổ Sư. Sau đó Ngài Hư Vân nói với thầy Tuyên Hoá: Hãy ở lại đây học với tôi. Và bắt Ngài Tuyên Hoá làm việc, phục vụ cho đại chúng. Ngài Tuyên Hoá đáp: Vâng, làm việc thì tôi sẽ làm, với điều kiện phải cam đoan, là tôi sẽ thành Phật (Thầy dạy thì tôi làm. Tôi không dám cãi. Nhưng Thầy phải cam đoan với tôi là tôi không phí thì giờ). Ngài Hư Vân mới nói: “Đâu ai cam đoan là ông sẽ thành Phật”. Sau đó Ngài Tuyên Hoá y chỉ phụng hành, Ngài làm việc một thời gian. Sau này Hòa Thượng Tuyên Hoá cũng dạy đệ tử ngài phải ra làm việc là như vậy. Nói cách khác: khi vị Thầy sai chúng ta việc gì đó, là Thầy làm ơn cho chúng ta hay chúng ta làm ơn cho Thầy? Quý vị tự suy nghĩ lấy.

3. Diệt cái ngạo 滅除嬌慢. Tại sao không có tịnh tín khi còn ngạo? Tại nếu còn ngạo mạn, thì một

ngày nào đó sẽ không tin ai cả. Không thể gọi là tịnh tín, nếu cái tín không tròn đủ nó còn thiếu sót một vài chỗ, tức là chưa tin tưởng một cách trọn vẹn. Cái ngạo mạn vi tế hơn hai điều trước. Cái ngạo mạn này rất khó đối trị. Kẻ ngạo mạn học không được bao nhiêu hết vì tự tin mình hơn là tin vị Thầy.

4. Bồn cung kính 恭敬本, nếu không thành công cái thứ ba thì không thể nào đến cái thứ tư được. Quý vị có thể cung kính với người đang có ý hãm hại quý vị được không? Biết họ đến để hãm hại mình, mà vẫn cung kính như thường, làm được không? Rất khó! Không phải dễ đâu! Có như vậy mới gọi là tịnh tín. Cung kính có liên quan gì đến tịnh tín? Nếu có một người tới với mục đích là hãm hại chúng ta, tại sao phải cung kính, ngốc rồi chẳng? Không đâu, chúng ta cung kính với tánh Phật của người. Người ta cũng đầy đủ tánh Phật. Chúng ta phải biết cung kính Phật tánh chứ không phải cung kính ác tánh của người ta. Họ là vị Phật trong tương lai. Nếu tâm quý vị được như vậy thì còn kẻ nào là kẻ thù trong cuộc đời này không? Có chấp nhận hết tất cả, tâm thanh tịnh đến như vậy, mới gọi là tịnh tâm.

Cho nên quý vị thấy tâm Đại Thừa tuyệt vời không? Nó rộng không thể tưởng được. Pháp này giúp cho quý vị không còn chướng ngại nữa: không còn giận, không còn hờn, không còn lo âu, so đo, không còn kẻ thù. Đó là tâm Đại Thừa và cũng là pháp Đại thừa. Cung kính bất luận già trẻ, nam nữ, tốt xấu v.v... đều cung kính hết, chấp nhận hết, chứa đựng

hết. Đây là thế võ cao hay thần thông cao nhất mà quý vị có thể có được.

Đây chỉ lý thuyết, biết Pháp là như vậy nhưng phải tu mới đắc được. Nghe qua pháp này thấy rất tuyệt vời, khởi tâm muốn tu theo nhưng khi đối đầu gặp kẻ ác đến hại tức thời sinh phiền não vô số kể. Như vậy là chưa thực hành được. Khi nghe một phần là hiểu, phần kia là phải hành. Ví dụ nghe tiếng một tiệm phở ngon, chỉ nghe nói ngon thôi nhưng chưa đến đó ăn thử một lần thì chưa thật sự hưởng qua hương vị của nó. Phật pháp cũng vậy, hiểu biết chỉ là tướng tượng thôi, phải thực hành mới hưởng được pháp vị, mới thật sự lý thú. Nghe nói mà không tu thì rất uổng.

Nói cách khác, bỏ thời gian ra để hiểu, thì cần bỏ nhiều thời gian hơn để mà tu thì mới thật sự hưởng cái pháp đó. Đại Thừa có đặc tính như vậy: chúng ta thiệt sự chưa hiểu được cho đến khi làm được. Cái hiểu chỉ là kiến thức thôi, làm được mới thật sự hiểu. Phải nhớ thế gian pháp là hiểu, còn xuất thế là hành chứ không phải hiểu, nếu không hành là không hiểu được. Hành mới hiểu nên hai cái phải đi song song với nhau. Khi nghe pháp này mà tâm cảm thấy thanh tịnh và nhẹ nhõm, đó cũng chỉ là cái hiểu còn rất nông cạn. Khi có người muốn đến giết mình mà tâm vẫn cung kính: được như vậy mới hiểu sâu hơn, lúc đó không còn là lý thuyết nữa mà sự thật biết sống rồi.

Hỏi: OK, chúng ta không phê phán người, vậy người ta đến muốn hại, không nên tự vệ sao?

Đáp: Tự vệ làm gì? Bảo vệ ai? Cần tránh khi bị hại không? Tại sao phải tự bảo vệ? Có người nêu ra: không tự vệ lỡ bị hại làm sao? Có người khôi hài nói: thật ra tôi chỉ sợ Thầy mang tiếng nếu tôi nghe lời Thầy mà bị người đánh lỗ đầu nên tôi phải đề phòng. Nếu như vậy là ông thiếu lòng tin, không tin pháp của Thầy. Một phần khác là hơi nhát gan: sợ bị thiệt thòi. Nên tự hỏi rằng tại sao lại sợ như vậy? Phải luôn nhìn vào trong đừng nhìn ra bên ngoài. Đó là bước đầu tiên, còn nếu dùng pháp tránh né là do nội lực còn yếu: không cần tránh né.

Nếu biết tu thì lòng tịnh tín mỗi ngày sẽ tăng. Tại sao không cần né người ta? Tại vì nếu trong quá khứ đã hại người ta rồi, thì hôm nay người ta đến hại lại. Tâm sợ bị hại đó là cũng là tâm muốn chạy nợ. Nếu như trong quá khứ chúng ta đã tạo nghiệp, nay nên trả nghiệp chớ chạy làm gì? Tu hành rồi đâu có sợ cái đó: nếu như đã làm bậy, bây giờ sẵn sàng trả. Ngược lại nếu không nợ người ta trong quá khứ thì không có cách gì người ta hại được, thành ra không phải sợ. Nếu trong quá khứ không có hại người ta, mà hôm nay người ta đến hại nhiều khi Bồ Tát sẽ đến giúp. Người đến muốn hại, mà hại không được tức rõ ràng là không nợ người ta.

Cũng như có người đến muốn ăn cắp, nhưng trong quá khứ mình không có ăn cắp của người thì họ ăn

cấp chúng ta không được. Không nên sợ, cũng không nên lo, cứ an nhiên tự tại, có gì đâu phải sợ, đó mới là hiểu đạo. Xin quý vị hiểu rõ ràng: không phải là tôi chủ trương nên bừa bãi. Khi có của cải quý báu mà cứ bày ra trước mắt trăm ngàn người thấy, thì chắc chắn sẽ có người nổi lòng tham lấy cắp. Đó là tại (tạo nghiệp) ngu xuẩn. Phải dùng lý trí để làm đúng. Còn pháp vừa nói là khi làm xong rồi là không còn gì phải lo nữa. Bất cứ chuyện gì xảy ra vẫn an nhiên tự tại, chấp nhận hết. Bất cứ giới như thế nào cũng có người biết nhược điểm. Đừng tự cho là giỏi: dù có loại lửa dững mãnh hung tợn nhất, có thể đốt hết tất cả, nhưng khi gặp nước, lửa này cũng tiêu không làm gì được hết. Cho nên có câu: “Vô quý đầy móng tay nhọn”. Bởi vì có người biết chỗ nhược của chúng ta.

Nên khi tu mới thấy vui, hay: phải hành mới thấy được chớ không phải chỉ nói suông. Cũng như đưa con nít dầu nó làm bất cứ chuyện gì chúng ta vẫn thương yêu nó thì làm sao nó không từng phục được. Đưa con nít hiểu được sức mạnh của người lớn. Mạnh ở chỗ không phiền não. Chúng ta có sức tự giải thoát lấy cũng như đang giải thoát cho nó. Chúng ta không tự ràng buộc và cũng không ràng buộc nó. Đó là cái tự do tuyệt đỉnh, nó mới biết phục, nể sợ và trọng người lớn được.

Thương không phải là cần phải theo ý mình mới thương. Không theo ý mà vẫn thương như thường. Làm bậy tao vẫn thương mầy như thường, có tình

thương nào lớn hơn như vậy không! Muốn dạy trẻ con và làm cho nó nể phục, ta phải có sự bao dung, lòng độ lượng tha thứ. Mặc dầu nó phá nhưng nó biết phục. Nó biết chỗ này người ta tu như vậy và người ta đặc biệt như vậy. Ít chỗ nào được như vậy cả, bởi vì chỗ nào người ta dạy cũng muốn theo ý người ta: vào chùa phải trang-nghiêm chỉnh-tề, không được chạy, nhảy. Còn chúng ta không dạy nó (chưa đến lúc có thể hiểu thì dạy làm gì?). Nó muốn làm gì thì làm. Nó hiểu được cái đó và thấy được cái đó: nó thấy được chúng ta tha thứ hết tất cả những gì nó làm, có thể bao dung và rộng lượng như vậy, cũng như biển cả chấp nhận hết tất cả.

Tôi dám cam đoan với quý vị, cha mẹ quý vị yêu thương quý vị không bằng tình thương mà tôi diễn tả cho quý vị biết hôm nay. Tình thương rộng đến độ như vậy. Chúng ta đang dạy cho nó biết cái tình thương đó, khi thấy rồi, sau này nó dạy cho con nó biết thông cảm cho người. Sự giáo dục có thể sâu sắc như vậy. Không phải chỉ là lời nói suông, cứ thả lỏng mới thấy được cái rộng vô bờ bến của tâm: cứ để trẻ con phá, cũng không chấp người ác để coi tâm chúng ta còn động đến cỡ nào hay đã có một tí tịnh tín nào chưa.

Nên tự hỏi mình tại sao tu mà còn phiền não? Đứa bé có khóc, có la hay phá thì kệ nó chớ tội gì phải phiền não? Tại sao để phiền não khởi lên? Tại vì còn thiếu tự chủ. Thứ nhì là khi bị người ta đụng vào chúng ta mất tự chủ. Thứ ba là vì còn ngạo.

Nên tập tữ xét và từ từ chuyển, tữ sửa và nhớ không trách người. Không nên trách người ta, nên tữ sửa thân trước. Mới gọi là tịnh tín.

Tịnh tín cần đầy đủ ba phương diện:

1. Tin vào sự thật 信實,
2. Tin vào đức 信德,
3. Tin vào năng 信能.

Tin sự thật là gì? Tin sự thật là tin vào lời Phật nói hay các Tổ Sư nói. Sự thật là gì? Phật Giáo là lý thuyết về sự thật. So sánh về sự thật và sự không thật: cái gì là không thật?

Nói về chữ tín là tin và tìm hiểu về sự thật tuyệt đối. Chỉ có Giáo Lý Đại Thừa mới bàn về sự thật. Chỉ có Đại Thừa mới có thể được gọi là Chân Lý và khi chúng ta thông đạt được Chân Lý đó thì sẽ được gọi là Chân Như: cảnh giới của chư Phật. Nếu quý vị đầu tư vào thời trang thì thời trang nó thay đổi từng mùa. Còn chúng ta đầu tư để học và hiểu sự thật Đại Thừa thì nó không bao giờ hủy hoại hay thay đổi: đây là sự thật chúng ta có thể đặt lòng tin vào được. Quý vị có biết không? Chúng ta đã từng cùng nhau học Pháp Đại Thừa nên hôm nay mới có duyên họp lại tại đây để nghiên cứu sâu hơn một tí.

Tin đức: tại sao? Đức quan trọng ở chỗ nào? Đây là đức tuyệt đối, hoàn toàn tốt không có gì xấu cả. Đức này dù một chút xấu xa hay một tí xíu ác độc cũng không có, nên gọi là đức. Biết ai có cái đức như vậy không? Người đó là Hòa Thượng Tuyên Hoá. Bởi vì đức của Ngài Tuyên Hoá

tu biểu hiện ra cho thấy, nó giống cái đức của Phật. Cái đó có thể tin được. Biết tin vào đức tức là biết tin về cái tốt chân thật. Tin đức rồi phải biết sống với Đạo đức thì mới không phụ ân Thầy.

Tín Năng: Năng tiếng Anh dịch ra là cái Ngã. Có thể tin vào cái ngã, nhưng vẫn không đủ nghĩa. Theo Đại Thừa, năng là khả năng. Năng và cái ngã khác nhau chỗ nào? Tin gì đây? Tin bản ngã và bản năng. Tin có khả năng để có thể đạt được sự thật tuyệt đối. Tin có thể tu được cái đức tuyệt đối luôn nữa. Hiểu và tin rằng có thể đạt đến mục đích tối cao: thành Phật.

Tại sao phải tin vào năng? Đó là tin vào Phật tánh. Chúng ta có sẵn hết tất cả rồi, chỉ cần phát tâm tu để tìm cách sử dụng lại cái đã sẵn có. Đại Thừa rất rõ ràng: không cần tạo gì mới cả. Năng lực chúng ta đã có sẵn rồi, không cần tạo cái mới. Nghĩa là chúng ta có sẵn Phật Tánh rồi, nhưng đang bị che lấp nên không xử dụng được.

Đức Phật nói: “Tôi cam đoan quý vị sẽ thành công trong việc tu hành của quý vị, Ngài là người duy nhất dám nói như vậy, Tôi cam đoan quý vị sẽ thành Phật như Tôi”. Ngày hôm nay quý vị khác Tôi, nhưng trong tương lai sẽ không khác nhau. Chỉ có một người duy nhất dạy như vậy. Đức Chúa Trời thì nói sao? Chúa Trời nói: “Tôi là Chúa Trời các vị không thể nào bằng Tôi được hết”. Các khoa học gia hay người trí giả lại muốn chinh phục không gian hay một thế giới khác. Đó là ngoại cầu. Ngược lại Đại Thừa là nội cầu? Là chinh phục thế giới bên trong, là chứng đắc bản tính.

Thế giới bên trong vô tận. Năng lực sẵn có, tiềm tàng vô tận. Vậy tại sao chạy ra ngoài tìm cầu? Sự tìm cầu ở bên ngoài đều có giới hạn hết, chẳng hạn như quý vị bỏ cuộc đời này đi tìm cầu của cải, tìm cầu cái danh tiếng v.v... Những việc đó đều có giới hạn hết.

Có ai truy cầu tình yêu không? Đa số quý phụ nữ truy cầu tình yêu. Có ai truy cầu quyền lực không? Quyền lực là chế ngự được người khác. Một người nói tôi không muốn chế ngự người khác, tôi chỉ muốn yên thân thôi. Muốn yên thân để không ai quấy rầy mình đó cũng là một loại chế ngự người ta không khác gì hết. Nhưng nó tế nhị hơn một tí. Ngược lại thì sao? Là họ làm gì mặc kệ, không sợ. Đó mới thật sự là quyền lực. Có quyền đến độ người ta không làm gì được mình. Quyền lực tối cao là sao? Xả bỏ không cần quyền lực gì cả, mà người ta cũng không làm gì mình được, đó mới gọi là đại quyền lực. Lý do quý vị muốn có quyền lực là còn muốn chủ động: cần quyền để cấm người làm những chuyện chúng ta không thích. Quyền lực thật sự là bất cứ người ta làm gì cũng không ảnh hưởng chúng ta được.

Hỏi: Làm sao để mỗi ngày tăng trưởng được lòng tin?

Đáp: Hỏi rất hay. Nên tự hỏi: mình tin vào sự thật được bao nhiêu? Tin vào đức, vào khả năng sẵn có được bao nhiêu? Tự hỏi như vậy rồi đối chiếu với những gì mình đã làm thì mới lòi ra sự thật. Nói thì phải làm, khi làm mới lòi ra sự thật. Nói thì dễ lắm, ai nói cũng được hết. Kinh Hoa Nghiêm có câu: “Tín vi đạo nguyên công đức mậu, trường

dưỡng nhất thiết chư thiện căn 信為道源功德母，
長養一切諸善根”， nghĩa là tín là nguồn gốc của đạo,
là sinh mẫu của tất cả công đức, nuôi dưỡng tất cả những
thiện căn của mình. Vì vậy tu hành ở Đại Thừa phải nên
phát triển lòng tin. Lòng tin là quan trọng nhất. Để tôi trả
lời cho ông này (vì vẫn thiếu lòng tin): muốn tăng trưởng
lòng tin thì cúng dường nhiều hơn nữa.

**được nghe danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang
Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, nghe rồi tụng trì, sớm
mai súc miệng đánh răng,**

Nguyên văn chữ Hoa là “晨嚼齒木 thân nhai xỉ mộc”
nghĩa là sáng nhai răng gỗ. Đời xưa, không có bàn chải
đánh răng nên thường nhai cành dương liễu để súc miệng
đánh răng.

Thời xưa chưa có kem đánh răng, khi tới Lễ Vu Lan người
ta ra hái những cành dương liễu đặt trên bàn. Ngày Vu Lan
cúng cành dương liễu, thay vì cúng kem đánh răng hay bàn
chải đánh răng.

Tôi nêu ra chuyện này vì có người hỏi tôi ngày Vu Lan nên
đem gì đến cúng. Bởi vì ý nghĩa Vu Lan là đem đến cúng
những gì các vị tu hành cần thiết, lỡ đem đến cúng những
đồ mà các vị tu không cần thiết thì sao? Chuyện đó rất
thông thường. Có lần tôi ở chùa bên Gia nã đại, có người
đem đến cúng những cái áo dây (sweat shirt) để mặc cho
mùa đông. Nhưng màu thì không được hợp với các vị tu sĩ
lắm. Vốn ra, những cái áo đó bán không được, thay vì bỏ
đi phí của nên mới đem đến cúng cho chùa cho có phước.

Xe chở đến chát đầy chùa. Thầy trụ trì có phản ứng gì? Thầy rất vui. Tôi lấy làm lạ! Tôi biết là ông ta không thích mặc sweat shirt, không hiểu tại sao lại thích như vậy? Tôi mới hỏi: dạ thưa thầy tại sao thầy thích nhận mấy cái áo này? Thầy nói: nhận rồi sẽ gởi về Vạn Phật Thành hết. Ông ta mừng là có số quà lớn gởi về trung ương. Chùa Vạn Phật có cái kho để đồ cho cư sĩ.

Hỏi: Như vậy là khi con cúng Tổ Tiên con sẽ được những cái áo quần đó phải không?

Đáp: Đúng. Nhưng họ sẽ không thích lắm, bởi vì người cúng không thích, thì tổ tiên họ cũng không thích. Cúng dường không phải là biểu diễn bề ngoài rình rang để hưởng quả có nhiều của cải. Bởi vì một khi người xuất gia nhận của cúng nhiều mà khởi lòng tham thì vị đó không phải là người xuất gia đang làm phước điền tốt cho chúng sinh.

Nói về cúng dường những đồ không cần. Ông thầy trụ trì ở chùa Canada thường hay bị phiền não vì ông ta nói trong chùa có đủ bàn chải đánh răng và kem. Có thể dùng đến mười năm nữa cũng không hết. Tôi kể cho quý vị biết vậy thôi, chớ không phải nhắc khéo quý vị đâu! Cứ đem cái gì đến cúng đều có phước cả. Đừng lo: ít tôi cũng không buồn, nhiều cũng không vui. Phát tâm cúng dường được là chúng tôi mừng cho quý vị.

Tại sao khi xưa quý thầy hay nhai cành dương liễu? Là để trừ phong, trừ nhiệt, trừ gió, làm miệng sạch, dễ tiêu hoá và mắt sáng: khi xưa hay nhai cành dương liễu vì có nhiều lợi như vậy.

Nhưng xin quý vị đừng chặt cành cây dương liễu đến cụt. Vì tất cả các cây đều có thân ở trên đó. Nhà của họ là cây cối. Cây to chừng nào là quỷ thần càng có thể lực lớn chừng nấy: đó là thứ dữ. Cho nên khi phá cây đó là đang phá nhà của quỷ thần. Những người biết, thường kỵ phá cây. Người xuất gia không được đụng đến cây cối, thậm chí không được đi trên cỏ nữa.

tắm gội sạch sẽ, dùng chur hương hoa dùng đủ loại hương và hoa, có thể kết làm chuỗi hoa đến trang nghiêm đạo tràng: **đốt hương** hương cúng nơi bàn thờ **thoa hương** lúc trước không có nước hoa nên thường thoa hương , **và các món kỹ nhạc** cúng âm nhạc: trống kèn, hòa tấu, ca hát, múa nhảy v.v..., **cúng dường hình tượng** hoặc cúng hình ảnh Phật Bồ-tát hoặc xây đúc tượng, xây chùa. **Đối thử kinh điển** bàn về Kinh Dược Sư Phật này, **hoặc tự chép hoặc dạy người chép** đời xưa không có nhà in nên cần sao chép để lưu thông; ngày nay thì có thể cúng dường ấn tống, **nhất tâm thọ trì,**

Khi bắt đầu học Phật Pháp Tôi không hiểu chữ thọ trì, thọ là gì? Trì là gì? Thọ nghĩa là lãnh nạp vào trong người để không quên, không mất. Trì có nghĩa là quán tưởng ý nghĩa nó để không quên. Cũng như thọ trì danh hiệu của Phật. Hồng danh của Phật tượng trưng cho cái đức của Phật, đầy đủ tất cả những công đức của Phật. Vì vậy hồng danh của Phật có sức lực bất khả tư nghị: mỗi khi niệm hồng danh của Phật là mình đang tụng lại tất cả những công đức trong vũ trụ này. Những quý thần nghe được đều phải cung kính.

Hỏi: Thầy đang giảng kinh vậy thầy có niệm Phật không?

Đáp: Không! Tại sao vậy? Tôi muốn dạy quý vị nhất tâm. Ở trình độ quý vị, phải biết tập nhất tâm. Làm gì phải chuyên tâm.

Có người nói khi chú tâm vào một chuyện, quên niệm Phật và quên hết tất cả bỗng nhiên bị phiền não, bị chướng ngại. Khi bị phiền não bị chướng ngại thì trở về niệm hồng danh Phật.

Khác biệt giữa lãnh nạp và trì nghĩa là sao? Lãnh nạp tức là nhét vào óc. Trì là khi ở trong rồi mới hiểu nghĩa và bắt đầu quán ý nghĩa của nó. Chẳng hạn như hồi sáng chúng ta bàn về Trung đạo. Nghĩa là thọ được Chân lý là Trung đạo. Thọ thôi xong rồi bắt đầu trì: quán cái nghĩa của nó. Thọ thì hiểu được còn nông cạn, trì mới có thể hiểu sâu hơn.

nghe giảng nghĩa lý,

Nghe giảng Pháp Đại Thừa có những cái lợi, mỗi thời điểm khác nhau:

1. Lúc đang nghe, hưởng cái lợi ngay lập tức: trông chừng tử để phát huệ. Dầu quý vị hiểu hay không hiểu lời dạy đó không quan trọng chỉ nghe thôi cũng đã đủ lợi lạc rồi. Chẳng hạn như hồi sáng này chúng ta niệm Phật bằng tiếng Hoa có lợi gì không? Niệm Amitufo, Amitufo v.v... Nếu người nghe không hiểu gì cả thì có lợi gì không? Vẫn lợi như thường. Lúc nghe là có lợi ngay lập tức. Lợi nó tới trước khi mình hiểu hoặc thấy được.

2. Lúc tu hành mới hiểu được ý nghĩa. Tự nhiên hiểu được. Một ngày đó, đang xếp bằng, đang đi kinh hành, bỗng nhiên hiểu ý nghĩa của câu kinh hoặc lời giảng. Nói cách khác, chúng tử nghe lúc trước bây giờ nó chín, thành thực.
3. Người lâm chung được Tăng Ni đến tụng Kinh sẽ lợi lạc không thể tưởng được. Vì lúc đó người ta đang chơi với, đang khổn khổ. Khi mới chết linh hồn bị khủng hoảng rất là nặng. Tụng kinh lúc đó là dùng kinh lực giúp làm bình tĩnh lại. Khi chết quỷ thần đến vây để đòi nợ, chủ nợ đến hành hạ, giày xéo. Được tụng kinh thì kinh lực làm tản mát những âm binh đó. Nó sợ, nên nó không dám làm càng nữa. Kinh nào cũng được, ngay tiếng tụng cũng vậy, tiếng Hoa cũng được, tiếng Việt cũng được hay tiếng Anh cũng được. Không cần hiểu nghĩa, chỉ cần tụng bất cứ kinh gì cũng đều được đại lợi trong lúc đang cần giúp nhất.

Khi chết, trong vòng bốn mươi chín ngày cần được giúp. Nhưng Hòa Thượng Tuyên Hoá không cho đệ tử xuất gia đi cúng đám. Tại vì khi đi ra ngoài như vậy người ta cúng nhiều tiền thì dễ nổi lòng tham tiền nên khó tu. Chúng ta sẽ đi cúng đám không phải vì tham tiền. Nếu không ra cúng đám ma thì làm sao nói pháp cho người đang sống và giúp người mới chết? Phải có cái trung dung ở giữa, bởi vì lúc mới chết là lúc cần giúp đỡ nhất.

đôi với Pháp Sư,

“Pháp sư”: biết giảng Pháp.

Khi giảng pháp có nhiều lợi:

1. Sòng thọ vì lúc người nghe không sát sanh,
2. Đại phú: giàu có, vì người nghe không ăn cắp,
3. Đoan trang: đẹp trai/gái, vì người nghe thành nhu hoà, cái này quan trọng, cho quý vị thấy có sự liên quan giữa tính tình hoà hoãn với cái mặt đẹp nó đi song song với nhau,
4. Danh tiếng, vì người nghe Qui Y với Tam Bảo,
5. Thông minh, vì người nghe đắc trí tuệ.

Truyền thống của Ngài Tuyên Hoá là người cư sĩ phải nói pháp. Người thuyết pháp nào cũng có năm cái lợi này. Không phải là đăng đàn thuyết pháp mới có lợi, mà chỉ nói pháp cho một người thôi cũng có lợi. Thành ra quý vị phải tập thuyết pháp.

nên tu cúng dường nên cúng bốn loại: ẩm thực, tọa cụ, y dược và phòng xá (nhà cửa), **tất cả những vật cần dùng** cần trong việc tu hành, **đừng để thiếu thốn, phải hết lòng như vậy, nên được** mười phương **Chư Phật hộ niệm, sở cầu tất cả ý nguyện** đều **mãn** thành tựu, **cho đến Bồ Đề** ngay cả chứng Phật quả.

Người có lòng thành thì coi việc học Pháp quan trọng nhất: hơn cả học văn ở trường, công ăn việc làm. Người tại gia cũng nên tập nói Pháp. Nói Pháp cho một người cũng được năm loại lợi vừa giảng.

Lời Kinh:

Lúc bấy giờ Mạn Thù Thất Lợi đồng tử bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn Tôi thề qua thời tượng pháp, dùng đủ phương tiện, khiến chư tịnh tín Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhơn đấng, được nghe danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai, ngay đến trong giấc ngủ, dùng Phật danh giác ngộ tai họ”.

Lời giảng:

Lúc bấy giờ Mạn Thù Thất Lợi đồng tử bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn Tôi thề qua thời tượng pháp

Phật Pháp có ba thời kỳ:

1. Chánh Pháp: 500 năm đầu tiên từ khi Phật nhập Niết Bàn gọi là Chánh Pháp. Tu hành thời kỳ này rất nhiều người đắc đạo, phần lớn các tu sĩ đều đắc đạo. Thời này gọi là định kiên cố: định lực người tu rất thâm hậu.
2. Tượng Pháp: 500 năm sau nữa. Trong thời kỳ này chúng sanh thường chấp tướng. Họ thích tu phước: xây chùa, cúng dường và đúc tượng rất nhiều. Ít người thích tu luyện.
3. Mạt Pháp: 10,000 năm nữa. Lúc đó là lúc Phật Pháp đang biến mất. Trong thời kỳ này chúng sanh không có thích tu nữa, chỉ thích tranh đấu, phần lớn toàn là A Tu La. Thời nào cũng có A Tu La, nhưng thời Mạt Pháp thì tụi nó đông hơn. Sau mười ngàn năm Phật Pháp biến mất, không còn gì hết. Lúc đó chỉ còn Nam Mô A Di Đà Phật, không còn kinh điển nữa! Đến một trăm năm sau chỉ còn A Di Đà Phật. Nhờ niệm hồng danh của Phật mà vô lượng chúng sanh sẽ được giải thoát. Sau hai trăm năm nữa hồng

danh Phật biến mất luôn, không ai còn biết niệm Phật nữa, lúc đó Phật Pháp hoàn toàn biến mất.

Hôm nay chúng ta đang ở trong thời kỳ nào? Có người nói thời này là thời Mạt Pháp, thời Tượng Pháp. Tại sao Mạt Pháp? Vì không có ai học kinh điển và nghiên cứu kinh nên kinh biến mất. Kinh biến mất vì không có người thọ trì. Nếu có người người đọc tụng, thuyết giảng, học hỏi, phụng hành thì kinh không biến mất. Kinh điển tiếng Việt còn nhiều. Nhưng tiếng Anh kinh thì sao? Phần lớn Kinh tiếng Anh dịch quá sai. Theo Kinh sai mà tu thì khó tu tới nơi tới chốn. Vì không có kinh Đại Thừa để mà đọc nữa mới gọi là Mạt Pháp.

Hiện nay có rất ít kinh điển Đại Thừa bằng tiếng Anh. Tiếng Việt thì sao? Kinh dịch từ Tạng Pali là Tiểu Thừa. Kinh điển Đại Thừa thường được dịch từ Hán Tạng. Có nhiều Thầy bỏ thì giờ ra dịch Kinh nhiều lắm. Chẳng hạn như Kinh Hoa Nghiêm do Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch và Ngài Đức Niệm in lại: giá trị kinh dịch nó tương đương với trình độ người dịch. Lúc trước một đệ tử xuất gia người Việt Nam nói với Hòa Thượng Tuyên Hoá: bầm Sư Phụ, Phật Giáo Việt Nam có nhiều kinh điển Đại Thừa lắm. Quý Hòa Thượng dịch kinh Đại Thừa rất là nhiều và cũng rất hay: như cuốn Kinh Pháp Hoa này. Ngài Tuyên Hoá duỗi tay ra đưng cuốn Kinh và lập tức nói: dịch trật nhiều lắm! Dịch Kinh cần phải hiểu Pháp mới dịch được. Chưa đủ trình độ hiểu thâm ý của chư Phật Bồ Tát không nên phiên dịch. Vì vậy thời này là thời Mạt Pháp không còn kinh điển Đại Thừa chân thật để học.

Lúc mới xuất gia làm sa di, không biết tại sao tự nhiên tôi muốn đi học tiếng Hoa. Hồi đó không biết ắt giúp gì, chỉ biết cần phải học tiếng Hoa. Hiện giờ Pháp Đại Thừa tại Hán Tạng, chớ không phải Anh Tạng (phần lớn do người Nhật thông dịch), chắc chắn cũng không phải là tiếng Việt Tạng. Tại sao? Hán Tạng được quý vị Bồ Tát hoá thân làm Tổ Sư, qua Trung Quốc dịch từ tiếng Phạn ra tiếng Hoa. Vì vậy Hán Tạng rất sâu sắc. Hiện giờ rất nhiều Bồ Tát dịch kinh này từ tiếng Hoa ra tiếng Anh. Mặc dầu kinh tiếng Anh hiện giờ ít hơn kinh tiếng Việt, nhưng có chiều sâu và chính xác hơn tiếng Việt.

Muốn dịch Kinh điển, trước nhất cần phải hiểu chữ: Hán hoặc Phạn của nguyên văn. Lại phải cần hiểu chữ Việt hoặc Anh. Hiện nay có rất nhiều người xuất gia học ra bằng cấp cao từ các trường đại học đứng ra phiên dịch. Nhưng họ dịch không được chính xác tại vì thiếu phần thứ hai. Thứ nhì là phải tu khi hiểu Pháp rồi mới dịch. Hiểu chữ và hiểu Pháp khác nhau một trời một vực. Vừa hiểu pháp vừa hiểu chữ thì bản dịch mới thật sự có giá trị. Đời xưa bên Trung Quốc, các vị xuất gia phụ trách phiên dịch kinh điển đều có trình độ: ít nhất là Tam quả. Trí huệ của một ông Tiến Sĩ không thể đem so sánh với một vị chứng Sơ quả vì đã cách xa một trời một vực, đừng nói đến Tam quả.

Dịch kinh rất khó vì không thể hiểu hết ý của chư Phật hoặc vì tâm tư còn quá vô minh. Thời Mạt Pháp này ít ai hiểu kinh. Dựa theo kinh dịch trật mà tu thì phương pháp tu cũng sẽ trật, không gặt được kết quả tốt, sẽ bị lọt đài. Vì vậy, chúng tôi tuy sự hiểu biết còn rất nông cạn, chữ nghĩa

lại không có, nhưng vì thấy các bản dịch còn quá nhiều sơ sót, nên phải mạn phép dịch lại. Lại còn cố gắng thông dịch qua tiếng Anh và các thứ tiếng khác để đóng góp thêm tư tưởng Đại Thừa cho nhân gian. Mong quý sư trưởng chỉ giáo những chỗ sơ hở để mọi người có thêm Kinh điển Đại Thừa mà tham khảo. Bởi vậy điều quan trọng là cần phải phát tâm cố gắng dịch kinh Đại Thừa lại bằng tiếng Anh tiếng Việt hoặc tiếng Hoa.

Đây là ngày đầu tiên của Pháp hội tu niệm Phật. Chúng ta giảng kinh này là vì kinh Dược Sư càng ngày càng ít còn thịnh hành. Pháp Dược Sư rất huyền diệu và lợi ích rất lớn. Hôm nay nhân ngày tu niệm Phật, vậy sẽ bỏ một ít thì giờ bàn về Pháp Tịnh độ.

Tịnh độ là gì? Là một trong năm Tông Phái của Đại Thừa bên Trung Hoa. Pháp môn Tịnh độ đang thịnh hành nhất thời bây giờ, là vì có sức để giúp chúng sanh liễu khổ đặc lạc. Giúp được những người căn cơ rất cao, cho đến những người có căn cơ rất thấp. Đặc điểm quan trọng của Đại Thừa Phật Giáo cho biết khái niệm về luân hồi. Luân hồi là chuyện rất đáng sợ. Nếu được sanh lên cõi tốt như trên trời, thì tạm thời được sung sướng một thời gian. Khi hưởng hết phước sẽ phải đọa. Có thể bị sinh vào ba ác đạo: Súc Sanh, Địa Ngục và Ngạ Quỷ. Các chỗ đó: đọa vào thì dễ nhưng thoát ra rất khó. Người tu thường muốn né, khỏi rớt vào tam ác đạo đó.

Nếu như bị rơi vào cõi ngạ quỷ thì sẽ bị cực kỳ khổ sở: luôn luôn bị đói khát hành. Cái đói khát còn đáng sợ hơn là cái chết nữa! Bởi vì chết là hết cái đau đớn, còn cái đói, nó

làm đau đớn đến độ muốn chết mà chết không được. Ngạ quỷ phải bị đói khát trường kiếp. Tại sao bị đọa vào ngạ quỷ? Do vì đã trồng cái nhân của ngạ quỷ là tham lam bôn xén. Khi nhân thành thực thì thành con quỷ đói. Nhân đó là lòng tham. Ví dụ, ham ăn là đang trồng cái nhân để thành ngạ quỷ. Thông thường làm ngạ quỷ trường kiếp, rồi lên làm súc sanh trường kiếp, rồi lên làm người, nhưng làm người rất nghèo khó. Xong lại bị đọa: cứ bò lên rớt xuống.

Hỏi: Có người rớt vào ngạ quỷ, muốn giúp vậy giúp bằng cách nào?

Đáp: Có nhiều cách trợ giúp kẻ bị đọa tam ác đồ. Hôm nay, nêu ra một ví dụ, đây là việc mới xảy ra.

Hai năm trước hai chị em của cậu Danny đến tu với tôi. Bà ngoại của họ đã qua đời lâu rồi. Bà ta rất thương cô chị và cô thường thấy bà hiện về trong mộng. Bà trông rất khổ sở. Cô chị mới thỉnh bài vị vãng sanh cho bà. Ngày đầu tiên đem cúng đồ ăn cho bà. Nếu bị đói lâu năm, khi được ăn, thật là mừng không thể tưởng. Đó ngày đầu tiên của bài vị, tôi còn nhớ rõ. Sau đó tôi báo với chị em là bà ta đọa làm ngạ quỷ.

Việc thân nhân quá cố đến báo mộng họ đang bị khổ sở xảy ra rất nhiều. Có một người kể trước kia ông có người mẹ bị bệnh nhiều năm, sau đó bà qua đời. Vào tháng bảy ở Vạn Phật Thành có tổ chức lễ U Minh Giới. Ông là người Công Giáo, nhưng ông vẫn tới để thỉnh bài vị cho bà mẹ. Hai tuần sau ông mơ thấy bà mẹ khoẻ mạnh bình thường lại, đầu bà đã chết lâu rồi. Quý vị nên nhớ khi người sắp chết

mà bị đau đớn khổ sở, những người đó thường sẽ đọa. Tại sao? Khi bị bệnh hoạn đau đớn trước khi chết, tâm toàn đây tham sân si nên thường sẽ đọa.

Cậu Danny theo tôi tu học hai năm rồi. Cậu tiến bộ rất nhanh. Bây giờ linh tính rất bén nhạy: cậu biết nhiều chuyện rất lạ. Cái huệ trong Đại Thừa là chỉ biết như vậy thôi, nhưng không thể giải thích được. Cái biết khác với cái hiểu: biết là chỉ biết thôi còn hiểu là có thể giải thích cho người ta. Hai cái khác nhau ở chỗ đó. Cậu này có nhiều cái biết hay lắm. Khi tu, tâm càng ngày càng thanh tịnh thì cái biết sẽ càng ngày càng chính xác. Tâm trong sạch thanh tịnh thì trí huệ phát ra. Tôi rất nể hai chị em cậu trẻ này, là vì hai người rất thương bà ngoại. Họ thành tâm muốn giúp bà. Nghe tin bà ta đọa vào ngạ quỷ, họ buồn lắm và tìm đủ cách để giúp.

Tôi hỏi cậu sao trong pháp hội này thỉnh bài vị siêu độ lớn làm gì vậy? Cậu nói là tôi có giảng là thỉnh bài vị để tạo phước đức để giúp người thân: tạo phước càng lớn thì cố nhân càng sớm được giải thoát. Đây là trường hợp một người đã bị đọa vào ngạ quỷ lâu rồi, Pháp Tịnh độ có cách giúp người chết mà bị đọa. Ví dụ trên để cho chúng ta thấy người đã bị đọa vào ngạ quỷ rồi mà Pháp Tịnh độ vẫn có thể cứu người ta được bình thường. Thông thường pháp bốn mươi chín ngày giúp cho người mới chết vãng sanh rất là tốt. Còn đây là trường hợp người ta đã đọa vào ngạ quỷ lâu rồi mà Pháp Tịnh độ vẫn giúp được. Bà bị đói khát rất lâu. Khi được cháu giúp bỗng nhiên bà được sung túc, từ ngạ quỷ đói khát mà chuyển qua cảnh giới được thoả mãn sung túc là đại phước.

Ngày hôm nay nhân Pháp Hội Tịnh độ, cậu em thỉnh bài siêu độ đặc biệt. Tôi mới tò mò: sáng sớm trước khi đến chùa cử hành lễ thì quán thấy bà ta đã rất sung sướng. Trước khi chúng ta có cơ hội hành pháp vãng sinh này để hồi hướng công đức cho bà, bà đã biết trước là sẽ hưởng được cái lợi này, nên bà sinh đại hoan hỉ. Cái lạ là chưa làm mà người ta đã biết trước. Bà cũng đi vãng sanh hồi sáng này.

Cho nên pháp hội nho nhỏ cũng có thể giúp rất nhiều chúng sanh. Tôi mừng cho hai chị em trẻ này. Họ rất thành tâm, thương Bà Ngoại và cố gắng giúp nên có cảm ứng rất nhanh.

Hỏi: Gia đình Công Giáo ông ta không tin pháp vãng sanh của Đại Thừa thì khi ông chết ai là người thỉnh bài vị cho ông?

Đáp: Còn có sức thì nên tự thỉnh bài vị vãng sanh trước để tạo phước vãng sanh. Chùa chúng ta có pháp đó. Hiện nay sau khi chết mới thỉnh bài vị vãng sanh, không thỉnh trước khi chưa chết. Nhiều người ký thỉnh trước vì sợ nói trù ẻo cho người ta chết sớm. Thỉnh bài vị là tạo phước để vãng sanh, nếu đợi chết mới thỉnh bài vị vãng sanh thì chừng nào mới tạo đủ phước để mà vãng sanh? Tạo phước vãng sanh trước khi chết thì được nhiều phước hơn. Chết rồi mà người thân mua thỉnh bài vị vãng sanh thì phước người chết chỉ hưởng có một phần bảy, còn người sống hưởng sáu phần bảy.

Muốn tích tụ phước vãng sanh thì có thể thỉnh bài vị Dược Sư hoặc bài vị vãng sanh. Chùa người Việt Nam không có bài vị Dược Sư. Chùa chúng ta bắt chước pháp người Hoa nên có cũng bài vị Dược Sư.

Hỏi: Muốn vãng sanh vậy nên thỉnh bài vị Dược Sư hay bài vị vãng sanh?

Đáp: Tùy khả năng và hoàn cảnh. Nếu thật sự muốn đắc vãng sanh kiếp này thì nên vừa thỉnh bài vị vãng sanh và 49 ngày trước khi chết. Từ từ sẽ giảng thêm về hai pháp này.

dùng đủ phương tiện, khiến chư tịnh tín Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhon đấng, được nghe danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai, ngay đến trong giấc ngủ, dùng Phật danh giác ngộ tai họ”.

Ngài Văn Thù Thất Lợi Bồ-tát nguyện sẽ dùng đủ các phương tiện để những kẻ thiệt sự có lòng tin được nghe hồng danh của Dược Sư Phật. Ngài sẽ làm cho họ được nghe ngay trong mộng.

Lời Kinh:

Bạch Đức Thế Tôn, nếu ai thọ trì đọc tụng kinh này, hoặc thường giảng thuyết khai thị cho người khác, hoặc tự mình chép hay dạy người chép, cung kính tôn trọng, dùng những hương hoa, hương xoa hương bột hương đốt, tràng hoa anh lạc, phan cái, kỳ nhạc mà cúng dường, hoặc dùng hàng ngũ sắc làm đầy đựng kinh, quét sái tịnh xứ, phu thiết cao tọa để kinh lên. Lúc ấy

Tứ Thiên Vương và quyền thuộc và cùng vô lượng trăm ngàn thiên chúng khác sẽ đến đó cúng dường và thủ hộ.

Lời giảng:

Bạch Đức Thế Tôn, nếu ai thọ trì đọc tụng kinh này, hoặc thường giảng thuyết khai thị cho người khác, hoặc tự mình chép hay dạy người chép,

Phần trước giảng về cúng dường hình tượng và cúng dường cho những vị giảng kinh, phần này là giảng về việc cúng dường cho kinh điển. Cúng dường kinh bằng cách sao chép (như thời xưa chưa có máy in nên cần sao chép), biểu người chép hoặc cúng tiền in kinh.

Có năm loại Pháp Sư:

1. Thọ trì Pháp sư: đó là tâm nghiệp, nội hành: tu bên trong.
2. Đọc Pháp sư: nhìn kinh sách mà đọc, đây là khẩu nghiệp, ngoại hành: tu bên ngoài.
3. Tụng Pháp sư, tức là thầy chuyên tụng cho người chết. Hoặc những người bị bệnh cũng thường thỉnh Thầy đến tụng để cầu an. Hòa Thượng Tuyên Hóa kể: lúc Ngài còn bên Trung Quốc, có một gia đình khá giả có người bị bệnh. Theo truyền thống, người gia đình thỉnh các vị Pháp Sư tới nhà tụng kinh để hồi hướng cho người bệnh. Bảy vị Thầy đến, tụng cả tuần mà bệnh không thuyên giảm. Một trong bảy vị thầy mới bỏ nhỏ người thân là nên kiếm và thỉnh Ngài Tuyên Hóa đến giúp. Ngài đến, gỡ râu chuỗi hạt đang đeo trong cổ đeo lên cổ người bệnh. Con quỷ bệnh lập tức quì xuống và xin được tha mạng.

Nó hứa sẽ tha mạng bịnh nhân nếu Ngài Tuyên Hóa tha nó. Sau lại xin qui y với Hòa Thượng. Ngài hỏi: ở đây có bảy vị Pháp Sư đạo cao đức trọng, sao không qui y với họ? Con qui trả lời: họ thì phải qui y tôi chứ sao tôi phải qui y với họ?

4. Giảng kinh Pháp sư,
5. Biên chép Pháp sư: lúc xưa, chưa có in kinh nên phải biên rồi sao chép. In kinh hay chép kinh tạo rất nhiều phước đức.

cung kính tôn trọng, dùng những hương hoa, hương xoa hương bột hương đốt, tràng hoa anh lạc, phan cái, kỳ nhạc mà cúng dường

Có mười loại cúng dường:

1. Hoa: cúng hoa để trồng nhân đạt Bồ Đề,
2. Hương: là biểu tượng cho Ba La Mật, để sau này mình đắc được Pháp thân Vô Lậu,
3. Anh Lạc: đeo cổ, trồng nhân có được oai đức và sự trang nghiêm của Phật,
4. Phân hương: tức là loại bột hương ngày nay, cúng hương này là tạo nhân đắc thiên định,
5. Hương thoa: nhân để được pháp lực của Phật,
6. Hương thắp: trồng nhân để đắc được tuệ giác của Phật,
7. Tràng hoa là tạo nhân đắc được hảo tướng của Phật, không phải thành Phật mới có tướng đó mà trước khi thành Phật mình cũng đẹp trai, đẹp gái,
8. Phan (cờ) cái (lọng): là trồng nhân sau này được thần thông,
9. Kỳ nhạc: âm nhạc và ca múa là trồng nhân thành tựu tứ nhiếp pháp,

10. Lễ, tức là lạy Phật, tạo vô lượng vô biên đại phước báo.

Cúng dường có nội và ngoại. Nội: thân đon nghiêm lúc lạy, tâm thành và cung kính quán, khẩu tán thán.

Hoặc có mười loại ngoại cúng dường:

1. 10,000 hạnh nhân hoa (hiển đặc Bồ đề diệu quả)
2. Chư Ba la mật hương (đặc vô lậu Pháp thân)
3. Giới phẩm thoa hương (đặc luật nghi)
4. Bách thiên Tam muội phấn hương (đặc tất cả tam muội của Phật)
5. Quán trí hương đốt (đặc Phật vô ngại trí)
6. Tứ hoàng hoa man (vòng hoa, đặc thù thắng tướng)
7. Giới, định, huệ anh lạc (đặc Phật viên mãn oai đức và trang nghiêm)
8. Lục thông phan cái (Phật thân thông, để phá và phục tà ma và ngoại đạo)
9. Tứ nhiếp hí kỳ (đặc ai mãn hoan hỉ thọ ký)
10. Tam Thừa Pháp Dược (đặc Phật bát âm tứ vô ngại)

hoặc dùng hàng ngũ sắc các thứ đủ màu (ngũ sắc: 1. Xích 赤: đỏ 2. Bạch 白: trắng 3. Hắc 黑: đen 4. Thanh 青: xanh 5. Hoàng 黃: vàng) làm dây, chỉ v.v... **làm đẫy** bị, đồ **đựng kính, quét** với chổi hoặc máy hút bụi **sái** rưới nước: đời xưa sàn đất nên thường rưới nước cho bớt bụi bặm **tịnh xứ** chỗ thanh tịnh, sạch sẽ, **phu** đắp: nhà nghèo thì đắp đất lên cao **thiết** hoặc dùng vật liệu xây bàn thờ **cao tọa để kính lên**.

Lúc ấy Tứ Thiên Vương và quyền thuộc và cùng vô lượng trăm ngàn thiên chúng khác sẽ đến đó cúng dường và thủ hộ.

Tứ Thiên Vương là hộ pháp. Họ trấn giữ nữa lưng núi Tu Di. Các chùa lớn thường có hình tượng của họ ở trước.

Thỉnh Kinh đến tức thì thiên chúng sẽ đến cúng dường và bảo vệ Kinh, ngày đêm. Không phải chỉ riêng Kinh Dược Sư mà cho tất cả Kinh điển Đại Thừa.

Lời Kinh:

Bạch Đức Thế Tôn, nếu kinh bảo này lưu hành đến chỗ nào có người thọ trì, nhờ công đức bốn nguyện của Đức Dược Sư Lưu ly Quang Như Lai, và được nghe danh hiệu Ngài, mà chỗ đó không còn hoạnh tử, cũng không bị các ác quỷ thần quỷ đoạt lấy tinh khí và dấu đã bị đoạt cũng được hoàn phục, thân tâm an lạc.

Lời giảng:

Bạch Đức Thế Tôn, nếu kinh bảo này lưu hành đến chỗ nào có người thọ trì, nhờ công đức bốn nguyện của Đức Dược Sư Lưu ly Quang Như Lai, và được nghe danh hiệu Ngài, mà chỗ đó không còn hoạnh tử,
Xin chú ý. Chúng ta cố ý in kinh này để lưu thông xa và rộng. Bất cứ Kinh này được rước đến chỗ nào là sẽ không có chuyện bất đắc kỳ tử: đột ngột mà bị chết. Tôi không khỏi có vọng tưởng, phải chi chúng ta in nhiều Kinh này và phân phối thì tiết kiệm ngân khoảng phòng vệ khủng bố biết bao!

**cũng không bị các ác quỷ thần quỷ đoạt lấy tinh khí và
dầu đã bị đoạt cũng được hoàn phục, thân tâm an lạc.**

Nếu ai đem kinh này về nhà, rồi cúng dường Kinh là sẽ hết bệnh. Thọ trì phải có tín tâm. Tại sao lòng tín quan trọng? Lòng tín như bàn tay, nếu như không có tay thì không thể nhận được của báu người ta ban cho. Quý vị phải biết rằng Phật và Bồ Tát không hẹp hòi hay ích kỷ keo kiệt. Các Ngài cho chúng ta những thứ quý báu hay tài bảo, nhưng chúng ta không đủ lòng tin để tiếp nhận. Cúng dường Kinh điển có thể giúp thoát được hoạn tử. Chẳng hạn như thiếu vệ sinh nên bị chết bất ngờ. Cũng như các nước nhược tiểu thiếu vệ sinh nên con nít chết rất sớm, hoặc là bị bệnh mà không gặp được bác sĩ hay không có thuốc để chữa trị. Ngay xứ Mỹ này cũng có nhiều người nghèo không tiền mua bảo hiểm sức khỏe hoặc đi bác sĩ khám bệnh. Hay là bị pháp luật bắt, bị xử tử, cũng như gặp những tai họa thiên nhiên hay do con người tạo ra.

Lại còn bị ma quỷ nhập, hoặc nó tới ăn cắp sinh lực. Có loại quỷ chuyên đến ăn cắp tinh khí của người đàn ông. Thành người đàn ông đó suy nhược không làm gì được. Tất cả đều có nhân có quả hết, vì lúc trước hại người nên hiện giờ bị người đến hại lại, tất cả đều theo luật nhân quả.

Biết đem cuốn Kinh này về nhà để cúng dường là một cách đuổi ác quỷ ra khỏi nhà.

Lời Kinh:

Phật bảo Mạn Thù Thất Lợi: “Nhu thị, như thị! Đúng như lời người nói. Mạn Thù Thất Lợi, nếu có tịnh tín Thiện Nam Tử Thiện Nữ Nhân Đẳng, muốn cúng dường Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì trước phải tạo lập hình tượng Ngài, phu thanh tịnh tọa mà an bài.

Lời giảng:

Đây là phương pháp cúng dường hình tượng và làm sao thọ trì kinh. Tiếp theo sẽ bàn về những việc chúng sanh thường hay tìm cầu.

Phật bảo Mạn Thù Thất Lợi: “Nhu thị, như thị! Đúng như lời người nói.

Khi quý vị đọc trong kinh mà thấy “Nhu Thị, Như Thị”: hay hay phải phải; là có hai phần: một phần thích hợp với ý của Chư Phật và Bồ Tát như trên còn ở dưới thì hợp với căn cơ của chúng sanh. Bởi vậy Kinh giảng phải thích hợp vừa trên vừa dưới.

Mạn Thù Thất Lợi, nếu có tịnh tín Thiện Nam Tử Thiện Nữ Nhân Đẳng, muốn cúng dường Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì trước phải tạo lập hình tượng Ngài,

Muốn cúng hình tượng của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai là phải tạo theo lời nguyện thứ nhất và thứ hai như trong Kinh giảng. Thịnh tượng Phật về nhà là không bị quỷ nhập và còn được chư thiên thần bảo vệ.

phu đắp lên, xây lên thanh tịnh tọa bàn thờ, chỗ các Ngài ngồi để nhận cúng dường mà an bài.

Đừng nghĩ rằng chư Phật Bồ Tát thích hương hoa quý lạ. Họ thật không tham những ngoại vật như chúng ta. Chúng ta tập cúng dường để luyện tâm thành kính.

Lời Kinh:

Rãi các thứ hoa, đốt các thứ hương và dùng các thứ tràng phan trang nghiêm chỗ thờ ấy. Trong bảy ngày bảy đêm, thọ tám phần trai giới, dùng thanh tịnh trai, tắm gội cho thơm sạch, mặc y phục thanh tịnh, nên sanh tâm vô cầu trước, tâm vô nộ hại, đối với tất cả hữu tình, khởi tâm lợi ích an lạc, từ bi hỷ xả và bình đẳng.

Lời giảng:

Rãi các thứ hoa, đốt các thứ hương và dùng các thứ tràng cờ hình vuông phan cờ hình ba góc trang nghiêm chỗ thờ ấy.

Trong bảy ngày bảy đêm, thọ tám phần trai giới, dùng thanh tịnh trai tránh ăn thịt và ngũ tân: hành, tỏi, củ kiệu, poirot (hành lá), hẹ v.v..., tắm gội cho thơm sạch, mặc y phục thanh tịnh không cần quá sang trọng hoặc đắt tiền, chỉ cần sạch sẽ, nên sanh tâm vô cầu trước trừ bỏ bất tịnh trong tâm, sinh lòng cung kính, tâm vô nộ (nổi giận) hại.

Bàn về việc giữ tám phần trai giới.

Sau Ngọ không ăn nên gọi là “trai”.

Khi thọ bát quan trai này phải tắm gội sạch sẽ và tam nghiệp thanh tịnh, tâm thanh tịnh là gì? Là Tâm vô cấu trược, cấu cũng như đang tích tụ những đồ dơ bẩn vậy, cũng như cái gương bị bám bụi. Đại Thừa thích ví dụ Phật tính như cái gương. Gương vốn sáng mà để bụi phủ trên cái gương nên tâm gương không còn sáng nữa thành mất trí huệ của mình. Trược là gì? Giống như thả bùn vào nước trong vậy, dù tâm đang thanh tịnh bỗng nhiên bị phiền não.

Kinh nói về cái nộ (giận và) hại. Hai loại phiền não này rất sâu độc. Tâm giận hại, là tâm muốn hại chúng sanh. Ban đầu, tâm Phật và tâm chúng sanh có liên hệ rất mật thiết. Khi phiền não dấy lên, tâm chúng sanh bị xa cách tâm của Phật, không còn gần nhau nữa. Tâm xa Phật thì mất sự sáng suốt, mất thần thông và mất những khả năng tiềm tàng. Vì vậy, phiền não rất tai hại. Quý vị cứ lo bệnh hoạn và tai họa. Nhưng không biết là phiền não đem đến tai họa và bệnh hoạn. Nhất là khi tâm sân hận nổi lên thì có hàng triệu cửa chướng ngại mở tung ra. Sân hận rất tai hại. Giận thì gặp đủ chuyện không như ý: cái gì cũng bể cái gì cũng hư hết.

Tại sao cứ thường xuyên giận? Vì thiếu tự chủ. Biết đang giận thì nên tìm cách chặt ngay lập tức: đó mới gọi là có công phu. Kinh khuyên nên sanh tâm vô cấu trược, không giận hại đối với tất cả các loài hữu tình,

đối với tất cả hữu tình, khởi tâm lợi ích an lạc, từ bi hỷ xả và bình đẳng.

Kinh đang nói về tứ vô lượng tâm. Đây là tinh thần Đại Thừa. Đây làm tứ vô lượng tâm, cũng được gọi là tứ vô giới hạn tâm, hay là bốn tâm bình đẳng.

Bốn loại tâm này là gì? Thứ tự khá quan trọng.

Lúc Tôi còn trẻ chưa được mười tuổi ở với Bà nội. Bà sống riêng một mình nên bắt một đứa cháu ở với bà để bớt cô đơn. Bà nội tôi là người không có học vấn. Bà rất nóng tính. Bà là một Phật tử, nhưng không biết Phật Pháp gì nhiều. Mỗi lần bà nổi giận lên, là hành hạ người làm, tâm muốn hại người. Bà mà giận lên là rất ác, mặt trông rất dễ sợ. Tôi hưởng mấy cái nết đó hết.

Khi bà giận là biết mất tự chủ, nên liền lâm râm niệm: “Tù bi hỷ xả, tù bi hỷ xả”. Niệm liên tục như vậy được một lúc là bớt giận. Giống như niệm chú: chỉ biết niệm: “Tù bi hỷ xả, tù bi hỷ xả” mà bớt giận. Đó là một ví dụ của sự nhiệm mầu của tứ vô lượng tâm.

Quý vị học Phật Pháp thì phải biết cái tâm đầu tiên nên có là tâm từ. Tâm từ là tâm cho cái vui đến người khác. Bắt đầu tu là phải như vậy. Ai cũng chỉ biết truy cầu cái hạnh phúc cho bản thân. Đại Thừa thì cũng tìm hạnh phúc: không phải tìm cho bản thân mà tìm cho người khác. Chỉ lệch một chút xíu thôi thì bị trật hoàn.

Có một số chùa tôn trí bàn thờ hơi thấp, còn bên Trung Quốc bàn thờ cao hơn một tí. Tại sao vậy? Vì muốn nhìn lên tượng Phật, Bồ Tát, không nên nhìn xuống. Phật pháp cứ lệch thì khó đến mục tiêu, tu khó chứng. Tu mà không

để ý cái lệch rất dễ đi trật đường. Nếu tôi có xúc phạm đến ai thì xin sám hối. Nhiều khi phải nói với tinh thần xây dựng dầu có sự đụng chạm.

Bây giờ trở lại đề tài chính là Tâm Từ. Người thế gian hay đi tìm hạnh phúc cho bản thân. Phật Tử thì tìm hạnh phúc cho người. Chính vì bị lệch như vậy nên phàm phu không hiểu hạnh phúc chân thật. Tâm Từ là cái tâm biết đem niềm vui và sự sung sướng đến cho người; nhất là đem hạnh phúc vui vẻ đến cho người mà không có duyên với chúng ta. Tức là đem cái vui và hạnh phúc đến cho người xa lạ, người dung nước lã, thậm chí đem cả niềm vui và hạnh phúc đến cho kẻ thù! Đó là Tâm Từ.

Quý vị có làm được không? Làm sao đem cái vui vẻ và hạnh phúc đến cho người chúng ta ghét cay ghét đắng? Chẳng hạn bà già vợ, ghét cay ghét đắng bà mà làm sao đem cái vui vẻ đến cho bà được? Có huệ gì ở đó? Tôi có người học trò thích bô thí cho người ta: cứ bô thí cho người ta hoài. Người đối tượng cứ lấy, rồi đòi thêm chớ không biết vừa đủ. Đòi thêm, nó vẫn giúp thêm. Hay ở đâu? Có cái lợi ngay lập tức!

Có người nói rằng cái lợi đầu tiên hết là người ta bót giận. Rất đúng: nếu người ta hận thù mình, ghét cay ghét đắng mình, mà cứ tử tế với người ta và cho người ta sự vui vẻ thì người ta khó hận mình lâu. Đó là cái lợi đầu tiên ở chỗ không bị tai họa thêm. Có người nói bên nước Anh có câu: “Giết người ta với lòng từ”. Ở Mỹ có câu là “Bóp mũi người ta với lòng từ”. Tức làm người ta nghẹt thở với tâm từ và không thể nào người ta đấu với chúng ta được nữa.

Quý vị thấy nó nhẹ nhàng tế nhị không? Từ tế với người ta, đem đến cho người ta niềm vui, thì người ta bó tay như đang bị siết.

Quý vị cần phải học pháp Từ này là vì nó rất quan trọng. Khi chúng ta cho người ta cái vui thì người ta cũng sẽ cho lại cái vui mà chúng ta tự không thể có được. Cho nên Đại Thừa dạy chúng ta phải biết cho người cái vui đó thì sẽ được cái vui mà chính bản thân không thể có được. Đây là cái sâu xa của Đại Thừa.

Khoan nói chuyện sâu xa như dùng pháp từ để diệt cái ngã. Biết đem hạnh phúc và sự vui vẻ đến cho người khác, thì sẽ có được niềm vui và hạnh phúc. Nên nhớ có thể mua chiếc xe, có thể tự mua áo quần tốt mặc, được như vậy rất vui phải không? Nhưng niềm vui đó không bằng cái vui của người khác đem đến cho mình. Khi người ta cho mình, cái vui đó mới lớn hơn là tự tạo niềm vui.

Cho nên Từ là đem lại sự vui vẻ cho tất cả mọi người, tâm không chọn lựa đối tượng; như thế thì tất cả đều cho chúng ta lại niềm vui. Vui đó rất lớn, là chân hạnh phúc. Không cần phải tốn tiền, chỉ biết đem niềm vui đến cho người thôi. Vậy thì, khi có cơ hội nên đem niềm vui đến cho người, mà không mong người ta trả lại: thế mới thật sự là tâm Từ.

Tôi để ý thấy trong thời đại nguyên tử này, vợ chồng sống với nhau mà thiếu từ tâm. Họ hay cãi nhau, vì người nào cũng muốn chứng minh mình đúng. Không lo cái đúng thì lo đi tìm cái lợi. Sống như thế thì quá nghèo nàn! Phải

quần quật đi làm cả ngày, khi về gặp nhau một cái là cãi nhau rồi đấu lý với nhau, hoặc đi tìm lợi. Không biết bỏ thì giờ ra để đem niềm vui đến cho người mình thương yêu. Sống như thế là không biết sống. Cần phải thay đổi thái độ. Phải biết cho người ta hạnh phúc thì mới hạnh phúc được.

Còn có một lý do khác để quý vị thấy cần tu pháp Từ. Từ là bắt đầu của cái thiện. Thiện không thể nào khởi được nếu không có Từ. Có những người hãnh diện về cái ác của họ. Cái ác cũng đem lại sự thỏa mãn. Người ác làm xong một việc ác thì họ cảm thấy vui vẻ, hài lòng và tưởng rằng đó là hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc của cái ác đó không thật sự là hạnh phúc. Kẻ ác chọn đường ác tuy có sự thỏa thích của họ nhưng nếu so với hạnh phúc của người có thiện tâm và thường làm việc thiện thì những người có từ tâm được chân hạnh phúc. Phật biết rõ như vậy: có đại thiện thì được đại hạnh phúc nên dạy chúng ta phải tu tâm Từ.

Vậy Từ là gì? Từ là đừng làm ác, mà phải luôn làm thiện. Pháp Từ nó rộng vô lượng. Sống là phải biết từ với người trong nhà. Sống không phải là muốn đúng, hoặc để làm tiền, làm lợi, mà sống là biết đem niềm vui đến người sống chung. Cho nên đừng nói Đại Thừa là quá trừu tượng hay quá cao siêu, toàn bàn về vô ngã, cửa không v.v... Không có lợi gì cho tôi hết! Pháp Đại Thừa nó có lợi ngay ngày hôm nay.

Bây giờ bàn về Bi. Bi có hai phần: phần thứ nhất là thấy cái khổ (có người có quan niệm khác về khổ), thứ nhì thấy khổ và muốn diệt khổ.

Bi khác với Từ. Bi là thấy cái khổ của bản thân trước, rồi mới thấy cái khổ của người ta. Từ là thấy được cái vui của người ta là cái vui của chính mình. Đại Thừa hay như vậy: Từ là đi từ ngoài vào trong, còn Bi là đi từ trong ra ngoài.

Quý vị đang có thành công, giàu có, đẹp trai, đẹp gái v.v... Vậy khổ chỗ nào? Ví dụ khổ của tuổi già: răng long, tóc bạc, tay lạnh, chân tê v.v... Cái khổ nhất lúc già cả là sợ bị người ta bỏ, người ta không thích mình nữa, phải không quý bà? Các ông cũng khổ nhiều cách khác. Cho nên khi thấy khổ mà muốn diệt cái khổ mới gọi là Bi. Bi với mình để diệt cái khổ của mình. Bi với bản thân rồi mới hiểu cách giúp người ta được.

Có người nói tôi có lòng Đại Bi cứu vớt, cứu khổ người ta chớ tôi không lo gì cho thân tôi! Tôi nói, quý vị mà nói như vậy là không có Đại Bi gì ở trong đó cả. Bởi vì Đại Bi là bắt đầu từ trong nhà trước. Không thấy cái khổ của bản thân làm sao thấy cái khổ của người ta được? Phải thấy và xét cái khổ của chính mình trước, chớ đừng nhìn ra ngoài đòi cứu đời, cứu người ngay lập tức.

Đại Bi là gì? Là đồng thể: cùng một tính chất, nghĩa là quý vị với tôi cùng là một. Đây là cái Bi rốt ráo nhất. Riêng đức Phật mới thấy được và hiểu được điều này. Có ai thấy mình đồng thể với người láng giềng mình không? Không khác gì hết: mình với người ta là một, mới gọi là Đại Bi. Muốn đạt đến đó thì cần phải đi cứu khổ. Chùng nào thấy giữa mình với người bớt sự ngăn cách thì lúc đó lòng Đại Bi mỗi ngày càng tăng trưởng.

Thứ ba là Hỷ thứ tư là Xả, Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Vậy Hỷ là gì? Là không ganh tỵ, mục tiêu pháp Hỷ này cho thấy cái tâm ganh tỵ. Tại sao chúng ta ganh tỵ? Tâm ganh tỵ bỗng nhiên trời lên, tại sao vậy? Tại vì thua người nên sinh lòng ganh tỵ. Có thể người ta có cái mà chúng ta không có được, dầu họ xứng đáng hay không xứng đáng. Họ có cái chúng ta muốn mà không được. Nếu không muốn thì đâu ganh tỵ làm gì? Ganh tỵ là vì bị lép vế.

Ngài Tuyên Hoá kể câu chuyện về ganh tỵ. Bên Trung quốc, ghen gọi là ăn dấm. Có nhà Vua rất thích một ông quan cận thần, vì ông quan này trung thành và tích cực với Vua. Hôm nọ, vì bận làm việc nên ông quan về nhà trễ. Bà vợ lại thích nấu ăn cho chồng con. Khi còn nóng là phải ăn liền, nếu như nấu nóng mà chưa ăn để đến nguội là quý bà không khỏi bực bội. Ông quan về đến nhà, vợ thức dậy, giậm chân, chống nạnh và trừng mắt nhìn. Ông quan hỏi: “Ủa? Em yêu còn thức hả?” Bà ta gằn giọng, hỏi sao về trễ vậy. “Hôm nay làm việc cho Bộ Hạ nên về trễ. Bà vợ nói: “Tôi hôm qua trễ, tôi hôm nay cũng trễ, trễ hoài vậy, chắc là có bò rồi!” Ông Đại Thần lật đật nói: “Không có đâu! Anh yêu Em, Anh yêu Em.” Bà vợ không tin, bắt chồng quì cả đêm. Ngày hôm sau, ông quan bẩm với Vua: “Thưa Bộ Hạ hôm nay chắc con phải về sớm”. Nhà Vua hỏi tại sao. “Tại vì bà la con quá, kiểu này chắc con sống không nổi!” Nhà Vua nói: “chuyện nước là chuyện đại sự, sao khanh lại để nữ nhi thường tình cản trở được? Bà ta còn làm khó nữa thì đem tới đây, để Trẫm giảng cho bà nghe”. Tối đó ông quan về nhà, xách bà xả đem tới cung ngay lập tức. Nhà Vua nói: “quan Đại Thần đã làm việc trễ cho

Trăm hai tuần vừa rồi”. Nghe như vậy mà bà vợ vẫn không tin. Ông Vua nói: “Không tin Trẫm thì uống chén thuốc độc này chết đi”. Quan Đại Thần nghe Đức Vua phán như vậy tái mặt. Nhà Vua nháy mắt, bỏ nhỏ với quan Đại Thần là đừng lo, chén đó là dấm chớ không phải thuốc độc đâu. Bà vợ liền lấy chén dấm uống ngay lập tức không do dự, ghen đến độ như vậy, sẵn sàng chết. Thành ra người Á Đông gọi ghen là “ăn dấm”.

Có một người nói là khi tánh ganh tỵ nổi lên thì nó chanh chua như dấm vậy.

Nói cho quý vị biết cái bí mật này. Quý vị có biết không? Khi tâm chua như vậy, thì mồ hôi cũng có mùi chua, chua chớ không phải hôi. Nên để ý, khi nào mồ hôi tiết ra mùi chua là lúc đó tâm ganh tỵ đang ngự trị trong người chúng ta. Nếu biết mắc cỡ, sợ có mùi chua thì nên chặt cái tâm ganh tỵ đi. Tu thì phải tự quan sát lấy cái trật của mình, ngay cả mùi mồ hôi cũng cho biết bị trật.

Hỏi: nếu như ăn nhiều chất chua thì sao?

Đáp: phải ăn rất nhiều chất chua mồ hôi mới đến độ chua. Thường lệ thì chắc bị acid của chất chua làm lung bao tử trước. Ngược lại, người có công phu mà còn tâm ganh tỵ thì mồ hôi sẽ có mùi chua.

Cuối cùng là Xả, xả cái gì? Xả những chấp trước.

Kiếp trước khi còn tu Bồ Tát đạo, Đức Phật Thích Ca cũng tu pháp xả. Hối đó chưa giác ngộ mà Ngài đã có thể xả hết.

Trong quá khứ, Đức Phật sinh trưởng làm Thái Tử trong một nước. Nước đó rất mạnh và giàu. Tại vì nước đó có một loại binh khí vô địch. Mỗi lần lâm trận, đem binh khí ra dùng là đánh bại địch thủ ngay lập tức. Binh khí gì vậy? Đó là con voi có thần thông. Khi con voi này ra trận là đánh dẹp hết tất cả lính của đối thủ, bởi vậy các quốc gia khác sợ, nên thường đem lễ vật đến triều cống hiến.

Thái Tử sẽ được hưởng ngôi vị Vua. Voi còn trẻ tuổi nên tương lai vị thái tử này quá sáng lạng: cung điện, lầu đài nguy nga tráng lệ, vợ đẹp con xinh, quốc gia khác phải tòng phục v.v... Tưởng như vậy là vững như bàn thạch. Nhưng Thái Tử có một khuyết điểm: ai xin gì là cho nấy. Biết thế nên ông vua láng giềng vốn đã ganh ghét từ lâu, nay muốn hạ độc thủ. Vị vua đó đích thân đến xin Thái Tử con voi. Thái Tử biết vua cha thương yêu voi như con, nhưng vẫn đồng ý. Đêm xuống, Thái Tử đợi người canh gác lơ là, lén dẫn voi ra khỏi chuồng và đem cho vua láng giềng. Dù biết rằng đó là địch thủ của nước mình, khi lấy được voi quý rồi sẽ qua kiếm chuyện. Lúc đó thì làm sao kháng cự? Biết rõ như vậy nhưng Thái tử vẫn sẵn sàng cho con voi như thường. Đó mới gọi là xả. Có ai làm được không?

Vua Cha nghe tin, nổi cơn thịnh nộ và đày Thái Tử ra khỏi nước. Thái Tử về báo với vợ là bị cha đuổi. Vợ không một tí do dự, liền nói: “Thiếp đi theo Chàng cho đến tận chân trời”. Rồi Ngài quay sang hỏi hai đứa con trai còn nhỏ: “giờ ta hết làm Thái Tử rồi, ta phải rời khỏi cung điện hai con tính sao? Hai đứa con cũng nói: “Chúng con đi với cha”. Quý vị thấy phước lớn không? Đến con đường cùng

rồi mà vợ và con cũng theo, đến lúc bần cùng không còn gì hết mà người ta vẫn trung thành với mình: đó là tình yêu thật sự. Gia đình họ thất tha thất thểu ra đi. Thái Tử kéo xe chở đồ, còn vợ và hai đứa con đẩy phía sau. Dầu phải chịu mưa nắng nóng lạnh nhưng cả bốn người không hề than và sống với nhau rất đầm ấm.

Trên đường có người đến xin hai đứa con vì trông tui nó ngoan ngoãn dễ thương, nên bán được giá. Bà vợ phản đối và khóc lóc than van. Thái Tử an ủi và sai vợ xuống sông lấy nước. Rồi dẫn hai đứa con cho người đến xin. Vợ trở lại, khám phá sự tình thì cực kỳ đau khổ nhưng không hề trách chồng một tiếng. Hai vợ chồng tiếp tục kéo xe ra khỏi nước theo lệnh vua cha. Đi được một khoảng đường nữa có người khác đến xin vợ. Thái Tử không do dự và cũng cho luôn.

Đó mới thật là tâm xả!

Đời xưa con cái là của cải của cha mẹ, thành có quyền cho. Thời đại văn minh đời nay thì khác, không thể cho con cái vợ chồng nữa. Vậy làm sao tu xả? Xả là người mình yêu thương nhất cũng xả bỏ luôn. Xả là xả cái chấp trước của mình, chứ không phải của người ta! Muốn tu pháp xả bắt đầu bằng cách xả những gì thích, không thể cho. Cho nên thực hành phần thứ tư này rất là khó! Trong tương lai, khi xả đạt trình độ thì ngay cả chấp trước Phật Pháp cũng phải xả luôn.

Kinh đang nói về phần giới. Các Phật Tử sau khi qui y rồi nên thọ Ngũ giới, Thập giới hoặc Bồ Tát giới, Tỳ Kheo giới

hoặc Tỳ Kheo Ni giới. Sau khi thọ giới thì không khỏi phạm giới. Mỗi lần thọ giới Pháp Phật là vậy. Mỗi lần phá giới là tạo cái nhân để đọa tam ác đồ.

Vậy Đức Phật chế giới để làm gì? Khi Phật nhận đệ tử người xuất gia, lúc đó Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni không có giới gì cả. Rồi đệ tử càng ngày càng đông thì rông rảnh lẫn lộn. Có những vị Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni làm bậy. Các vị Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni khác đến than phiền với Phật. Đức Phật mới kiết giới để cảnh tỉnh những vị đã làm quấy. Nhìn cho kỹ mới hiểu: lý do các vị Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni giữ giới để khỏi tạo phiền não cho người khác. Giới pháp đặc biệt chỗ đó, chế giới ra để giúp người khác tu. Thành ra càng ngày càng có nhiều người xuất gia là có nhiều người phá giới, thì phải cần kiết giới thêm để cấm người ta phá giới. Sau đó có những người tại gia đến tu chung, cũng lại phá giới và làm bậy nữa, nên Phật lại kiết thêm giới cho người tại gia. Cư sĩ tại gia có thể thọ ngũ giới hoặc bát quan trai giới.

Bát quan trai giới là gì? Là giúp người tại gia có thể thọ để thử tu cuộc đời của người xuất gia. Trong thời gian đó thử sống đời người xuất gia. Không cần cạo đầu như người xuất gia, nhưng giữ giới của Sa Di và Sa Di Ni, trừ ra một giới là họ có quyền giữ tiền. Giữ Bát quan trai giới rất quan trọng, bởi vì có thể giúp chúng ta tạo nhân đắc vãng sanh. Nếu giữ giới Bát Quan Trai được thanh tịnh trọn trong một ngày một đêm thì cuối đời sẽ được vãng sanh.

Tiếp theo là giới của Sa Di và Sa Di Ni: họ có giới cấm không được hút thuốc và uống rượu. Sau khi thọ Tỳ Kheo

và Tỳ Kheo Ni thì không có giới cấm hút thuốc và uống rượu. Nhiều người xuất gia uống rượu và hút thuốc và viện cớ là không có giới cấm họ. Thật ra đức Phật có cấm nhưng không nói rõ thôi. Hơn nữa, cách đức Phật dạy rất khéo: chúng tôi, Tỳ Kheo hay Tỳ Kheo Ni, phải huấn luyện cho người Sa Di và Sa Di Ni. Làm thầy của những người Sa Di và Sa Di Ni, nếu dạy họ không được uống rượu, không được hút thuốc mà bản thân lại đi hút thuốc và uống rượu thì hơi lủng củng. Sa Di và Sa Di Ni không được uống rượu hút thuốc. Rồi đức Phật cho thăng lon, từ Sa Di và Sa Di Ni lên Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni lại có quyền uống rượu hút thuốc lại như cũ, tức là thoái bộ, chớ không có tiến bộ! Như vậy thăng lon làm gì? Vậy đức Phật phải nói rõ ràng quý vị mới không làm sao? Phải dùng lý trí để tự kiểm điểm mà tu. Mặc dầu Luật Pháp không kết giới bắt Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni giữ giới như vậy, nhưng Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni phải giữ luôn cả giới của người Sa Di.

Tiếp theo là giới Bồ Tát, giới Bồ Tát còn dễ phạm hơn là giới Tỳ Kheo. Thông thường ai cũng có thể thọ giới Bồ Tát, gồm mười giới trọng và 48 giới khinh.

Lời Kinh:

Trống nhạc ca tán, hữu nhiều tượng Phật. Lại nên ý niệm bốn nguyện công đức của Ngài, đọc tụng kinh này, tư duy ý nghĩa và diễn thuyết khai thị. Thì tùy sở lạc cầu, tất cả đều được toại ý: cầu trường thọ được trường thọ, cầu phú nhiều được phú nhiều, cầu quan vị được quan vị, cầu sanh con trai con gái thì được con trai con gái.

Lời giảng:

Có những loại phước như sau:

1. Tứ đại hòa hợp, tâm thường an
2. Thanh tịnh, đoan trang
3. Thân thơm, y phục sạch sẽ
4. Sắc tướng lành mạnh, có oai đức
5. Đa lợi, chúng tòng phục, vô cầu
6. Nơi sinh: quý gia

Đại Tích Kinh 大集經 kể:

Hỏi: Lúc Phật còn tại thế, đến cúng Ngài được đại phước. Sau khi Ngài nhập Diệt, ai nhận cúng dường? Còn đắc đại phước không?

Đáp: Lúc đức Phật còn tại thế hoặc sau khi nhập Diệt, biết cúng dường sẽ đắc phước như nhau.”

Đánh **trống** hòa tấu âm **nhạc ca** hát **tán thán**, **hữu nhiều** đi quanh về phía tay mặt, theo chiều kim đồng hồ **tượng Phật**.

Lại nên ý niệm luôn luôn nhớ **bốn nguyện công đức của Ngài**, bằng cách nhớ niệm hồng danh của Như Lai, **đọc** nhìn sách **tụng** từ trí nhớ **kinh này**, **tư duy** suy nghĩ, tư lự, nghiền ngẫm và nhất là phải tọa thiền **ý nghĩa và diễn** đọc lời Kinh cho người nghe **thuyết** giảng ý nghĩa của Kinh **khai thị** giúp người nghe hiểu cách áp dụng vào cuộc đời của họ.

Kinh Bát nhã nói: “Thiện nam tử, thiện nữ nhân! Nếu cúng sinh mạng nhiều lần như cát sông Hằng, và có người thọ nhận một tứ cú hoặc tương tự và đem giảng cho kẻ khác; phước người giảng nhiều hơn phước người cúng dường nhiều”.

Nếu như theo lời Kinh mà hành thì sẽ đắc tứ cầu. **Thì tùy sở** chỉ những gì mình (bản ngã gọi là “năng”; nhớ cặp “năng sở” này: năng là bản ngã của mình, sở là đối tượng của sự mong muốn) muốn **lạc** (rất) thích và mong **cầu** (thiếu thì rất khổ sở), **tất cả đều được toại ý** như ý:

Có bốn loại mong cầu sẽ được toại nguyện:

1. **cầu trường thọ được trường thọ 長壽**, muốn sống lâu thì sống đến tuổi rất già. Sự: thọ mạng; Lý: tùy tam thân (Pháp thân: vô thi vô chung vô tận cùng, Báo thân: hữu thi vô chung, Ứng thân: hữu thi hữu chung). Từ trồng những nhân như bát quan trai giới, cúng âm thực, thuyết giảng kinh, v.v...
2. **cầu phú nhiều được phú nhiều 富饒**, “phú” là giàu có, “nhiều” là đầy đủ. Nên nhớ là giàu có cũng chưa chắc là thấy đầy đủ nên vẫn không biết sướng! Sự: giàu có, sang trọng, đa bảo, kho tràn đầy; Lý: đầy đủ các Pháp, vạn đức toàn. Do đã trồng nhân như cúng hương, hoa, tràng phan, niệm Phật, tụng Kinh v.v...
3. **cầu quan vị được quan vị 官位**, có chức cao, địa vị trong xã hội: vừa được nhiều lợi tức (tiền lương) vừa được xã hội tôn trọng. Sự: chức vị cao, lương

nhiều; Lý: vô thượng quả vị, trí huệ tột cao. Nhờ đã vẽ đức hình tượng, tư duy giáo lý v.v...

4. **cầu sanh con trai con gái thì được con trai con gái 男女**. Con trai thì nối giòng; con gái lúc nhỏ giúp cha mẹ, lúc lớn thì lấy chồng để giúp tạo liên hệ với gia đình (môn đăng hộ đối) khác. Sự: đoan trang, người thấy người thích; Lý: trai thì có huệ, chân thành – gái thì từ bi. Nhờ những chủng tử như cúng dường, đọc tụng, v.v...

Tứ cầu đại diện cho đủ loại mong cầu: thông minh, biện tài, trí huệ, vợ chồng, nhà cửa, y phục, ẩm thực, quả vị La Hán, Bích Chi Phật, thiên định, Niết Bàn v.v... Kinh này giống như viên ngọc như ý.

Lời Kinh:

Lại nếu có người bỗng có ác mộng, thấy chư ác tướng, như quái chim tụ tập, hoặc chỗ ở xuất hiện trăm quái, mà dùng chúng diệu tu cụ, cúng dường đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thì những ác mộng ác tướng và chư bất cát tường, đều ẩn biến hết, không còn có thể tạo nạn.

Lời giảng:

Trước hết, tả ác hiện tướng.

Lại nếu có người bỗng có ác mộng như thấy chết chóc, tai họa, người đến đòi mạng, **thấy chư ác tướng** tai nạn xe cộ, phong tai, thủy tai, hỏa tai **như quái chim tụ tập** như chim

cú hoặc quạ đen tụ tập. Lúc trước học trò tôi theo khí công ngoại đạo chữa bệnh. Nó sống cạnh nhà lán giềng thường bị quạ đen đến tụ tập. Sau khi nó dọn đi, từ từ bọn quạ cũng bỏ đi, **hoặc chỗ ở xuất hiện trăm quái** như ma quỷ hiện ra, không bà phù thủy ngồi trên mà chôi tự bay,

mà dùng chúng đủ loại **diệu** thượng phẩm mà có thể mua được **tư cụ** đồ cần dùng: như đèn đuốc, hương nhan, v.v...,

cúng dường đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai biết thành tâm tạo phước với pháp Dược Sư, **thì những ác mộng ác tướng** mộng xấu và điềm xấu và **chư bất cát tường** những điều không may mắn, **đều ẩn** trốn mất, không dám lộ diện hoặc sẽ **biến** bị tiêu tan cả **hết, không còn có thể tạo nạn** sẽ không còn bị khó dễ nữa.

Những ác mộng, ác tướng, quái tượng xảy ra vì:

1. Nghiệp báo
2. Tứ đại mất thăng bằng, không điều hòa
3. Bị quỷ thần ám

Tất cả đều do tâm tạo. Nếu coi tất cả sự kiện trên là không ác thì không có sao. Ngược lại, nếu tâm bị chấp trước thì sẽ bị họa nạn. Trường hợp đó có thể hướng Dược Sư Phật cầu cứu.

Lời Kinh:

Gặp hoặc nạn như nước, lửa, đao, độc và treo hiểm; hoặc sợ hãi như: ác voi, sư tử, cọp, sói, gấu, rắn độc, bò cạp, rít, sâu, sên, lằn muỗi đặng, mà biết chí tâm, ý niệm

Ngài, và cung kính cúng dường, thì được thoát khỏi những sợ hãi ấy; hoặc nếu bị nước khác xâm nhiễu, trộm cướp phản loạn mà ý niệm và cung kính đức Phật Dược sư thì cũng được thoát khỏi.

Lời giảng:

Gặp

Kinh tiếp tục nêu ra thêm các họa nạn rất thường gặp:

hoặc bị nguy **nạn như nước** bị lụt, đắm tàu v.v..., **lửa** nhà cháy, cháy rừng v.v..., **đao** bị đâm chém, từng xẻo, chiến tranh v.v..., **độc** đầu độc, rắn cắn **và treo** như bị xiềng xích treo lên ở nhà ngục, bị ác nhân rượt, rơi xuống núi Kim Cang v.v... **hiếm** như bị cướp bao vây, lọt hố lửa, ở chỗ hiếm nghèo v.v...;

hoặc phải đương đầu với các thứ kinh **sợ hãi** hùng **như: ác voi** voi nổi điên, **sur tử** đang đói, **cạp** bốn chân hoặc hai chân, chó **sói**: thích lên vào các nông trại giết gà dê, tham lam và thích chà đạp và nói đồn, **gấu** như ở các tiểu bang Arizona, họ thích xây nhà gần các National Park nên thường có gấu đến viếng nhà, lục thùng rác kiếm đồ ăn, giết và uống máu, **rắn độc** bị cắn e sẽ mất mạng, **bò cạp** rất nhiều ở các vùng sa mạc, đuôi rất độc và bị chích thì đau kinh khủng, **rít** độc: hồi tôi ở Đài Bắc, trong chùa Đạo giáo trên núi, có một con rít độc núp trong áo dài, khi mở áo mặc nó rớt xuống chân và cắn lên chân bị sưng vù vài bữa: hình như mấy vị Đạo giáo ở đó không muốn tôi ở lại chùa họ lâu, **sâu bọ**, **sên** sâu và sên có thể tạo đại tai hại cho mùa màng như ở các chỗ trồng trọt như vùng trồng nho, lúa,

thằng **lăn**: sư huynh tôi lúc trước qua Thái Lan xuất gia. Ông ta nói là vì ở trong rừng nên mỗi người đều đeo một chai thuốc trị độc nơi cổ! Một lần đang đi phòng tắm: phòng tắm outhouse chứ không phải như tiện nghi ở Mỹ, từ trên trần rớt một con thằng lăn to như con mèo, sợ hết vía mà quên phứt phải chạy ra ngoài **muỗi đặng** có thể truyền dịch,

Những nhân gì trong quá khứ tạo nên những tai họa đáng sợ hiện nay?

1. Nước: tham
2. Lửa: sân hận
3. Đao: ác kiến
4. Độc: si
5. Treo: ngạo
6. Hiểm: nghi
7. Ác tượng: tự cao
8. Sư tử: cuồng
9. Cọp: hại
10. Sói: keo
11. Gấu: che
12. Bò cạp: phiền toái
13. Rít: điên
14. Sâu sên: nịnh
15. Lăn, muỗi: ganh ty

mà biết chí tâm, ý niệm Ngài, và cung kính cúng dường, thì được thoát khỏi những sự sợ hãi ấy;

Nếu biết chí tâm, cực kỳ thành tâm, ý niệm và cung kính cúng dường Dược Sư Phật thì nội độc (ác thú) và ngoại độc (ác nhân) không thể hại và sẽ đắc giải thoát.

hoặc nếu bị nước khác xâm lăng, qua chiếm đất và dân hoặc dùng chiến tranh văn hóa: bị đồng hóa nhiều làm rối loạn (tạm thời rồi rút quân về), hoặc bị nạn trộm cướp trong nước lại bị phản chống đối, cách mạng hoặc làm loạn mà ý niệm và cung kính đức Phật Dược sư thì cũng được thoát khỏi. Các tai họa đều chuyển thành cát tường.

Lời Kinh:

Lại nữa Mạn Thù Thất Lợi, nếu có tịnh tín thiện nam tử thiện nữ nhân đẳng, cho đến ngày chết, không thờ Trời khác, chỉ nhất tâm quy y Phật Pháp Tăng, thọ trì giới cấm, hoặc ngũ giới, thập giới, Bồ tát 400 giới, Tỳ kheo 250 giới, Tỳ kheo ni 500 giới; nếu có hủy phạm những giới đã thọ, sợ đọa ác thú; nếu có thể chuyên tâm niệm danh hiệu Ngài, và cung kính cúng dường thì quyết định không thọ sanh trong ba ác thú.

Lời giảng:

Dược Sư Phật pháp cũng có thể giúp hồi phục giới thể.

Lại nữa Mạn Thù Thất Lợi, nếu có tịnh tín thiện nam tử thiện nữ nhân đẳng, cho đến ngày chết, không thờ Trời khác không thờ quỷ thần thiên của các loại tín ngưỡng khác, chỉ nhất tâm quy y Phật Pháp Tăng, những người này hiểu rằng quỷ thần và tiên không thể giúp họ liễu sinh tử và giác ngộ.

Trời có ba loại:

1. Ngoại đạo: có thể sinh lên cõi Vô Tướng thiên
2. Thiên ma: tầng trời thứ sáu của Dục giới
3. Phạm phu thiên: trong các cõi trời còn lại của Tam giới.

Bàn về công đức của qui y Tam Bảo, kinh nói: nếu tam thiên đại thiên thế giới đầy cả Như Lai đông như gạo, hạt mè, trúc hoặc cây sậy, và họ được cúng dường tứ thú trong hai vạn năm. Sau khi mỗi đấng Như Lai nhập Diệt, xây bảo tháp và cúng dường với hương hoa và đủ thứ. Công đức tổng cộng lại không phải là ít, nhưng vẫn còn thua công đức biết chí tâm qui y Tam Bảo.

thọ trì giới cấm gọi là giới cấm ngăn lỗi lầm, chặn tà ngăn ác, **hoặc ngũ giới** của tại gia, **thập giới** của Sa Di và Sa Di Ni, **Bồ Tát 400 giới** bây giờ thì 10 trọng 48 khinh Bồ Tát giới thịnh hành hơn, **Tỳ kheo 250 giới**, **Tỳ kheo ni 500 giới** mỗi Pháp có đặc điểm riêng biệt để đối trị tật chứng khác nhau. Ở đây Kinh nêu ra 500 giới cho các ni, thời nay họ chỉ còn tu 348 giới.

nếu có hủy phạm vì cố ý hoặc không cố ý **những giới đã thọ, sự đọa ác thú** phạm giới thì có hậu quả là trở thành nhân bị đọa đường dữ, không nên coi thường;

Giới là căn bản của việc tu hành. Nếu không thọ giới và phạm giới thì sống thiếu đạo đức. Nếu thọ giới rồi phạm thì còn tệ hơn nữa vì phạm tội/giới lại thêm phạm tội “rõ ràng biết mà cố phạm”: chắc chắn sẽ đọa địa ngục!

nếu có thể chuyên tâm niệm danh hiệu Ngài, và cung kính cúng dường thì quyết định không thọ sanh trong ba ác thú.

Phần này chứng minh sự quan trọng của Pháp Dược Sư Phật. Những ai tu hành đều cần tu pháp này để tránh bị đọa.

Chúng ta nên phát tâm tìm cách phổ biến Kinh, khuyên tu Pháp Dược Sư này để giúp các chúng sinh thoát khổ và đặc lạc.

Lúc tôi vào học tại đạo tràng của Hòa Thượng Tuyên Hóa, mỗi ngày lúc tụng công phu khuya chúng tôi tán thán Dược Sư Phật và niệm hồng danh của Ngài. Sau đi lưu lạc các đạo tràng khác làm công phu khuya có nơi tụng có nơi không tụng Dược Sư Phật. Không tụng thấy thiếu thiếu và lòng hơi bấn khoăn. Khi nghiên cứu Kinh điển mới hiểu tầm quan trọng của Pháp Dược Sư, nên cũng noi theo gương của Ngài Tuyên Hóa mà hành Pháp Dược Sư. Mỗi đạo tràng của tôi sẽ làm như vậy.

Tôi quyết phổ biến Pháp Dược Sư khắp nơi cho đến hơi thở cuối cùng.

Lời Kinh:

Hoặc có người phụ nữ, đương lúc sanh sản, phải chịu cực khổ, mà biết chí tâm, xưng danh lễ tán, cung kính cúng dường Dược Sư Như Lai, thì chúng khổ tiêu trừ. Sanh con ra cũng được vuông tròn, hình sắc đoan trang,

người thấy hoan hỷ, lợi căn thông minh, an ổn ít bệnh và không bị phi nhân cướp đoạt tinh khí.

Lời giảng:

Có thể tiêu trừ sự sinh đẻ khó khăn.

Hoặc có người phụ nữ, đương lúc sanh sản, phải chịu cực khổ. Sinh đẻ là một biến cố lớn của người đàn bà, không khỏi bị nhiều đau đớn, nhất là trong lúc sinh đẻ. Nếu việc sinh đẻ được thông suốt thì có rất nhiều lợi trường cửu.

Sinh sản khó khăn **mà biết chí tâm** cực kỳ thành tâm, **xung danh** niệm hồng danh Dược Sư Phật **lễ lạy tán** thán như theo bài kệ của cuốn Kinh nhật tụng của bốn tự, **cung kính cúng dường Dược Sư Như Lai, thì chúng khổ** những loại khổ liên quan đến sự sanh đẻ sẽ được **tiêu trừ**.

Người mẹ nên thành tâm niệm Dược Sư Phật, gia đình quyền thuộc có thể vẽ đức tượng, ủng hộ tổ chức Pháp hội Dược Sư, in Kinh Dược Sư Phật, tụng Kinh v.v... Tất cả có sáu Pháp:

1. Cực tâm 至心
2. Xung danh 稱名
3. Lễ tượng 禮像
4. Tán đức 讚德
5. Tịnh nguyện 淨願
6. Cúng thân 供身

Nhờ bốn nguyện lực của Ngài, sẽ tai qua nạn khỏi và **Sanh con ra cũng được vuông tròn** không bị sứt mẻ gì cả, **hình tướng sắc diện đoan chính**, không có cong co **trang nghiêm**, đẹp đẽ một cách thanh tao, quý phái, **người thấy hoan hỉ** người thích ngắm và lòng sinh hoan hỉ, **lợi căn** có thượng căn, sắc sảo **thông minh**, **an ổn** tâm bình an, ít bị dao – động **ít bệnh** không có bị bệnh hoạn gì nặng và **không bị phi nhân** quỷ thần **cướp đoạt tinh khí** như người đàn ông có thể bị quỷ đến cướp đoạt tinh khí nên bị chết dần chết mòn.

Lời Kinh:

Lúc ấy Thế Tôn bảo A Nan rằng: “ Theo như ta đã xưng dương những công đức của Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, đó là hạnh xứ thậm thâm của chư Phật, khó hiểu thấu được, vậy người có tin chăng?”

Lời giảng:

Phản tiếp giải quyết sự thiếu lòng tin và nghi kỵ.

Phật tử nên có lòng tin chân thật và biết lập thành nguyện thì có cảm ứng.

Lúc ấy Thế Tôn bảo A Nan rằng: “ Theo như ta đã xưng khen ngợi dương đề cao, phô bày những công đức của Thế Tôn lập lại chữ Thế Tôn ở đây để nhấn mạnh hai vị Phật này cùng ngang địa vị và biết rất rõ về nhau Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, chỉ có Phật mới nói rõ hết công đức của đồng nghiệp.

đó là hạnh xứ việc làm **thậm** rất **thâm** sâu của **chư Phật**, **khó hiểu thấu được** không cách nào người phàm phu có thể hiểu rõ được, **vậy người có tin chẳng** nhưng đối với người, có tin được không?”

Dược Sư Phật có mười loại công đức:

1. Hồng danh
2. Bồn nguyện
3. Hạnh
4. Thần chú
5. Hình tượng
6. Pháp ác
7. Thành tựu thiện
8. Trừ khổ
9. Ban lạc
10. Tịnh độ

Ngài có mười thậm thâm hạnh:

1. Lý: áp dụng cho cả Pháp giới
2. Nguyện: tận cùng không gian và thời gian
3. Huệ: thông đạt hết tất cả Pháp nguồn và Đệ Nhất nghĩa
4. Đoạn: diệt trừ lục thô tam tế (coi Kinh Thủ Lăng Nghiêm), không bát thức (chuyển thức thành huệ, coi Kinh Lục Tổ) và hai chấp trước (hữu và không).
5. Hạnh: thập hạnh vô tận (theo Phổ Hiền Bồ Tát)
6. Vị: cao hơn cửu giới
7. Nhân: cho Bồ đề
8. Quả: thành Phật
9. Đại bi: tiêu nghiệp báo, cứu khổ và hoạnh tử

10. Giáo: Pháp Dược Sư có đầy đủ tám vạn bốn ngàn pháp môn.

Tại sao lúc này lại nêu ra Ngài A Nan? A Nan là đệ nhất đa văn, trong tương lai sẽ giúp ghi chép lại những Kinh của đức Phật đã giảng. A Nan là tiếng Phạn, có thể dịch là Khánh Hi 慶喜: việc mừng và hoan hỉ. Ngài sinh ra đúng 20 năm sau khi đức Phật xuất gia và thành Đạo, nên lúc đó vua cha, thiên và long đều mừng và hoan hỉ.

Phật pháp trước hết phải cần văn 聞 nghe và phát lòng tin, sau mới có thể đắc được lợi ích chân thật.

Chư Phật có thậm thâm hạnh xứ: nghĩa là

1. Trí huệ các Ngài bất khả tư nghì,
2. Thật tướng: chỉ có kẻ giác ngộ rồi mới thông đạt được
3. Công đức chư Phật: vô lượng vô biên.

Lời Kinh:

A Nan bạch Phật:” Đại đức Thế Tôn, đối với khế kinh của Như Lai thuyết, con không sanh tâm nghi hoặc. Tại sao? Vì nhất thiết Như Lai thân khẩu ý nghiệp đều thanh tịnh. Bạch đức Thế Tôn, mặt trời mặt trăng có thể làm rơi xuống, Diệu cao vương sơn có thể bị nghiêng động, nhưng lời nói của chư Phật không bao giờ đổi được.

Lời giảng:

Quả quyết không nên nghi Kinh Phật.

A Nan bạch Phật:” Đại đức người chỉ chuyên môn giúp đời, có đầy đủ cả 10,000 đức **Thế Tôn** nên cả thế gian đều tôn kính, **đối với khế kinh**, khế là hợp: trên với Chân lý, dưới hợp với căn cơ của chúng sinh (diệu dụng) **của Như Lai thuyết, con không sanh** vọng tưởng không nảy nở ra được **tâm nghi** không tin **hoặc** có ý nghĩa mê muội: lời Phật dạy làm sáng tỏ tâm tư chứ không làm chúng ta hồ đồ, tối trí. **Tại sao? Vì nhất thiết Như Lai thân khẩu ý nghiệp đều thanh tịnh** hoàn toàn không có một vết dơ, không có gì sai quấy cả. **Bạch đức Thế Tôn, mặt trời mặt trăng có thể làm rơi xuống** chuyện này khó mà làm, nhưng còn có thể làm được, **Diệu cao vương sơn có thể bị nghiêng động** hoặc có thể làm nghiêng núi Tu Di, vua của các núi, **nhưng lời nói của chư Phật không bao giờ đổi được.** Người tu hành phải bắt đầu với lòng tin thâm sâu về lời dạy của chư Phật.

Lời Kinh:

Bạch Đức Thế Tôn, có những chúng sanh tin căn không đủ, nghe nói những thậm thâm hạnh xứ của chư Phật thì nghĩ rằng: "Làm sao chỉ niệm danh hiệu của một đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, mà được nhiều công đức thắng lợi ngàn ấy"? Vì sự không tin đó, trở sanh hủy báng, nên mất đại lợi ích, mãi ở đêm dài tăm tối, đọa chư ác thú và lưu chuyển không cùng".

Lời giảng:

Thiếu lòng tin có thể tạo ra đại thất thiệt và lỗi lầm.

Bạch Đức Thế Tôn, có những chúng sanh tín căn không đủ,

Khó mà nghi ngờ rằng chỉ niệm Phật thôi có thể tiêu trừ chướng ngại. Hành thiện có thể diệt tan trăm ác, như một miếng Kim Cang cũng có thể phá tan núi lớn.

Có ba loại bệnh rất khó chữa trị:

1. Phi báng Đại Thừa
2. Ngũ nghịch
3. Nhất xiển đề

nghe nói những thậm thâm hạnh xứ của chư Phật thì nghĩ rằng: "Làm sao chỉ niệm danh hiệu của một đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, mà được nhiều công đức thắng lợi ngàn ấy"? Vì sự không tin đó, trở sanh hủy báng,

Có ba loại ác nhân:

1. Nhất xiển đề 一闍提 *icchantika*: kẻ không tin Phật Pháp (nên không thể cứu được)
2. Phi báng Kinh điển
3. Tứ trọng tội (luật Tỳ Kheo)

nên mất đại lợi ích ,

Lệch một tí thôi nên lỡ chuyến tàu, mất cơ hội được đại lợi

mãi ở đêm dài tăm tối

không thấy được ánh sáng, tượng trưng cho luân chuyển trong vòng luân hồi không ngừng, **đọa chư ác thú và lưu**

chuyên không cùng luân chuyển không ngừng trong tam ác thú mà không có hy vọng thoát khỏi được".

Lời Kinh:

Phật bảo A Nan:" Những chúng hữu tình ấy, nếu nghe danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, chí tâm thọ trì, không sanh nghi hoặc, mà đọa vào ác thú thì không thể được.

Lời giảng:

Giảng cho biết, nếu có lòng tin thì: 1) sẽ không bị đọa 2) sinh lòng tin rất khó 3) ai có thể tin? 4) nghe hồng danh rất khó 5) nói vô tận.

Phật bảo A Nan:" Những chúng hữu tình ấy, nếu nghe danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, chí tâm thọ trì, không sanh nghi hoặc, mà đọa vào ác thú thì không thể được.

Nghe mà phát lòng tin, không có lòng nghi thì không thể nào đọa tam ác thú.

Có ba loại nghi:

1. Ngã: không thể hiểu lý
2. Thầy: không thể dạy
3. Pháp: không thể đem lại giải thoát.

Rất khó sinh tín tâm: Khởi Tín Luận nói phải tu một vạn kiếp mới có thể thành thực lòng tin.

Lời Kinh:

A Nan, đó là thậm thâm hạnh của chư Phật, khó có thể tin hiểu. Nay người thọ được, phải biết đó là nhờ oai lực của Như Lai vậy.

Này A Nan, ngoại trừ những bậc "nhất sanh sở hệ Bồ Tát", tất cả các hàng Thanh Văn Độc Giác và bậc chưa đăng địa Bồ Tát đẳng, đều không thể tin hiểu đúng như sự thật.

Lời giảng:

Ai có thể phát tín tâm?

A Nan, đó là thậm thâm hạnh của chư Phật, khó có thể tin hiểu. Nay người thọ được ngày hôm nay nhà người tin được, phải biết đó là nhờ oai lực của Như Lai vậy là do nhờ được trợ lực.

Này A Nan, Ngay cả những vị có trình độ cao hơn nhà người xa như

ngoại trừ những bậc "nhất sanh sở hệ Bồ Tát", tất cả các hàng Thanh Văn Độc Giác và bậc chưa đăng địa Bồ Tát đẳng, đều không thể tin hiểu đúng như sự thật.

Phần lớn, chúng sinh thiếu tín lực:

1. Nhị Thừa: "Thanh Văn Độc Giác": gọi là ngoại phàm vị 外凡位.

2. Tam Hiền 內凡位: nội phàm vị .
3. Chưa đăng Địa Bồ Tát: chưa phá tan vô minh.

“Nhất sanh sở hệ Bồ Tát”: trong một đời sẽ đắc Phật quả:

- Đăng Địa Bồ Tát đã giác ngộ rồi mà vẫn khó phát tín tâm?
- Về phương diện ứng thân, Sơ Địa Bồ Tát không thể nhận ra Nhị Địa Bồ Tát và cao hơn. Họ không thấy được cảnh giới của chư Phật. Đăng Giác Bồ Tát có thể biết được thậm thâm hạnh xứ của chư Phật vì trí huệ của họ rất gần trí huệ của chư Phật.
- Về phương diện Báo thân: gồm các Bồ Tát từ Sơ Địa cho đến Đăng Giác vì các Ngài đã phá vô minh, hiện Pháp thân và nhập nhà Như Lai. Huệ mạng của các Ngài sẽ tiếp tục. Mặc dầu báo thân vẫn còn sinh tử trong cõi Tịnh độ, đoạn phân sinh tử đã liễu.

Lời Kinh:

A Nan, thân người khó đặng, nhưng tin kính tôn trọng Tam Bảo còn khó hơn, hưởng chi nghe được danh hiệu của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai lại còn khó hơn nữa.

Này A Nan, đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai tu vô lượng hạnh Bồ Tát, dùng vô lượng thiện xảo phương tiện, phát vô lượng quảng đại nguyện, nếu ta nói ra trong một kiếp hay hơn một kiếp thì kiếp số có thể mau hết, chớ những hạnh nguyện và những thiện xảo phương tiện của Ngài không thể nào tường tận nói hết được.

Lời giảng:

Nghe được hồng danh không phải là dễ.

A Nan, thân người khó đặng, nhưng tin kính tôn trọng Tam Bảo còn khó hơn, huống chi nghe được danh hiệu của đức Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai lại còn khó hơn nữa.

Có ba trình độ khó chồng chất lên nhau:

1. Thân người khó được.
2. Gặp được Tam Bảo: làm người mà gặp được Phật Pháp còn khó hơn nữa
3. Gặp Pháp Được Sư: còn khó hơn nữa. Nhất là trong thời đại Mạt pháp này, rõ ràng là Pháp Được Sư đang từ từ biến mất.

Kinh 42 Chương nêu ra danh sách của các loại khó khăn: chồng chất lên nhau.

Được Sư Phật có vô lượng vô biên phương tiện và nguyện: nói không cùng tận.

Này A Nan, đức Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai tu vô lượng hạnh Bồ Tát, dùng vô lượng thiện xảo

善巧: dùng đủ:

- Trí thức, tài nghệ, kinh nghiệm v.v...
- Vô số pháp môn
- Khéo bậc nhất

phương tiện nói về sự khéo léo trong cái dụng, **phát vô lượng quảng đại rộng lớn nguyện**, nếu ta nói ra trong một kiếp hay hơn một kiếp thì kiếp số có thể mau hết, **chớ những hạnh nguyện và những thiện xảo phương tiện của Ngài không thể nào tường tận nói hết được.**

Thật sự là Ngài Dược Sư đã tu vô lượng vô biên hạnh nguyện để có thể thành thực vô lượng vô biên chúng sinh, nên không đủ thì giờ liệt kê ra tất cả.

Lời Kinh:

Lúc ấy, trong chúng hội có vị Bồ Tát Ma Ha Tát tên là Cứu Thoát, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vén y bày vai bên hữu, gối mặt qui đất, cúi mình chấp tay bạch Phật rằng: "Bạch Đại đức Thế Tôn, đến thời kỳ tượng pháp, có những chúng sanh bị nhiều hoạn nạn khôn ách, trường bệnh gầy cằn, ăn uống không được, môi cổ khô ran,

Lời giảng:

Lúc ấy, trong chúng hội có vị Bồ Tát Ma Ha Tát tên là Cứu Thoát,

“Ma Ha Tát”: là các vị Đại Bồ Tát, thường đang tu A tăng kỳ kiếp thứ ba

“Cứu Thoát 救脫 Bồ Tát”:

- Cứu giúp chúng sinh thoát khổ ách (khó khăn) và liễu sinh tử
- Y đức lập danh: đặt tên dựa theo đức: huệ, hạnh đầu đà, nguyện, đại bi v.v...

liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vén y bày vai bên hữu, gối mặt quì đất, cúi mình chấp tay bạch Phật rằng:

Thỉnh Pháp có nghi thức để giúp tam nghiệp thanh tịnh: thân, khẩu và ý.

"Bạch Đại đức Thế Tôn, đến thời kỳ tượng pháp lúc này chúng sinh thích tu phước nên thích xây chùa đúc tượng, có những chúng sanh bị nhiều hoạn nạn tai họa khốn ách gian nan khốn khổ, trường bệnh bịnh kinh niên như nằm liệt giường gầy ốm, suy nhược cần cỏi, khô héo, ăn uống không được, môi cổ khô ran, uống nước cũng không được.

Lời Kinh:

mắt thấy đen tối, tướng chết hiện tiền, cha mẹ thân thuộc, bè bạn quen biết vây quanh khóc lóc. Thân người bịnh vẫn còn nằm đó mà đã thấy sứ giả đến dẫn thần thức đem lại trước mặt vua Diêm Ma pháp vương, rồi lúc ấy vị thần Cu sanh đem sổ ghi tội phước của người đó dựng lên vua Diêm Ma.

Lúc ấy vua truy hỏi, rồi kê tính những tội phước của người kia đã làm mà phán xử.

Lời giảng:

mắt thấy đen tối,
nhìn quanh tứ phương đều đen ngòm, trần mắt ra hoài mà không thấy gì cả

tướng chết hiện tiền,

có ba tướng:

1. Mắt hơi âm
2. Ngừng thở
3. (Đệ bát) Thức rời thân.

Lúc chết có mười cảnh giới:

1. Loạn: các căn đảo lộn, chấp cảnh (đang gặp Diêm vương)
2. Ngạo mạn đối với lương y
3. Giận thân thuộc bạn bè
4. Biết sắp chết
5. Mắt trái trắng
6. Sắc biến
7. Lưỡi đen: chất muối (potassium và sodium) đã cạn.
8. Mũi: sống mũi thơm
9. Tai: bén nhậy như lúc trước
10. Tai, môi: xụi xuống.

cha mẹ thân thuộc, bè bạn quen biết vây quanh khóc lóc.

Họ buồn chỉ làm người đang chết càng phiền não hơn!

Thân người bệnh vẫn còn nằm đó mà đã thấy sứ giả đây là nhân viên của Diêm vương, thường có hai vị đến kẹp hai bên người tội **đến dẫn thần thức** trung ấm thân **đem lại trước mặt vua Diêm Ma pháp vương,**

“Pháp Vương” có ba loại:

1. Chuyên Luân Vương: dạy và hành thập thiện, trị quốc với Chánh Pháp

2. Diêm Vương: mặt thiết, làm chủ địa ngục, quyết định thọ mạng dài ngắn
3. Phật.

“Diêm Vương”: kiếp trước là một vị vua. Ông đánh trận với một vị vua khác và bị đã bại. Nên phát nguyện xuống làm chủ địa ngục để trừng trị tội nhân. 18 vị Đại thần của ông cũng nguyện đi theo phò và trở thành lãnh đạo của 18 đại địa ngục, các dân khác cũng nguyện theo vua nên trở thành binh lính giữ ngục. Thật ra, Diêm vương gồm hai anh em: một trai một gái, mỗi người làm chủ của giồng phái của mình.

rồi lúc ấy vị thần Cu sanh đem sổ ghi tội phước của người đó dựng lên vua Diêm Ma.

Mỗi chúng sinh có thần kèm theo thân với nhiệm vụ là ghi chép vô số tất cả những nghiệp được tạo, tốt hoặc xấu.

Khi chúng ta tạo nghiệp, có bốn kẻ biết:

1. Thiên thần
2. Địa thần
3. Bàn nhân: người thấy
4. Bản thân: óc tự biết

Lúc ấy vua truy hỏi,

Diêm vương coi sổ, “truy”: chọn những sự kiện mà hỏi tội nhân.

Khi làm thiện hoặc ác, có kẻ biết:

1. Thiên thần
2. Địa thần

3. Nhân chứng
4. Bản thân

Hỏi xong rồi kê liệt ra, bên xấu, bên tốt **tính** toán, tổng cộng **những tội** xấu, ác nghiệp **phước** tốt, thiện nghiệp **của người kia đã làm mà phán xú**.

“phán xú” nghĩa là quyết định gởi tội nhân đi đâu thai “xú” hoặc cõi nào.

Lời Kinh:

Lúc đó, những thân thuộc quen biết, nếu biết vì người bệnh ấy, qui y với Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thỉnh chư chúng tăng, chuyển đọc kinh này, đốt đèn bảy tầng, treo ngũ sắc tục mạng thần phan, thì thức người ấy có thể trở lại. Như trong giấc mơ, thấy rất rõ ràng.

Lời giảng:

Làm sao tạo phước giúp người chết.

Lúc đó, những thân thuộc quen biết, nếu biết vì người bệnh ấy biết thay thế bệnh nhân, qui y với Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thỉnh chư chúng tăng thỉnh các Pháp sư, chuyển thay phiên, càng nhiều lần càng tốt đọc kinh này,

Trung âm thân là cảnh giới của lúc đang đổi thân: giữa lúc đang bị phán xét nên bị gởi đi vào cõi nào. Đức Phật rất từ bi, Ngài giảng cho chúng ta biết không tin vào Thường và

Diệt, hoặc Không và Hữu. Đó là những tư tưởng sai lầm không có lợi. Hơn nữa, muốn cứu giúp người quá cố thì có thể thay thế họ mà tạo công đức như qui y, đọc tụng Kinh, thất tầng đèn, ngũ sắc tràng v.v...

đốt đèn bảy tầng (có bảy đèn trên mỗi tầng, có tất cả 49 đèn), **treo ngũ sắc** (1. Xích: đỏ 2. Bạch: trắng 3. Hắc: đen 4. Thanh: xanh 5. Hoàng: vàng; tượng trưng cho ngũ uẩn) **tục nghĩa** là bổ sung, thêm vào **mạng thần phan** cờ, **thì thức người ấy có thể trở lại** có thể hồi sinh. **Như trong giấc mơ, thấy rất rõ ràng**. Có thể trở lại sau một, ba, năm, bảy tuần: nên đợi và không nên chôn quá sớm!

Đèn bảy tầng tượng trưng cho thất Bồ-đề phần:

1. 擇法 trạch pháp: chọn đúng Pháp tu
2. 精進 tinh tấn: nỗ lực tu hành theo Pháp
3. 喜 hỷ: tu lâu sẽ có cảm ứng: đắc hỷ lạc
4. 除 trừ: thô hoặc
5. 捨 xả: tế hoặc
6. 定 định: chỉ có Phật Pháp mới giúp đoạn hoặc nhờ định.
7. 念 niệm (thăng bằng giữa định và huệ)

Lời Kinh:

hoặc trải qua bảy ngày, hai mươi một ngày, ba mươi lăm ngày, bốn mươi chín ngày, thần thức người kia được trở lại, như vừa tỉnh giấc mộng, tự mình nhớ biết,

nghiệp thiện bất thiện và sở đắc quả báo. Do tự chứng kiến nghiệp quả báo, nên dầu gặp mệnh nạn, cũng không tạo tác chur nghiệp ác. Vậy nên tịnh tín thiện nam thiện tín nữ đấng, đều nên thọ trì danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai và tùy khả năng, cung kính cúng dường".

Lời giảng:

hoặc trải qua bảy ngày, hai mươi mốt ngày, ba mươi lăm ngày, bốn mươi chín ngày, thần thức người kia được trở lại,

Nhờ gia đình quyền thuộc thay thế mà tạo công đức cho người bệnh, nên họ có thể trở lại từ cõi âm của Diêm Vương. Có thể trở về sau một, ba, năm, thất tuần, không có nhất định.

tự mình nhớ biết, nghiệp thiện và bất thiện và sở đắc quả báo của các nghiệp đó.

Lúc trở về, người đó tự nhiên còn nhớ nghiệp và quả báo của nghiệp một cách rõ ràng

Do tự chứng kiến nghiệp và quả báo của nghiệp, nên dầu gặp mệnh nạn dù có bị nguy hiểm tính mạng, cũng không tạo ý nghiệp tác thân và khẩu nghiệp chur nghiệp ác cũng biết tự chủ và không chịu tạo ác nghiệp nữa. Đó gọi là thật sự có trí huệ! Vì biết rằng nếu tạo nghiệp thì trong tương lai sẽ phải trả lại quả khổ.

Kết luận bằng cách khuyên nên thọ trì hồng danh và cung kính cúng dường Dược Sư Phật.

Vì vậy nên tịnh tín thiện nam thiện tín nữ đấng quý vị mà thiết sự tin lời tôi, đều nên thọ trì danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai và tùy khả năng tùy sức mình, cung kính cúng dường".

Có một bà ăn mày cực cùng nghèo. Bà ta phát tâm cúng dường Tam Bảo, bỏ hai đồng xu ra mua dầu đèn. Đèn trước Phật đốt dầu và nguyện sẽ thành Phật quả. Đèn dầu bỗng nhiên phát ánh sáng khắp nơi. Tối lại, Ngài Mục Kiền Liên, vị đệ nhất thần thông trong hàng đệ tử của đức Phật đi tắt đèn dầu (để tiết kiệm dầu, sáng sau sẽ đốt lại), đập không tắt đèn dầu của bà già ăn mày. Mục Kiền Liên có dùng hết sức thần thông cũng không đập tắt được ngọn đèn đó, nên đến trình hỏi đức Phật. Như Lai nói: vị ăn mày đó trong tương lai sẽ thành Phật với danh hiệu là Tu Di Đẳng Quang Như Lai 須彌登光如來.

Lời Kinh:

Lúc ấy, A Nan hỏi Cứu Thoát Bồ Tát rằng: "Thiện nam tử, nên cung kính cúng dường đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai như thế nào? Đèn và tục mạng phan phải làm cách nào?"

Cứu Thoát Bồ Tát nói: "Thưa Đại Đức, nếu có bệnh nhân, muốn thoát bệnh khổ, thì nên vì họ, thọ trì tám phần trai giới trong bảy ngày bảy đêm, tùy theo sức mình, sắm sửa ẩm thực và các thứ cần dùng khác cúng dường chư tăng.

Lời giảng:

Tiếp theo, giảng rõ hơn Pháp thọ trì và cúng dường. Như thường lệ, phải có người thỉnh pháp mới được ứng đáp, nên Ngài A Nan phải thỉnh Pháp.

Lúc ấy, A Nan hỏi Cứu Thoát Bồ Tát rằng: "Thiện nam tử,

Có ai hơi lạ tại sao Ngài A Nan lúc đó chỉ là A La Hán mà gọi Cứu Thoát Bồ Tát là "thiện nam tử" không? Do vì vị Bồ tát này có tướng người tại gia nên Ngài A Nan chỉ cần xưng hô như vậy.

nên cung kính cúng dường đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai như thế nào? Đền và tục mạng phan phải làm cách nào?"

A Nan còn có thắc mắc, làm sao tạo đền và phan? Đây thật là do tâm muốn thay thế chúng sinh thỉnh Pháp.

Bồ Tát đáp ứng lời thỉnh: 1) giảng phương pháp cúng hình tượng 2) giải thoát khó khăn và hiểm nghèo 3) Vấn đáp.

Giảng cách cúng dường hình tượng.

Cứu Thoát Bồ Tát nói: "Thưa Đại Đức đây là từ thân phận người tại gia bầm với người xuất gia; đại đức là tên chung của các vị Tỳ Kheo, nếu có bệnh nhân, muốn thoát bệnh khổ, thì gia đình quyến thuộc nên vì họ, thọ trì tám phần trai giới trong bảy ngày bảy đêm, tùy theo sức mình tùy theo khả năng mà cúng dường, sắm sửa ẩm thực và các thứ cần dùng khác cúng dường chư tăng.

Lời Kinh:

ngày đêm sáu thời, lễ bái hành đạo, cúng dường đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, đọc tụng kinh này bốn mươi chín biến, thắp bốn mươi chín ngọn đèn, tạo bảy hình tượng Như Lai, trước mỗi hình tượng bày bảy ngọn đèn, mỗi ngọn lớn như bánh xe, đốt luôn bốn mươi chín ngày, đừng cho tắt; còn thần phan thì làm bằng hàng ngũ sắc, bề dài bốn mươi chín gang tay, nên phóng sanh cho đến bốn mươi chín thứ loài vật, thì có thể tai qua khổ ách thoát, không còn bị các hoạn ác quỷ trì.

Lời giảng:

ngày đêm sáu thời

Ban ngày chia làm ba thời, ban đêm cũng có ba thời: sơ, trung và hậu; vậy mỗi thời gồm có ba tiếng.

Hành lễ bái lạy hành đạo tu hành, như trì Dược Sư thần chú,

Tùy theo khả năng mà cúng dường đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai,

đọc tụng kinh này bốn mươi chín biến lần, thắp bốn mươi chín ngọn đèn, tạo bảy hình tượng Như Lai, trước mỗi hình tượng bày bảy ngọn đèn, mỗi ngọn lớn như bánh xe lớn nhỏ không nhất định, đốt luôn bốn mươi chín ngày, đừng cho tắt; nhớ đừng cho đèn dầu tắt.

Lại treo phan: **còn thần phan thì làm bằng hàng ngũ sắc** dùng các vật liệu có ngũ sắc: 1. Xích: đỏ 2. Bạch: trắng 3. Hắc: đen 4. Thanh: xanh 5. Hoàng: vàng; tượng trưng cho ngũ uẩn, **bề dài bốn mươi chín gang tay**, đời xưa bên Ấn Độ, thường dùng gang tay đo từ ngón cái đến ngón tay giữa để làm đơn vị đo lường. Người thường thì một đơn vị, gang tay đức Phật thật ra bằng hai gang tay chúng ta. Ở đây có thể coi là khoảng một thước tám tấc. Đơn vị thiết ra không cần phải quá chú trọng, quan trọng là biết cực kỳ thành tâm cúng dường thì sẽ có cảm ứng.

nên phóng sanh cho đến bốn mươi chín thứ loài vật, đủ thứ loài vật: bay, lội, đi, bò v.v...; nhất là đừng mua với tâm phân biệt.

Cúng dường như thế thì sẽ được giúp: **thì có thể tai qua vượt qua tai nạn khổ ách thoát** khỏi các sự khổ sở và khó khăn, **không còn bị các hoạn tử**: chết bất đắc kỳ **ác** và gian, tâm muốn gia hại, hành hạ **quỉ thần trì**.

“Tri”: nghĩa là 1. Cầm nắm: thiếu tự tại 2. Chống kháng: bị làm khó dễ 3. Cai quản: bị hành, thất điên bát đảo.

Người bệnh sẽ không còn bị nguy hiểm tính mạng. Không còn bị các loại quỉ thần hại như bị chết đuối, chết cháy, tai nạn xe cộ tàu bay v.v...

Tụng kinh có thể giúp khai huệ và đoạn chấp trước nên tạo vô lượng công đức. Chấp trước làm chúng ta bị mê hoặc, tạo nghiệp và lãnh hậu quả. Nếu phá được chấp trước thì các nghiệp đều được tiêu tan. Vì thế nên đức Phật giảng kinh để phá chấp trước. Cuối cùng, phải biết cẩn thận.

Chấp trước dù chỉ vi tế thôi cũng rất tai hại. Nếu phá được chấp trước vi tế thì sẽ đắc giải thoát và được vô lượng công đức.

Lời Kinh:

Lại nữa A Nan, nếu có sát đế ly vương quán đánh đặng, gặp thời tai nạn như: nhân dân bị bệnh dịch, nước khác xâm bách, nội phản nghịch, tinh tú biến quái, nhật thực nguyệt thực, mưa gió trái mùa, quá thời không mưa, thì sát đế ly vương quán đánh đặng, lúc đó nên đối nhất thiết hữu tình, khởi từ bi tâm, ân xá cho tội nơn bị giam cầm, rồi y theo cúng dường đã nói trước mà cúng dường đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Thì do căn lành này và nhờ sức bổn nguyện của đức Dược Sư khiến trong nước liền được an ổn, mưa hòa gió thuận, lúa thóc được mùa, tất cả hữu tình đều vô bệnh hoan lạc, trong nước không có bạo ác, Dược Xoa đặng thân, não chư hữu tình. Tất cả ác tướng đều ẩn mất. Các sát đế ly vương quán đánh đặng, mạng thọ sắc sức, vô bệnh tự tại, tất cả đều thêm lợi ích.”

Lời giảng:

2) Giải thoát các tai nạn và khổ ách: 2.1) nạn đế vương 2.2) nạn hoàng hậu, hoàng tử, hầu, thân, và dân 2.2.1) tả nạn 2.2.2) tu phước đức 2.2.3) đắc giải thoát.

Lại nữa A Nan, nếu có sát đế ly vương quán đánh đặng,

“Sát đê ly” là giòng vương tước của Ấn Độ thời xưa. Cùng với Bà la môn, giòng tu sĩ, hợp thành giòng thượng lưu và lãnh đạo xã hội.

“Quán đảnh”: giòng Sát đê ly vương tộc, khi thái tử được phong làm vua, thường dùng thủ tục quán đảnh. Họ lấy nước của tứ đại hải bỏ vào trong bình và rảy trên đầu vị tân vua. Thời đại sau này còn đặt vương miện trên đầu.

Gặp thời tai nạn như: nhân dân bị bệnh dịch bệnh truyền nhiễm như “cảm chim bird flu”, dịch tả hoặc, **nước khác xâm** lăng và ức **bách** dọa lui dọa tới, **nội** ở trong nước có tạo **phản nghịch** không tuân theo lời vua, **tinh tú biến đổi** hoặc có hiện tượng **quái** dị như sao chổi bay gần địa cầu, sao có hình dáng quái lạ như quá to, có vòng sáng xung quanh v.v... thường là hiện tượng của tai nạn đang xảy ra, **nhật thực** mặt trời bị ăn **nguyệt thực** mặt trăng bị ăn, **mưa gió trái mùa** gió mưa không điều thuận, quá nhiều bão tố, **quá thời không mưa** hạn hán, nhiều năm liên tiếp mà ít mưa,

Có những hiện tượng trên thì phải lập tức tu phước.

lúc đó nên đối nhất thiết hữu tình với tâm không phân biệt, **khởi từ bi tâm** muốn ban vui và cứu khổ cho tất cả, **ân xá cho tội nơn bị giam cầm** miễn tội cho những người bị tù tội và thả ra tù, **rồi y theo cúng dường đã nói trước** mà **cúng dường đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai**.

Nhờ biết cúng dường nên được giải cứu.

Thì do căn lành này do những chủng tử thiện này và nhờ sức bốn nguyện của đức Dược Sư và nhờ nguyện lực của vị Phật này; nhờ Ngài Dược Sư Phật có nguyện làm “tiêu tai diên thọ (và tăng phước)” nên khiến trong nước liền được bình an và yên ổn, mưa hòa gió thuận mưa gió điều hòa,
lúa thóc được mùa trồng trọt được mùa,

Hồi xưa ở nước Kuru, Bồ Tát sinh làm thái tử. Khi trưởng thành, vua cha phong làm phó vương. Sau khi vua cha qua đời được nối ngôi. Vị vua này chuyên môn giữ pháp Kuru chính đáng: bây giờ gọi là ngũ giới. Không những đức vua giữ giới mà hoàng mẫu, hoàng hậu, hoàng đệ, phó vương, quân sư, ..., nô tỳ đều giữ giới cả.

Mọi người đều cố giữ giới thanh tịnh.

Nhà vua còn xây sáu chỗ bố thí: bốn chỗ ở nơi bốn cửa thành, một ở trung tâm thành và một ở ngay cung điện. Mỗi ngày nhà vua phát ra rất nhiều tiền của. Cả nước Ấn Độ đều biết danh đức của nhà vua nước Kuru.

Một lúc, nước Kalinga bị hạn hán nên cả nước âu lo: thiếu nước, sợ đói và bệnh dịch. Dân chúng bèn đến nhà vua Kalinga cầu cứu. Vua Kalinga hỏi: lúc trước các bậc đế vương làm gì khi có hạn hán?

Quân sư tâu: họ bố thí, ăn chay, nguyện giữ đạo đức, nằm ngủ trên giường cỏ bảy ngày thì sẽ có mưa.

Vua Kalinga làm như thế nhưng vẫn không mưa, bèn hỏi: “Trẫm đã làm như lời khuyên mà vẫn không có hiệu quả, có cách gì khác không?”

“Thưa bên nước Kuru có con quốc tượng: voi của nhà vua. Nếu đem voi về được thì sẽ mưa.” Cung thần tâu.

“Nhưng quân họ mạnh như vậy thì làm sao mà lấy được quốc tượng?” Vua Kalinga hỏi.

“Không cần đâu. Vua Kuru rất thích bó thí. Nếu đến xin thì Ngài cũng sẵn sàng móc mắt cho hoặc cho cả nước hưởng gì con voi!”

“Vậy ai có thể xin được?”

“Bẩm giòng Bà La Môn biết cách.”

Vua Kalinga chọn bảy vị Bà La Môn trưởng lão và đưa tiền sai họ đi mượn voi.

Các vị Bà La Môn sốt sáng ra đi, đi ngày đi đêm. Sau vài ngày đến nước Kuru. Họ mới ăn nghỉ, tắm rửa rồi đến một chỗ bó thí tại cửa thành hỏi chừng nào nhà vua đến bó thí. Nhân viên báo cho biết là đặc biệt hôm sau là rằm nên nhà vua sẽ đích thân đến bốn cửa thành bó thí.

Ngày hôm sau, vua Kuru mặc vương phục, cỡi quốc tượng, dẫn phái đoàn ra cửa thành bó thí.

Nhóm Bà La Môn thấy tùy tùng nhà vua quá đông nên phải đứng từ xa mà hô hào xin gặp. Vua Kuru nghe được nên khiến voi đi về phía nhóm Bà La môn hỏi: “Chư Bà La Môn, quý vị muốn gì?”

Người Bà La Môn đáp: “Tâu Bệ Hạ, chúng con từ nước Kalinga đến. Đường xa nên tiền đã xài hết. Nay cần mượn quốc tượng đem về nước.”

Vua Kuru nói: “Không sao! Vì có thành tâm dùng hết tiền để kiếm voi, thì trăm sẵn sàng cho voi.”

Vua bèn xuống voi, đi quanh voi một vòng để chinh các đồ trang sức và đưa voi cho nhóm Bà La Môn.

Các vị Bà La Môn cỡi voi về nước Kalinga nhưng vẫn không mưa.

Các tôi thần mới tâu: vua Kuru giữ giới nên ở đó khoảng mười ngày thì mưa. Đó chắc là vì đức của nhà vua.

Vua Kalinga mới nói: “Nếu vậy thì con voi chưa đủ đức nên không đem lại mưa cho nước chúng ta. Hãy đem voi trả lại vua Kuru và xin vua viết ngũ giới trên đĩa vàng và thỉnh về nước.”

Các vị Bà La Môn dẫn voi về nước Kuru đến trình nhà vua và nói: “Thưa Bệ Hạ, chúng tôi cần được giúp cho mưa. Nhưng quốc tượng này không có hiệu quả. Vua chúng tôi nghe rằng nếu giữ giới Kuru thì sẽ có mưa, nên sai chúng

tôi đến xin trả lại quốc tượng và nhờ Ngài viết giới Kuru trên đĩa vàng đem về cho đức vua Kalinga coi.”

Vua Kuru nói: “Được! Trẫm sẵn sàng viết. Nhưng e rằng không toại nguyện đâu vì đang có nghi vấn. Vốn là mỗi lần có đại lễ đầu năm, như thường lệ nhà vua dùng cung bắn tên tứ phương. Lần cuối, bắn thì có một tên rơi xuống hồ mà tìm không ra. Trẫm ngại là có thể trúng cá. Nếu như vậy thì giữ giới không được thanh tịnh. Tốt hơn là quý vị nên đến hoàng mẫu xin biên.”

Bà La Môn nói: “Đại vương, tâm Ngài đâu có ý giết mà phạm được!”

Nhưng họ vẫn theo lời đến gặp hoàng mẫu nói: “Nhà vua nói phu nhân giữ giới rất thanh tịnh nên xin nhờ truyền giới lên đĩa vàng.”

Hoàng mẫu nói: “Đúng! Tôi có giữ nhưng có bị nghi vấn làm tôi không an tâm. Vì sao? Gần đây, có người đến tặng chuỗi vàng và hương chiên đàn (nước hoa thời xưa). Tôi đem chuỗi vàng cho con dâu cả vì nó là hoàng hậu, còn hương phấn thì cho con dâu em vì nó nghèo hơn và là vợ của hoàng đệ. Sau đó tôi mới chợt tỉnh: sao giữ giới mà còn phân biệt giàu nghèo, giai cấp? Như vậy là giới không được thanh tịnh. Tôi sẵn sàng truyền giới nhưng quý vị nên đến hoàng hậu mà xin vì bà ta rất thanh tịnh.”

Bà La Môn nói: “Đồ cho xong là tùy hỷ xử dụng. Vậy mà hoàng mẫu còn chú ý tới chi tiết nhỏ nhặt như thế thì còn có thể phạm lỗi lầm gì khác nữa!”

Họ đến hoàng hậu xin. Hoàng hậu đồng ý, biên giới nhưng cũng nói: “Tôi không khỏi có nghi vấn. Nay thì không thể giấu được nữa. Lúc trước đức vua đi ngang, phía sau có phó vương đi theo. Tôi thoáng nhìn phó vương, trông thấy đẹp trai nên sanh vọng tưởng: nên tìm cách làm quen để nếu nhà vua qua đời thì phó vương sẽ cưới tôi làm hoàng hậu, như vậy thì quá tốt! Sau tôi mới thức tỉnh: vậy là không tốt. Quý vị nên đến phó vương xin giới.”

Nhà Bà La Môn đồng nói: “Chỉ là vọng tưởng thôi lại còn biết hối hận. Hoàng hậu chắc chắn không mất đức vì phạm một vết nhỏ như vậy!”

Đến phiên phó vương thì chịu truyền nhưng rồi cũng có nghi vấn và khuyên nên xin giới ở quân sư.

Như thường lệ phó vương đến thăm vua xế chiều. Nếu phó vương tính ở lại đêm thì thường bỏ găng tay và roi quất ngựa trong xe; người mã phu và lính hầu cận sẽ biết mà về trước, sáng sau đến sớm đợi phó vương ra cung vua để chờ thăng tới văn phòng. Ngược lại, nếu phó vương tính không ngủ đêm tại cung vua thì sẽ để găng tay bên ngoài; mã phu và lính sẽ biết và đứng đợi bên xe ngựa để đưa phó vương về. Ngày đó, phó vương tính về nên bỏ găng tay ở ngoài. Vào trong viếng thăm vua thì trời mưa nên nhà vua giữ lại không cho về. Sáng hôm sau ra xe mới khám phá rằng thuộc hạ đứng đợi cả đêm dưới mưa. Phó vương hối hận và tự trách là thiếu đức vì đã làm thuộc hạ cực khổ bị ướt dầm dề.

Các vị Bà La Môn phản đối, nói: “Thượng nhân tự trách vì một chuyện quá nhỏ nhặt.”

Họ lại viếng thăm quân sư xin giới. Quân sư cho giới nhưng cũng có nghi vấn, khuyên các vị Bà La Môn đến lấy nơi đại thần.

Từ từ, các vị Bà La Môn phải viếng từ vua cho đến người có địa vị thấp nhất là nô tỳ. Nhưng mỗi người đều có sự đắn đo, sợ giới thể không được vẹn toàn.

Cuối cùng, nhóm Bà La Môn đem đĩa vàng về trình vua Kalinga. Nhà vua theo giới mà giữ. Và mưa khắp cả nước. Đất thành phì nhiêu và dân chúng phát đạt.

Các vị giữ giới Kuru đều sinh cõi thiên hưởng lạc.

Có một số người chỉ trích câu chuyện: tại sao lại cho tùy tùng phó vương đợi dưới mưa trâu đêm? Một sư cô nghĩ là hơi quá đáng. Cô sẽ tìm chỗ trú mưa vì như vậy thì có thể phục vụ cho chủ nhân hay hơn vì không bị cảm lạnh và mạnh khỏe. Nhiều người đồng ý với sư cô. Tôi lại nghĩ khác. Tôi lại thấy lòng trung thành của nhóm tùy tùng quá đáng phục. Họ thật nhất tâm. Họ chỉ biết nhất tâm chờ chủ và không màng ngoại sự. Đó là do lòng cung kính mà sinh chuyên tâm. Đó là lòng trung thành!

tất cả hữu tình vô bệnh ngay những bệnh dịch cũng được miễn **hoan lạc** nhân dân hạnh phúc, **trong nước không có** chuyện hung **bạo ác** độc như giặc khủng bố, ám sát, **Dược Xoa** loài quỷ đi rất nhanh, còn nhanh hơn phi tiên **đăng**

hoặc **thần** làm quái, tạo phiền não và gia hại **chư hữu tình** chúng sinh. **Tất cả ác tướng đều ẩn** trốn hoặc **mất** tiêu tan. **Các sát đế lỵ vương quán đẳng đẳng, mạng thọ** được tăng tuổi thọ **sắc tướng tốt** đẹp và có **sức khỏe, vô bệnh** không bệnh hoạn và an nhiên **tự tại** ít bị phiền muộn,

tất cả đều thêm lợi ích.”

Nói tóm lại, mọi sự đều tốt đẹp và tốt hơn. Đây là phần tăng phước của Pháp Dược Sư.

Lời Kinh:

A Nan, nếu các hoàng hậu, hoàng phi, công chúa, thái tử, vương tử, đại thần phụ tướng, thể nữ trong cung, bá quan và thứ dân mà bị bệnh khổ cùng những ách nạn khác, thì cũng nên tạo lập ngũ sắc thần phan, chong đèn sáng luôn, phóng chư chúng sanh, rải hoa đủ sắc, đốt các danh hương, bệnh sẽ được tiêu trừ và thoát các tai nạn.

Lời giảng:

Khó khăn của hàng hoàng hậu, hoàng tử, bách quan v.v...

A Nan, nếu các hoàng hậu, hoàng phi, công chúa, thái tử, vương tử như chư bá hầu, đại thần trong triều **phụ tướng** hàng quan tướng thuộc hạ của các đại thần, **thể nữ trong cung** hầu hạ cho hoàng hậu, vương phi và công chúa, **bá quan** văn võ các quan tướng, **và thứ dân** dân chúng trong nước.

Thì nên lập phước.

thì cũng nên tạo lập ngũ sắc thân phan, chong đèn 7 tầng đủ 49 cái sáng luôn dùng cho bị tắt, **phóng chur chúng sanh** phóng sanh nhiều loài thú vật, **rãi hoa đủ sắc** cúng đủ thứ hoa quả, **đốt các danh hương** đốt các thứ hương thượng hạng như hương chiên đàn,

Nếu biết phát tâm cúng dường như thế thì các **bệnh sẽ được tiêu trừ** sẽ được lành bệnh và **thoát các tai nạn** và tai qua nạn khỏi.

Lời Kinh:

Lúc ấy, A Nan hỏi Cứu Thoát Bồ Tát rằng: "Thiện nam tử, tại sao mạng tận mà có thể tăng ích được?" Cứu Thoát Bồ Tát nói: "Thưa Đại đức, ngài há không nghe Như Lai nói có chín thứ hoạn tử sao? Vậy nên khuyên làm phan và đèn tục mạng, tu các phước đức. Nhờ tu phước nên suốt đời không bị khổ sở hoạn nạn".

Lời giảng:

Thay mặt chúng hữu tình giải đáp nghi vấn.

Hỏi: Lúc ấy, A Nan hỏi Cứu Thoát Bồ Tát rằng: "Thiện nam tử, tại sao mạng tận 人命生死, 業數有定 mạng người thường đã được cố định: an bài và định sẵn rồi, **mà có thể** gia tăng, làm dài thêm và còn tăng trưởng ích lợi được?"

Đáp: Cứu Thoát Bồ Tát nói: "Thưa Đại đức, ngài há không nghe Như Lai nói có chín thứ hoạn tử có chín loại bất đắc kỳ tử sao?"

Thông thường, mạng chung tốt rất ít, hoạn tử lại rất nhiều. Vì thế nên phần lớn, lúc mạng chung khó mà kéo dài thọ mạng.

Người tu luyện thiên có thể tăng trưởng thọ mạng. Thọ mạng có thể kéo dài thêm một kiếp cho đến nhiều kiếp.

Vậy nên khuyên chư hữu tình làm thân phan và đèn tục mạng kéo dài sinh mạng và, tu các phước đức biết lập công và giữ đạo đức. Nhờ tu phước nên suốt đời cuộc đời còn lại này sẽ không bị khổ sở hoạn nạn".

Lời Kinh:

A Nan hỏi: "Chín thứ hoạn tử là gì?" Cứu Thoát Bồ Tát trả lời: "Chúng hữu tình nào bị bệnh tuy nhẹ, nhưng không y dược, không người khám bệnh, hoặc giả có gặp thầy lại cho lầm thuốc, nên không đáng chết mà lại chết ngang. Hoặc tin thể gian tà ma ngoại đạo, hạng thầy yêu nghiệt, vọng thuyết họa phước, nên lòng kinh động, tâm bất tự chính, coi bói tìm họa, giết đủ chúng sinh, giải tấu thân mình, hô van vọng lượng, cầu xin ban phước, mong cầu diên niên, rốt cuộc không thể nào được. Bởi ngu si mê hoặc, tin tà đảo kiến, nên bị hoạn tử, đọa vào địa ngục, không có xuất thời. Đây là hoạn tử thứ nhất.

Lời giảng:

A Nan hỏi: "Chín thứ hoạnh tử là gì?"

Ngài A Nan lại hỏi về các hoạnh tử.

Bồ Tát trả lời:

Cứu Thoát Bồ Tát trả lời: "Chúng hữu tình nào bị bệnh tuy nhẹ, nhưng không y được có thuốc uống, ví dụ như được toa thuốc nhưng không đủ tiền bốc thuốc, không người khám bệnh hoặc bị bệnh mà không có thầy thuốc khám hoặc không đủ tiền đi khám như không có bảo hiểm sức khỏe, hoặc giả có gặp thầy cũng có thể là được khám bệnh nhưng thầy thuốc vô tài nên cho thuốc trật hoặc cho đúng toa nhưng dược sĩ đưa lộn thuốc lại cho lầm thuốc hoặc cũng có thể bị cho uống thuốc giả,

Bệnh có ba loại:

1. Quả báo bệnh: bao gồm cả lục tầng trời Dục giới,
2. Ác nghiệp bệnh: có khắp Tam giới. Nếu giữ giới và tu thập thiện thì những bệnh ách này không khởi,
3. Phiền não bệnh: ngay đến cả Tam Thừa cũng bị. Cần cầu cứu thiện tri thức

nên không đáng lý chưa nên chết mà lại chết ngang sớm.

Hay là có thể hoạnh tử vì tạo ác nghiệp:

Hoặc tin theo nhiều người đòi **thế gian** mà theo **tà ma ngoại đạo**, hay là các **hạng thầy yêu quái**, quỷ quyệt, ác **nghiệt** thích làm chuyện ác, gây tai họa, làm loạn, làm giặc

v.v... **vọng thuyết** không biết mà nói là biết, quả quyết là đang nói lời chân chính: bàn về tai **họa** hoặc **phước** báo sắp đến, **nên lòng kinh động** nên tin đồ này lòng sinh ra sợ và tâm bị động, **tâm bất mất tự** tại và **chính** niệm, nên , đi **coi bói** cầu mong **tìm** cách tránh tai **họa**, vì nghe lời tâm bậy nên **giết đủ chúng sinh** giết gà mổ vịt giết đủ loại chúng sinh để, **giải** than van **tấu** cầu khẩn **thần minh** thần linh, quý sứ, **hồ** hào, kêu gào **van** lơn các loại **quỉ vọng lượng** 魍魎 giống yêu quái ở gỗ đá trong núi sông, hoặc các loại quỉ thần **cầu xin ban phước**, **mong cầu diên** kéo dài **niên** năm; “diên niên” có nghĩa là tặng thọ, **rốt cuộc không thể nào được** nhưng van xin cũng vô ích vì không thể có được: quỉ thần vô phương diên thọ, tặng phước!

Bởi ngu si mê tin **hoặc** hồ đồ, **tin tà** đạo hoặc có **đảo kiến** kẻ có kiến thức điên đảo,

Phàm phu có bốn loại điên đảo:

1. Thường **常顛倒** (nitya-viparyāsa, không thường trực mà tưởng là thường trực) 、
2. Lạc **樂顛倒** (sukha-viparyāsa, không lạc mà gọi là lạc) 、
3. Ngã **我顛倒** (ātma-viparyāsa, không có ngã mà tin có ngã) 、
4. Tịnh **淨顛倒** (śuci-viparyāsa, bất tịnh mà tưởng là tịnh) 。

nên bị hoạn tử bất đắc kỳ tử, đọa vào địa ngục, không có xuất thời không biết lúc nào mới xuất thoát được. Đây là hoạn thứ nhất.

Lời Kinh:

Hai là bị vương pháp tru lục; ba là săn bắn chơi giỡn, đam dâm ham rượu, phóng túng vô độ, bị phi nhân đoạt mất tinh khí; bốn là bị chết thiêu; năm là bị chết đấm; sáu là bị các thú dữ ăn thịt; bảy là đọa sơn nhai; tám là bị đầu độc, yếm trừ chú trớ, và quỷ tử thi đẳng trúng hại; chín là bị đói khát khốn khổ mà chết.

Đó là chín thứ hoạn tử của Như Lai nói. Còn những thứ hoạn tử khác nhiều vô lượng không thể nói hết được.

Lời giảng:

Hai là bị vương pháp luật nhà vua tru trừng trị lục xử tử. Có thể là vì 侵害他人權利 xâm hại tha nhân quyền lợi: xúc phạm hoặc đả phá quyền lợi người khác nên bị luật pháp trừng trị hoặc giết. Đây có thể từ tiền nghiệp duyên 先業緣: của đời trước hoặc hiện phát duyên 現發緣: của đời này. Do nghiệp sát tạo ra quả báo: nên tu phước để cứu vãn;

Ba là săn bắn. Người săn giết nai, chim, gấu và các loại thú vật để mua vui. Khi thấy súc vật đau đớn chết chóc làm sao có niềm vui được? Hoặc có người chơi giỡn, đam dâm làm chuyện dâm dục ham rượu uống rượu quá độ,

phóng túng vô độ không có tự chủ nên tâm thần tán loạn, không theo nề nếp, **bị phi nhân** quỷ thần **đọa mất tinh khí**. Đây là do túng dục vô độ 縱慾無制，往往誤死: chơi bời quá độ mà chết. Do đã tạo nghiệp bức não tha tăng thượng quả 逼惱他增上果: bức bách, làm phiền não người;

Bốn là bị chết thiêu

bị chết cháy. Do đốt cháy chúng sinh 焚燒有情增上果 ; như thiêu đốt BBQ chúng sinh.

Năm là bị chết đuối

chết đuối. Do đã chìm chết chúng sinh 漂流有情增上果 ; như bị uống rất nhiều nước nên bụng phồng to như trống rồi chết.

Sáu là bị các thú dữ ăn thịt

như bị chó sói, cọp hoặc cá sấu ăn. Do ăn thịt chúng sinh 食肉有情增上果; như đã từng ăn óc khi, tay gấu, cá sổng nên bây giờ bị ác thú cắn, tranh dành, cầu xé mà ăn.

Bảy là đọa rớt xuống **son** núi hoặc **nhai** ven núi, vực thẳm. Do bảy đọa chúng sinh 陷墮有情增上果; rớt núi có thể vì:

1. Tự nhảy 自墮
2. Bị đẩy 人堆
3. Núi sập 山崩

4. Thú bức 獸逼.

Tám là bị đầu độc, qui yếm đề mà chết ngộp trong mộng trừ ẻm bùa chú trớ nguyên rủa, và **qui tử thi** qui nhập tử thi và theo lời điều khiển đến hái **đăng trúng** bùa ngải và bị gia **hại**. Do đã dùng độc dược yếm chú 行毒藥厭咒增上果; vì đã từng đầu độc, bóp ngộp thờ, trừ ẻm người.

Chín là bị đói khát khốn khổ chết đói chết khát vì không có thức uống và thức ăn mà **chết**. Do đoạt của chúng sinh 奪有情增上果.

Đó là chín thứ hoạn tử của Như Lai nói. Còn những thứ hoạn tử khác nhiều vô lượng không thể nói hết được.

Như Lai chỉ nói đến chín loại bất đắc kỳ tử. Thật ra, còn có vô lượng hoạn tử khác.

Lời Kinh:

Lại nữa A Nan, Diêm Ma Vương là chủ lãnh thế gian danh sách sổ bộ. Nếu chư hữu tình nào bất hiếu ngũ nghịch, phá nhục Tam Bảo, hoại pháp vua tôi, hủy các tín giới, thì Diêm Ma pháp vương tùy tội nặng nhẹ, mà khảo phạt. Vì thế nay Ta khuyên chư hữu tình nên thấp đèn làm phạn, phóng sanh tu phước, khiến độ khổ ách, khỏi gặp chúng nạn.

Lời giảng:

Lại nữa A Nan, Diêm Ma Vương là chủ lãnh thế gian danh sách sổ bộ.

Diêm Ma Vương là một vị vua cõi âm, cai quản sổ sách ghi chép lại tên và các nghiệp của chúng hữu tình cõi thế gian này để quyết định cho họ đổi lấy thân gì đời sau tùy theo nghiệp lực.

Chúng sinh trong cõi Tam giới này chưa liễu phiền não. Trong quá khứ, Vô Văn Tỳ kheo tu thiền, đạt được tứ thiền mà vì tăng thượng mạng (ngạo mạn) nên định ninh là đạt được Tứ quả A La Hán, lúc mạnh chung thấy linh hồn sinh vào cõi trời, nên sinh tâm phỉ báng, trách đức Phật đã nói dối (định ninh Tứ quả nên không thể nào còn sinh tử được), nên bị đọa địa ngục. Nếu sinh cõi trời hưởng lạc, khi thiên phú hết cũng sẽ đọa.

Nếu chư hữu tình nào bất hiếu không biết hiếu thảo với cha mẹ và sư trưởng.

ngũ nghịch, năm tội rất nặng:

1. Giết cha
2. Giết mẹ
3. Giết A La Hán (thỉnh thoảng còn gọi là giết A Xà Lê)
4. Phá hòa hợp tăng
5. Làm thân Phật chảy máu

phá hoại nhục mạ Tam Bảo, hủy hoại pháp vua tôi, hủy hoại các tín giới luật, thì Diêm Ma pháp vương tùy tội nặng nhẹ, mà tra khảo và trừng phạt: quyết định nên đày đi cõi nào.

Vì thế nay Ta khuyên chư hữu tình nên **thấp** 49 ngọn đèn tục mạng **làm** thân **phan, phóng sanh** đủ thứ động vật **tu phước** tu đức, biết tu theo Pháp Dược Sư thì sẽ **khiểm độ** vượt qua đờc các **khổ** sở và **ách** khó khăn, **khởi gặp** **chúng** hoạn **nạn**.

Muốn có bảo hiểm thì nên tích lũy phước Dược Sư!

Không Tử nói rằng quân tử có ba loại sợ:

1. Thiên mệnh 天命: lệnh của cõi trời
2. Đại nhân 大人: người có địa vị quyền thế
3. Thánh nhân chi ngôn 聖人之言: lời nói của thánh nhân

Và cũng có ba loại cẩn thận:

1. Giới tại sắc: lúc trẻ thì nên tránh sắc dục
2. Giới tại đấu: lúc trưởng thành thì tránh đấu tranh
3. Giới tại đức: lúc lớn tuổi thì tránh tích tụ, ôm chấp

Phần Lưu thông

Lời Kinh:

Lúc ấy, trong Đại chúng có mười hai vị Dược Xoa đại tướng đều ngồi trong hội như: Cung Tì La đại tướng, Phạt Chiết La đại tướng, Mê Súy La đại tướng, An Đề La đại tướng, Át Nễ La đại tướng, San Đề La đại tướng, Nhơn Đạt La đại tướng, Ba Di La đại tướng, Ma Hổ La đại tướng, Chơn Đạt La đại tướng, Chiêu Đô La đại tướng, Tỳ Yết La đại tướng. Mười hai vị đại tướng này, mỗi vị đều có bảy ngàn Dược Xoa làm quyền thuộc, đồng cất tiếng bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay chúng tôi nhờ oai lực của Phật mà được nghe danh hiệu của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, không còn tâm sợ sệt đường ác thú nữa. Chúng con cùng nhau, đồng một lòng trọn đời qui y Phật, Pháp, Tăng, thề sẽ gánh vác cho nhất thiết hữu tình, làm việc nghĩa lợi, đem nhiều ích an lạc.

Lời giảng:

Bắt đầu phân lưu thông: 1) hộ pháp 2) thỉnh tên Kinh; lưu thông 3) tuân lệnh Phật.

Lúc ấy, trong Đại chúng có mười hai vị Dược Xoa đại tướng đều ngồi trong hội như:

Các vị đại tướng này, cầu Dược Sư Phật ở trên, độ chúng sinh ở dưới. Họ luôn tưởng niệm Phật ân và muốn báo đáp.

Họ không bao giờ quên: làm lợi cho chúng sinh và giúp đắc an lạc.

Mười hai vị đại tướng này là báo thân của Dược Sư Phật và hiện ra theo mười hai đại nguyện của Ngài.

Cung Tì La 宮毗羅 đại tướng: tên nghĩa là giao long, kim long thân thủ 蛟龍, 金龍身首. Trong 12 vị này, ông tướng này tích tụ nhiều phước nhất. Tôi sẽ kèm theo văn chữ Hoa để tham khảo sau.

宮毗羅大將——此大將的本地為彌勒菩薩，是亥時之守護神。通身赤色，現忿怒形，頭戴豬冠，右手執大刀橫于頭上，左手開掌當腰。

Phật Chiết La 伐折羅 đại tướng: tay nắm kim cang xú (杵 chùy),

伐折羅大將——此大將的本地為勢至菩薩，是戌時之守護神。通身青色，現忿怒形，頭髮茂盛聳上，頭戴狗冠，右手持劍，左手作拳當腰。

Mê Súly La 迷企羅 đại tướng: tên nghĩa là eo đeo kim đai 腰束金帶,

迷企羅大將——此大將的本地為阿彌陀如

來，是酉時之守護神。通身赤色，現忿怒形，頭戴雞冠，右手持獨鈷，左手作拳押下腹部。

An Đê La 安底羅 đại tướng: tên nghĩa là phá không sơn
破空山,
安底羅大將——此大將的本地為觀世音菩薩，是申時之守護神。通身赤色，現大忿怒形，頭戴猴冠，右手屈肘于右胸前開掌向前，屈左手，開掌，掌上放寶珠。

Át Nễ La 額你羅 đại tướng: tên nghĩa là hương chiên đàn
沉香,
額你羅大將——此大將的本地為摩利支天，是未時之守護神。通身白色，現忿怒形，頭髮上聳，頭戴羊冠，右手執箭羽，左手持矢根，將此箭彎成弓形。

San Đê La 珊底羅 đại tướng: tên nghĩa là loa nữ hình
螺女形, thân hình ốc, tràng hoa trên đầu giống vỏ ốc,
瑚底羅大將——此大將的本地為虛空藏菩薩，是午時之守護神。通身赤色，現忿怒形，頭戴馬冠，右手把三股戟，左手持螺

具。

Nhơn Đạt La 因達羅 đại tướng: tên nghĩa là năng thiên chủ 能天主, 亦云地持: vua trời có tài; cũng được gọi là địa trì: giữ đất,

因達羅大將——此大將的本地為地藏菩薩，是巳時之守護神。通身赤色，頭戴蛇冠，右手屈肘開掌，置于胸邊，左手執三股戟。

Ba Di La 波夷羅 đại tướng: tên nghĩa là kinh ngư 鯨魚: to như cá voi,

波夷羅大將——此大將的本地為文殊菩薩，是辰時之守護神。身呈白肉色，容貌忿怒，頭戴龍冠，右手屈臂，作拳攜矢，左手持弓。

Ma Hổ La 摩虎羅 đại tướng: tên nghĩa là mãng long 蟒龍: rồng trắng,

摩虎羅大將——此大將的本地為藥師如來，是卯時之守護神。通身青色，稍作忿怒相，頭髮赤色上聳，頭戴兔冠，右手做拳當腰，左手持斧。

Chơn Đạt La 真達羅 đại tướng: đầu có một sừng,

真達羅大將——此大將的本地為普賢菩薩，是寅時之守護神。現笑怒容貌，頭戴虎冠，右手捧寶珠，左手把寶棒。

Chiêu Đô La 招杜羅 đại tướng: tên nghĩa là nghiêm xí 嚴熾，又云殺者: cờ đẹp ; cũng được gọi là sát giả, 招杜羅大將——此大將的本地為金剛手菩薩，是丑時之守護神。通身赤色，現忿怒形，頭戴牛冠，右手把橫劍，左手開掌執劍尖。

Tỳ Yết La 毗羯羅 đại tướng: tên nghĩa là thiện nghệ 善藝: kĩ thuật tốt.

毗羯羅大將——此大將的本地為釋迦如來，是子時之守護神。通身青色，現忿怒形，頭戴鼠冠，右手下垂持三鈷，左手作拉右袖之形態。

Mười hai vị đại tướng này, mỗi vị đều có bảy ngàn Dược Xoa làm quyến thuộc,

$12 \times 7,000 = 84,000$

12 tượng trưng cho giải thoát khỏi 12 xứ (6 căn và 6 trần)

7,000 quyến thuộc tượng trưng cho chuyển 84,000 trần lao với 84,000 pháp môn.

Khác thân, khác khẩu mà **đồng cất tiếng bạch Phật** rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay chúng con nhờ oai lực của Phật mà được nghe danh hiệu của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, không còn tâm sợ sệt đường ác thú nữa. Chúng con cùng nhau, **đồng một lòng trọn đời qui y Phật, Pháp, Tăng**, chúng con thề sẽ gánh vác cho **nhất thiết hữu tình** không phân biệt, làm việc nghĩa theo giáo Pháp để làm lợi, đem nhiều đầy đủ ích tăng trưởng sự bình an và lạc thú.

Lời Kinh:

Tùy nơi nào hoặc làng, thành, nước, ấp, hoặc trong rừng vắng vẻ, nếu có kinh này lưu bố đến hay có người thọ trì danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai và cung kính cúng dường Ngài, thì chúng con cùng quyến thuộc sẽ hộ vệ người ấy, khiến thoát khỏi tất cả ách nạn và các mong cầu cũng đều được thỏa mãn. Nếu có bệnh ách, muốn cầu độ thoát thì cũng nên đọc kinh này và lấy chỉ ngũ sắc gút danh tự chúng con, khi được như nguyện thì mới mở gút ra".

Lời giảng:

Tùy nơi nào hoặc làng dụ cho lục nhập: sáu căn, sáu giác quan, thành dụ ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), nước dụ cho 18 giới (6 căn, 6 thức, 6 trần), **ấp** dụ cho 12 xứ (6 nhập, 6 trần), hoặc trong rừng vắng vẻ dụ lục trần,

nếu có kinh này lưu bố phân tán đến hay có người thọ trì danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai và cung

Kính cúng dường Ngài, thì chúng con cùng quyền thuộc sẽ hộ trợ và phòng vệ người ấy, khiến thoát khỏi tất cả ách khó khăn và tai nạn và các mong cầu cũng đều được thỏa mãn.

Nếu có bệnh tật hoặc ách gặp khó khăn, muốn cầu độ vượt qua và được giải thoát thì cũng nên đọc kinh này và lấy chỉ ngũ sắc gút danh tự chúng con, khi được như nguyện thì mới mở gút ra".

Ngũ sắc tượng trưng cho ngũ phương, mỗi phương có một con ma làm chủ. Cột gút tên 12 vị Dược Xoa đại tướng sẽ đem bình an lại chốn đó. Sau khi mãn nguyện thì nên thả gút để giải phóng chư qui thần.

Lời Kinh:

Lúc ấy đức Phật Thích Ca khen các vị Dược Xoa đại tướng rằng: “Thiện tai! Thiện tai! Đại Dược Xoa tướng, các người nghĩ muốn báo đáp ân đức của Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai nên mới phát nguyện làm những việc lợi ích an lạc cho tất cả chúng hữu tình".

Lời giảng:

1.2) Đức Phật khen và khuyên tiếp tục đem lợi lạc.

Lúc ấy đức Phật Thích Ca khen các vị Dược Xoa đại tướng rằng: “Thiện tai! Thiện tai! Lành thay, lành thay Đại Dược Xoa tướng, các người luôn luôn nghĩ muốn báo đáp ân đức của Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như

Lai nên mới phát nguyện làm những việc đem lợi ích bình an và thiên lạc cho tất cả chúng hữu tình".

Đừng bao giờ quên những nguyện đó.

Lời Kinh:

Lúc ấy, A Nan lại bạch Phật rằng: " Bạch Đức Thế Tôn, pháp môn này gọi là tên gì? Và chúng con làm sao phụng trì?"

Phật bảo A Nan: "pháp môn này gọi là Thuyết Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai bốn nguyện công đức, cũng gọi là thuyết Thập nhị thần tướng nhiều ích hữu tình kiết nguyện thần chú và cũng gọi là Bạt trừ nhứt thiết nghiệp chướng. Cứ nên như vậy mà trì".

Lời giảng:

2) Thỉnh tên Kinh.

A Nan nghĩa là “Khánh Hi” nên là người đặt câu hỏi:

Lúc ấy, A Nan lại bạch Phật rằng: " Bạch Đức Thế Tôn, pháp môn này gọi là tên gì? Và chúng con làm sao phụng cung kính tuân theo lời dạy mà thọ trì?"

Pháp môn: Pháp là tiêu chuẩn cho người thế gian theo 世人準則]. Môn nghĩa là cửa: để cho phàm phu và thánh nhân nhập Đạo 眾聖入道之通住處.

Phật bảo A Nan: "pháp môn này gọi là Thuyết Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai bổn nguyện công đức, cũng gọi là thuyết Thập nhị thần tướng nhiều ích hữu tình kiết nguyện thần chú họ dùng Dược Sư thần chú để giúp chúng sinh và cũng gọi là Bạt trừ nhưt thiết nghiệp chương.

"nghiệp chương": làm cản trở chúng ta, vì thế nên dùng pháp Dược Sư mà giải quyết. Pháp môn này có thể tiêu tai, diên thọ, bạt khổ, dữ lạc.

Cứ nên như vậy mà trì".

Theo như lời Kinh mà thọ trì.

Lời Kinh:

Khi đức Bạt Già Phạm nói lời ấy rồi, chư Bồ Tát Ma Ha Tát, và Đại Thịnh Văn, Quốc vương, Đại thần, Bà la môn, Cư sĩ, Thiên, Long, Dược Xoa, Kiên thất bà, A tố lạc, Yết lộ Trà, Khẩn nại Lạc, Mạc hô lạc Đà, nhân phi nhân đẳng, tất cả đại chúng, nghe đức Phật thuyết, đều hết sức vui mừng và tín thọ phụng hành.

Lời giảng:

Cuối cùng: y giáo phụng hành.

Khi đức Bạt Già Phạm nói lời ấy rồi, chư Bồ Tát và Ma Ha Tát Đại Bồ Tát, và Đại Thịnh Văn, Quốc vương, Đại thần, Bà la môn, Cư sĩ, Thiên, Long, Dược Xoa, Kiên thất bà, A tố lạc, Yết lộ Trà, Khẩn nại Lạc, Mạc hô lạc Đà, nhân người và phi nhân quỷ thần đẳng, tất cả đại

chúng, nghe đức Phật thuyết, đều hết sức vui mừng và tín phát lòng tin, không chút nghi ngờ thọ chấp nhận phụng cung kính tuân theo lời dạy mà thực hành.

Các vị nghe đức Phật thuyết Pháp môn này, tự nhiên sinh lòng đại hoan hỉ, và tiếp đó phát lòng tin mà thọ trì. Có như vậy mới có thể chứng đắc được.

Phật Pháp chú trọng cái hành.

Pháp môn Dược Sư gồm có:

1. Trì danh
2. Cúng dường
3. Tụng kinh
4. Trì chú

Tu theo Pháp môn này sẽ có mười lợi:

1. Thành Phật
2. Cải tà qui chánh
3. Đắc chủng chủng giới
4. Tứ cầu: trường thọ, nam/nữ, phước lộc, quan vị
5. Đắc vô tận: không thiếu thứ cần thiết
6. Trừ nhất thiết khổ
7. Chuyển nữ thành nam
8. Thiện sinh: sinh để dễ dàng, con thông minh, đoan trang
9. Vãng sanh: a. Nhân trung: phú quý b. Thiên trung: không đọa ác thú c. Tây Phương Cực Lạc d. Đông Phương Lưu Ly thế giới
10. Thoát ly Tam ác đồ: nếu trong ác thú thì được sinh làm người tu thiện hạnh chóng chứng Bồ đề

Đến đây kết thúc phần giảng Kinh Dược Sư. Tôi xin ngỏ lòng biết ơn những thí chủ đã đến nghe Kinh này. Nhiều người đặt câu hỏi rất hay nên thường giảng ra ngoài sự soạn. Nhiều khi có sự sơ sót, mong quý vị tha thứ và chỉ điểm cho.

Mong quý vị phát lòng tin và tu pháp môn Dược Sư để cũng hưởng được đại lợi. Những người đang hưởng phước Dược Sư, mong quý vị phát tâm rộng lưu truyền Đại Pháp để khỏi phụ trọng ân của Đức Phật Thích Ca.

Bên Trung Hoa, quận Tuyền 泉州, tại Thừa Thiên Tự 承天寺, có Giác Viên Pháp Sư 覺圓法師. Trước khi xuất gia, thân thể suy nhược và hay bị bệnh. Hai năm sau khi xuất gia vẫn thường bị nội bệnh, đa khổ và công việc không được thông suốt. Thầy nghe đến Pháp Dược Sư Phật. Nên nhất tâm tụng kinh, niệm hồng danh và lạy sám hối rất tinh tấn. Nên thân thể dần dần khỏe mạnh và mọi việc thành tựu mỹ mãn. Pháp Sư soạn rất nhiều sách về pháp Dược Sư: gom Kinh, chú thích, nghi lễ v.v... ấn tống và lưu thông để cảm niệm hồng ân Phật.

Kết thúc lược giảng Kinh Dược Sư.